

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa của ngành Xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh Kon Tum

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 05 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 01/TTr-SXD ngày 15 tháng 01 năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa ngành Xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh Kon Tum (có danh mục và nội dung chi tiết từng thủ tục hành chính kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế:

- Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố các thủ tục hành chính thuộc ngành Xây dựng áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố bổ sung các thủ tục hành chính mới ban hành và các thủ tục hành chính đã bãi bỏ thuộc ngành xây dựng áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Quyết định số 394/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố bổ sung các thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính đã sửa đổi, bổ sung và thay thế thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân cấp huyện áp dụng trên địa bàn tỉnh.

- Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thay thế thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh (Sở Xây dựng); Ủy ban nhân dân cấp huyện áp dụng trên địa bàn tỉnh.

- Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/thay thế và bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Xây dựng), Ủy ban nhân dân cấp huyện áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các sở, ban ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (t/h);
- Bộ Xây dựng (b/c);
- Cục kiểm soát TTHC - VPCP (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh Văn phòng, các PCVP UBND tỉnh;
- Các phòng thuộc Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TTHCC.

CHỦ TỊCH
Ký bởi: Ủy ban Nhân dân tỉnh Kon Tum
Cơ quan: Tỉnh Kon Tum
Thời gian ký: 21-02-2020 16:14:23



Nguyễn Văn Hòa

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA CỦA NGÀNH XÂY DỰNG THUỘC
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC
CÁC CẤP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM**

*(Kèm theo Quyết định số: 97 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

**PHẦN I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**A. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp
tỉnh (51 TTHC)**

STT	Tên thủ tục hành chính
I	Lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng
1	Thủ tục kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng và Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành
II	Lĩnh vực Giám định tư pháp xây dựng
1	Đăng ký công bố thông tin người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc đối với các cá nhân, tổ chức không thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Xây dựng, văn phòng giám định tư pháp xây dựng trên địa bàn được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép hoạt động
2	Điều chỉnh, thay đổi thông tin cá nhân, tổ chức thực hiện giám định tư pháp xây dựng đối với cá nhân, tổ chức do UBND cấp tỉnh đã tiếp nhận đăng ký, công bố thông tin
3	Bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng đối với cá nhân khác không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng
III	Lĩnh vực quản lý hoạt động xây dựng
1	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài
2	Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài
3	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài
4	Điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng;

STT	Tên thủ tục hành chính
	công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài
5	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài
6	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài
7	Cấp giấy phép xây dựng có thời hạn
8	Thủ tục thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh
9	Thẩm định báo cáo kinh tế-kỹ thuật/Báo cáo kinh tế-kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh của Báo cáo kinh tế-kỹ thuật
10	Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh
11	Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III
12	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân hạng II, III (đối với trường hợp bị thu hồi quy định tại điểm b, c, d Khoản 2 Điều 44a Nghị định số 100/2018/NĐ-CP: do giả mạo giấy tờ trong hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề; cho thuê, cho mượn, thuê, mượn hoặc cho người khác sử dụng chứng chỉ hành nghề; sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung chứng chỉ hành nghề)
13	Cấp nâng hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III
14	Điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III
15	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân hạng II, III do lỗi của cơ quan cấp.
16	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III (trường hợp chứng chỉ mất, hư hỏng, hết hạn)
17	Chuyên đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III của cá nhân nước ngoài
18	Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III
19	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, III
20	Điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, III (về lĩnh vực hoạt động và hạng)
21	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam (thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C)
22	Điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam (thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C)
IV	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản
1	Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản
2	Cấp lại (cấp đổi) chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng hoặc cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do hết hạn (hoặc gần hết hạn)
3	Chuyên nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do UBND cấp tỉnh, cấp huyện quyết định việc đầu tư
4	Chuyên nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do Thủ tướng Chính phủ quyết định việc đầu tư

STT	Tên thủ tục hành chính
V	Lĩnh vực nhà ở và công sở
1	Gia hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam cho cá nhân, tổ chức nước ngoài
2	Lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP
3	Cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước
4	Cho thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước
5	Thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp tỉnh
6	Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh quy định tại Khoản 5 Điều 9 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP
7	Cho thuê nhà ở sinh viên thuộc sở hữu nhà nước
8	Thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, thuê mua
9	Công nhận hạng/công nhận lại hạng nhà chung cư
10	Bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước
11	Công nhận điều chỉnh hạng nhà chung cư
12	Thẩm định giá bán, thuê mua, thuê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng theo dự án bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên phạm vi địa bàn tỉnh
13	Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh theo quy định tại Khoản 6 Điều 9 của Nghị định 99/2015/NĐ-CP
VI	Lĩnh vực phát triển đô thị
1	Chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị; dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh
2	Điều chỉnh các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị; dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh
3	Chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình trong khu vực hạn chế phát triển hoặc nội đô lịch sử của đô thị đặc biệt.
4	Lấy ý kiến của các sở: Quy hoạch kiến trúc, Xây dựng, Văn hóa Thể thao và Du lịch đối với các dự án bảo tồn tôn tạo các công trình di tích cấp tỉnh
VII	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật
1	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh
VIII	Lĩnh vực quy hoạch xây dựng kiến trúc
1	Thẩm định đô án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh
2	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh
IX	Lĩnh vực vật liệu xây dựng
1	Công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng

B. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện (07 TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính
I	Lĩnh vực quản lý hoạt động xây dựng
1	Cấp Giấy phép xây dựng (<i>Giấy phép xây dựng mới, giấy phép sửa chữa, cải tạo, giấy phép di dời công trình</i>) đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô

	thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh.
2	Cấp giấy phép xây dựng có thời hạn đối với công trình, nhà ở riêng lẻ.
3	Điều chỉnh, gia hạn, cấp lại Giấy phép xây dựng đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh
4	Thẩm định Báo cáo kinh tế-kỹ thuật/Báo cáo kinh tế kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh của Báo cáo kinh tế-kỹ thuật
5	Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh (quy định tại Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP)
II	Lĩnh vực quy hoạch xây dựng kiến trúc
1	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện
2	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện

Tổng cộng: 58 Thủ tục hành chính

PHẦN II
NỘI DUNG CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP TỈNH

I. Lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng

1. Thủ tục: Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng và Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1. Tối thiểu trước 10 ngày so với ngày chủ đầu tư dự kiến tổ chức nghiệm thu đưa công trình, hạng mục công trình vào sử dụng, chủ đầu tư phải gửi báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính</p> <p>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.</p> <p>Bước 2. Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thông báo bằng văn bản về kế hoạch kiểm tra.</p> <p>Bước 3. Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành tổ chức kiểm tra theo kế hoạch và ra văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu của chủ đầu tư trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi kết thúc kiểm tra (<i>Trong trường hợp chủ đầu tư phải thực hiện giải trình, khắc phục các tồn tại (nếu có), thí nghiệm đối chứng, thử tải, kiểm định chất lượng bộ phận, hạng mục, công trình theo yêu cầu của cơ quan chuyên môn về xây dựng thì thời hạn nêu trên được tính từ khi chủ đầu tư hoàn thành các yêu cầu này</i>).</p> <p>Bước 4. Chủ đầu tư nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ:</p> <p>- Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng (<i>theo mẫu-bản chính</i>).</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết:	Không quá 10 ngày kể từ khi kết thúc kiểm tra
Đối tượng thực hiện:	Chủ đầu tư
Cơ quan thực hiện:	Sở Xây dựng, Sở quản lý chuyên ngành.
Kết quả:	Văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng
Phí, Lệ phí:	Không.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	- Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng (<i>mẫu số 02 Phụ lục V Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Không.
Căn cứ pháp lý:	<p>- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014.</p> <p>- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng.</p>

PHỤ LỤC V

Mẫu số 02.

Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng
(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng)

..... (1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO HOÀN THÀNH THI CÔNG XÂY DỰNG HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Kính gửi : (2).....

..... (1)..... báo cáo kết quả nghiệm thu hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng với các nội dung sau:

1. Tên hạng mục công trình, công trình xây dựng:.....
 2. Địa điểm xây dựng
 3. Quy mô hạng mục công trình, công trình xây dựng: (nêu tóm tắt về các thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình).
 4. Danh sách các nhà thầu (tổng thầu xây dựng, nhà thầu chính: khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, thi công xây dựng, giám sát thi công xây dựng).
 5. Ngày khởi công và ngày hoàn thành (dự kiến).
 6. Khối lượng của các loại công việc xây dựng chủ yếu đã được thực hiện.
 7. Đánh giá về chất lượng hạng mục công trình, công trình xây dựng so với yêu cầu của thiết kế.
 8. Báo cáo về việc đủ điều kiện để đưa hạng mục công trình, công trình xây dựng vào sử dụng.
 9. Kèm theo báo cáo là danh mục hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng.
- Đề nghị(1).... tổ chức kiểm tra hạng mục công trình, công trình xây dựng theo thẩm quyền./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
CHỦ ĐẦU TƯ**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu ...

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)

Ghi chú:

(1) Tên của chủ đầu tư.

(2) Tên cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư theo thẩm quyền quy định tại Khoản 2 Điều 32 Nghị định 46/2015/NĐ-CP.

II. Lĩnh vực giám định tư pháp xây dựng

1. Thủ tục: Đăng ký công bố thông tin người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc đối với các cá nhân, tổ chức không thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Xây dựng, văn phòng giám định tư pháp xây dựng trên địa bàn được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép hoạt động

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1. Cá nhân cung cấp thông tin theo Phụ lục 1 kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BXD; tổ chức tư vấn, văn phòng giám định tư pháp xây dựng cung cấp thông tin theo Phụ lục 2 kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BXD gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút).</p> <p>Bước 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức kiểm tra, xem xét hồ sơ thông tin đăng ký công bố.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ thông tin đăng ký công bố chưa đầy đủ, hợp lệ, trong vòng 7 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi văn bản đề nghị cá nhân, tổ chức, bổ sung hoàn thiện theo quy định.</p> <p>Bước 3. Trong thời gian 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố người giám định tư pháp xây dựng, tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, Văn phòng giám định tư pháp xây dựng trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đồng thời gửi Bộ Xây dựng và Bộ Tư pháp để công bố chung.</p> <p>- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị công bố người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc (<i>theo mẫu - bản chính</i>) - Bản sao chứng thực chứng chỉ hành nghề phù hợp với nội dung đăng ký giám định kèm theo; các tài liệu có liên quan theo quy định - Thông tin đăng ký công bố tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, Văn phòng giám định tư pháp xây dựng (<i>theo mẫu – bản chính</i>) - Bản sao chứng thực chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng tổ chức phù hợp với nội dung đăng ký giám định kèm theo; các tài liệu có liên quan theo quy định. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết:	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, tổ chức
Cơ quan thực hiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Kon Tum - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng
Kết quả:	Thông tin được đưa lên trang Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
Phí, Lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị công bố người giám định tư pháp xây dựng (<i>Phụ lục 1 Thông tư số 04/2014/TT-BXD ngày 22/4/2014</i>). - Thông tin đăng ký công bố tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, văn phòng giám định tư pháp xây dựng (<i>Phụ lục 2 Thông tư số 04/2014/TT-BXD ngày 22/4/2014</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	<p>a) Đối với người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc:</p> <p>(1) Điều kiện chung đối với người giám định tư pháp theo vụ việc: công</p>

dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam có đủ tiêu chuẩn sau:

- Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt;
- Có trình độ đại học trở lên và đã qua thực tế hoạt động chuyên môn ở lĩnh vực được đào tạo từ đủ 05 năm trở lên; Trường hợp người không có trình độ đại học nhưng có kiến thức chuyên sâu và có nhiều kinh nghiệm thực tiễn về lĩnh vực cần giám định thì có thể được lựa chọn làm người giám định tư pháp theo vụ việc.

(2) Điều kiện riêng đối với người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc:

- Đối với giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng: Có kinh nghiệm thực hiện một trong các công việc quản lý dự án đầu tư xây dựng, giám sát thi công xây dựng, kiểm định xây dựng hoặc quản lý nhà nước về xây dựng.
- Đối với giám định tư pháp về chất lượng hoặc nguyên nhân hư hỏng, thời hạn sử dụng và các thông số kỹ thuật khác của vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, bộ phận công trình hoặc công trình xây dựng:
 - + Có kinh nghiệm thực hiện một trong các công việc: thiết kế xây dựng, thẩm tra thiết kế, giám sát thi công xây dựng, thi công xây dựng, thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, kiểm định xây dựng phù hợp với nội dung giám định tư pháp xây dựng;
 - + Có chứng chỉ hành nghề chủ trì khảo sát xây dựng hoặc chủ trì thiết kế xây dựng theo quy định đối với trường hợp giám định chất lượng khảo sát xây dựng hoặc thiết kế xây dựng công trình;
 - + Có chứng chỉ hành nghề kiểm định xây dựng hoặc thiết kế xây dựng hoặc giám sát thi công xây dựng theo quy định đối với trường hợp giám định chất lượng vật liệu, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình;
 - + Có chứng chỉ hành nghề kiểm định xây dựng hoặc thiết kế xây dựng hoặc giám sát thi công xây dựng theo quy định đối với trường hợp giám định chất lượng bộ phận công trình xây dựng, công trình xây dựng và giám định sự cố công trình xây dựng.
- Đối với giám định tư pháp về chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình:
 - + Có kinh nghiệm thực hiện một trong các công việc quản lý dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng, kiểm định xây dựng hoặc quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình phù hợp với nội dung giám định tư pháp xây dựng;
 - + Có chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng theo quy định.

b) Đối với tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc:

(1) Điều kiện chung đối với tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc

- Có tư cách pháp nhân;
- Có hoạt động chuyên môn phù hợp với nội dung được trưng cầu, yêu cầu giám định;
- Có điều kiện về cán bộ chuyên môn, cơ sở vật chất bảo đảm cho việc thực hiện giám định tư pháp.

(2) Điều kiện riêng đối với tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc:

- Đối với giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng:
 - + Có đủ điều kiện năng lực theo quy định để thực hiện một trong các công việc quản lý dự án đầu tư xây dựng, kiểm định xây dựng, giám sát thi công xây dựng phù hợp với nội dung giám định tư pháp xây dựng;
 - + Cán bộ chủ trì giám định phải đáp ứng điều kiện như đối với giám định viên tư pháp xây dựng, người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc thực hiện giám định về sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng.

	<p>- Đối với giám định tư pháp về chất lượng hoặc nguyên nhân hư hỏng, thời hạn sử dụng và các thông số kỹ thuật khác của vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, bộ phận công trình hoặc công trình xây dựng:</p> <p>+ Trường hợp giám định chất lượng khảo sát xây dựng hoặc thiết kế xây dựng công trình; tổ chức thực hiện phải có đủ điều kiện năng lực để thực hiện một trong các công việc: kiểm định xây dựng, khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định phù hợp với nội dung giám định tư pháp xây dựng;</p> <p>+ Trường hợp giám định chất lượng vật liệu, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình; tổ chức thực hiện phải có đủ điều kiện năng lực để thực hiện một trong các công việc: kiểm định xây dựng, thiết kế xây dựng, thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, giám sát thi công xây dựng theo quy định phù hợp với nội dung giám định tư pháp xây dựng;</p> <p>+ Trường hợp giám định chất lượng bộ phận công trình xây dựng, công trình xây dựng và giám định sự cố công trình xây dựng; tổ chức thực hiện phải có đủ điều kiện năng lực để thực hiện một trong các công việc: kiểm định xây dựng, thiết kế xây dựng theo quy định phù hợp với nội dung giám định tư pháp xây dựng;</p> <p>+ Cá nhân chủ trì thực hiện giám định các nội dung nêu trên phải đáp ứng điều kiện tương ứng như đối với giám định viên tư pháp xây dựng, người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc thực hiện giám định về chất lượng hoặc nguyên nhân hư hỏng, thời hạn sử dụng và các thông số kỹ thuật khác của vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, bộ phận công trình hoặc công trình xây dựng.</p> <p>- Đối với giám định tư pháp về chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình:</p> <p>+ Có năng lực thực hiện một trong các công việc kiểm định xây dựng, thiết kế xây dựng, giám sát thi công xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo quy định phù hợp với nội dung giám định tư pháp xây dựng;</p> <p>+ Cá nhân chủ trì thực hiện giám định phải đáp ứng điều kiện tương ứng như đối với giám định viên tư pháp xây dựng, người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc thực hiện giám định về chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình.</p> <p>c) Đối với văn phòng giám định tư pháp xây dựng:</p> <p>- Được thành lập và được cấp giấy đăng ký hoạt động theo quy định;</p> <p>- Đáp ứng các yêu cầu về năng lực của tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc phù hợp với nội dung giám định tư pháp xây dựng.</p>
Căn cứ pháp lý:	<p>- Luật Giám định tư pháp năm 2012.</p> <p>- Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số 04/2014/TT-BXD ngày 22/4/2014 của Bộ Xây dựng</p>

Phụ lục 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BXD ngày 22 tháng 4 năm 2014 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20....

GIẤY ĐỀ NGHỊ BỔ NHIỆM /CÔNG BỐ
GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP XÂY DỰNG /
NGƯỜI GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP XÂY DỰNG THEO VỤ VIỆC

Kính gửi:⁽¹⁾

1. Họ và tên người đề nghị:
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Địa chỉ thường trú:
4. Đơn vị hiện đang công tác:
5. Đăng ký nội dung giám định tư pháp xây dựng:

TT	Nội dung giám định	Đăng ký	Loại công trình
1	Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng	<input type="checkbox"/>	
2	Giám định tư pháp về chất lượng khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình	<input type="checkbox"/>	
3	Giám định tư pháp về chất lượng bộ phận công trình xây dựng, công trình xây dựng và sự cố công trình xây dựng.	<input type="checkbox"/>	
4	Giám định tư pháp về chất lượng vật liệu, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình.	<input type="checkbox"/>	
5	Giám định tư pháp về chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình và các chi phí khác có liên quan	<input type="checkbox"/>	

6. Kinh nghiệm thực tế hoạt động xây dựng trong 05 năm gần nhất:

TT	Công việc đã thực hiện (liệt kê các công việc đã thực hiện liên quan đến nội dung đăng ký giám định tư pháp xây dựng)	Thông tin chung về công trình (Tên, địa điểm xây dựng, loại, cấp công trình)
1		

7. Chứng chỉ hành nghề, chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ: (nêu rõ loại chứng chỉ, lĩnh vực hành nghề, mã số chứng chỉ, ngày cấp, nơi cấp, có bản sao chứng thực kèm theo)

Tôi xin cam đoan các nội dung kê khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Xác nhận của cơ quan,
tổ chức quản lý trực tiếp⁽²⁾
*(Ghi rõ họ tên, chữ ký,
chức vụ, dấu pháp nhân)*

Người đề nghị
(Ghi rõ họ tên, chữ ký)

⁽¹⁾ Cơ quan thuộc Bộ Xây dựng được giao quản lý hoạt động giám định tư pháp xây dựng đối với trường hợp cá nhân là công chức thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ; cá nhân thuộc đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp nhà nước thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ. Cơ quan đầu mối thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các cá nhân tại địa phương đăng ký.

⁽²⁾ Đối với cá nhân tại thời điểm đăng ký không làm việc tại cơ quan, tổ chức nào thì phải có xác nhận của cơ quan, tổ chức nơi đã công tác gần nhất hoặc có căn cứ xác nhận về các công việc đã thực hiện liên quan đến nội dung đăng ký giám định tư pháp xây dựng.

MẪU THÔNG TIN ĐĂNG KÝ CÔNG BỐ
TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP XÂY DỰNG THEO VỤ VIỆC/
VĂN PHÒNG GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP XÂY DỰNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BXD ngày 22/4/2014
của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20....

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ CÔNG BỐ
TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP XÂY DỰNG THEO VỤ VIỆC/
VĂN PHÒNG GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP XÂY DỰNG

Kính gửi:(1).....

1. Tên tổ chức:.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:
Số điện thoại:
Số fax:
Email:
Website (nếu có):
3. Địa chỉ Văn phòng đại diện, Văn phòng chi nhánh (nếu có):
4. Quyết định thành lập:
Số:, ngày cấp:, cơ quan cấp:
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy đăng ký hoạt động:
Số:, ngày cấp:, cơ quan cấp:
6. Đăng ký nội dung giám định tư pháp xây dựng:

TT	Nội dung giám định	Đăng ký	Loại công trình
1	Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng	<input type="checkbox"/>	
2	Giám định tư pháp về chất lượng khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình	<input type="checkbox"/>	
3	Giám định tư pháp về chất lượng bộ phận công trình xây dựng, công trình xây dựng và sự cố công trình xây dựng.	<input type="checkbox"/>	
4	Giám định tư pháp về chất lượng vật liệu, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình.	<input type="checkbox"/>	
5	Giám định tư pháp về chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình	<input type="checkbox"/>	

7. Thông tin về nhân sự liên quan đến nội dung đăng ký giám định tư pháp xây dựng:

a) Số lượng cán bộ, công nhân viên của tổ chức/Văn phòng giám định (chỉ tính người tham gia nộp BHXH) thực hiện công việc liên quan đến hoạt động tư vấn xây dựng:

- Tổng số nhân sự:

- Tổng số giám định viên tư pháp xây dựng (nếu có):

- Tổng số người có trình độ đại học trở lên và có chứng chỉ, chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ:

trong đó tổng số người có năng lực chủ trì trên 10 năm kinh nghiệm theo loại công trình (dân dụng, công nghiệp, giao thông, nông nghiệp và phát triển nông thôn và hạ tầng kỹ thuật):

- Danh sách các cán bộ chuyên môn:

TT	Tên	Chứng chỉ hành nghề/Chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ		Số năm kinh nghiệm	Ghi chú
		Mã số chứng chỉ, chứng nhận	Lĩnh vực (Thiết kế, giám sát, ...)/loại CT		
1					

8. Phòng thí nghiệm:

- Mã số Phòng thí nghiệm :

- Số Quyết định công nhận :

- Cơ quan ký quyết định công nhận :

9. Các công việc đã thực hiện trong 05 năm gần nhất:

TT	Công việc thực hiện (liệt kê các công việc đã thực hiện liên quan đến nội dung đăng ký giám định tư pháp xây dựng)	Thông tin chung về công trình (Tên, địa điểm xây dựng, loại, cấp công trình)
1		

Chúng tôi xin cam đoan các nội dung kê khai trên là đúng sự thật, nếu sai chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Kính đề nghị(1)..... xem xét và công bố trên trang thông tin điện tử./.

(Gửi kèm theo các bản sao chứng thực: giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Quyết định công nhận phòng thí nghiệm, các văn bằng chứng chỉ của các cá nhân, hợp đồng lao động, các hợp đồng đã thực hiện và các tài liệu khác có liên quan theo quy định tại Thông tư số 04/2014/TT-BXD)

(2)

(Ghi rõ họ tên, chữ ký, chức vụ, dấu pháp nhân)

(1) Cơ quan thuộc Bộ Xây dựng được giao quản lý hoạt động giám định tư pháp xây dựng.

(2) Tổ chức đăng ký hoạt động giám định tư pháp xây dựng

2. Thủ tục: Điều chỉnh, thay đổi thông tin cá nhân, tổ chức thực hiện giám định tư pháp xây dựng do UBND cấp tỉnh đã tiếp nhận đăng ký, công bố thông tin

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1. Cá nhân khi có thay đổi, điều chỉnh các thông tin (đơn vị công tác, địa chỉ thường trú, nội dung giám định tư pháp xây dựng, các bằng cấp, chứng chỉ, chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ có liên quan đến nội dung giám định tư pháp xây dựng); tổ chức khi có thay đổi, điều chỉnh các thông tin (tên tổ chức, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, địa chỉ, nội dung giám định tư pháp xây dựng) thì cá nhân, tổ chức có trách nhiệm cung cấp thông tin thay đổi, gửi trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút). <p>Bước 2. Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra và cập nhật lại thông tin do cá nhân, tổ chức đề nghị điều chỉnh, thay đổi trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh.</p> <p>Bước 3. Cá nhân, tổ chức cập nhật kết quả thông tin được điều chỉnh, thay đổi trên Cổng Thông tin điện tử của UBND tỉnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút).
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị trong đó có thông tin điều chỉnh và các tài liệu chứng minh về thông tin điều chỉnh kèm theo. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết:	Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện:	Giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, văn phòng giám định tư pháp xây dựng đã được công bố trên Cổng thông tin điện tử
Cơ quan thực hiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Kon Tum. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng tỉnh Kon Tum
Kết quả:	Thông tin được đưa lên Cổng Thông tin điện tử của UBND cấp tỉnh
Phí, Lệ phí:	Không.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Không
Yêu cầu, điều kiện:	Cá nhân khi có thay đổi, điều chỉnh các thông tin (đơn vị công tác, địa chỉ thường trú, nội dung giám định tư pháp xây dựng, các bằng cấp, chứng chỉ, chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ có liên quan đến nội dung giám định tư pháp xây dựng); tổ chức khi có thay đổi, điều chỉnh các thông tin (tên tổ chức, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, địa chỉ, nội dung giám định tư pháp xây dựng).
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Giám định tư pháp năm 2012. - Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 04/2014/TT-BXD ngày 22/4/2014 của Bộ Xây dựng. - Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 15/9/2013 của Chính phủ.

3. Thủ tục: Bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng đối với cá nhân khác không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1. Cá nhân có nhu cầu là giám định viên tư pháp xây dựng nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút). <p>Bước 2. UBND tỉnh giao cho Giám đốc Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Tư pháp có trách nhiệm lựa chọn người có đủ tiêu chuẩn, đề nghị Chủ tịch UBND cấp tỉnh bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng. Trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng. Trường hợp từ chối phải thông báo cho người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>Bước 3. Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi có quyết định bổ nhiệm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm công bố danh sách giám định viên tư pháp xây dựng trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đồng thời gửi Bộ Xây dựng và Bộ Tư pháp để công bố chung.</p> <p>Bước 4. Cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút).
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng (<i>Theo mẫu</i>); - Bản sao bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn được đề nghị bổ nhiệm; bản sao chứng thực chứng chỉ hành nghề phù hợp với nội dung đề nghị bổ nhiệm. - Sơ yếu lý lịch và Phiếu lý lịch tư pháp; - Giấy xác nhận về thời gian thực tế hoạt động chuyên môn của cơ quan, tổ chức nơi người được đề nghị bổ nhiệm làm việc; - Các giấy tờ khác chứng minh người được đề nghị bổ nhiệm đủ tiêu chuẩn theo các yêu cầu, điều kiện để được bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết:	Không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân
Cơ quan thực hiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Kon Tum. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng tỉnh Kon Tum. - Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum
Kết quả:	Quyết định bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng.
Phí, Lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Giấy đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng (<i>Phụ lục 1 Thông tư số 04/2014/TT-BXD ngày 22/4/2014</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	<p>a) <i>Điều kiện chung:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Là công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam. - Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt. - Có trình độ đại học trở lên và đã qua thực tế hoạt động chuyên môn ở lĩnh vực được đào tạo từ đủ 05 năm trở lên.

	<p><i>b) Điều kiện riêng đối với giám định viên tư pháp xây dựng:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng: Có kinh nghiệm thực hiện một trong các công việc quản lý dự án đầu tư xây dựng, giám sát thi công xây dựng, kiểm định xây dựng hoặc quản lý nhà nước về xây dựng. - Đối với giám định tư pháp về chất lượng hoặc nguyên nhân hư hỏng, thời hạn sử dụng và các thông số kỹ thuật khác của vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, bộ phận công trình hoặc công trình xây dựng: <ul style="list-style-type: none"> + Có kinh nghiệm thực hiện một trong các công việc: thiết kế xây dựng, thẩm tra thiết kế, giám sát thi công xây dựng, thi công xây dựng, thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, kiểm định xây dựng phù hợp với nội dung giám định tư pháp xây dựng; + Có chứng chỉ hành nghề chủ trì khảo sát xây dựng hoặc chủ trì thiết kế xây dựng theo quy định đối với trường hợp giám định chất lượng khảo sát xây dựng hoặc thiết kế xây dựng công trình; + Có chứng chỉ hành nghề kiểm định xây dựng hoặc thiết kế xây dựng hoặc giám sát thi công xây dựng theo quy định đối với trường hợp giám định chất lượng vật liệu, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình; + Có chứng chỉ hành nghề kiểm định xây dựng hoặc thiết kế xây dựng hoặc giám sát thi công xây dựng theo quy định đối với trường hợp giám định chất lượng bộ phận công trình xây dựng, công trình xây dựng và giám định sự cố công trình xây dựng. - Đối với giám định tư pháp về chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình: <ul style="list-style-type: none"> + Có kinh nghiệm thực hiện một trong các công việc quản lý dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng, kiểm định xây dựng hoặc quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình phù hợp với nội dung giám định tư pháp xây dựng; + Có chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng theo quy định.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Luật Giám định tư pháp năm 2012.</i> - <i>Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.</i> - <i>Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ.</i> - <i>Thông tư số 04/2014/TT-BXD ngày 22/4/2014 của Bộ Xây dựng.</i> - <i>Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 15/9/2013 của Chính phủ.</i>

Phụ lục 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BXD ngày 22/4/2014 của Bộ Xây dựng)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 20....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ BỎ NHIỆM/CÔNG BỐ GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP XÂY
DỰNG/NGƯỜI GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP XÂY DỰNG THEO VỤ VIỆC**

Kính gửi:.....⁽¹⁾

1. Họ và tên người đề nghị:.....
2. Ngày, tháng, năm sinh:.....
3. Địa chỉ thường trú:.....
4. Đơn vị hiện đang công tác:.....
5. Đăng ký nội dung giám định tư pháp xây dựng:

TT	Nội dung giám định	Đăng ký	Loại công trình
1	Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng	<input type="checkbox"/>	
2	Giám định tư pháp về chất lượng khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình	<input type="checkbox"/>	
3	Giám định tư pháp về chất lượng bộ phận công trình xây dựng, công trình xây dựng và sự có công trình xây dựng.	<input type="checkbox"/>	
4	Giám định tư pháp về chất lượng vật liệu, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình.	<input type="checkbox"/>	
5	Giám định tư pháp về chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình	<input type="checkbox"/>	

6. Kinh nghiệm thực tế hoạt động xây dựng trong 05 năm gần nhất:

TT	Công việc đã thực hiện (liệt kê các công việc đã thực hiện liên quan đến nội dung đăng ký giám định tư pháp xây dựng)	Thông tin chung về công trình (Tên, địa điểm xây dựng, loại, cấp công trình)
1		

7. Chứng chỉ hành nghề, chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ: (nêu rõ loại chứng chỉ, lĩnh vực hành nghề, mã số chứng chỉ, ngày cấp, nơi cấp, có bản sao chứng thực kèm theo)

Tôi xin cam đoan các nội dung kê khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp⁽²⁾
(Ghi rõ họ tên, chữ ký, chức vụ, dấu pháp nhân)

Người đề nghị
(Ghi rõ họ tên, chữ ký)

⁽¹⁾ Cơ quan thuộc Bộ Xây dựng được giao quản lý hoạt động giám định tư pháp xây dựng đối với trường hợp cá nhân là công chức thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ; cá nhân thuộc đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp nhà nước thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ. Cơ quan đầu mối thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các cá nhân tại địa phương đăng ký.

⁽²⁾ Đối với cá nhân tại thời điểm đăng ký không làm việc tại cơ quan, tổ chức nào thì phải có xác nhận của cơ quan, tổ chức nơi đã công tác gần nhất hoặc có căn cứ xác nhận về các công việc đã thực hiện liên quan đến nội dung đăng ký giám định tư pháp xây dựng.

III. Lĩnh vực quản lý hoạt động xây dựng

1. Thủ tục: Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1. Chủ đầu tư nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ Bru chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. - Địa chỉ: Số 70 đường Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.</p> <p>Bước 2. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum có trách nhiệm tiếp nhận; kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn để chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định.</p> <p>Bước 3: Chuyển đơn vị có thẩm quyền xử lý. Đơn vị có thẩm quyền xử lý, hoàn thành và trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. Trường hợp không giải quyết thì có văn bản trả lời theo quy định.</p> <p>Bước 4. Theo phiếu hẹn, chủ đầu tư nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.</p>
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ Bru chính.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm: (1) Trường hợp xây dựng mới: (1.1) Đối với công trình không theo tuyến; công trình tín ngưỡng; công trình tôn giáo; công trình của cơ quan ngoại giao và tổ chức quốc tế: - Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai tại Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 (có danh mục kèm theo). Trường hợp đối với công trình xây dựng trạm, cột phát sóng tại khu vực không thuộc nhóm đất có mục đích sử dụng cho xây dựng, không chuyển đổi được mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản chấp thuận về địa điểm xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện; - Bản sao quyết định phê duyệt dự án, quyết định đầu tư; - Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm: + Bản vẽ mặt bằng vị trí công trình trên lô đất tỷ lệ 1/100 - 1/500, kèm theo sơ đồ vị trí công trình; + Bản vẽ các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình, tỷ lệ 1/50 - 1/200; + Bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/100 - 1/200 và mặt cắt móng tỷ lệ 1/50, kèm theo sơ đồ đầu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật về giao thông; cấp nước; thoát nước mưa, nước bẩn; xử lý nước thải; cấp điện; thông tin liên lạc; các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác liên quan đến công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200; - Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của tổ chức thiết kế, cá nhân là chủ nhiệm, chủ trì thiết kế xây dựng (<i>theo mẫu</i>), kèm theo bản sao chứng chỉ</p>

hành nghề của chủ nhiệm, chủ trì thiết kế.
 Riêng đối với công trình của các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế và cơ quan nước ngoài đầu tư tại Việt Nam còn tuân thủ các điều khoản quy định của Hiệp định hoặc thỏa thuận đã được ký kết với Chính phủ Việt Nam; Đối với công trình tôn giáo bổ sung bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản chấp thuận về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan tôn giáo theo phân cấp.

(1.2) Đối với công trình theo tuyến trong đô thị:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng (theo mẫu);
- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai tại Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về vị trí và phương án tuyến.
- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính Quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai;
- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:
 - + Sơ đồ vị trí tuyến công trình tỷ lệ 1/100 - 1/500;
 - + Bản vẽ mặt bằng tổng thể hoặc bản vẽ bình đồ công trình tỷ lệ 1/500 - 1/5000;
 - + Bản vẽ các mặt cắt ngang chủ yếu của tuyến công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200;
 - + Riêng đối với công trình ngầm phải bổ sung thêm: Bản vẽ các mặt cắt ngang, các mặt cắt dọc thể hiện chiều sâu công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200; Sơ đồ đầu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài công trình tỷ lệ 1/100 - 1/500.

(1.3) Đối với công trình tượng đài, tranh hoành tráng:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng (theo mẫu);
- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai tại Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 (có danh mục kèm theo).
- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính giấy phép hoặc văn bản chấp thuận (về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình) của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa, di tích lịch sử theo phân cấp;
- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:
 - + Sơ đồ vị trí công trình tỷ lệ 1/100 - 1/500;
 - + Bản vẽ mặt bằng công trình tỷ lệ 1/100 - 1/500;
 - + Bản vẽ các mặt đứng, các mặt cắt chủ yếu công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200.

(1.4) Đối với công trình quảng cáo:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng (theo mẫu);
- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai tại Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017. Trường hợp đối với công trình xây dựng tại khu vực không thuộc nhóm đất có mục đích sử dụng cho xây dựng, không chuyên đổi được mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản chấp thuận về địa điểm xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Bản sao giấy phép hoặc văn bản chấp thuận về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa;
- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng thuê công trình đối với trường hợp thuê đất hoặc thuê công trình để

	<p>xây dựng công trình quảng cáo;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm: <ul style="list-style-type: none"> - Đối với trường hợp công trình xây dựng mới: <ul style="list-style-type: none"> + Sơ đồ vị trí công trình tỷ lệ 1/50 - 1/500; + Bản vẽ mặt bằng công trình tỷ lệ 1/50 - 1/500; + Bản vẽ mặt cắt móng và mặt cắt công trình tỷ lệ 1/50; + Bản vẽ các mặt đứng chính công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200; - Đối với trường hợp biển quảng cáo được gắn vào công trình đã được xây dựng hợp pháp: <ul style="list-style-type: none"> + Bản vẽ kết cấu của bộ phận công trình tại vị trí gắn biển quảng cáo tỷ lệ 1/50; + Bản vẽ các mặt đứng công trình có gắn biển quảng cáo tỷ lệ 1/50 - 1/100. <p>(2) Trường hợp theo giai đoạn:</p> <p>(2.1) Đối với công trình không theo tuyến:</p> <p>Đối với công trình cấp I, nếu chủ đầu tư có nhu cầu thì có thể đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo hai giai đoạn. Hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng (theo mẫu); - Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai tại Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 (có danh mục kèm theo). Trường hợp đối với công trình xây dựng tại khu vực không thuộc nhóm đất có mục đích sử dụng cho xây dựng, không chuyển đổi được mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản chấp thuận về địa điểm xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện. - Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm: <ul style="list-style-type: none"> - Giai đoạn 1: <ul style="list-style-type: none"> + Bản vẽ mặt bằng công trình trên lô đất tỷ lệ 1/100 - 1/500, kèm theo sơ đồ vị trí công trình; + Bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/100 - 1/200 và mặt cắt móng tỷ lệ 1/50, bản vẽ mặt bằng, mặt cắt chính của phần công trình đã được phê duyệt trong giai đoạn 1 tỷ lệ 1/50 - 1/200 kèm theo sơ đồ đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật, gồm: Giao thông, thoát nước mưa, xử lý nước thải, cấp nước, cấp điện, thông tin liên lạc tỷ lệ 1/100 - 1/200. - Giai đoạn 2: <ul style="list-style-type: none"> + Bản vẽ các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chính giai đoạn 2 của công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200; <p>(2.2) Đối với công trình theo tuyến trong đô thị:</p> <p>Việc phân chia công trình theo giai đoạn thực hiện do chủ đầu tư xác định theo quyết định đầu tư. Hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng (theo mẫu); - Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về vị trí và phương án tuyến; - Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính Quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền phân đất thực hiện theo giai đoạn hoặc cả dự án theo quy định của pháp luật về đất đai; - Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật
--	---

	<p>về xây dựng, mỗi bộ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Sơ đồ vị trí tuyến công trình tỷ lệ 1/100 - 1/500; + Bản vẽ mặt bằng tổng thể hoặc bản vẽ bình đồ công trình tỷ lệ 1/500 - 1/5000; + Các bản vẽ theo từng giai đoạn: Bản vẽ các mặt cắt ngang chủ yếu của tuyến công trình theo giai đoạn tỷ lệ 1/50 - 1/200; Đối với công trình ngầm yêu cầu phải có bản vẽ các mặt cắt ngang, các mặt cắt dọc thể hiện chiều sâu công trình theo từng giai đoạn tỷ lệ 1/50 - 1/200; sơ đồ đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo từng giai đoạn tỷ lệ 1/100 - 1/500. <p>(3) Đối với công trình theo dự án:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng (theo mẫu); - Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai tại Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 (có danh mục kèm theo). - Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công các công trình xây dựng đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Bản vẽ tổng mặt bằng của dự án hoặc tổng mặt bằng từng giai đoạn của dự án tỷ lệ 1/100 - 1/500; + Bản vẽ mặt bằng từng công trình trên lô đất tỷ lệ 1/100 - 1/500, kèm theo sơ đồ vị trí công trình; + Bản vẽ các mặt đứng và các mặt cắt chính của từng công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200; + Bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/100 - 1/200 và mặt cắt móng tỷ lệ 1/50 của từng công trình kèm theo sơ đồ đấu nối với hệ thống thoát nước mưa, xử lý nước thải, cấp nước, cấp điện, thông tin liên lạc tỷ lệ 1/50 - 1/200. - Trường hợp thiết kế xây dựng của công trình đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định, các bản vẽ thiết kế quy định tại Khoản này là bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp các bản vẽ thiết kế xây dựng đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định. - Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình. - Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính báo cáo kết quả thẩm định thiết kế của cơ quan chuyên môn về xây dựng (đối với công trình theo quy định phải được thẩm định thiết kế). - Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản bản cam kết của chủ đầu tư bảo đảm an toàn cho công trình và công trình lân cận (đối với công trình xây chen, có tầng hầm). - Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của tổ chức thiết kế, cá nhân là chủ nhiệm, chủ trì thiết kế (theo mẫu), kèm theo bản sao chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, đối với công trình chưa được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết:	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện:	Chủ đầu tư
Cơ quan thực hiện:	Sở Xây dựng tỉnh Kon Tum (hoặc Ban Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao) theo phân cấp của địa phương
Kết quả:	Giấy phép xây dựng kèm theo hồ sơ thiết kế trình xin cấp giấy phép xây dựng có đóng dấu của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng tại nơi tiếp nhận hồ sơ.
Phí, Lệ phí:	Lệ phí Cấp giấy phép xây dựng (cấp mới-Đối với các công trình khác (trừ nhà ở riêng lẻ của nhân dân)): Mức thu: 100.000 đồng/giấy phép.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	- Đơn đề nghị cấp Giấy phép xây dựng (phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016)

	<p>- Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của tổ chức thiết kế, cá nhân là chủ nhiệm, chủ trì thiết kế (<i>phụ lục số 3 Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016</i>).</p>
Yêu cầu, điều kiện:	<p>- Phù hợp với vị trí và tổng mặt bằng của dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản.</p> <p>- Bảo đảm an toàn cho công trình, công trình lân cận và yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ; bảo đảm an toàn hạ tầng kỹ thuật, hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hoá, di tích lịch sử - văn hóa; bảo đảm khoảng cách an toàn đến công trình dễ cháy, nổ, độc hại và công trình quan trọng có liên quan đến quốc phòng, an ninh.</p> <p>- Thiết kế xây dựng công trình đã được thẩm định, phê duyệt theo quy định tại Điều 82 của Luật Xây dựng:</p> <p>+ Sự phù hợp của thiết kế xây dựng bước sau so với thiết kế xây dựng bước trước:</p> <p>a) Thiết kế kỹ thuật so với thiết kế cơ sở;</p> <p>b) Thiết kế bản vẽ thi công so với thiết kế kỹ thuật trong trường hợp thiết kế ba bước, so với thiết kế cơ sở trong trường hợp thiết kế hai bước hoặc so với nhiệm vụ thiết kế trong trường hợp thiết kế một bước.</p> <p>+ Sự hợp lý của các giải pháp thiết kế xây dựng công trình.</p> <p>+ Sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật, quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng cho công trình.</p> <p>+ Đánh giá sự phù hợp các giải pháp thiết kế công trình với công năng sử dụng của công trình, mức độ an toàn công trình và bảo đảm an toàn của công trình lân cận.</p> <p>+ Sự hợp lý của việc lựa chọn dây chuyền và thiết bị công nghệ đối với thiết kế công trình có yêu cầu về công nghệ.</p> <p>+ Sự tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ.</p> <p>+ Sự phù hợp giữa khối lượng chủ yếu của dự toán với khối lượng thiết kế; tính đúng đắn, hợp lý của việc áp dụng, vận dụng định mức, đơn giá xây dựng công trình; xác định giá trị dự toán công trình.</p> <p>+ Điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện khảo sát, thiết kế xây dựng.</p>
Căn cứ pháp lý:	<p>- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014.</p> <p>- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP, ngày 14/02/2015 của Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.</p> <p>- Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 11/01/2016 của UBND tỉnh Kon Tum.</p>

PHỤ LỤC SỐ 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

(Sử dụng cho công trình: Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Quảng cáo/Nhà ở riêng lẻ/Sửa chữa, cải tạo/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án/Di dời công trình)

Kính gửi:

1. Thông tin về chủ đầu tư:

- Tên chủ đầu tư (tên chủ hộ):
- Người đại diện: Chức vụ (nếu có):
- Địa chỉ liên hệ:
- Số nhà: Đường/phố Phường/xã
- Quận/huyện Tỉnh/thành phố:
- Số điện thoại:

2. Thông tin công trình:

- Địa Điểm xây dựng:
- Lô đất số: Diện tích m².
- Tại số nhà: Đường/phố
- Phường/xã Quận/huyện
- Tỉnh, thành phố:

3. Nội dung đề nghị cấp phép:

3.1. Đối với công trình không theo tuyến:

- Loại công trình: Cấp công trình:
- Diện tích xây dựng: m².
- Cốt xây dựng: m
- Tổng diện tích sàn:m²(ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).
- Chiều cao công trình:m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).
- Số tầng: (ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)

3.2. Đối với công trình theo tuyến trong đô thị:

- Loại công trình: Cấp công trình:
- Tổng chiều dài công trình: m (ghi rõ chiều dài qua từng khu vực đặc thù, qua từng địa giới hành chính xã, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố).
- Cốt của công trình:m (ghi rõ cốt qua từng khu vực)
- Chiều cao tính không của tuyến: m (ghi rõ chiều cao qua các khu vực).
- Độ sâu công trình:m (ghi rõ độ sâu qua từng khu vực)

3.3. Đối với công trình tượng đài, tranh hoành tráng:

- Loại công trình: Cấp công trình:
- Diện tích xây dựng:m².
- Cốt xây dựng:m
- Chiều cao công trình:m

3.4. Đối với công trình quảng cáo:

- Loại công trình: Cấp công trình:
- Diện tích xây dựng:m².
- Cốt xây dựng:m
- Chiều cao công trình:m
- Nội dung quảng cáo:

3.5. Đối với công trình nhà ở riêng lẻ:

- Cấp công trình:
- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt):m².
- Tổng diện tích sàn:m² (trong đó ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).
- Chiều cao công trình:m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).
- Số tầng: (trong đó ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)

3.6. Đối với trường hợp cải tạo, sửa chữa:

- Loại công trình: Cấp công trình:
- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt):m².
- Tổng diện tích sàn:m² (ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).
- Chiều cao công trình:m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).
- Số tầng: (ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)

3.7. Đối với trường hợp cấp theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến:

- Giai đoạn 1:
 - + Loại công trình: Cấp công trình:
 - + Diện tích xây dựng:m².
 - + Cốt xây dựng:m
 - + Chiều sâu công trình:m (tính từ cốt xây dựng)
- Giai đoạn 2:
 - + Tổng diện tích sàn:m² (ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).
 - + Chiều cao công trình:m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).
 - + Số tầng: (ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)

3.8. Đối với trường hợp cấp theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị:

- Loại công trình: Cấp công trình:
- Tổng chiều dài công trình theo giai đoạn:m (ghi rõ chiều dài qua từng khu vực đặc thù, qua từng địa giới hành chính xã, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố).
- Cốt của công trình:m (qua các khu vực theo từng giai đoạn)
- Chiều cao tính không của tuyến:m (ghi rõ chiều cao qua các khu vực theo từng giai đoạn).
- Độ sâu công trình:m (ghi rõ độ sâu qua các khu vực theo từng giai đoạn)

3.9. Đối với trường hợp cấp cho Dự án:

- Tên dự án:
 - + Đã được: phê duyệt, theo Quyết định số: ngày
 - Gồm: (n) công trình
- Trong đó:
- + Công trình số (1-n): (tên công trình)
 - * Loại công trình: Cấp công trình:
 - * Các thông tin chủ yếu của công trình:

3.10. Đối với trường hợp di dời công trình:

- Công trình cần di dời:
- Loại công trình: Cấp công trình:
- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt):m².
- Tổng diện tích sàn:m².
- Chiều cao công trình:m².
- Địa Điểm công trình di dời đến:
- Lô đất số: Diện tíchm².
- Tại: Đường:
- Phường (xã) Quận (huyện)
- Tỉnh, thành phố:
- Số tầng:

4. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế:

- Tên đơn vị thiết kế:
- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (nếu có): Số Cấp ngày
- Tên chủ nhiệm thiết kế:
- Chứng chỉ hành nghề cá nhân số:do Cấp ngày:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Giấy phép hành nghề số (nếu có):cấp ngày

5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình:..... tháng.

6. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

- 1 -
- 2 -

..... ngàytháng năm

Người làm đơn/Đại diện chủ đầu tư
Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)

PHỤ LỤC SỐ 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016
của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI KINH NGHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THIẾT KẾ

1. Tổ chức thiết kế:
- 1.1. Tên:
- 1.2. Địa chỉ:
- 1.3. Số điện thoại:
- 1.4. Nội dung đăng ký kinh doanh:
2. Kinh nghiệm thiết kế:
- 2.1. Kê khai ít nhất 03 công trình đã thiết kế tương tự như công trình đề nghị cấp phép:
 - a)
 - b)
- 2.2. Tổ chức trực tiếp thiết kế:
 - a) Số lượng:Trong đó:
 - Kiến trúc sư:
 - Kỹ sư các loại:
 - b) Chủ nhiệm thiết kế:
 - Họ và tên:
 - Số chứng chỉ (kèm photocopy chứng chỉ):
 - Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ):
 - c) Chủ trì thiết kế các bộ môn (kê khai đối với tất cả các bộ môn):
 - Họ và tên:
 - Số chứng chỉ (kèm photocopy chứng chỉ):
 - Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ):

....., Ngày tháng.... năm
Đại diện tổ chức, cá nhân thiết kế
(Ký ghi rõ họ tên)

DANH MỤC

Các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng quy định tại Điều 3 Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017

TT	Loại giấy tờ
01	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp theo quy định của Luật đất đai năm 1987, Luật đất đai năm 1993, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai năm 2001, Luật đất đai năm 2003.
02	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được cấp theo quy định của Luật đất đai năm 2013, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12.
03	Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở được cấp theo quy định tại Nghị định số 60/CP ngày 05 tháng 7 năm 1994 của Chính phủ về quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại đô thị, Nghị định số 61/CP ngày 05 tháng 7 năm 1994 của Chính phủ về mua bán và kinh doanh nhà ở.
04	Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở; giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng đã được cấp theo quy định tại Pháp lệnh nhà ở năm 1991; Luật nhà ở năm 2005; Nghị định số 81/2001/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2001 của Chính phủ về việc người Việt Nam định cư ở nước ngoài mua nhà ở tại Việt Nam; Nghị định số 95/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu công trình xây dựng; Nghị định số 90/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật nhà ở; Nghị định số 51/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số 19/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008 của Quốc hội về việc thí điểm cho tổ chức, cá nhân nước ngoài mua và sở hữu nhà ở tại Việt Nam; Điều 31, Điều 32 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; các giấy chứng nhận khác về quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu công trình xây dựng đã được cấp theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về nhà ở, pháp luật về xây dựng qua các thời kỳ.
05	Các loại giấy tờ đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận gồm: Các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật đất đai năm 2013; Điều 18 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013 và quy định tại khoản 16 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai hoặc giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã và được cơ quan đăng ký đất đai xác nhận đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.
06	Giấy tờ về đất đai đối với trường hợp được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất từ sau ngày 01 tháng 7 năm 2004 nhưng không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai, gồm: Quyết định giao đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc Quyết định cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và hợp đồng thuê đất kèm theo (nếu có) hoặc giấy tờ về trúng đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất hoặc Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
07	Báo cáo rà soát, kê khai hiện trạng sử dụng đất đối với trường hợp tổ chức, cơ sở tôn giáo đang sử dụng mà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,

	quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có đất kiểm tra và quyết định xử lý theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.
08	Giấy tờ về việc xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đối với trường hợp cấp giấy phép xây dựng để thực hiện xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo hoặc di dời các công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013.
09	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc văn bản chấp thuận về địa điểm xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với công trình xây dựng biển quảng cáo, trạm viễn thông, cột ăng-ten tại khu vực không thuộc nhóm đất có mục đích sử dụng để xây dựng và không được chuyển đổi mục đích sử dụng đất.
10	Hợp đồng thuê đất được giao kết giữa chủ đầu tư xây dựng công trình và người quản lý, sử dụng công trình giao thông hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về giao thông đối với công trình được phép xây dựng trong phạm vi đất dành cho giao thông theo quy định của pháp luật.
11	Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp người sử dụng đất đã có giấy tờ hợp pháp về đất đai theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này nhưng đề nghị được cấp giấy phép xây dựng sử dụng vào mục đích khác với mục đích sử dụng đất đã được ghi trên giấy tờ đó.
12	Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo đề nghị của cơ quan cấp giấy phép xây dựng để xác định diện tích các loại đất đối với trường hợp người sử dụng đất có một trong các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này nhưng trên các giấy tờ đó không ghi rõ diện tích các loại đất để làm cơ sở cấp giấy phép xây dựng.

2. Thủ tục: Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1. Chủ đầu tư nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: Số 70 đường Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút <p>Bước 2. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum có trách nhiệm tiếp nhận; kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn để chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định.</p> <p>Bước 3: Chuyên đơn vị có thẩm quyền xử lý. Đơn vị có thẩm quyền xử lý, hoàn thành và trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. Trường hợp không giải quyết thì có văn bản trả lời theo quy định.</p> <p>Bước 4. Theo phiếu hẹn, chủ đầu tư nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ Bưu chính.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai tại Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 (<i>có danh mục kèm theo</i>). - Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ hiện trạng của bộ phận, hạng mục công trình sửa chữa, cải tạo đã được phê duyệt theo quy định có tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ các bản vẽ của hồ sơ đề nghị cấp phép sửa chữa, cải tạo và ảnh chụp (10 x 15cm) hiện trạng công trình và công trình lân cận trước khi sửa chữa, cải tạo. - Đối với các công trình di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng, thì phải có bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo phân cấp. - Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính báo cáo kết quả thẩm định thiết kế của cơ quan chuyên môn về xây dựng (<i>đối với công trình theo quy định phải được thẩm định thiết kế</i>). - Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản bản cam kết của chủ đầu tư bảo đảm an toàn cho công trình và công trình lân cận (<i>đối với công trình xây chen, có tầng hầm</i>). - Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thiết kế (<i>theo mẫu</i>), đối với công trình chưa được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế. - Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc dự án đầu tư (<i>đối với công trình yêu cầu phải lập dự án đầu tư xây dựng</i>). <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết:	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện:	Chủ đầu tư.

Cơ quan thực hiện:	Sở Xây dựng tỉnh Kon Tum (hoặc Ban Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao) theo phân cấp của địa phương.
Kết quả:	Giấy phép xây dựng kèm theo hồ sơ thiết kế trình xin cấp giấy phép xây dựng có đóng dấu của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng tại nơi tiếp nhận hồ sơ.
Phí, Lệ phí:	Lệ phí Cấp giấy phép xây dựng (cấp mới-Đối với các công trình khác (trừ nhà ở riêng lẻ của nhân dân)): Mức thu: 100.000 đồng/giấy phép.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	- Đơn đề nghị cấp Giấy phép xây dựng (<i>phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016</i>) - Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của tổ chức thiết kế, cá nhân là chủ nhiệm, chủ trì thiết kế (<i>phụ lục số 3 Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	1. Phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Đối với công trình xây dựng ở khu vực, tuyến phố trong đô thị đã ổn định nhưng chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng thì phải phù hợp với quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị hoặc thiết kế đô thị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. 2. Phù hợp với mục đích sử dụng đất theo quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt. 3. Bảo đảm an toàn cho công trình, công trình lân cận và yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ; bảo đảm an toàn hạ tầng kỹ thuật, hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hoá, di tích lịch sử - văn hóa; bảo đảm khoảng cách an toàn đến công trình dễ cháy, nổ, độc hại và công trình quan trọng có liên quan đến quốc phòng, an ninh. 4. Thiết kế xây dựng công trình đã được thẩm định, phê duyệt theo quy định. 5. Phù hợp với vị trí và tổng mặt bằng của dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản đối với công trình không theo tuyến ngoài đô thị. 6. Trường hợp dự án đầu tư xây dựng trong đô thị tại khu vực chưa có quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc không yêu cầu lập quy hoạch chi tiết theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị thì giấy phép quy hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp là cơ sở để xem xét cấp giấy phép xây dựng.
Căn cứ pháp lý:	- <i>Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014.</i> - <i>Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ.</i> - <i>Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ.</i> - <i>Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ.</i> - <i>Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ.</i> - <i>Nghị định số 18/2015/NĐ-CP, ngày 14/02/2015 của Chính phủ.</i> - <i>Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.</i> - <i>Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh Kon Tum.</i> - <i>Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 11/01/2016 của UBND tỉnh Kon Tum.</i>

PHỤ LỤC SỐ 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

(Sử dụng cho công trình: Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Quảng cáo/Nhà ở riêng lẻ/Sửa chữa, cải tạo/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án/Di dời công trình)

Kính gửi:

1. Thông tin về chủ đầu tư:

- Tên chủ đầu tư (tên chủ hộ):
- Người đại diện: Chức vụ (nếu có):
- Địa chỉ liên hệ:
- Số nhà: Đường/phố Phường/xã
- Quận/huyện Tỉnh/thành phố:
- Số điện thoại:

2. Thông tin công trình:

- Địa Điểm xây dựng:
- Lô đất số: Diện tích m².
- Tại số nhà: Đường/phố
- Phường/xã Quận/huyện
- Tỉnh, thành phố:

3. Nội dung đề nghị cấp phép:

3.1. Đối với công trình không theo tuyến:

- Loại công trình: Cấp công trình:
- Diện tích xây dựng: m².
- Cốt xây dựng: m
- Tổng diện tích sàn:m²(ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).
- Chiều cao công trình:m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).
- Số tầng: (ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)

3.2. Đối với công trình theo tuyến trong đô thị:

- Loại công trình: Cấp công trình:
- Tổng chiều dài công trình: m (ghi rõ chiều dài qua từng khu vực đặc thù, qua từng địa giới hành chính xã, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố).
- Cốt của công trình:m (ghi rõ cốt qua từng khu vực)
- Chiều cao tính không của tuyến: m (ghi rõ chiều cao qua các khu vực).
- Độ sâu công trình:m (ghi rõ độ sâu qua từng khu vực)

3.3. Đối với công trình tượng đài, tranh hoành tráng:

- Loại công trình: Cấp công trình:
- Diện tích xây dựng:m².
- Cốt xây dựng:m
- Chiều cao công trình:m

3.4. Đối với công trình quảng cáo:

- Loại công trình: Cấp công trình:
- Diện tích xây dựng:m².
- Cốt xây dựng:m
- Chiều cao công trình:m
- Nội dung quảng cáo:

3.5. Đối với công trình nhà ở riêng lẻ:

- Cấp công trình:
- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt):m².
- Tổng diện tích sàn:m² (trong đó ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).
- Chiều cao công trình:m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).
- Số tầng: (trong đó ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)

3.6. Đối với trường hợp cải tạo, sửa chữa:

- Loại công trình: Cấp công trình:
- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt):m².
- Tổng diện tích sàn:m² (ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).
- Chiều cao công trình:m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).
- Số tầng: (ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)

3.7. Đối với trường hợp cấp theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến:

- Giai đoạn 1:
 - + Loại công trình: Cấp công trình:
 - + Diện tích xây dựng:m².
 - + Cốt xây dựng:m
 - + Chiều sâu công trình:m (tính từ cốt xây dựng)
- Giai đoạn 2:
 - + Tổng diện tích sàn:m² (ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).
 - + Chiều cao công trình:m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).
 - + Số tầng: (ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)

3.8. Đối với trường hợp cấp theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị:

- Loại công trình: Cấp công trình:
- Tổng chiều dài công trình theo giai đoạn:m (ghi rõ chiều dài qua từng khu vực đặc thù, qua từng địa giới hành chính xã, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố).
- Cốt của công trình:m (qua các khu vực theo từng giai đoạn)
- Chiều cao tính không của tuyến:m (ghi rõ chiều cao qua các khu vực theo từng giai đoạn).
- Độ sâu công trình:m (ghi rõ độ sâu qua các khu vực theo từng giai đoạn)

3.9. Đối với trường hợp cấp cho Dự án:

- Tên dự án:
 - + Đã được: phê duyệt, theo Quyết định số: ngày
 - Gồm: (n) công trình
- Trong đó:
- + Công trình số (1-n): (tên công trình)
 - * Loại công trình: Cấp công trình:
 - * Các thông tin chủ yếu của công trình:

3.10. Đối với trường hợp di dời công trình:

- Công trình cần di dời:
- Loại công trình: Cấp công trình:
- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt):m².
- Tổng diện tích sàn:m².
- Chiều cao công trình:m².
- Địa Điểm công trình di dời đến:
- Lô đất số: Diện tíchm².
- Tại: Đường:
- Phường (xã) Quận (huyện)
- Tỉnh, thành phố:
- Số tầng:

4. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế:

- Tên đơn vị thiết kế:
- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (nếu có): Số Cấp ngày
- Tên chủ nhiệm thiết kế:
- Chứng chỉ hành nghề cá nhân số:do Cấp ngày:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Giấy phép hành nghề số (nếu có):cấp ngày

5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình:..... tháng.

6. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

- 1 -
- 2 -

..... ngàytháng năm

Người làm đơn/Đại diện chủ đầu tư
Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)

PHỤ LỤC SỐ 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016
của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI KINH NGHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THIẾT KẾ

1. Tổ chức thiết kế:
- 1.1. Tên:
- 1.2. Địa chỉ:
- 1.3. Số điện thoại:
- 1.4. Nội dung đăng ký kinh doanh:
2. Kinh nghiệm thiết kế:
- 2.1. Kê khai ít nhất 03 công trình đã thiết kế tương tự như công trình đề nghị cấp phép:
 - a)
 - b)
- 2.2. Tổ chức trực tiếp thiết kế:
 - a) Số lượng:Trong đó:
 - Kiến trúc sư:
 - Kỹ sư các loại:
 - b) Chủ nhiệm thiết kế:
 - Họ và tên:
 - Số chứng chỉ (kèm photocopy chứng chỉ):
 - Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ):
 - c) Chủ trì thiết kế các bộ môn (kê khai đối với tất cả các bộ môn):
 - Họ và tên:
 - Số chứng chỉ (kèm photocopy chứng chỉ):
 - Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ):

....., Ngày tháng.... năm

Đại diện tổ chức, cá nhân thiết kế
(Ký ghi rõ họ tên)

DANH MỤC

Các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng quy định tại Điều 3 Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017

TT	Loại giấy tờ
01	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp theo quy định của Luật đất đai năm 1987, Luật đất đai năm 1993, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai năm 2001, Luật đất đai năm 2003.
02	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được cấp theo quy định của Luật đất đai năm 2013, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12.
03	Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở được cấp theo quy định tại Nghị định số 60/CP ngày 05 tháng 7 năm 1994 của Chính phủ về quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại đô thị, Nghị định số 61/CP ngày 05 tháng 7 năm 1994 của Chính phủ về mua bán và kinh doanh nhà ở.
04	Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở; giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng đã được cấp theo quy định tại Pháp lệnh nhà ở năm 1991; Luật nhà ở năm 2005; Nghị định số 81/2001/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2001 của Chính phủ về việc người Việt Nam định cư ở nước ngoài mua nhà ở tại Việt Nam; Nghị định số 95/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu công trình xây dựng; Nghị định số 90/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật nhà ở; Nghị định số 51/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số 19/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008 của Quốc hội về việc thí điểm cho tổ chức, cá nhân nước ngoài mua và sở hữu nhà ở tại Việt Nam; Điều 31, Điều 32 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; các giấy chứng nhận khác về quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu công trình xây dựng đã được cấp theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về nhà ở, pháp luật về xây dựng qua các thời kỳ.
05	Các loại giấy tờ đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận gồm: Các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật đất đai năm 2013; Điều 18 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013 và quy định tại khoản 16 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai hoặc giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã và được cơ quan đăng ký đất đai xác nhận đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.
06	Giấy tờ về đất đai đối với trường hợp được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất từ sau ngày 01 tháng 7 năm 2004 nhưng không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai, gồm: Quyết định giao đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc Quyết định cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và hợp đồng thuê đất kèm theo (nếu có) hoặc giấy tờ về trúng đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất hoặc Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
07	Báo cáo rà soát, kê khai hiện trạng sử dụng đất đối với trường hợp tổ chức, cơ sở tôn giáo đang sử dụng mà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,

	quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có đất kiểm tra và quyết định xử lý theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.
08	Giấy tờ về việc xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đối với trường hợp cấp giấy phép xây dựng để thực hiện xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo hoặc di dời các công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013.
09	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc văn bản chấp thuận về địa điểm xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với công trình xây dựng biển quảng cáo, trạm viễn thông, cột ăng-ten tại khu vực không thuộc nhóm đất có mục đích sử dụng để xây dựng và không được chuyển đổi mục đích sử dụng đất.
10	Hợp đồng thuê đất được giao kết giữa chủ đầu tư xây dựng công trình và người quản lý, sử dụng công trình giao thông hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về giao thông đối với công trình được phép xây dựng trong phạm vi đất dành cho giao thông theo quy định của pháp luật.
11	Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp người sử dụng đất đã có giấy tờ hợp pháp về đất đai theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này nhưng đề nghị được cấp giấy phép xây dựng sử dụng vào mục đích khác với mục đích sử dụng đất đã được ghi trên giấy tờ đó.
12	Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo đề nghị của cơ quan cấp giấy phép xây dựng để xác định diện tích các loại đất đối với trường hợp người sử dụng đất có một trong các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này nhưng trên các giấy tờ đó không ghi rõ diện tích các loại đất để làm cơ sở cấp giấy phép xây dựng.

3. Thủ tục: Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1. Chủ đầu tư nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Địa chỉ: Số 70 đường Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút</p> <p>Bước 2. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum có trách nhiệm tiếp nhận; kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn để chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định.</p> <p>Bước 3: Chuyên đơn vị có thẩm quyền xử lý. Đơn vị có thẩm quyền xử lý, hoàn thành và trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. Trường hợp không giải quyết thì có văn bản trả lời theo quy định.</p> <p>Bước 4. Theo phiếu hẹn, chủ đầu tư nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ Bưu chính.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng (<i>theo mẫu</i>). - Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai nơi công trình sẽ di dời đến và giấy tờ hợp pháp về quyền sở hữu công trình theo quy định của pháp luật. Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai tại Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 (có danh mục kèm theo). - Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ tổng mặt bằng, nơi công trình sẽ được di dời tới tỷ lệ 1/50 - 1/500. - Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/100 - 1/200, mặt cắt móng tỷ lệ 1/50 tại địa điểm công trình sẽ di dời tới 500. - Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực thực hiện. - Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính phương án di dời theo quy định tại Khoản 5 Điều 97 Luật Xây dựng 2014, cụ thể: Phương án di dời do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực thực hiện gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Phần thuyết minh về hiện trạng công trình và khu vực công trình sẽ được di dời đến; giải pháp di dời, phương án bố trí sử dụng phương tiện, thiết bị nhân lực giải pháp bảo đảm an toàn cho công trình, người, máy móc, thiết bị và công trình lân cận; bảo đảm vệ sinh môi trường; tiến độ di dời; tổ chức, cá nhân thực hiện di dời công trình; + Phần bản vẽ biện pháp thi công di dời công trình. - Trường hợp thiết kế xây dựng của công trình đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định, bản vẽ thiết kế là bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp các bản vẽ thiết kế xây dựng đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định.

	<p>+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính báo cáo kết quả thẩm định thiết kế của cơ quan chuyên môn về xây dựng (<i>đối với công trình theo quy định phải được thẩm định thiết kế</i>).</p> <p>+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản bản cam kết của chủ đầu tư bảo đảm an toàn cho công trình và công trình lân cận (<i>đối với công trình xây chen, có tầng hầm</i>).</p> <p>+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc dự án đầu tư (<i>đối với công trình yêu cầu phải lập dự án đầu tư xây dựng</i>).</p> <p>+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thiết kế (<i>theo mẫu</i>) đối với công trình chưa được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết:	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện:	Chủ đầu tư
Cơ quan thực hiện:	Sở Xây dựng tỉnh Kon Tum (hoặc Ban Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao) theo phân cấp của địa phương
Kết quả:	Giấy phép xây dựng kèm theo hồ sơ thiết kế trình xin cấp giấy phép xây dựng có đóng dấu của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng tại nơi tiếp nhận hồ sơ.
Phí, Lệ phí:	Lệ phí Cấp giấy phép xây dựng (cấp mới-Đối với các công trình khác (trừ nhà ở riêng lẻ của nhân dân)): Mức thu: 100.000 đồng/giấy phép.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<p>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép xây dựng (<i>phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016</i>)</p> <p>- Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của tổ chức thiết kế, cá nhân là chủ nhiệm, chủ trì thiết kế (<i>phụ lục số 3 Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016</i>).</p>
Yêu cầu, điều kiện:	<p>1. Phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Đối với công trình xây dựng ở khu vực, tuyến phố trong đô thị đã ổn định nhưng chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng thì phải phù hợp với quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị hoặc thiết kế đô thị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.</p> <p>2. Phù hợp với mục đích sử dụng đất theo quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt.</p> <p>3. Bảo đảm an toàn cho công trình, công trình lân cận và yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ; bảo đảm an toàn hạ tầng kỹ thuật, hành lang bảo vệ công trình thuỷ lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hoá, di tích lịch sử - văn hóa; bảo đảm khoảng cách an toàn đến công trình dễ cháy, nổ, độc hại và công trình quan trọng có liên quan đến quốc phòng, an ninh.</p> <p>4. Thiết kế xây dựng công trình đã được thẩm định, phê duyệt theo quy định.</p> <p>5. Phù hợp với vị trí và tổng mặt bằng của dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản đối với công trình không theo tuyến ngoài đô thị.</p> <p>6. Trường hợp dự án đầu tư xây dựng trong đô thị tại khu vực chưa có quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc không yêu cầu lập quy hoạch chi tiết theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị thì giấy phép quy hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp là cơ sở để xem xét cấp giấy phép xây dựng.</p>
Căn cứ pháp lý:	<p>- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014.</p> <p>- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ.</p>

- | | |
|--|--|
| | <ul style="list-style-type: none">- Nghị định số 53/2017ND-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ.- Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ.- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP, ngày 14/02/2015 của Chính phủ.- Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.- Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh Kon Tum.- Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 11/01/2016 của UBND tỉnh Kon Tum. |
|--|--|

PHỤ LỤC SỐ 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

(Sử dụng cho công trình: Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Quảng cáo/Nhà ở riêng lẻ/Sửa chữa, cải tạo/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án/Di dời công trình)

Kính gửi:

1. Thông tin về chủ đầu tư:

- Tên chủ đầu tư (tên chủ hộ):
- Người đại diện: Chức vụ (nếu có):
- Địa chỉ liên hệ:
- Số nhà: Đường/phố Phường/xã
- Quận/huyện Tỉnh/thành phố:
- Số điện thoại:

2. Thông tin công trình:

- Địa Điểm xây dựng:
- Lô đất số: Diện tích m².
- Tại số nhà: Đường/phố
- Phường/xã Quận/huyện
- Tỉnh, thành phố:

3. Nội dung đề nghị cấp phép:

3.1. Đối với công trình không theo tuyến:

- Loại công trình: Cấp công trình:
- Diện tích xây dựng: m².
- Cốt xây dựng: m
- Tổng diện tích sàn:m²(ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).
- Chiều cao công trình:m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).
- Số tầng: (ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)

3.2. Đối với công trình theo tuyến trong đô thị:

- Loại công trình: Cấp công trình:
- Tổng chiều dài công trình: m (ghi rõ chiều dài qua từng khu vực đặc thù, qua từng địa giới hành chính xã, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố).
- Cốt của công trình:m (ghi rõ cốt qua từng khu vực)
- Chiều cao tính không của tuyến: m (ghi rõ chiều cao qua các khu vực).
- Độ sâu công trình:m (ghi rõ độ sâu qua từng khu vực)

3.3. Đối với công trình tượng đài, tranh hoành tráng:

- Loại công trình: Cấp công trình:
- Diện tích xây dựng:m².
- Cốt xây dựng:m
- Chiều cao công trình:m

3.4. Đối với công trình quảng cáo:

- Loại công trình: Cấp công trình:
- Diện tích xây dựng:m².
- Cốt xây dựng:m
- Chiều cao công trình:m
- Nội dung quảng cáo:

3.5. Đối với công trình nhà ở riêng lẻ:

- Cấp công trình:
- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt):m².
- Tổng diện tích sàn:m² (trong đó ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).
- Chiều cao công trình:m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).
- Số tầng: (trong đó ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)

3.6. Đối với trường hợp cải tạo, sửa chữa:

- Loại công trình: Cấp công trình:
- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt):m².
- Tổng diện tích sàn:m² (ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).
- Chiều cao công trình:m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).
- Số tầng: (ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)

3.7. Đối với trường hợp cấp theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến:

- Giai đoạn 1:
 - + Loại công trình: Cấp công trình:
 - + Diện tích xây dựng:m².
 - + Cốt xây dựng:m
 - + Chiều sâu công trình:m (tính từ cốt xây dựng)
- Giai đoạn 2:
 - + Tổng diện tích sàn:m² (ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).
 - + Chiều cao công trình:m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).
 - + Số tầng: (ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)

3.8. Đối với trường hợp cấp theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị:

- Loại công trình: Cấp công trình:
- Tổng chiều dài công trình theo giai đoạn:m (ghi rõ chiều dài qua từng khu vực đặc thù, qua từng địa giới hành chính xã, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố).
- Cốt của công trình:m (qua các khu vực theo từng giai đoạn)
- Chiều cao tính không của tuyến:m (ghi rõ chiều cao qua các khu vực theo từng giai đoạn).
- Độ sâu công trình:m (ghi rõ độ sâu qua các khu vực theo từng giai đoạn)

3.9. Đối với trường hợp cấp cho Dự án:

- Tên dự án:
 - + Đã được: phê duyệt, theo Quyết định số: ngày
 - Gồm: (n) công trình
- Trong đó:
- + Công trình số (1-n): (tên công trình)
 - * Loại công trình: Cấp công trình:
 - * Các thông tin chủ yếu của công trình:

3.10. Đối với trường hợp di dời công trình:

- Công trình cần di dời:
- Loại công trình: Cấp công trình:
- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt):m².
- Tổng diện tích sàn:m².
- Chiều cao công trình:m².
- Địa Điểm công trình di dời đến:
- Lô đất số: Diện tíchm².
- Tại: Đường:
- Phường (xã) Quận (huyện)
- Tỉnh, thành phố:
- Số tầng:

4. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế:

- Tên đơn vị thiết kế:
- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (nếu có): Số Cấp ngày
- Tên chủ nhiệm thiết kế:
- Chứng chỉ hành nghề cá nhân số:do Cấp ngày:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Giấy phép hành nghề số (nếu có):cấp ngày

5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình:..... tháng.

6. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

- 1 -
- 2 -

..... ngàytháng năm

Người làm đơn/Đại diện chủ đầu tư
Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)

PHỤ LỤC SỐ 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI KINH NGHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THIẾT KẾ

1. Tổ chức thiết kế:
- 1.1. Tên:
- 1.2. Địa chỉ:
- 1.3. Số điện thoại:
- 1.4. Nội dung đăng ký kinh doanh:
2. Kinh nghiệm thiết kế:
- 2.1. Kê khai ít nhất 03 công trình đã thiết kế tương tự như công trình đề nghị cấp phép:
 - a)
 - b)
- 2.2. Tổ chức trực tiếp thiết kế:
 - a) Số lượng:Trong đó:
 - Kiến trúc sư:
 - Kỹ sư các loại:
 - b) Chủ nhiệm thiết kế:
 - Họ và tên:
 - Số chứng chỉ (kèm photocopy chứng chỉ):
 - Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ):
 - c) Chủ trì thiết kế các bộ môn (kê khai đối với tất cả các bộ môn):
 - Họ và tên:
 - Số chứng chỉ (kèm photocopy chứng chỉ):
 - Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ):

....., Ngày tháng.... năm

Đại diện tổ chức, cá nhân thiết kế
(Ký ghi rõ họ tên)

DANH MỤC

Các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng quy định tại Điều 3 Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017

TT	Loại giấy tờ
01	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp theo quy định của Luật đất đai năm 1987, Luật đất đai năm 1993, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai năm 2001, Luật đất đai năm 2003.
02	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được cấp theo quy định của Luật đất đai năm 2013, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12.
03	Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở được cấp theo quy định tại Nghị định số 60/CP ngày 05 tháng 7 năm 1994 của Chính phủ về quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại đô thị, Nghị định số 61/CP ngày 05 tháng 7 năm 1994 của Chính phủ về mua bán và kinh doanh nhà ở.
04	Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở; giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng đã được cấp theo quy định tại Pháp lệnh nhà ở năm 1991; Luật nhà ở năm 2005; Nghị định số 81/2001/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2001 của Chính phủ về việc người Việt Nam định cư ở nước ngoài mua nhà ở tại Việt Nam; Nghị định số 95/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu công trình xây dựng; Nghị định số 90/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật nhà ở; Nghị định số 51/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số 19/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008 của Quốc hội về việc thí điểm cho tổ chức, cá nhân nước ngoài mua và sở hữu nhà ở tại Việt Nam; Điều 31, Điều 32 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; các giấy chứng nhận khác về quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu công trình xây dựng đã được cấp theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về nhà ở, pháp luật về xây dựng qua các thời kỳ.
05	Các loại giấy tờ đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận gồm: Các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật đất đai năm 2013; Điều 18 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013 và quy định tại khoản 16 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai hoặc giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã và được cơ quan đăng ký đất đai xác nhận đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.
06	Giấy tờ về đất đai đối với trường hợp được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất từ sau ngày 01 tháng 7 năm 2004 nhưng không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai, gồm: Quyết định giao đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc Quyết định cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và hợp đồng thuê đất kèm theo (nếu có) hoặc giấy tờ về trúng đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất hoặc Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
07	Báo cáo rà soát, kê khai hiện trạng sử dụng đất đối với trường hợp tổ chức, cơ sở tôn giáo đang sử dụng mà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,

	quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có đất kiểm tra và quyết định xử lý theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.
08	Giấy tờ về việc xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đối với trường hợp cấp giấy phép xây dựng để thực hiện xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo hoặc di dời các công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013.
09	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc văn bản chấp thuận về địa điểm xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với công trình xây dựng biển quảng cáo, trạm viễn thông, cột ăng-ten tại khu vực không thuộc nhóm đất có mục đích sử dụng để xây dựng và không được chuyển đổi mục đích sử dụng đất.
10	Hợp đồng thuê đất được giao kết giữa chủ đầu tư xây dựng công trình và người quản lý, sử dụng công trình giao thông hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về giao thông đối với công trình được phép xây dựng trong phạm vi đất dành cho giao thông theo quy định của pháp luật.
11	Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp người sử dụng đất đã có giấy tờ hợp pháp về đất đai theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này nhưng đề nghị được cấp giấy phép xây dựng sử dụng vào mục đích khác với mục đích sử dụng đất đã được ghi trên giấy tờ đó.
12	Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo đề nghị của cơ quan cấp giấy phép xây dựng để xác định diện tích các loại đất đối với trường hợp người sử dụng đất có một trong các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này nhưng trên các giấy tờ đó không ghi rõ diện tích các loại đất để làm cơ sở cấp giấy phép xây dựng.

4. Thủ tục: Điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1. Chủ đầu tư nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Địa chỉ: Số 70 đường Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút</p> <p>Bước 2. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum có trách nhiệm tiếp nhận; kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn để chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định.</p> <p>Bước 3: Chuyên đơn vị có thẩm quyền xử lý. Đơn vị có thẩm quyền xử lý, hoàn thành và trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. Trường hợp không giải quyết thì có văn bản trả lời theo quy định.</p> <p>Bước 4. Theo phiếu hẹn, chủ đầu tư nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ Bưu chính.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng (<i>theo mẫu</i>). - Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp; - Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ thiết kế mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt bộ phận, hạng mục công trình đề nghị điều chỉnh tỷ lệ 1/50 - 1/200; - Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản phê duyệt điều chỉnh thiết kế của người có thẩm quyền theo quy định kèm theo Bản kê khai điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân thiết kế (<i>theo mẫu</i>) đối với trường hợp thiết kế không do cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định hoặc Báo cáo kết quả thẩm định thiết kế điều chỉnh của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng. - Trường hợp thiết kế xây dựng của công trình đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định, các bản vẽ thiết kế là bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp các bản vẽ thiết kế xây dựng đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết:	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện:	Chủ đầu tư
Cơ quan thực hiện:	Sở Xây dựng tỉnh Kon Tum (hoặc Ban Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao) theo phân cấp của địa phương
Kết quả:	Giấy phép xây dựng được điều chỉnh.
Phí, Lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng (<i>phụ lục số 2 Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016</i>). - Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của tổ chức thiết kế, cá nhân là chủ nhiệm, chủ trì thiết kế (<i>phụ lục số 3 Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	1. Trong quá trình xây dựng, trường hợp có điều chỉnh thiết kế làm thay

	<p>đổi một trong các nội dung dưới đây thì chủ đầu tư phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng:</p> <p>a) Thay đổi hình thức kiến trúc mặt ngoài của công trình đối với công trình trong đô thị thuộc khu vực có yêu cầu về quản lý kiến trúc;</p> <p>b) Thay đổi một trong các yếu tố về vị trí, diện tích xây dựng; quy mô, chiều cao, số tầng của công trình và các yếu tố khác ảnh hưởng đến kết cấu chịu lực chính;</p> <p>c) Khi điều chỉnh thiết kế bên trong công trình làm thay đổi công năng sử dụng làm ảnh hưởng đến an toàn, phòng, chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường.</p> <p>2. Phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Đối với công trình xây dựng ở khu vực, tuyến phố trong đô thị đã ổn định nhưng chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng thì phải phù hợp với quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị hoặc thiết kế đô thị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.</p> <p>3. Phù hợp với mục đích sử dụng đất theo quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt.</p> <p>4. Bảo đảm an toàn cho công trình, công trình lân cận và yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ; bảo đảm an toàn hạ tầng kỹ thuật, hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hoá, di tích lịch sử - văn hóa; bảo đảm khoảng cách an toàn đến công trình dễ cháy, nổ, độc hại và công trình quan trọng có liên quan đến quốc phòng, an ninh.</p> <p>5. Thiết kế xây dựng công trình đã được thẩm định, phê duyệt theo quy định.</p> <p>6. Phù hợp với vị trí và tổng mặt bằng của dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản đối với công trình không theo tuyến ngoài đô thị.</p>
<p>Căn cứ pháp lý:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014. - Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ. - Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ. - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP, ngày 14/02/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng. - Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 11/01/2016 của UBND tỉnh Kon Tum.

PHỤ LỤC SỐ 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD
ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN/CẤP LẠI GIẤY PHÉP XÂY DỰNG (Sử dụng cho: Công trình/Nhà ở riêng lẻ)

Kính gửi:

1. Tên chủ đầu tư (Chủ hộ):
- Người đại diện: Chức vụ:
- Địa chỉ liên hệ:
- Số nhà: Đường (phố) Phường (xã)
- Quận (huyện) Tỉnh, thành phố:
- Số điện thoại:
2. Địa điểm xây dựng:
- Lô đất số: Diện tíchm².
- Tại: Đường:
- Phường (xã) Quận (huyện)
- Tỉnh, thành phố:
3. Giấy phép xây dựng đã được cấp: (số, ngày, cơ quan cấp)
- Nội dung Giấy phép:
-
4. Nội dung đề nghị điều chỉnh so với Giấy phép đã được cấp (hoặc lý do đề nghị gia hạn/cấp lại):
-
5. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế:
- Tên đơn vị thiết kế:
- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (nếu có): Số Cấp ngày
- Tên chủ nhiệm thiết kế:
- Chứng chỉ hành nghề cá nhân số:do Cấp ngày:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Giấy phép hành nghề số (nếu có): cấp ngày
6. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình theo thiết kế điều chỉnh/gia hạn: tháng.
7. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép điều chỉnh được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

- 1 -
- 2 -

..... ngày.....tháng năm

Người làm đơn/Đại diện chủ đầu tư
Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)

PHỤ LỤC SỐ 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI KINH NGHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THIẾT KẾ

1. Tổ chức thiết kế:
- 1.1. Tên:
- 1.2. Địa chỉ:
- 1.3. Số điện thoại:
- 1.4. Nội dung đăng ký kinh doanh:
2. Kinh nghiệm thiết kế:
- 2.1. Kê khai ít nhất 03 công trình đã thiết kế tương tự như công trình đề nghị cấp phép:
 - a)
 - b)
- 2.2. Tổ chức trực tiếp thiết kế:
 - a) Số lượng:Trong đó:
 - Kiến trúc sư:
 - Kỹ sư các loại:
 - b) Chủ nhiệm thiết kế:
 - Họ và tên:
 - Số chứng chỉ (kèm photocopy chứng chỉ):
 - Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ):
 - c) Chủ trì thiết kế các bộ môn (kê khai đối với tất cả các bộ môn):
 - Họ và tên:
 - Số chứng chỉ (kèm photocopy chứng chỉ):
 - Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ):

....., Ngày tháng.... năm
Đại diện tổ chức, cá nhân thiết kế
(Ký ghi rõ họ tên)

5. Thủ tục: Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1. Chủ đầu tư nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Địa chỉ: Số 70 đường Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.</p> <p>Bước 2. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum có trách nhiệm tiếp nhận; kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn để chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định.</p> <p>Bước 3: Chuyên đơn vị có thẩm quyền xử lý. Đơn vị có thẩm quyền xử lý, hoàn thành và trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. Trường hợp không giải quyết thì có văn bản trả lời theo quy định.</p> <p>Bước 4. Theo phiếu hẹn, chủ đầu tư nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ Bưu chính.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p>- Đơn đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng (<i>theo mẫu</i>).</p> <p>- Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết:	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện:	Chủ đầu tư
Cơ quan thực hiện:	Sở Xây dựng tỉnh Kon Tum.
Kết quả:	Cho phép thời gian gia hạn không quá 12 tháng.
Phí, Lệ phí:	Lệ phí cấp giáp phép xây dựng (Trường hợp gia hạn giấy phép). Mức thu: 10.000 đồng/01 lần gia hạn.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	- Đơn đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng (<i>phụ lục số 2 Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	<p>1. Trước thời điểm giấy phép xây dựng hết hiệu lực khởi công xây dựng, nếu công trình chưa được khởi công thì chủ đầu tư phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng. Mỗi giấy phép xây dựng chỉ được gia hạn tối đa 02 lần. Thời gian gia hạn mỗi lần là 12 tháng. Khi hết thời gian gia hạn giấy phép xây dựng mà chưa khởi công xây dựng thì chủ đầu tư phải nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng mới.</p> <p>2. Đối với công trình được cấp giấy phép xây dựng có thời hạn đã hết thời hạn tồn tại ghi trong giấy phép nhưng quy hoạch chưa được thực hiện thì chủ sở hữu công trình hoặc người được giao sử dụng công trình đề nghị cơ quan cấp giấy phép xây dựng xem xét gia hạn thời hạn tồn tại cho đến khi quy hoạch được triển khai thực hiện. Thời hạn tồn tại công trình được ghi ngay vào giấy phép xây dựng có thời hạn đã được cấp.</p>
Căn cứ pháp lý:	<p>- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014.</p> <p>- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ.</p>

	<ul style="list-style-type: none">- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP, ngày 14/02/2015 của Chính phủ.- Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.- Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh Kon Tum.- Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 11/01/2016 của UBND tỉnh Kon Tum.
--	---

PHỤ LỤC SỐ 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD
ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN/CẤP LẠI GIẤY PHÉP XÂY DỰNG (Sử dụng cho: Công trình/Nhà ở riêng lẻ)

Kính gửi:

1. Tên chủ đầu tư (Chủ hộ):
- Người đại diện: Chức vụ:
- Địa chỉ liên hệ:
- Số nhà: Đường (phố) Phường (xã)
- Quận (huyện) Tỉnh, thành phố:
- Số điện thoại:
2. Địa điểm xây dựng:
- Lô đất số: Diện tíchm².
- Tại: Đường:
- Phường (xã) Quận (huyện)
- Tỉnh, thành phố:
3. Giấy phép xây dựng đã được cấp: (số, ngày, cơ quan cấp)
- Nội dung Giấy phép:
-
4. Nội dung đề nghị điều chỉnh so với Giấy phép đã được cấp (hoặc lý do đề nghị gia hạn/cấp lại):
-
5. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế:
- Tên đơn vị thiết kế:
- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (nếu có): Số Cấp ngày
- Tên chủ nhiệm thiết kế:
- Chứng chỉ hành nghề cá nhân số:do Cấp ngày:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Giấy phép hành nghề số (nếu có): cấp ngày
6. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình theo thiết kế điều chỉnh/gia hạn: tháng.
7. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép điều chỉnh được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

- 1 -
- 2 -

..... ngày.....tháng năm

Người làm đơn/Đại diện chủ đầu tư
Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)

6. Thủ tục: Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1. Chủ đầu tư nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Địa chỉ: Số 70 đường Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.</p> <p>Bước 2. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum có trách nhiệm tiếp nhận; kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn để chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định.</p> <p>Bước 3: Chuyên đơn vị có thẩm quyền xử lý. Đơn vị có thẩm quyền xử lý, hoàn thành và trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. Trường hợp không giải quyết thì có văn bản trả lời theo quy định.</p> <p>Bước 4. Theo phiếu hẹn, chủ đầu tư nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p>- Đơn đề nghị cấp lại giấy phép xây dựng, trong đó giải trình rõ lý do đề nghị cấp lại (<i>theo mẫu</i>).</p> <p>- Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp (<i>đối với trường hợp bị rách, nát</i>).</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết:	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Chủ đầu tư
Cơ quan thực hiện:	Sở Xây dựng tỉnh Kon Tum (hoặc Ban Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao) theo phân cấp của địa phương
Kết quả:	Giấy phép xây dựng được cấp lại.
Phí, Lệ phí:	Lệ phí cấp gấp phép xây dựng (Trường hợp cấp lại giấy phép). Mức thu: 100.000 đồng/giấy phép.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	- Đơn đề nghị cấp lại giấy phép xây dựng (<i>phụ lục số 2 Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Giấy phép xây dựng được cấp lại trong trường hợp bị rách, nát hoặc bị mất.
Căn cứ pháp lý:	<p>- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014.</p> <p>- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP, ngày 14/02/2015 của Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.</p> <p>- Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 11/01/2016 của UBND tỉnh Kon Tum.</p>

PHỤ LỤC SỐ 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD
ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN/CẤP LẠI GIẤY PHÉP XÂY DỰNG (Sử dụng cho: Công trình/Nhà ở riêng lẻ)

Kính gửi:

1. Tên chủ đầu tư (Chủ hộ):
- Người đại diện: Chức vụ:
- Địa chỉ liên hệ:
- Số nhà: Đường (phố) Phường (xã)
- Quận (huyện) Tỉnh, thành phố:
- Số điện thoại:
2. Địa điểm xây dựng:
- Lô đất số: Diện tíchm².
- Tại: Đường:
- Phường (xã) Quận (huyện)
- Tỉnh, thành phố:
3. Giấy phép xây dựng đã được cấp: (số, ngày, cơ quan cấp)
Nội dung Giấy phép:
-
4. Nội dung đề nghị điều chỉnh so với Giấy phép đã được cấp (hoặc lý do đề nghị gia hạn/cấp lại):
-
5. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế:
- Tên đơn vị thiết kế:
- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (nếu có): Số Cấp ngày
- Tên chủ nhiệm thiết kế:
- Chứng chỉ hành nghề cá nhân số:do Cấp ngày:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Giấy phép hành nghề số (nếu có): cấp ngày
6. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình theo thiết kế điều chỉnh/gia hạn: tháng.
7. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép điều chỉnh được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.
Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:
1 -
2 -

..... ngày.....tháng năm

Người làm đơn/Đại diện chủ đầu tư
Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)

7. Thủ tục: *Cấp giấy phép xây dựng có thời hạn.*

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1. Chủ đầu tư nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Địa chỉ: Số 70 đường Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút</p> <p>Bước 2. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum có trách nhiệm tiếp nhận; kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn để chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định.</p> <p>Bước 3: Chuyển đơn vị có thẩm quyền xử lý. Đơn vị có thẩm quyền xử lý, hoàn thành và trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. Trường hợp không giải quyết thì có văn bản trả lời theo quy định.</p> <p>Bước 4. Theo phiếu hẹn, chủ đầu tư nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ Bưu chính.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm: Thành phần hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng có thời hạn như quy định đối với từng loại công trình tương ứng, ngoài ra còn bao gồm những thành phần sau:</p> <p>- Tiêu đề của Đơn được sửa đổi là: <i>Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng có thời hạn.</i></p> <p>- Bản cam kết của chủ đầu tư về việc tự phá dỡ công trình khi hết thời hạn tồn tại được ghi trong giấy phép xây dựng có thời hạn, nếu không tự phá dỡ thì bị cưỡng chế và chịu mọi chi phí cho việc cưỡng chế phá dỡ.</p> <p>- Trường hợp công trình theo giấy phép xây dựng có thời hạn hết thời gian tồn tại, nhưng Nhà nước vẫn chưa thực hiện quy hoạch xây dựng, nếu chủ đầu tư có nhu cầu sử dụng tiếp thì đề nghị với cơ quan cấp phép xem xét cho phép kéo dài thời hạn tồn tại.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết:	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện:	Chủ đầu tư.
Cơ quan thực hiện:	Sở Xây dựng tỉnh Kon Tum (hoặc Ban Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao) theo phân cấp của địa phương.
Kết quả:	Giấy phép xây dựng có thời hạn kèm theo hồ sơ thiết kế trình xin cấp giấy phép xây dựng có đóng dấu của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng tại nơi tiếp nhận hồ sơ.
Phí, Lệ phí:	Lệ phí cấp giấy phép xây dựng (Trường hợp cấp mới giấy phép). Mức thu: 100.000 đồng/giấy phép.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<p>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép xây dựng (<i>phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016</i>)</p> <p>- Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của tổ chức thiết kế, cá nhân là chủ nhiệm, chủ trì thiết kế (<i>phụ lục số 3 Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016</i>).</p>
Yêu cầu, điều kiện:	<p>1. Điều kiện chung:</p> <p>a) Thuộc khu vực có quy hoạch phân khu xây dựng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, công bố nhưng chưa thực hiện và chưa có quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;</p> <p>b) Phù hợp với quy mô công trình do UBND cấp tỉnh quy định cho từng</p>

	<p>khu vực và thời hạn tồn tại của công trình theo kế hoạch thực hiện quy hoạch phân khu xây dựng đã được phê duyệt;</p> <p>c) Chủ đầu tư cam kết tự phá dỡ công trình khi hết thời hạn tồn tại được ghi trong giấy phép xây dựng có thời hạn, nếu không tự phá dỡ thì bị cưỡng chế và chịu mọi chi phí cho việc cưỡng chế phá dỡ.</p> <p>2. Phù hợp với mục đích sử dụng đất theo quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt.</p> <p>3. Bảo đảm an toàn cho công trình, công trình lân cận và yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ; bảo đảm an toàn hạ tầng kỹ thuật, hành lang bảo vệ công trình thuỷ lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hoá, di tích lịch sử - văn hóa; bảo đảm khoảng cách an toàn đến công trình dễ cháy, nổ, độc hại và công trình quan trọng có liên quan đến quốc phòng, an ninh.</p> <p>4. Thiết kế xây dựng công trình đã được thẩm định, phê duyệt theo quy định.</p>
<p>Căn cứ pháp lý:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014. - Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ. - Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ. - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP, ngày 14/02/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng. - Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh Kon Tum. - Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 11/01/2016 của UBND tỉnh Kon Tum.

PHỤ LỤC SỐ 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

(Sử dụng cho công trình: Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Quảng cáo/Nhà ở riêng lẻ/Sửa chữa, cải tạo/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án/Di dời công trình)

Kính gửi:

1. Thông tin về chủ đầu tư:

- Tên chủ đầu tư (tên chủ hộ):
- Người đại diện: Chức vụ (nếu có):
- Địa chỉ liên hệ:
- Số nhà: Đường/phố Phường/xã
- Quận/huyện Tỉnh/thành phố:
- Số điện thoại:

2. Thông tin công trình:

- Địa Điểm xây dựng:
- Lô đất số: Diện tích m².
- Tại số nhà: Đường/phố
- Phường/xã Quận/huyện
- Tỉnh, thành phố:

3. Nội dung đề nghị cấp phép:

3.1. Đối với công trình không theo tuyến:

- Loại công trình: Cấp công trình:
- Diện tích xây dựng: m².
- Cốt xây dựng: m
- Tổng diện tích sàn:m²(ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).
- Chiều cao công trình:m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).
- Số tầng: (ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)

3.2. Đối với công trình theo tuyến trong đô thị:

- Loại công trình: Cấp công trình:
- Tổng chiều dài công trình: m (ghi rõ chiều dài qua từng khu vực đặc thù, qua từng địa giới hành chính xã, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố).
- Cốt của công trình:m (ghi rõ cốt qua từng khu vực)
- Chiều cao tính không của tuyến: m (ghi rõ chiều cao qua các khu vực).
- Độ sâu công trình:m (ghi rõ độ sâu qua từng khu vực)

3.3. Đối với công trình tượng đài, tranh hoành tráng:

- Loại công trình: Cấp công trình:
- Diện tích xây dựng:m².
- Cốt xây dựng:m
- Chiều cao công trình:m

3.4. Đối với công trình quảng cáo:

- Loại công trình: Cấp công trình:
- Diện tích xây dựng:m².
- Cốt xây dựng:m
- Chiều cao công trình:m
- Nội dung quảng cáo:

3.5. Đối với công trình nhà ở riêng lẻ:

- Cấp công trình:
- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt):m².
- Tổng diện tích sàn:m² (trong đó ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).
- Chiều cao công trình:m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).
- Số tầng: (trong đó ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)

3.6. Đối với trường hợp cải tạo, sửa chữa:

- Loại công trình: Cấp công trình:
- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt):m².
- Tổng diện tích sàn:m² (ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).
- Chiều cao công trình:m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).
- Số tầng: (ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)

3.7. Đối với trường hợp cấp theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến:

- Giai đoạn 1:
 - + Loại công trình: Cấp công trình:
 - + Diện tích xây dựng:m².
 - + Cốt xây dựng:m
 - + Chiều sâu công trình:m (tính từ cốt xây dựng)
- Giai đoạn 2:
 - + Tổng diện tích sàn:m² (ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).
 - + Chiều cao công trình:m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).
 - + Số tầng: (ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)

3.8. Đối với trường hợp cấp theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị:

- Loại công trình: Cấp công trình:
- Tổng chiều dài công trình theo giai đoạn:m (ghi rõ chiều dài qua từng khu vực đặc thù, qua từng địa giới hành chính xã, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố).
- Cốt của công trình:m (qua các khu vực theo từng giai đoạn)
- Chiều cao tính không của tuyến:m (ghi rõ chiều cao qua các khu vực theo từng giai đoạn).
- Độ sâu công trình:m (ghi rõ độ sâu qua các khu vực theo từng giai đoạn)

3.9. Đối với trường hợp cấp cho Dự án:

- Tên dự án:
 - + Đã được: phê duyệt, theo Quyết định số: ngày
 - Gồm: (n) công trình
- Trong đó:
- + Công trình số (1-n): (tên công trình)
 - * Loại công trình: Cấp công trình:
 - * Các thông tin chủ yếu của công trình:

3.10. Đối với trường hợp di dời công trình:

- Công trình cần di dời:
- Loại công trình: Cấp công trình:
- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt):m².
- Tổng diện tích sàn:m².
- Chiều cao công trình:m².
- Địa Điểm công trình di dời đến:
- Lô đất số: Diện tíchm².
- Tại: Đường:
- Phường (xã) Quận (huyện)
- Tỉnh, thành phố:
- Số tầng:

4. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế:

- Tên đơn vị thiết kế:
- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (nếu có): Số Cấp ngày
- Tên chủ nhiệm thiết kế:
- Chứng chỉ hành nghề cá nhân số:do Cấp ngày:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Giấy phép hành nghề số (nếu có):cấp ngày

5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình:..... tháng.

6. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

- 1 -
- 2 -

..... ngàytháng năm

Người làm đơn/Đại diện chủ đầu tư
Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)

PHỤ LỤC SỐ 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI KINH NGHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THIẾT KẾ

1. Tổ chức thiết kế:
- 1.1. Tên:
- 1.2. Địa chỉ:
- 1.3. Số điện thoại:
- 1.4. Nội dung đăng ký kinh doanh:
2. Kinh nghiệm thiết kế:
- 2.1. Kê khai ít nhất 03 công trình đã thiết kế tương tự như công trình đề nghị cấp phép:
 - a)
 - b)
- 2.2. Tổ chức trực tiếp thiết kế:
 - a) Số lượng:Trong đó:
 - Kiến trúc sư:
 - Kỹ sư các loại:
 - b) Chủ nhiệm thiết kế:
 - Họ và tên:
 - Số chứng chỉ (kèm photocopy chứng chỉ):
 - Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ):
 - c) Chủ trì thiết kế các bộ môn (kê khai đối với tất cả các bộ môn):
 - Họ và tên:
 - Số chứng chỉ (kèm photocopy chứng chỉ):
 - Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ):

....., Ngày tháng.... năm
Đại diện tổ chức, cá nhân thiết kế
(Ký ghi rõ họ tên)

8. Thủ tục: Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1. Chủ đầu tư nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ Bru chính.</p> <p>- Địa chỉ: Số 70 đường Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút</p> <p>Bước 2. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum có trách nhiệm tiếp nhận; kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn để chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định.</p> <p>Bước 3: Chuyển đơn vị có thẩm quyền xử lý. Đơn vị có thẩm quyền xử lý, hoàn thành và trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. Trường hợp không giải quyết thì có văn bản trả lời theo quy định.</p> <p>Bước 4. Theo phiếu hẹn, chủ đầu tư nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ Bru chính.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình đề nghị thẩm định thiết kế cơ sở (<i>theo mẫu</i>). - Báo cáo nghiên cứu đầu tư xây dựng trong trường hợp thẩm định dự án/dự án điều chỉnh; hồ sơ thiết kế cơ sở (thuyết minh và bản vẽ) trong trường hợp thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh. - Hồ sơ trình thẩm định theo danh mục tại mẫu số 01 Phụ lục II Nghị định số 59/2015/NĐ-CP. - Các tài liệu, văn bản pháp lý liên quan. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).</p>
Thời hạn giải quyết:	<p>Thời gian thẩm định được tính từ ngày cơ quan, tổ chức thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ, như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với thẩm định dự án/dự án điều chỉnh: <ul style="list-style-type: none"> + Không quá 30 ngày đối với dự án nhóm B; + Không quá 20 ngày đối với dự án nhóm C. - Đối với thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh: <ul style="list-style-type: none"> + Không quá 20 ngày đối với dự án nhóm B; + Không quá 15 ngày đối với dự án nhóm C.
Đối tượng thực hiện:	Chủ đầu tư.
Cơ quan thực hiện:	Sở Xây dựng/Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành.
Kết quả:	Văn bản thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở.
Lệ phí, phí:	Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính (<i>có Biểu mức thu phí kèm theo</i>).
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Tờ trình thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh (<i>mẫu số 01, phụ lục II Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Không.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014. - Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ. - Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng.

- Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính - Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.
--

Mẫu số 01

Tờ trình thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh ban hành kèm theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

Thẩm định dự án đầu tư xây dựng hoặc thiết kế cơ sở

Kính gửi: (Cơ quan chủ trì thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.....

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định) thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN (CÔNG TRÌNH)

1. Tên dự án:
2. Nhóm dự án:
3. Loại và cấp công trình:
4. Người quyết định đầu tư:
5. Tên chủ đầu tư (nếu có) và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):
6. Địa điểm xây dựng:
7. Giá trị tổng mức đầu tư:
8. Nguồn vốn đầu tư:
9. Thời gian thực hiện:
10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
11. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi:
12. Các thông tin khác (nếu có):

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BÁO CÁO

1. Văn bản pháp lý:
 - Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công) hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với dự án sử dụng vốn khác);
 - Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển hoặc tuyển chọn theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có);
 - Quyết định lựa chọn nhà thầu lập dự án;
 - Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 (quy hoạch 1/2000 đối với khu công nghiệp quy mô trên 20 ha) được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc giấy phép quy hoạch của dự án;
 - Văn bản thẩm duyệt hoặc ý kiến về giải pháp phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);
 - Văn bản thỏa thuận độ cao tĩnh không (nếu có);
 - Các văn bản thông tin, số liệu về hạ tầng kỹ thuật đô thị;
 - Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có).
2. Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư (dự toán):
 - Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án;
 - Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi (bao gồm tổng mức đầu tư hoặc dự toán);
 - Thiết kế cơ sở bao gồm bản vẽ và thuyết minh.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập dự án, thiết kế cơ sở;
- Chứng chỉ hành nghề và thông tin năng lực của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế.

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định) thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Tên người đại diện

**BIỂU MỨC THU PHÍ THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG,
PHÍ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ CƠ SỞ**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính)

1. Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng

Tổng mức đầu tư dự án (tỷ đồng)	≤ 15	25	50	100	200	500	1.000	2.000	5.000	≥10.000
Tỷ lệ %	0,0190	0,0170	0,0150	0,0125	0,0100	0,0075	0,0047	0,0025	0,0020	0,0010

2. Phí thẩm định thiết kế cơ sở (đối với các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách, dự án PPP và dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn khác): Mức phí thẩm định thiết kế cơ sở bằng 50% mức phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng tại điểm 1 Biểu mức thu.

9. Thủ tục: Thẩm định báo cáo kinh tế-kỹ thuật/Báo cáo kinh tế-kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh của Báo cáo kinh tế-kỹ thuật

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1. Chủ đầu tư nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Địa chỉ: Số 70 đường Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.</p> <p>Bước 2. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum có trách nhiệm tiếp nhận; kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn để chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định.</p> <p>Bước 3: Chuyển đơn vị có thẩm quyền xử lý. Đơn vị có thẩm quyền xử lý, hoàn thành và trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. Trường hợp không giải quyết thì có văn bản trả lời theo quy định.</p> <p>Bước 4. Theo phiếu hẹn, chủ đầu tư nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ Bưu chính.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình thẩm định (theo mẫu). - Hồ sơ trình thẩm định theo danh mục tại mẫu số 04 Phụ lục II Nghị định số 59/2015/NĐ-CP. - Nhiệm vụ thiết kế đã được phê duyệt. - Thuyết minh báo cáo kinh tế-kỹ thuật. - Báo cáo kết quả thẩm tra (nếu có). - Các tài liệu, văn bản pháp lý liên quan. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).</p>
Thời hạn giải quyết:	Không quá 20 ngày tính từ ngày cơ quan thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện:	Chủ đầu tư
Cơ quan thực hiện:	Sở Xây dựng/Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành.
Kết quả:	Văn bản thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.
Lệ phí, phí:	Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính (có Biểu mức thu phí kèm theo).
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Tờ trình thẩm định (mẫu số 04, phụ lục II Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015).
Yêu cầu, điều kiện:	Không.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014. - Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ. - Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng. - Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính - Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.

Mẫu số 04

(Ban hành kèm theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ)

TÊN TỔ CHỨC

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng

Kính gửi: (Cơ quan thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.

(Tên chủ đầu tư) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế (thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công) và dự toán xây dựng công trình

I. THÔNG TIN CHUNG CÔNG TRÌNH

1. Tên công trình:
2. Loại, cấp, quy mô công trình:
3. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ, ...):
4. Địa điểm xây dựng:
5. Giá trị dự toán xây dựng công trình:
6. Nguồn vốn đầu tư:
7. Nhà thầu lập thiết kế và dự toán xây dựng:
8. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
9. Các thông tin khác có liên quan:

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BAO GỒM

1. Văn bản pháp lý:

- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công);
- Văn bản phê duyệt danh mục tiêu chuẩn nước ngoài (nếu có);
- Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);
- Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư;
- Và các văn bản khác có liên quan.

2. Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế, dự toán:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng;
- Hồ sơ thiết kế thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh và bản vẽ;
- Dự toán xây dựng công trình đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình;
- Giấy phép nhà thầu nước ngoài (nếu có);

- Chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế (bản sao có chứng thực);
(Tên tổ chức) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình.... với các nội dung nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Tên người đại diện

BIỂU MỨC THU PHÍ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT/BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT ĐIỀU CHỈNH; THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG, DỰ TOÁN XÂY DỰNG/THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG, DỰ TOÁN XÂY DỰNG ĐIỀU CHỈNH CỦA BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính)

1. Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng

Tổng mức đầu tư dự án (tỷ đồng)	≤ 15	25	50	100	200	500	1.000	2.000	5.000	≥10.000
Tỷ lệ %	0,0190	0,0170	0,0150	0,0125	0,0100	0,0075	0,0047	0,0025	0,0020	0,0010

2. Phí thẩm định báo cáo kinh tế-kỹ thuật/Báo cáo kinh tế-kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh của Báo cáo kinh tế-kỹ thuật: Mức phí thẩm định thiết kế bằng 50% mức phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng tại điểm 1 Biểu mức thu.

10. Thủ tục: Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1. Chủ đầu tư nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: Số 70 đường Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút <p>Bước 2. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum có trách nhiệm tiếp nhận; kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn để chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định.</p> <p>Bước 3: Chuyển đơn vị có thẩm quyền xử lý. Đơn vị có thẩm quyền xử lý, hoàn thành và trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. Trường hợp không giải quyết thì có văn bản trả lời theo quy định.</p> <p>Bước 4. Theo phiếu hẹn, chủ đầu tư nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ Bưu chính.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình thẩm định (<i>theo mẫu</i>). - Thuyết minh thiết kế, các bản vẽ thiết kế, các tài liệu khảo sát xây dựng liên quan. - Bản sao quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình kèm theo hồ sơ thiết kế cơ sở được phê duyệt hoặc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình, trừ công trình nhà ở riêng lẻ. - Bản sao hồ sơ về điều kiện năng lực của các chủ nhiệm, chủ trì khảo sát, thiết kế xây dựng công trình; văn bản thẩm duyệt phòng cháy, chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có). - Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư về sự phù hợp của hồ sơ thiết kế so với quy định hợp đồng. - Dự toán xây dựng công trình đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách. - Báo cáo kết quả thẩm tra (nếu có). <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).</p>
Thời hạn giải quyết:	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với công trình cấp II và cấp III: Không quá 30 ngày tính từ ngày cơ quan thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Đối với công trình còn lại: Không quá 20 ngày tính từ ngày cơ quan thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện:	Chủ đầu tư
Cơ quan thực hiện:	Sở Xây dựng/Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành.
Kết quả:	Văn bản về kết quả thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng.
Lệ phí, phí:	Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính (<i>có Biểu mức thu phí ban hành kèm theo</i>).
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Tờ trình thẩm định (<i>mẫu số 06, phụ lục II Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Không.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014. - Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ.

- | | |
|--|---|
| | <ul style="list-style-type: none">- Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ.- Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng.- Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính- Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng. |
|--|---|

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng năm

TỜ TRÌNH

Thẩm định thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình

Kính gửi: (Cơ quan thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.

(Tên chủ đầu tư) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế (thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công) và dự toán xây dựng công trình

I. THÔNG TIN CHUNG CÔNG TRÌNH

1. Tên công trình:
2. Cấp công trình:
3. Thuộc dự án: Theo quyết định đầu tư được phê duyệt
4. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ,...):
5. Địa điểm xây dựng:
6. Giá trị dự toán xây dựng công trình:
7. Nguồn vốn đầu tư:
8. Nhà thầu lập thiết kế và dự toán xây dựng:
9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
10. Các thông tin khác có liên quan:

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BAO GỒM

1. Văn bản pháp lý:
 - Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình;
 - Hồ sơ thiết kế cơ sở được phê duyệt cùng dự án đầu tư xây dựng;
 - Văn bản phê duyệt danh mục tiêu chuẩn nước ngoài (nếu có);
 - Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);
 - Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư;
 - Các văn bản khác có liên quan.
2. Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế, dự toán:
 - Hồ sơ khảo sát xây dựng;
 - Hồ sơ thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh và bản vẽ;
 - Dự toán xây dựng công trình đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách.
3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:
 - Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình;
 - Giấy phép nhà thầu nước ngoài (nếu có);

- Chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế.

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình.... với các nội dung nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Tên người đại diện

BIỂU MỨC THU PHÍ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính)

Phụ lục số 1:

Phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng (Thẩm định thiết kế kỹ thuật, thẩm định dự toán xây dựng đối với trường hợp thiết kế ba bước; thiết kế bản vẽ thi công, thẩm định dự toán công trình đối với trường hợp thiết kế hai bước)

1. Phí thẩm định thiết kế kỹ thuật

Đơn vị tính: Tỷ lệ%

TT	Loại công trình	Chi phí xây dựng (chưa có thuế GTGT) trong dự toán công trình hoặc dự toán gói thầu được duyệt (tỷ đồng)								
		≤15	50	100	200	500	1.000	2.000	5.000	8.000
1	Công trình dân dụng	0,165	0,110	0,085	0,065	0,050	0,041	0,029	0,022	0,019
2	Công trình công nghiệp	0,190	0,126	0,097	0,075	0,058	0,044	0,035	0,026	0,022
3	Công trình giao thông	0,109	0,072	0,055	0,043	0,033	0,025	0,021	0,016	0,014
4	Công trình NN và PTNT	0,121	0,080	0,061	0,048	0,037	0,028	0,023	0,017	0,014
5	Công trình hạ tầng kỹ thuật	0,126	0,085	0,065	0,050	0,039	0,030	0,026	0,019	0,017

2. Phí thẩm định dự toán xây dựng

Đơn vị tính: Tỷ lệ %

STT	Loại công trình	Chi phí xây dựng (chưa có thuế GTGT) trong dự toán công trình hoặc dự toán gói thầu được duyệt (tỷ đồng)								
		≤15	50	100	200	500	1.000	2.000	5.000	8.000
1	Công trình dân dụng	0,160	0,106	0,083	0,062	0,046	0,038	0,028	0,021	0,018
2	Công trình công nghiệp	0,185	0,121	0,094	0,072	0,055	0,041	0,033	0,023	0,020
3	Công trình giao thông	0,106	0,068	0,054	0,041	0,031	0,024	0,020	0,014	0,012
4	Công trình NN và PTNT	0,117	0,076	0,060	0,046	0,035	0,026	0,022	0,016	0,014
5	Công trình HTKT	0,122	0,082	0,062	0,047	0,037	0,029	0,024	0,017	0,014

Phụ lục số 2:

Phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng khi cơ quan chuyên môn về xây dựng mời tổ chức tư vấn, cá nhân cùng thẩm định (Thẩm định thiết kế kỹ thuật, thẩm định dự toán xây dựng đối với trường hợp thiết kế ba bước; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình đối với trường hợp thiết kế hai bước).

1. Phí thẩm định thiết kế kỹ thuật

Đơn vị tính: Tỷ lệ %

TT	Loại công trình	Chi phí xây dựng (chưa có thuế GTGT) trong dự toán công trình hoặc dự toán gói thầu được duyệt (tỷ đồng)								
		≤15	50	100	200	500	1.000	2.000	5.000	8.000
1	Công trình dân dụng	0,0495	0,0330	0,0255	0,0195	0,0150	0,0123	0,0087	0,0066	0,0057
2	Công trình công nghiệp	0,0570	0,0378	0,0291	0,0225	0,0174	0,0132	0,0105	0,0078	0,0066
3	Công trình giao thông	0,0327	0,0216	0,0165	0,0129	0,0099	0,0075	0,0063	0,0048	0,0042
4	Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	0,0363	0,0240	0,0183	0,0144	0,0111	0,0084	0,0069	0,0051	0,0042
5	Công trình hạ tầng kỹ thuật	0,0378	0,0255	0,0195	0,015	0,0117	0,0090	0,0780	0,0057	0,0051

2. Phí thẩm định dự toán xây dựng

Đơn vị tính: Tỷ lệ %

TT	Loại công trình	Chi phí xây dựng (chưa có thuế GTGT) trong dự toán công trình hoặc dự toán gói thầu được duyệt (tỷ đồng)								
		≤15	50	100	200	500	1.000	2.000	5.000	8.000
1	Công trình dân dụng	0,0480	0,0318	0,0249	0,0186	0,0138	0,0114	0,0084	0,0063	0,0054
2	Công trình công nghiệp	0,0555	0,0363	0,0282	0,0216	0,0165	0,0123	0,0099	0,0069	0,006
3	Công trình giao thông	0,0318	0,0204	0,0162	0,0123	0,0093	0,0072	0,006	0,0042	0,0036
4	Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	0,0351	0,0228	0,0180	0,0138	0,0105	0,0078	0,0066	0,0048	0,0042
5	Công trình hạ tầng kỹ thuật	0,0366	0,0246	0,0186	0,0141	0,0111	0,0087	0,0072	0,0051	0,0042

11. Thủ tục: *Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III*

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1. Cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc gửi hồ sơ trực tuyến qua mạng theo địa chỉ: http://cchn.xaydung.gov.vn hoặc website: sxd.kontum.gov.vn.</p> <p>- Địa chỉ: Số 70 đường Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút</p> <p>Bước 2. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Xây dựng thông báo một lần bằng văn bản tới cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ.</p> <p>Bước 3. Cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề có trách nhiệm tổ chức sát hạch cho cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề. Trường hợp cá nhân có nhu cầu đăng ký sát hạch trước khi nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề thì gửi tờ khai đăng ký sát hạch <i>theo mẫu tại Phụ lục II Nghị định này</i> đến cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề. Việc sát hạch được tiến hành định kỳ hàng tháng hoặc đột xuất do thủ trưởng cơ quan cấp chứng chỉ hành nghề quyết định.</p> <p>Bước 4. Nội dung sát hạch bao gồm phần câu hỏi về kinh nghiệm nghề nghiệp và phần câu hỏi về kiến thức pháp luật. Trường hợp cá nhân có chứng chỉ hành nghề cấp theo quy định của Luật Xây dựng năm 2003 còn thời hạn sử dụng thì khi tham dự sát hạch được miễn nội dung về kiến thức chuyên môn đối với lĩnh vực hành nghề ghi trên chứng chỉ. Kết quả sát hạch được bảo lưu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày sát hạch để làm căn cứ cấp chứng chỉ hành nghề.</p> <p>Bước 5. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng có trách nhiệm cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng.</p> <p>Bước 6. Theo phiếu hẹn, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút</p>
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến qua mạng.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng (<i>theo mẫu</i>). - 02 ảnh màu cỡ 4 x 6 cm có nền màu trắng chân dung của người đề nghị được chụp trong thời gian không quá 06 tháng. - Kết quả sát hạch đạt yêu cầu trong trường hợp đã sát hạch trước ngày nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề - Văn bằng do cơ sở đào tạo hợp pháp cấp phù hợp với loại, hạng chứng chỉ đề nghị cấp. Đối với văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp, phải là bản được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định và phải có bản dịch sang tiếng Việt được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam. - Các quyết định phân công công việc (giao nhiệm vụ) của tổ chức cho cá nhân hoặc văn bản xác nhận của đại diện theo pháp luật của chủ đầu tư về các công việc tiêu biểu mà cá nhân đã hoàn thành theo nội dung kê khai. Người ký xác nhận phải chịu trách nhiệm về sự trung thực của nội dung xác nhận. Trường hợp cá nhân hành nghề độc lập thì phải có hợp đồng và biên bản nghiệm thu các công việc thực hiện tiêu biểu đã kê khai.

	b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết:	Không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện:	Công dân Việt Nam
Cơ quan thực hiện:	Sở Xây dựng tỉnh Kon Tum.
Kết quả thực hiện:	Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III.
Phí, Lệ phí:	- Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng: + Đòi với trường hợp cấp lần đầu: 300.000 đồng/chứng chỉ (<i>Ba trăm nghìn đồng/chứng chỉ</i>). - Chi phí sát hạch: 450.000 đồng/lượt sát hạch. * <i>Lưu ý:</i> Cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ phải hoàn thành nghĩa vụ nộp chi phí và lệ phí khi nộp hồ sơ.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	- Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng (<i>Phụ lục số I Nghị định số 100/2018/NĐ-CP, ngày 16/7/2018</i>). - Tờ khai đăng ký sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng (<i>Phụ lục số II Nghị định số 100/2018/NĐ-CP, ngày 16/7/2018</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	a) Điều kiện chung đối với cá nhân xin cấp chứng chỉ hành nghề: - Có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật; có giấy phép cư trú hoặc giấy phép lao động tại Việt Nam đối với người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài. - Có trình độ đại học thuộc chuyên ngành phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 04 năm trở lên đối với chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II; - Có trình độ chuyên môn phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 02 năm trở lên đối với cá nhân có trình độ đại học; từ 03 năm trở lên đối với cá nhân có trình độ cao đẳng hoặc trung cấp đối với chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng III. b) Điều kiện riêng đối với từng lĩnh vực đề nghị xin cấp chứng chỉ hành nghề: (1) Cá nhân hành nghề khảo sát xây dựng: - Hạng II: Đã làm chủ nhiệm khảo sát xây dựng thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ ít nhất 01 dự án từ nhóm B trở lên hoặc 02 dự án từ nhóm C trở lên hoặc ít nhất 02 công trình từ cấp II trở lên hoặc 03 công trình từ cấp III trở lên. - Hạng III: Đã tham gia khảo sát xây dựng thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ ít nhất 02 dự án từ nhóm c hoặc 02 dự án có yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật trở lên hoặc ít nhất 02 công trình từ cấp III trở lên hoặc 03 công trình từ cấp IV trở lên. (2) Cá nhân hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng: - Hạng II: Đã làm chủ nhiệm hoặc chủ trì thiết kế bộ môn chuyên ngành ít nhất 01 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc 02 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt. - Hạng III: Đã tham gia thiết kế bộ môn chuyên ngành ít nhất trong 01 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc 02 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt. (3) Cá nhân hành nghề thiết kế xây dựng công trình: - Hạng II: Đã làm chủ nhiệm hoặc chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế phần việc thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình từ cấp II trở lên hoặc ít nhất 02 công trình từ cấp III trở lên hoặc đã tham gia thiết kế, thẩm tra thiết kế phần việc liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 03 công trình từ cấp II trở lên

	<p>cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hạng III: Đã tham gia thiết kế, thẩm tra thiết kế phần việc thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 03 công trình từ cấp III trở lên hoặc 05 công trình từ cấp IV trở lên cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề. <p>(4) Cá nhân hành nghề giám sát thi công xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hạng II: Đã làm giám sát trưởng hoặc chỉ huy trưởng công trường hoặc chủ trì thiết kế xây dựng phần việc thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình từ cấp II trở lên hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề. - Hạng III: Đã tham gia giám sát thi công xây dựng hoặc tham gia thiết kế xây dựng hoặc thi công xây dựng phần việc thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình từ cấp III trở lên hoặc 02 công trình từ cấp IV trở lên cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề. <p>(5) Cá nhân hành nghề định giá xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hạng II: Đã chủ trì thực hiện một trong các công việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng của ít nhất 01 dự án từ nhóm B hoặc 02 dự án từ nhóm C trở lên hoặc 01 công trình từ cấp II hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên. - Hạng III: Đã tham gia thực hiện một trong các công việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng của ít nhất 01 dự án từ nhóm C hoặc 02 dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng trở lên hoặc 01 công trình từ cấp III trở lên hoặc 02 công trình từ cấp IV trở lên. <p>(6) Cá nhân hành nghề quản lý dự án:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hạng II: Đã làm giám đốc quản lý dự án của 01 dự án từ nhóm B hoặc 02 dự án từ nhóm C cùng loại trở lên hoặc có một trong ba loại chứng chỉ hành nghề (thiết kế xây dựng hạng II; giám sát thi công xây dựng hạng II; định giá xây dựng hạng II) và đã tham gia quản lý dự án của ít nhất 01 dự án từ nhóm B hoặc 02 dự án từ nhóm C hoặc 03 dự án có yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật cùng loại trở lên. - Hạng III: Đã tham gia quản lý dự án của ít nhất 01 dự án từ nhóm C cùng loại trở lên.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ.. - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ. - Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ. - Thông tư số 08/2018/TT-BXD ngày 05/10/2018 của Bộ Xây dựng. - Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính. - Quyết định số 970/QĐ-BXD ngày 21/9/2017 của Bộ Xây dựng.

PHỤ LỤC I
BỔ SUNG VÀO NGHỊ ĐỊNH SỐ 59/2015/NĐ-CP NGÀY 18/6/2015 CỦA CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Kính gửi: *(Tên cơ quan có thẩm quyền)*

1. Họ và tên:.....
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Quốc tịch:
4. Số Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu/CCCD:ngày cấp:..... nơi cấp.....
5. Địa chỉ thường trú:
6. Số điện thoại:Địa chỉ Email:
7. Đơn vị công tác:
8. Trình độ chuyên môn *(ghi rõ chuyên ngành, hệ đào tạo)*:
9. Thời gian kinh nghiệm liên quan đến lĩnh vực đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề:
.... năm.
10. Số chứng chỉ hành nghề đã được cấp (nếu có):
Số Chứng chỉ:ngày cấpnơi cấp:
- Lĩnh vực hoạt động xây dựng:
11. Quá trình hoạt động chuyên môn trong xây dựng¹:

STT	Thời gian công tác <i>(Từ tháng, năm đến tháng, năm)</i>	Đơn vị công tác/ Hoạt động độc lập <i>(Ghi rõ tên đơn vị, số điện thoại liên hệ)</i>	Kê khai kinh nghiệm thực hiện công việc tiêu biểu	Ghi chú
1			1. Tên Dự án/công trình:..... Nhóm dự án/Cấp công trình:..... Loại công trình :..... Chức danh/Nội dung công việc thực hiện:.... 2.....	
2				

Đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng với nội dung như sau:

Lĩnh vực hành nghề:Hạng:

Cấp lần đầu, nâng hạng

Cấp lại

Lý do đề nghị cấp lại chứng chỉ:

Điều chỉnh, bổ sung

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung đơn này và cam kết hành nghề hoạt động xây

dụng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

¹ Không yêu cầu kê khai trong trường hợp đề nghị cấp lại chứng chỉ do chứng chỉ cũ hết hạn sử dụng/hư hỏng/bị mất.

PHỤ LỤC II
BỔ SUNG VÀO NGHỊ ĐỊNH SỐ 59/2015/NĐ-CP NGÀY 18/6/2015 CỦA CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

TỜ KHAI
ĐĂNG KÝ SÁT HẠCH CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ
HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Kính gửi: *(Tên cơ quan có thẩm quyền)*

1. Họ và tên:.....
 2. Ngày, tháng, năm sinh:
 3. Quốc tịch:
 4. Số Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu/CCCD:ngày cấp:..... nơi cấp.....
 5. Địa chỉ thường trú:
 6. Số điện thoại:Địa chỉ Email:
 7. Đơn vị công tác *(Tên tổ chức, địa chỉ trụ sở)*:
 8. Trình độ chuyên môn *(ghi rõ chuyên ngành, hệ đào tạo)*:
 9. Chứng chỉ hành nghề đã được cấp (nếu có):
Số Chứng chỉ:ngày cấp..... nơi cấp:
 - Lĩnh vực hoạt động xây dựng:
- Đăng ký sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng với nội dung như sau:**
Lĩnh vực hành nghề:Hạng:
- Địa điểm đăng ký sát hạch:
- Tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung kê khai nêu trên.

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ, tên)

12. Thủ tục: Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III (đối với trường hợp bị thu hồi quy định tại điểm b, c, d Khoản 2 Điều 44a Nghị định số 100/2018/NĐ-CP: do giả mạo giấy tờ trong hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề; cho thuê, cho mượn, thuê, mượn hoặc cho người khác sử dụng chứng chỉ hành nghề; sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung chứng chỉ hành nghề)

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1. Cá nhân đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc gửi hồ sơ trực tuyến qua mạng theo địa chỉ: http://cchn.xaydung.gov.vn hoặc website: sxd.kontum.gov.vn.</p> <p>- Địa chỉ: Số 70 đường Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.</p> <p>Bước 2. Sau 12 tháng, kể từ ngày có quyết định thu hồi chứng chỉ hành nghề do giả mạo giấy tờ trong hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề; cho thuê, cho mượn, thuê, mượn hoặc cho người khác sử dụng chứng chỉ hành nghề; sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung chứng chỉ hành nghề, cá nhân đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc gửi hồ sơ trực tuyến qua mạng.</p> <p>Bước 3. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Xây dựng thông báo một lần bằng văn bản tới cá nhân đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ.</p> <p>Bước 4. Cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề có trách nhiệm tổ chức sát hạch cho cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề. Trường hợp cá nhân có nhu cầu đăng ký sát hạch trước khi nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề thì gửi tờ khai đăng ký sát hạch theo mẫu tại Phụ lục II Nghị định này đến cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề. Việc sát hạch được tiến hành định kỳ hàng tháng hoặc đột xuất do thủ trưởng cơ quan điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ hành nghề quyết định.</p> <p>Bước 5. Nội dung sát hạch bao gồm phần câu hỏi về kinh nghiệm nghề nghiệp và phần câu hỏi về kiến thức pháp luật. Trường hợp cá nhân có chứng chỉ hành nghề cấp theo quy định của Luật Xây dựng năm 2003 còn thời hạn sử dụng thì khi tham dự sát hạch được miễn nội dung về kiến thức chuyên môn đối với lĩnh vực hành nghề ghi trên chứng chỉ. Kết quả sát hạch được bảo lưu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày sát hạch để làm căn cứ xét điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ năng lực hành nghề.</p> <p>Bước 6. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng có trách nhiệm cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng.</p> <p>Bước 7. Theo phiếu hẹn, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.</p>
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến qua mạng.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng (theo mẫu); - Tờ khai đăng ký sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng (theo mẫu)

	<p>- 02 ảnh màu cỡ 4 x 6 cm có nền màu trắng chân dung của người đề nghị được chụp trong thời gian không quá 06 tháng.</p> <p>- Văn bằng do cơ sở đào tạo hợp pháp cấp phù hợp với loại, hạng chứng chỉ đề nghị cấp. Đối với văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp, phải là bản được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định và phải có bản dịch sang tiếng Việt được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam</p> <p>- Các quyết định phân công công việc (giao nhiệm vụ) của tổ chức cho cá nhân hoặc văn bản xác nhận của đại diện theo pháp luật của chủ đầu tư về các công việc tiêu biểu mà cá nhân đã hoàn thành theo nội dung kê khai. Người ký xác nhận phải chịu trách nhiệm về sự trung thực của nội dung xác nhận. Trường hợp cá nhân hành nghề độc lập thì phải có hợp đồng và biên bản nghiệm thu các công việc thực hiện tiêu biểu đã kê khai.</p> <p>- Kết quả sát hạch đạt yêu cầu trong trường hợp đã sát hạch trước ngày nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề</p> <p>* Lưu ý: Các văn bằng đào tạo, chứng chỉ hành nghề, quyết định phân công công việc nêu trên phải là bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao (xuất trình bản chính để đối chiếu).</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết:	Không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện:	Công dân Việt Nam
Cơ quan thực hiện:	Sở Xây dựng tỉnh Kon Tum.
Kết quả thực hiện:	Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III
Phí, Lệ phí:	<p>- Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng: Cấp lại: 150.000 đồng/chứng chỉ. (<i>Một trăm năm mươi nghìn đồng/chứng chỉ</i>).</p> <p>- Chi phí sát hạch: 450.000 đồng/lượt sát hạch.</p> <p>* <i>Lưu ý:</i> Cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ phải hoàn thành nghĩa vụ nộp chi phí và lệ phí khi nộp hồ sơ.</p>
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<p>- Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng (<i>Phụ lục số I Nghị định số 100/2018/NĐ-CP, ngày 16/7/2018</i>).</p> <p>- Tờ khai đăng ký sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng (<i>Phụ lục số II Nghị định số 100/2018/NĐ-CP, ngày 16/7/2018</i>).</p>
Yêu cầu, điều kiện:	<p>a) Điều kiện chung đối với cá nhân xin cấp chứng chỉ hành nghề:</p> <p>- Có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật; có giấy phép cư trú hoặc giấy phép lao động tại Việt Nam đối với người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài.</p> <p>- Có trình độ đại học thuộc chuyên ngành phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 04 năm trở lên đối với chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II;</p> <p>- Có trình độ chuyên môn phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 02 năm trở lên đối với cá nhân có trình độ đại học; từ 03 năm trở lên đối với cá nhân có trình độ cao đẳng hoặc trung cấp đối với chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng III.</p> <p>b) Điều kiện riêng đối với từng lĩnh vực đề nghị xin cấp chứng chỉ hành nghề:</p> <p>(1) Cá nhân hành nghề khảo sát xây dựng:</p> <p>- Hạng II: Đã làm chủ nhiệm khảo sát xây dựng thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ ít nhất 01 dự án từ nhóm B trở lên hoặc 02 dự án từ nhóm C trở lên hoặc ít nhất 02 công trình từ cấp II trở lên hoặc 03 công trình từ</p>

	<p>cấp III trở lên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hạng III: Đã tham gia khảo sát xây dựng thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ ít nhất 02 dự án từ nhóm c hoặc 02 dự án có yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật trở lên hoặc ít nhất 02 công trình từ cấp III trở lên hoặc 03 công trình từ cấp IV trở lên. <p>(2) Cá nhân hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hạng II: Đã làm chủ nhiệm hoặc chủ trì thiết kế bộ môn chuyên ngành ít nhất 01 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc 02 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt. - Hạng III: Đã tham gia thiết kế bộ môn chuyên ngành ít nhất trong 01 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc 02 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt. <p>(3) Cá nhân hành nghề thiết kế xây dựng công trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hạng II: Đã làm chủ nhiệm hoặc chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế phần việc thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình từ cấp II trở lên hoặc ít nhất 02 công trình từ cấp III trở lên hoặc đã tham gia thiết kế, thẩm tra thiết kế phần việc liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 03 công trình từ cấp II trở lên cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề. - Hạng III: Đã tham gia thiết kế, thẩm tra thiết kế phần việc thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 03 công trình từ cấp III trở lên hoặc 05 công trình từ cấp IV trở lên cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề. <p>(4) Cá nhân hành nghề giám sát thi công xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hạng II: Đã làm giám sát trưởng hoặc chỉ huy trưởng công trường hoặc chủ trì thiết kế xây dựng phần việc thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình từ cấp II trở lên hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề. - Hạng III: Đã tham gia giám sát thi công xây dựng hoặc tham gia thiết kế xây dựng hoặc thi công xây dựng phần việc thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình từ cấp III trở lên hoặc 02 công trình từ cấp IV trở lên cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề. <p>(5) Cá nhân hành nghề định giá xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hạng II: Đã chủ trì thực hiện một trong các công việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng của ít nhất 01 dự án từ nhóm B hoặc 02 dự án từ nhóm C trở lên hoặc 01 công trình từ cấp II hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên. - Hạng III: Đã tham gia thực hiện một trong các công việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng của ít nhất 01 dự án từ nhóm C hoặc 02 dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng trở lên hoặc 01 công trình từ cấp III trở lên hoặc 02 công trình từ cấp IV trở lên. <p>(6) Cá nhân hành nghề quản lý dự án:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hạng II: Đã làm giám đốc quản lý dự án của 01 dự án từ nhóm B hoặc 02 dự án từ nhóm C cùng loại trở lên hoặc có một trong ba loại chứng chỉ hành nghề (thiết kế xây dựng hạng II; giám sát thi công xây dựng hạng II; định giá xây dựng hạng II) và đã tham gia quản lý dự án của ít nhất 01 dự án từ nhóm B hoặc 02 dự án từ nhóm C hoặc 03 dự án có yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật cùng loại trở lên. - Hạng III: Đã tham gia quản lý dự án của ít nhất 01 dự án từ nhóm C cùng loại trở lên.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ.

- | | |
|--|---|
| | <ul style="list-style-type: none">- Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ.- Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ.- Thông tư số 08/2018/TT-BXD ngày 05/10/2018 của Bộ Xây dựng.- Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính.- Quyết định số 970/QĐ-BXD ngày 21/9/2017 của Bộ Xây dựng. |
|--|---|

PHỤ LỤC I
BỔ SUNG VÀO NGHỊ ĐỊNH SỐ 59/2015/NĐ-CP NGÀY 18/6/2015 CỦA CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Kính gửi: *(Tên cơ quan có thẩm quyền)*

1. Họ và tên:.....
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Quốc tịch:
4. Số Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu/CCCD:ngày cấp:..... nơi cấp.....
5. Địa chỉ thường trú:
6. Số điện thoại:Địa chỉ Email:
7. Đơn vị công tác:
8. Trình độ chuyên môn *(ghi rõ chuyên ngành, hệ đào tạo)*:
9. Thời gian kinh nghiệm liên quan đến lĩnh vực đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề:
.... năm.
10. Số chứng chỉ hành nghề đã được cấp (nếu có):
Số Chứng chỉ:ngày cấpnơi cấp:
- Lĩnh vực hoạt động xây dựng:
11. Quá trình hoạt động chuyên môn trong xây dựng¹:

STT	Thời gian công tác <i>(Từ tháng, năm đến tháng, năm)</i>	Đơn vị công tác/ Hoạt động độc lập <i>(Ghi rõ tên đơn vị, số điện thoại liên hệ)</i>	Kê khai kinh nghiệm thực hiện công việc tiêu biểu	Ghi chú
1			1. Tên Dự án/công trình:..... Nhóm dự án/Cấp công trình:..... Loại công trình :..... Chức danh/Nội dung công việc thực hiện:.... 2.....	
2				

Đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng với nội dung như sau:

Lĩnh vực hành nghề:Hạng:

Cấp lần đầu, nâng hạng

Cấp lại

Lý do đề nghị cấp lại chứng chỉ:

Điều chỉnh, bổ sung

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung đơn này và cam kết hành nghề hoạt động xây

dụng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

¹ Không yêu cầu kê khai trong trường hợp đề nghị cấp lại chứng chỉ do chứng chỉ cũ hết hạn sử dụng/hư hỏng/bị mất.

PHỤ LỤC II
BỔ SUNG VÀO NGHỊ ĐỊNH SỐ 59/2015/NĐ-CP NGÀY 18/6/2015 CỦA CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

TỜ KHAI
ĐĂNG KÝ SÁT HẠCH CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ
HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Kính gửi: *(Tên cơ quan có thẩm quyền)*

1. Họ và tên:.....
 2. Ngày, tháng, năm sinh:
 3. Quốc tịch:
 4. Số Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu/CCCD:ngày cấp:..... nơi cấp.....
 5. Địa chỉ thường trú:
 6. Số điện thoại:Địa chỉ Email:
 7. Đơn vị công tác *(Tên tổ chức, địa chỉ trụ sở)*:
 8. Trình độ chuyên môn *(ghi rõ chuyên ngành, hệ đào tạo)*:
 9. Chứng chỉ hành nghề đã được cấp (nếu có):
Số Chứng chỉ:ngày cấp..... nơi cấp:
 - Lĩnh vực hoạt động xây dựng:
- Đăng ký sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng với nội dung như sau:**
Lĩnh vực hành nghề:Hạng:
- Địa điểm đăng ký sát hạch:
- Tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung kê khai nêu trên.

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ, tên)

13. Thủ tục: Cấp nâng hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III.

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1. Cá nhân đề nghị cấp nâng hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc gửi hồ sơ trực tuyến qua mạng theo địa chỉ: http://cchn.xaydung.gov.vn hoặc website: sxd.kontum.gov.vn.</p> <p>- Địa chỉ: Số 70 đường Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.</p> <p>Bước 2. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Xây dựng thông báo một lần bằng văn bản tới cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ.</p> <p>Bước 3. Cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề có trách nhiệm tổ chức sát hạch cho cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề. Trường hợp cá nhân có nhu cầu đăng ký sát hạch trước khi nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề thì gửi tờ khai đăng ký sát hạch theo mẫu tại Phụ lục II Nghị định này đến cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề. Việc sát hạch được tiến hành định kỳ hàng tháng hoặc đột xuất do thủ trưởng cơ quan nâng hạng chứng chỉ hành nghề quyết định.</p> <p>Bước 4. Nội dung sát hạch bao gồm phần câu hỏi về kinh nghiệm nghề nghiệp và phần câu hỏi về kiến thức pháp luật. Trường hợp cá nhân có chứng chỉ hành nghề cấp theo quy định của Luật Xây dựng năm 2003 còn thời hạn sử dụng thì khi tham dự sát hạch được miễn nội dung về kiến thức chuyên môn đối với lĩnh vực hành nghề ghi trên chứng chỉ. Kết quả sát hạch được bảo lưu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày sát hạch để làm căn cứ xét nâng hạng chứng chỉ năng lực hành nghề.</p> <p>Bước 5. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng có trách nhiệm cấp nâng hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng.</p> <p>Bước 6. Theo phiếu hẹn, tổ chức nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.</p>
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến qua mạng.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề (theo mẫu). - Tờ khai đăng ký sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng (theo mẫu). - 02 ảnh màu cỡ 4 x 6 cm có nền màu trắng chân dung của người đề nghị được chụp trong thời gian không quá 06 tháng. - Kết quả sát hạch đạt yêu cầu trong trường hợp đã sát hạch trước ngày nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề. - Văn bằng do cơ sở đào tạo hợp pháp cấp phù hợp với loại, hạng chứng chỉ đề nghị cấp. Đối với văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp, phải là bản được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định và phải có bản dịch sang tiếng Việt được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam. - Các quyết định phân công công việc (giao nhiệm vụ) của tổ chức cho cá nhân hoặc văn bản xác nhận của đại diện theo pháp luật của chủ đầu tư về các công việc tiêu biểu mà cá nhân đã hoàn thành theo nội dung kê khai.

	<p>Người ký xác nhận phải chịu trách nhiệm về sự trung thực của nội dung xác nhận. Trường hợp cá nhân hành nghề độc lập thì phải có hợp đồng và biên bản nghiệm thu các công việc thực hiện tiêu biểu đã kê khai.</p> <p>- Chứng chỉ hành nghề đã được cơ quan có thẩm quyền cấp</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết:	Không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện:	Công dân Việt Nam
Cơ quan thực hiện:	Sở Xây dựng tỉnh Kon Tum.
Kết quả thực hiện:	Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng được nâng hạng II, hạng III.
Phí, Lệ phí:	<p>- Lệ phí nâng hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng: 150.000 đồng/chứng chỉ (<i>Một trăm năm mươi nghìn đồng/chứng chỉ</i>).</p> <p>- Chi phí sát hạch: 450.000 đồng/lượt sát hạch.</p> <p><i>* Lưu ý:</i> Cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ phải hoàn thành nghĩa vụ nộp chi phí và lệ phí khi nộp hồ sơ.</p>
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<p>- Đơn đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng (<i>Phụ lục số III Nghị định số 100/2018/NĐ-CP, ngày 16/7/2018</i>).</p> <p>- Tờ khai đăng ký sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng (<i>Phụ lục số II Nghị định số 100/2018/NĐ-CP, ngày 16/7/2018</i>).</p>
Yêu cầu, điều kiện:	<p>a) Điều kiện chung đối với cá nhân xin cấp chứng chỉ hành nghề:</p> <p>- Có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật; có giấy phép cư trú hoặc giấy phép lao động tại Việt Nam đối với người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài.</p> <p>- Có trình độ đại học thuộc chuyên ngành phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 04 năm trở lên đối với chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II;</p> <p>- Có trình độ chuyên môn phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 02 năm trở lên đối với cá nhân có trình độ đại học; từ 03 năm trở lên đối với cá nhân có trình độ cao đẳng hoặc trung cấp đối với chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng III.</p> <p>b) Điều kiện riêng đối với từng lĩnh vực đề nghị xin cấp chứng chỉ hành nghề:</p> <p>(1) Cá nhân hành nghề khảo sát xây dựng:</p> <p>- Hạng II: Đã làm chủ nhiệm khảo sát xây dựng thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ ít nhất 01 dự án từ nhóm B trở lên hoặc 02 dự án từ nhóm C trở lên hoặc ít nhất 02 công trình từ cấp II trở lên hoặc 03 công trình từ cấp III trở lên.</p> <p>- Hạng III: Đã tham gia khảo sát xây dựng thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ ít nhất 02 dự án từ nhóm c hoặc 02 dự án có yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật trở lên hoặc ít nhất 02 công trình từ cấp III trở lên hoặc 03 công trình từ cấp IV trở lên.</p> <p>(2) Cá nhân hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng:</p> <p>- Hạng II: Đã làm chủ nhiệm hoặc chủ trì thiết kế bộ môn chuyên ngành ít nhất 01 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc 02 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.</p> <p>- Hạng III: Đã tham gia thiết kế bộ môn chuyên ngành ít nhất trong 01 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc 02 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.</p> <p>(3) Cá nhân hành nghề thiết kế xây dựng công trình: - Hạng II: Đã làm chủ nhiệm hoặc chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế phần việc thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình từ cấp II trở lên</p>

	<p>hoặc ít nhất 02 công trình từ cấp III trở lên hoặc đã tham gia thiết kế, thẩm tra thiết kế phần việc liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 03 công trình từ cấp II trở lên cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.</p> <p>- Hạng III: Đã tham gia thiết kế, thẩm tra thiết kế phần việc thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 03 công trình từ cấp III trở lên hoặc 05 công trình từ cấp IV trở lên cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.</p> <p>(4) Cá nhân hành nghề giám sát thi công xây dựng:</p> <p>- Hạng II: Đã làm giám sát trưởng hoặc chỉ huy trưởng công trường hoặc chủ trì thiết kế xây dựng phần việc thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình từ cấp II trở lên hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.</p> <p>- Hạng III: Đã tham gia giám sát thi công xây dựng hoặc tham gia thiết kế xây dựng hoặc thi công xây dựng phần việc thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình từ cấp III trở lên hoặc 02 công trình từ cấp IV trở lên cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.</p> <p>(5) Cá nhân hành nghề định giá xây dựng:</p> <p>- Hạng II: Đã chủ trì thực hiện một trong các công việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng của ít nhất 01 dự án từ nhóm B hoặc 02 dự án từ nhóm C trở lên hoặc 01 công trình từ cấp II hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên.</p> <p>- Hạng III: Đã tham gia thực hiện một trong các công việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng của ít nhất 01 dự án từ nhóm C hoặc 02 dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng trở lên hoặc 01 công trình từ cấp III trở lên hoặc 02 công trình từ cấp IV trở lên.</p> <p>(6) Cá nhân hành nghề quản lý dự án:</p> <p>- Hạng II: Đã làm giám đốc quản lý dự án của 01 dự án từ nhóm B hoặc 02 dự án từ nhóm C cùng loại trở lên hoặc có một trong ba loại chứng chỉ hành nghề (thiết kế xây dựng hạng II; giám sát thi công xây dựng hạng II; định giá xây dựng hạng II) và đã tham gia quản lý dự án của ít nhất 01 dự án từ nhóm B hoặc 02 dự án từ nhóm C hoặc 03 dự án có yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật cùng loại trở lên.</p> <p>- Hạng III: Đã tham gia quản lý dự án của ít nhất 01 dự án từ nhóm C cùng loại trở lên.</p>
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ. - Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ. - Thông tư số 08/2018/TT-BXD ngày 05/10/2018 của Bộ Xây dựng. - Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính. - Quyết định số 970/QĐ-BXD ngày 21/9/2017 của Bộ Xây dựng.

PHỤ LỤC I
BỔ SUNG VÀO NGHỊ ĐỊNH SỐ 59/2015/NĐ-CP NGÀY 18/6/2015 CỦA CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Kính gửi: *(Tên cơ quan có thẩm quyền)*

1. Họ và tên:.....
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Quốc tịch:
4. Số Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu/CCCD:ngày cấp:..... nơi cấp.....
5. Địa chỉ thường trú:
6. Số điện thoại:Địa chỉ Email:
7. Đơn vị công tác:
8. Trình độ chuyên môn *(ghi rõ chuyên ngành, hệ đào tạo)*:
9. Thời gian kinh nghiệm liên quan đến lĩnh vực đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề:
.... năm.
10. Số chứng chỉ hành nghề đã được cấp (nếu có):
Số Chứng chỉ:ngày cấpnơi cấp:
- Lĩnh vực hoạt động xây dựng:
11. Quá trình hoạt động chuyên môn trong xây dựng¹:

STT	Thời gian công tác <i>(Từ tháng, năm đến tháng, năm)</i>	Đơn vị công tác/ Hoạt động độc lập <i>(Ghi rõ tên đơn vị, số điện thoại liên hệ)</i>	Kê khai kinh nghiệm thực hiện công việc tiêu biểu	Ghi chú
1			1. Tên Dự án/công trình:..... Nhóm dự án/Cấp công trình:..... Loại công trình :..... Chức danh/Nội dung công việc thực hiện:.... 2.....	
2				

Đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng với nội dung như sau:

Lĩnh vực hành nghề:Hạng:

Cấp lần đầu, nâng hạng

Cấp lại

Lý do đề nghị cấp lại chứng chỉ:

Điều chỉnh, bổ sung

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung đơn này và cam kết hành nghề hoạt động xây

dụng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

¹ Không yêu cầu kê khai trong trường hợp đề nghị cấp lại chứng chỉ do chứng chỉ cũ hết hạn sử dụng/hư hỏng/bị mất.

PHỤ LỤC II
BỔ SUNG VÀO NGHỊ ĐỊNH SỐ 59/2015/NĐ-CP NGÀY 18/6/2015 CỦA CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

TỜ KHAI
ĐĂNG KÝ SÁT HẠCH CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ
HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Kính gửi: *(Tên cơ quan có thẩm quyền)*

1. Họ và tên:.....
 2. Ngày, tháng, năm sinh:
 3. Quốc tịch:
 4. Số Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu/CCCD:ngày cấp:..... nơi cấp.....
 5. Địa chỉ thường trú:
 6. Số điện thoại:Địa chỉ Email:
 7. Đơn vị công tác *(Tên tổ chức, địa chỉ trụ sở)*:
 8. Trình độ chuyên môn *(ghi rõ chuyên ngành, hệ đào tạo)*:
 9. Chứng chỉ hành nghề đã được cấp (nếu có):
Số Chứng chỉ:ngày cấp..... nơi cấp:
 - Lĩnh vực hoạt động xây dựng:
- Đăng ký sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng với nội dung như sau:**
Lĩnh vực hành nghề:Hạng:
- Địa điểm đăng ký sát hạch:
- Tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung kê khai nêu trên.

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ, tên)

14. Thủ tục: Điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1. Cá nhân đề nghị điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc gửi hồ sơ trực tuyến qua mạng theo địa chỉ: http://cchn.xaydung.gov.vn hoặc website: sxd.kontum.gov.vn.</p> <p>- Địa chỉ: Số 70 đường Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.</p> <p>Bước 2. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Xây dựng thông báo một lần bằng văn bản tới cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ.</p> <p>Bước 3. Cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề có trách nhiệm tổ chức sát hạch cho cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề. Trường hợp cá nhân có nhu cầu đăng ký sát hạch trước khi nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề thì gửi tờ khai đăng ký sát hạch theo mẫu tại Phụ lục II Nghị định này đến cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề. Việc sát hạch được tiến hành định kỳ hàng tháng hoặc đột xuất do thủ trưởng cơ quan điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ hành nghề quyết định.</p> <p>Bước 4. Nội dung sát hạch bao gồm phần câu hỏi về kinh nghiệm nghề nghiệp và phần câu hỏi về kiến thức pháp luật. Trường hợp cá nhân có chứng chỉ hành nghề cấp theo quy định của Luật Xây dựng năm 2003 còn thời hạn sử dụng thì khi tham dự sát hạch được miễn nội dung về kiến thức chuyên môn đối với lĩnh vực hành nghề ghi trên chứng chỉ. Kết quả sát hạch được bảo lưu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày sát hạch để làm căn cứ xét điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ năng lực hành nghề.</p> <p>Bước 5. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng có trách nhiệm điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng.</p> <p>Bước 6. Theo phiếu hẹn, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.</p>
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến qua mạng.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề (<i>Theo mẫu</i>), kèm theo 02 ảnh màu cỡ 4 x 6 cm có nền màu trắng chân dung của người đề nghị được chụp trong thời gian không quá 06 tháng; - Văn bằng do cơ sở đào tạo hợp pháp cấp phù hợp với loại, hạng chứng chỉ đề nghị cấp. Đối với văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp, phải là bản được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định và phải có bản dịch sang tiếng Việt được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam. - Chứng chỉ hành nghề đã được cơ quan có thẩm quyền cấp trong trường hợp đề nghị nâng hạng chứng chỉ hành nghề. - Các quyết định phân công công việc (giao nhiệm vụ) của tổ chức cho cá nhân hoặc văn bản xác nhận của đại diện theo pháp luật của chủ đầu tư về các công việc tiêu biểu mà cá nhân đã hoàn thành theo nội dung kê khai. Người ký xác nhận phải chịu trách nhiệm về sự trung thực của nội dung xác nhận. Trường hợp cá nhân hành nghề độc lập thì phải có hợp đồng và

	<p>biên bản nghiệm thu các công việc thực hiện tiêu biểu đã kê khai.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tờ hợp pháp về cư trú hoặc giấy phép lao động do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với trường hợp cá nhân là người nước ngoài. - Kết quả sát hạch đạt yêu cầu theo quy định. - Các tài liệu theo quy định tại ý (2), (3), (4) và (5) nêu trên phải là bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết:	Không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện:	Công dân Việt Nam
Cơ quan thực hiện:	Sở Xây dựng tỉnh Kon Tum.
Kết quả thực hiện:	Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III được sửa đổi, bổ sung.
Phí, Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí điều chỉnh, bổ sung: 150.000 đồng/chứng chỉ (<i>Một trăm năm mươi nghìn đồng/chứng chỉ</i>). - Chi phí sát hạch: 450.000 đồng/lượt sát hạch. <p>* <i>Lưu ý:</i> Cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ phải hoàn thành nghĩa vụ nộp chi phí và lệ phí khi nộp hồ sơ.</p>
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng (<i>Phụ lục số I Nghị định số 100/2018/NĐ-CP, ngày 16/7/2018</i>). - Tờ khai đăng ký sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng (<i>Phụ lục số II Nghị định số 100/2018/NĐ-CP, ngày 16/7/2018</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	<p>a) Điều kiện chung đối với cá nhân xin cấp chứng chỉ hành nghề:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật; có giấy phép cư trú hoặc giấy phép lao động tại Việt Nam đối với người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài. - Có trình độ đại học thuộc chuyên ngành phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 04 năm trở lên đối với chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II; - Có trình độ chuyên môn phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 02 năm trở lên đối với cá nhân có trình độ đại học; từ 03 năm trở lên đối với cá nhân có trình độ cao đẳng hoặc trung cấp đối với chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng III. <p>b) Điều kiện riêng đối với từng lĩnh vực đề nghị xin cấp chứng chỉ hành nghề:</p> <p>(1) Cá nhân hành nghề khảo sát xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hạng II: Đã làm chủ nhiệm khảo sát xây dựng thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ ít nhất 01 dự án từ nhóm B trở lên hoặc 02 dự án từ nhóm C trở lên hoặc ít nhất 02 công trình từ cấp II trở lên hoặc 03 công trình từ cấp III trở lên. - Hạng III: Đã tham gia khảo sát xây dựng thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ ít nhất 02 dự án từ nhóm c hoặc 02 dự án có yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật trở lên hoặc ít nhất 02 công trình từ cấp III trở lên hoặc 03 công trình từ cấp IV trở lên. <p>(2) Cá nhân hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hạng II: Đã làm chủ nhiệm hoặc chủ trì thiết kế bộ môn chuyên ngành ít nhất 01 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc 02 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt. - Hạng III: Đã tham gia thiết kế bộ môn chuyên ngành ít nhất trong 01 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc 02 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã

	<p>được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.</p> <p>(3) Cá nhân hành nghề thiết kế xây dựng công trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hạng II: Đã làm chủ nhiệm hoặc chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế phần việc thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình từ cấp II trở lên hoặc ít nhất 02 công trình từ cấp III trở lên hoặc đã tham gia thiết kế, thẩm tra thiết kế phần việc liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 03 công trình từ cấp II trở lên cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề. - Hạng III: Đã tham gia thiết kế, thẩm tra thiết kế phần việc thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 03 công trình từ cấp III trở lên hoặc 05 công trình từ cấp IV trở lên cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề. <p>(4) Cá nhân hành nghề giám sát thi công xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hạng II: Đã làm giám sát trưởng hoặc chỉ huy trưởng công trường hoặc chủ trì thiết kế xây dựng phần việc thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình từ cấp II trở lên hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề. - Hạng III: Đã tham gia giám sát thi công xây dựng hoặc tham gia thiết kế xây dựng hoặc thi công xây dựng phần việc thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình từ cấp III trở lên hoặc 02 công trình từ cấp IV trở lên cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề. <p>(5) Cá nhân hành nghề định giá xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hạng II: Đã chủ trì thực hiện một trong các công việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng của ít nhất 01 dự án từ nhóm B hoặc 02 dự án từ nhóm C trở lên hoặc 01 công trình từ cấp II hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên. - Hạng III: Đã tham gia thực hiện một trong các công việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng của ít nhất 01 dự án từ nhóm C hoặc 02 dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng trở lên hoặc 01 công trình từ cấp III trở lên hoặc 02 công trình từ cấp IV trở lên <p>(6) Cá nhân hành nghề quản lý dự án:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hạng II: Đã làm giám đốc quản lý dự án của 01 dự án từ nhóm B hoặc 02 dự án từ nhóm C cùng loại trở lên hoặc có một trong ba loại chứng chỉ hành nghề (thiết kế xây dựng hạng II; giám sát thi công xây dựng hạng II; định giá xây dựng hạng II) và đã tham gia quản lý dự án của ít nhất 01 dự án từ nhóm B hoặc 02 dự án từ nhóm C hoặc 03 dự án có yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật cùng loại trở lên. - Hạng III: Đã tham gia quản lý dự án của ít nhất 01 dự án từ nhóm C cùng loại trở lên.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ. - Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ. - Thông tư số 08/2018/TT-BXD ngày 05/10/2018 của Bộ Xây dựng. - Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính. - Quyết định số 970/QĐ-BXD ngày 21/9/2017 của Bộ Xây dựng.

PHỤ LỤC I
BỔ SUNG VÀO NGHỊ ĐỊNH SỐ 59/2015/NĐ-CP NGÀY 18/6/2015 CỦA CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Kính gửi: *(Tên cơ quan có thẩm quyền)*

1. Họ và tên:.....
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Quốc tịch:
4. Số Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu/CCCD:ngày cấp:..... nơi cấp.....
5. Địa chỉ thường trú:
6. Số điện thoại:Địa chỉ Email:
7. Đơn vị công tác:
8. Trình độ chuyên môn *(ghi rõ chuyên ngành, hệ đào tạo)*:
9. Thời gian kinh nghiệm liên quan đến lĩnh vực đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề: năm.
10. Số chứng chỉ hành nghề đã được cấp (nếu có):
Số Chứng chỉ:ngày cấpnơi cấp:
- Lĩnh vực hoạt động xây dựng:
11. Quá trình hoạt động chuyên môn trong xây dựng¹:

STT	Thời gian công tác <i>(Từ tháng, năm đến tháng, năm)</i>	Đơn vị công tác/ Hoạt động độc lập <i>(Ghi rõ tên đơn vị, số điện thoại liên hệ)</i>	Kê khai kinh nghiệm thực hiện công việc tiêu biểu	Ghi chú
1			1. Tên Dự án/công trình:..... Nhóm dự án/Cấp công trình:..... Loại công trình :..... Chức danh/Nội dung công việc thực hiện:.... 2.....	
2				

Đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng với nội dung như sau:

Lĩnh vực hành nghề:Hạng:

Cấp lần đầu, nâng hạng

Cấp lại

Lý do đề nghị cấp lại chứng chỉ:

Điều chỉnh, bổ sung

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung đơn này và cam kết hành nghề hoạt động xây

dụng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

¹ Không yêu cầu kê khai trong trường hợp đề nghị cấp lại chứng chỉ do chứng chỉ cũ hết hạn sử dụng/hư hỏng/bị mất.

PHỤ LỤC II
BỔ SUNG VÀO NGHỊ ĐỊNH SỐ 59/2015/NĐ-CP NGÀY 18/6/2015 CỦA CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

TỜ KHAI
ĐĂNG KÝ SÁT HẠCH CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ
HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Kính gửi: *(Tên cơ quan có thẩm quyền)*

1. Họ và tên:.....
 2. Ngày, tháng, năm sinh:
 3. Quốc tịch:
 4. Số Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu/CCCD:ngày cấp:..... nơi cấp.....
 5. Địa chỉ thường trú:
 6. Số điện thoại:Địa chỉ Email:
 7. Đơn vị công tác *(Tên tổ chức, địa chỉ trụ sở)*:
 8. Trình độ chuyên môn *(ghi rõ chuyên ngành, hệ đào tạo)*:
 9. Chứng chỉ hành nghề đã được cấp (nếu có):
Số Chứng chỉ:ngày cấp..... nơi cấp:
 - Lĩnh vực hoạt động xây dựng:
- Đăng ký sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng với nội dung như sau:**
Lĩnh vực hành nghề:Hạng:
- Địa điểm đăng ký sát hạch:
- Tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung kê khai nêu trên.

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ, tên)

15. Thủ tục: Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân hạng II, III do lỗi của cơ quan cấp.

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1. Cá nhân đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III bị thu hồi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng do lỗi của cơ quan cấp có nhu cầu cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, nộp đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân hạng II, III và bản gốc chứng chỉ hành nghề cho cơ quan ra quyết định thu hồi chứng chỉ trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc gửi hồ sơ qua hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc gửi hồ sơ trực tuyến qua mạng theo địa chỉ: http://cchn.xaydung.gov.vn hoặc website: sxd.kontum.gov.vn.</p> <p>- Địa chỉ: Số 70 đường Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.</p> <p>Bước 2. Cơ quan có thẩm quyền thu hồi chứng chỉ hành nghề có trách nhiệm cấp lại chứng chỉ hành nghề trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được chứng chỉ hành nghề bị thu hồi.</p> <p>Bước 3. Theo phiếu hẹn, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến qua mạng.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng (<i>theo mẫu</i>). - Bản gốc chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân hạng II, III. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết:	Không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện:	Công dân Việt Nam
Cơ quan thực hiện:	Sở Xây dựng tỉnh Kon Tum.
Kết quả thực hiện:	Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III
Phí, Lệ phí:	Không.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	- Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng (<i>Phụ lục số I Nghị định số 100/2018/NĐ-CP, ngày 16/7/2018</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	- Không.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ. - Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ. - Thông tư số 08/2018/TT-BXD ngày 05/10/2018 của Bộ Xây dựng. - Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính. - Quyết định số 970/QĐ-BXD ngày 21/9/2017 của Bộ Xây dựng.

PHỤ LỤC I
BỔ SUNG VÀO NGHỊ ĐỊNH SỐ 59/2015/NĐ-CP NGÀY 18/6/2015 CỦA CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Kính gửi: *(Tên cơ quan có thẩm quyền)*

1. Họ và tên:.....
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Quốc tịch:
4. Số Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu/CCCD:ngày cấp:..... nơi cấp.....
5. Địa chỉ thường trú:
6. Số điện thoại:Địa chỉ Email:
7. Đơn vị công tác:
8. Trình độ chuyên môn *(ghi rõ chuyên ngành, hệ đào tạo)*:
9. Thời gian kinh nghiệm liên quan đến lĩnh vực đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề:
.... năm.
10. Số chứng chỉ hành nghề đã được cấp (nếu có):
Số Chứng chỉ:ngày cấpnơi cấp:
- Lĩnh vực hoạt động xây dựng:
11. Quá trình hoạt động chuyên môn trong xây dựng¹:

STT	Thời gian công tác <i>(Từ tháng, năm đến tháng, năm)</i>	Đơn vị công tác/ Hoạt động độc lập <i>(Ghi rõ tên đơn vị, số điện thoại liên hệ)</i>	Kê khai kinh nghiệm thực hiện công việc tiêu biểu	Ghi chú
1			1. Tên Dự án/công trình:..... Nhóm dự án/Cấp công trình:..... Loại công trình :..... Chức danh/Nội dung công việc thực hiện:.... 2.....	
2				

Đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng với nội dung như sau:

Lĩnh vực hành nghề:Hạng:

Cấp lần đầu, nâng hạng

Cấp lại

Lý do đề nghị cấp lại chứng chỉ:

Điều chỉnh, bổ sung

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung đơn này và cam kết hành nghề hoạt động xây

dụng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

¹ Không yêu cầu kê khai trong trường hợp đề nghị cấp lại chứng chỉ do chứng chỉ cũ hết hạn sử dụng/hư hỏng/bị mất.

16. Thủ tục: Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III (trường hợp chứng chỉ mất, hư hỏng, hết hạn)

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1. Cá nhân đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc gửi hồ sơ trực tuyến qua mạng theo địa chỉ: http://cchn.xaydung.gov.vn hoặc website: sxd.kontum.gov.vn.</p> <p>- Địa chỉ: Số 70 đường Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.</p> <p>Bước 2. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Xây dựng thông báo một lần bằng văn bản tới cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ.</p> <p>Bước 3. Đối với trường hợp cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III do hết hạn, cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề có trách nhiệm tổ chức sát hạch cho cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề. Trường hợp cá nhân có nhu cầu đăng ký sát hạch trước khi nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề thì gửi tờ khai đăng ký sát hạch theo mẫu tại Phụ lục II Nghị định này đến cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề. Việc sát hạch được tiến hành định kỳ hàng tháng hoặc đột xuất do thủ trưởng cơ quan điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ hành nghề quyết định.</p> <p>Bước 4. Nội dung sát hạch bao gồm phần câu hỏi về kinh nghiệm nghề nghiệp và phần câu hỏi về kiến thức pháp luật. Trường hợp cá nhân có chứng chỉ hành nghề cấp theo quy định của Luật Xây dựng năm 2003 còn thời hạn sử dụng thì khi tham dự sát hạch được miễn nội dung về kiến thức chuyên môn đối với lĩnh vực hành nghề ghi trên chứng chỉ. Kết quả sát hạch được bảo lưu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày sát hạch để làm căn cứ xét điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ năng lực hành nghề.</p> <p>Bước 5. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng có trách nhiệm cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng.</p> <p>Bước 6. Theo phiếu hẹn, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.</p>
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến qua mạng.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng (theo mẫu). - 02 ảnh màu cỡ 4 x 6 cm có nền màu trắng chân dung của người đề nghị được chụp trong thời gian không quá 06 tháng. - Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu chứng chỉ hành nghề đã được cấp, trường hợp bị mất chứng chỉ hành nghề thì phải có cam kết của người đề nghị cấp lại. - Tờ khai đăng ký sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng (theo mẫu) đối với việc cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III do hết hạn. - Kết quả sát hạch đạt yêu cầu trong trường hợp đã sát hạch trước ngày nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề (đối với trường hợp cấp lại do hết hạn). <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>

Thời hạn giải quyết:	Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện:	Công dân Việt Nam
Cơ quan thực hiện:	Sở Xây dựng tỉnh Kon Tum.
Kết quả thực hiện:	Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III
Phí, Lệ phí:	- Lệ phí cấp lại: 150.000 đồng/chứng chỉ. (<i>Một trăm năm mươi nghìn đồng/chứng chỉ</i>). - Chi phí sát hạch: 450.000 đồng/lượt sát hạch. * <i>Lưu ý:</i> Cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ phải hoàn thành nghĩa vụ nộp chi phí và lệ phí khi nộp hồ sơ.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	- Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng (<i>Phụ lục số I Nghị định số 100/2018/NĐ-CP, ngày 16/7/2018</i>). - Tờ khai đăng ký sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng (<i>Phụ lục số II Nghị định số 100/2018/NĐ-CP, ngày 16/7/2018</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Không.
Căn cứ pháp lý:	- <i>Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014.</i> - <i>Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ.</i> - <i>Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ.</i> - <i>Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ.</i> - <i>Thông tư số 08/2018/TT-BXD ngày 05/10/2018 của Bộ Xây dựng.</i> - <i>Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính.</i> - <i>Quyết định số 970/QĐ-BXD ngày 21/9/2017 của Bộ Xây dựng.</i>

PHỤ LỤC I
BỔ SUNG VÀO NGHỊ ĐỊNH SỐ 59/2015/NĐ-CP NGÀY 18/6/2015 CỦA CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Kính gửi: *(Tên cơ quan có thẩm quyền)*

1. Họ và tên:.....
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Quốc tịch:
4. Số Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu/CCCD:ngày cấp:..... nơi cấp.....
5. Địa chỉ thường trú:
6. Số điện thoại:Địa chỉ Email:
7. Đơn vị công tác:
8. Trình độ chuyên môn *(ghi rõ chuyên ngành, hệ đào tạo)*:
9. Thời gian kinh nghiệm liên quan đến lĩnh vực đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề:
.... năm.
10. Số chứng chỉ hành nghề đã được cấp (nếu có):
Số Chứng chỉ:ngày cấpnơi cấp:
- Lĩnh vực hoạt động xây dựng:
11. Quá trình hoạt động chuyên môn trong xây dựng¹:

STT	Thời gian công tác <i>(Từ tháng, năm đến tháng, năm)</i>	Đơn vị công tác/ Hoạt động độc lập <i>(Ghi rõ tên đơn vị, số điện thoại liên hệ)</i>	Kê khai kinh nghiệm thực hiện công việc tiêu biểu	Ghi chú
1			1. Tên Dự án/công trình:..... Nhóm dự án/Cấp công trình:..... Loại công trình :..... Chức danh/Nội dung công việc thực hiện:.... 2.....	
2				

Đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng với nội dung như sau:

Lĩnh vực hành nghề:Hạng:

Cấp lần đầu, nâng hạng

Cấp lại

Lý do đề nghị cấp lại chứng chỉ:

Điều chỉnh, bổ sung

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung đơn này và cam kết hành nghề hoạt động xây

dụng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

¹ Không yêu cầu kê khai trong trường hợp đề nghị cấp lại chứng chỉ do chứng chỉ cũ hết hạn sử dụng/hư hỏng/bị mất.

PHỤ LỤC II
BỔ SUNG VÀO NGHỊ ĐỊNH SỐ 59/2015/NĐ-CP NGÀY 18/6/2015 CỦA CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

TỜ KHAI
ĐĂNG KÝ SÁT HẠCH CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ
HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Kính gửi: *(Tên cơ quan có thẩm quyền)*

1. Họ và tên:.....
 2. Ngày, tháng, năm sinh:
 3. Quốc tịch:
 4. Số Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu/CCCD:ngày cấp:..... nơi cấp.....
 5. Địa chỉ thường trú:
 6. Số điện thoại:Địa chỉ Email:
 7. Đơn vị công tác *(Tên tổ chức, địa chỉ trụ sở)*:
 8. Trình độ chuyên môn *(ghi rõ chuyên ngành, hệ đào tạo)*:
 9. Chứng chỉ hành nghề đã được cấp (nếu có):
Số Chứng chỉ:ngày cấp..... nơi cấp:
 - Lĩnh vực hoạt động xây dựng:
- Đăng ký sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng với nội dung như sau:**
Lĩnh vực hành nghề:Hạng:
- Địa điểm đăng ký sát hạch:
- Tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung kê khai nêu trên.

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ, tên)

17. Thủ tục: Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III của cá nhân nước ngoài

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1. Cá nhân gửi hồ sơ đề nghị cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc gửi hồ sơ trực tuyến qua mạng theo địa chỉ: http://cchn.xaydung.gov.vn hoặc website:sxd.kontum.gov.vn.</p> <p>- Địa chỉ: Số 70 đường Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.</p> <p>Bước 2. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Xây dựng thông báo một lần bằng văn bản tới cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ.</p> <p>Bước 3. Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng có trách nhiệm cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng.</p> <p>Bước 4. Theo phiếu hẹn, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến qua mạng.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng (<i>theo mẫu</i>). - 02 ảnh màu cỡ 4x6cm có nền màu trắng chân dung của người đề nghị được chụp trong thời gian không quá 06 tháng. - Bản sao văn bằng được đào tạo, chứng chỉ hành nghề do cơ quan, tổ chức nước ngoài cấp đã được hợp pháp hóa lãnh sự, dịch ra tiếng Việt và được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam. - Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu, giấy tờ hợp pháp về cư trú hoặc giấy phép lao động do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp theo quy định. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết:	Không quá 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài đã có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng do cơ quan, tổ chức nước ngoài cấp mà hành nghề hoạt động xây dựng ở Việt Nam từ 6 tháng trở lên.
Cơ quan thực hiện:	Sở Xây dựng
Kết quả thực hiện:	Chứng chỉ hành nghề của cá nhân nước ngoài được chuyển đổi.
Phí, Lệ phí:	<p>- Lệ phí chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng: 150.000 đồng/chứng chỉ (<i>Một trăm năm mươi nghìn đồng/chứng chỉ</i>).</p> <p>* <i>Lưu ý:</i> Cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ phải hoàn thành nghĩa vụ nộp chi phí và lệ phí khi nộp hồ sơ.</p>
Tên mẫu đơn, tờ khai:	- Đơn đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng (<i>Phụ lục số III Nghị định số 100/2018/NĐ-CP, ngày 16/7/2018</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	<p>- Có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật; có giấy phép cư trú hoặc giấy phép lao động tại Việt Nam đối với người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài.</p> <p>- Đã có chứng chỉ hành nghề hạng II, hạng III hoặc tương đương phù hợp với nội dung đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề.</p>

Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none">- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014.- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ.- Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ.- Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ.- Thông tư số 08/2018/TT-BXD ngày 05/10/2018 của Bộ Xây dựng.- Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính.- Quyết định số 970/QĐ-BXD ngày 21/9/2017 của Bộ Xây dựng.
------------------------	--

PHỤ LỤC III
BỔ SUNG VÀO NGHỊ ĐỊNH SỐ 59/2015/NĐ-CP NGÀY 18/6/2015 CỦA CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

, ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CHUYỂN ĐỔI CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Kính gửi: *(Tên cơ quan có thẩm quyền)*

1. Họ và tên:2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Quốc tịch:
4. Hộ chiếu số:ngày cấp:nơi cấp:
5. Số điện thoại:6. Địa chỉ Email:
7. Đơn vị công tác:
8. Trình độ chuyên môn *(ghi rõ chuyên ngành, hệ đào tạo)*:
9. Thời gian kinh nghiệm liên quan đến lĩnh vực đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề *(năm, tháng)*:
10. Chứng chỉ hành nghề số:.....ngày cấp:..... nơi cấp:

- Lĩnh vực hoạt động xây dựng
11. Quá trình hoạt động chuyên môn trong xây dựng:

STT	Thời gian công tác <i>(Từ tháng, năm đến tháng, năm)</i>	Đơn vị công tác/ Hoạt động độc lập <i>(Ghi rõ tên đơn vị, số điện thoại liên hệ)</i>	Kê khai kinh nghiệm thực hiện công việc tiêu biểu	Ghi chú
1			1. Tên Dự án/công trình:..... Nhóm dự án/cấp công trình:..... Loại công trình :..... Chức danh/Nội dung công việc thực hiện:	
2			2.	
....				

Đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng với các nội dung sau:

Lĩnh vực hoạt động:Hạng:

Tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung kê khai nêu trên và cam kết hành nghề hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ, tên)

18. Thủ tục: *Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III*

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1. Tổ chức đề nghị cấp lần đầu chứng chỉ năng lực hạng II, hạng III gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Địa chỉ: Số 70 đường Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.</p> <p>Bước 2. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Xây dựng thông báo một lần bằng văn bản tới tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ.</p> <p>Bước 3 Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng có trách nhiệm cấp chứng chỉ năng lực.</p> <p>Bước 4. Theo phiếu hẹn, Tổ chức nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (<i>theo mẫu</i>). - Quyết định thành lập tổ chức trong trường hợp có quyết định thành lập. - Quyết định công nhận phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của tổ chức hoặc hợp đồng nguyên tắc về việc liên kết thực hiện công việc thí nghiệm phục vụ khảo sát xây dựng với phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng xây dựng được công nhận (đối với tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực khảo sát xây dựng). - Chứng chỉ hành nghề hoặc kê khai mã số chứng chỉ hành nghề trong trường hợp đã được cấp chứng chỉ hành nghề được cấp theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014 của các chức danh yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề; các văn bằng được đào tạo của cá nhân tham gia thực hiện công việc. - Văn bằng hoặc chứng chỉ bồi dưỡng, đào tạo chuyên môn nghiệp vụ phù hợp của công nhân kỹ thuật (đối với tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực thi công xây dựng). - Hợp đồng và biên bản nghiệm thu hoàn thành các công việc tiêu biểu đã thực hiện theo nội dung kê khai. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết:	Không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện:	Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Sở Xây dựng tỉnh Kon Tum.
Kết quả thực hiện:	Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III
Phí, Lệ phí:	<p>- Lệ phí cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng: Đối với trường hợp cấp lần đầu: 1.000.000 đồng/ chứng chỉ (Một triệu đồng/chứng chỉ).</p> <p>* <i>Lưu ý:</i> Tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ có nghĩa vụ nộp lệ phí cấp chứng chỉ năng lực khi nộp hồ sơ.</p>
Tên mẫu đơn, tờ khai:	- Đơn đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (<i>Phụ lục số V Nghị định số 100/2018/NĐ-CP, ngày 16/7/2018</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	a) Điều kiện chung đối với tổ chức xin cấp chứng chỉ năng lực: Tổ chức tham gia hoạt động xây dựng phải là doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc tổ chức có chức năng hoạt động xây dựng được thành lập theo quy định của pháp luật và đáp ứng các yêu cầu cụ thể đối với từng lĩnh vực hoạt động xây dựng.

b) Điều kiện riêng đối với từng loại tổ chức xin cấp chứng chỉ năng lực:

(1) Tổ chức khảo sát xây dựng:

- Hạng II:

- + Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm khảo sát có chứng chỉ hành nghề khảo sát xây dựng từ hạng II trở lên phù hợp với lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực.
- + Cá nhân tham gia thực hiện khảo sát có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại hình khảo sát xây dựng đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.
- + Đã thực hiện khảo sát xây dựng ít nhất 01 dự án từ nhóm B hoặc 02 dự án từ nhóm C hoặc 03 dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật trở lên hoặc 01 công trình từ cấp II hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên cùng loại hình khảo sát.

- Hạng III:

- + Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm khảo sát có chứng chỉ hành nghề khảo sát xây dựng từ hạng III trở lên phù hợp với lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực.
- + Cá nhân tham gia thực hiện khảo sát có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại hình khảo sát xây dựng đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

(2) Tổ chức lập quy hoạch xây dựng:

- Hạng II:

- + Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm đồ án quy hoạch, chủ trì các bộ môn kiến trúc - quy hoạch, kinh tế đô thị và các chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật khác của đồ án quy hoạch có chứng chỉ hành nghề từ hạng II trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận.
- + Đã thực hiện lập ít nhất 01 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc 02 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

- Hạng III: Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn kiến trúc - quy hoạch, kinh tế đô thị và các chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật khác của đồ án quy hoạch có chứng chỉ hành nghề từ hạng III trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận.

(3) Tổ chức thiết kế xây dựng công trình:

- Hạng II:

- + Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì các bộ môn thiết kế có chứng chỉ hành nghề từ hạng II trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận.
- + Cá nhân tham gia thực hiện thiết kế có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với lĩnh vực, loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.
- + Đã thực hiện thiết kế, thẩm tra thiết kế ít nhất 01 công trình từ cấp II trở lên hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên cùng loại.

- Hạng III:

- + Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì các bộ môn thiết kế có chứng chỉ hành nghề từ hạng III trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận.
- + Cá nhân tham gia thực hiện thiết kế có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với lĩnh vực, loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

(4) Tổ chức tư vấn quản lý dự án:

- Hạng II:

- + Cá nhân đảm nhận chức danh giám đốc quản lý dự án có chứng chỉ hành nghề quản lý dự án từ hạng II trở lên phù hợp với loại dự án đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.
- + Cá nhân phụ trách các lĩnh vực chuyên môn phải có chứng chỉ hành nghề từ hạng II trở lên phù hợp với công việc đảm nhận.

	<p>+ Cá nhân tham gia thực hiện quản lý dự án có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với công việc đảm nhận và loại dự án đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.</p> <p>+ Đã thực hiện quản lý dự án ít nhất 01 dự án từ nhóm B trở lên hoặc 02 dự án từ nhóm C cùng loại trở lên.</p> <p>- Hạng III:</p> <p>+ Cá nhân đảm nhận chức danh giám đốc quản lý dự án có chứng chỉ hành nghề quản lý dự án từ hạng III trở lên phù hợp với loại dự án đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.</p> <p>+ Cá nhân phụ trách các lĩnh vực chuyên môn phải có chứng chỉ hành nghề từ hạng III trở lên phù hợp với công việc đảm nhận.</p> <p>+ Cá nhân tham gia thực hiện quản lý dự án có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với công việc đảm nhận và loại dự án đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.</p> <p>(5) Tổ chức thi công xây dựng công trình:</p> <p>- Hạng II:</p> <p>+ Cá nhân đảm nhận chức danh chỉ huy trưởng công trường phải đủ điều kiện là chỉ huy trưởng công trường từ hạng II trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận.</p> <p>+ Cá nhân phụ trách thi công lĩnh vực chuyên môn có trình độ đại học hoặc cao đẳng nghề phù hợp với công việc đảm nhận và thời gian công tác ít nhất 01 năm đối với trình độ đại học, 03 năm đối với trình độ cao đẳng nghề.</p> <p>+ Công nhân kỹ thuật thực hiện các công việc thi công có văn bằng hoặc chứng chỉ bồi dưỡng, đào tạo chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với nội dung đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.</p> <p>+ Có khả năng huy động đủ số lượng máy móc, thiết bị chủ yếu đáp ứng yêu cầu thi công xây dựng các công trình phù hợp với công việc tham gia đảm nhận.</p> <p>+ Đã trực tiếp thi công công việc thuộc hạng mục công trình chính liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ của ít nhất 01 công trình từ cấp II trở lên hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên cùng loại.</p> <p>- Hạng III:</p> <p>+ Cá nhân đảm nhận chức danh chỉ huy trưởng công trường phải đủ điều kiện là chỉ huy trưởng công trường từ hạng III trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận.</p> <p>+ Cá nhân phụ trách thi công lĩnh vực chuyên môn có trình độ đại học hoặc cao đẳng nghề phù hợp với công việc đảm nhận.</p> <p>+ Công nhân kỹ thuật phụ trách các công việc thi công có văn bằng hoặc chứng chỉ bồi dưỡng, đào tạo chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với nội dung đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.</p> <p>+ Có khả năng huy động đủ số lượng máy móc, thiết bị chủ yếu đáp ứng yêu cầu thi công xây dựng công trình phù hợp với công việc tham gia đảm nhận.</p> <p>(6) Tổ chức giám sát thi công xây dựng: - Hạng II:</p> <p>+ Cá nhân đảm nhận chức danh giám sát trưởng có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng từ hạng II trở lên, giám sát viên có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng phù hợp với loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.</p> <p>+ Đã giám sát thi công xây dựng của ít nhất 01 công trình từ cấp II hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên cùng loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.</p> <p>- Hạng III: Cá nhân đảm nhận chức danh giám sát trưởng có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng từ hạng III trở lên, giám sát viên có</p>
--	---

	chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng phù hợp với loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ. - Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ. - Thông tư số 08/2018/TT-BXD ngày 05/10/2018 của Bộ Xây dựng. - Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính.

Phụ lục số V

(Kèm theo Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ)

TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Tên tổ chức:
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Số điện thoại:Số fax:
4. EmailWebsite:
5. Người đại diện theo pháp luật:
- Họ và tên:Chức vụ:
6. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập số:Nơi cấp:..... Ngày cấp:
7. Ngành nghề kinh doanh chính:
8. Mã số chứng chỉ năng lực (nếu có):
- Số Chứng chỉ:ngày cấpnơi cấp:
- Lĩnh vực hoạt động xây dựng:

9. Danh sách cá nhân chủ nhiệm, chủ trì, cá nhân có yêu cầu về chứng chỉ hành nghề và cá nhân tham gia, công nhân kỹ thuật (nếu có) có liên quan của tổ chức

a) Danh sách cá nhân chủ nhiệm, chủ trì, cá nhân có yêu cầu về chứng chỉ hành nghề:

STT	Họ và tên	Vị trí/Chức danh	Số chứng chỉ hành nghề ¹	Điện thoại liên hệ
1				
2				
3				
...				

b) Danh sách cá nhân tham gia, công nhân kỹ thuật liên quan đến lĩnh vực cấp chứng chỉ:

STT	Họ và tên	Vị trí/chức danh	Trình độ chuyên môn	Điện thoại liên hệ
1				
2				
3				
....				

10. Kinh nghiệm hoạt động xây dựng liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ:

STT	Nội dung hoạt động xây dựng (Ghi rõ lĩnh vực hoạt động và vai trò: nhà thầu chính, nhà thầu phụ, tổng thầu,...)	Thông tin công trình	Chủ đầu tư (Tên chủ đầu tư, số điện thoại liên hệ)	Ghi chú
1	Nội dung công việc thực hiện:	(Tên dự án/công trình; nhóm dự án;		

		loại, cấp công trình; vị trí xây dựng)		
2				
...				

11. Kê khai máy móc, thiết bị (đối với tổ chức thi công xây dựng, tổ chức khảo sát xây dựng)

STT	Loại máy móc, thiết bị phục vụ thi công	Số lượng	Công suất	Tính năng	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Sở hữu của tổ chức hay đi thuê	Chất lượng sử dụng hiện nay
1								
2								
...								

Đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng với nội dung như sau:

Lĩnh vực hoạt động:Hạng:

.....

Cấp lần đầu, điều chỉnh hạng

Cấp lại

Lý do đề nghị cấp lại chứng chỉ:

Điều chỉnh, bổ sung

(Tên tổ chức) chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung kê khai nêu trên và cam kết hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC**

(Ký, họ và tên, đóng dấu)

¹ Đối với chứng chỉ hành nghề được cấp theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014, số chứng chỉ hành nghề cần kê khai đầy đủ theo khoản 6 Điều 44 Nghị định này.

19. Thủ tục: *Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, III*

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1. Tổ chức đề nghị cấp lại nội dung chứng chỉ năng lực hạng II, hạng III gửi hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Địa chỉ: Số 70 đường Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.</p> <p>Bước 2. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Xây dựng thông báo một lần bằng văn bản tới tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ.</p> <p>Bước 3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng có trách nhiệm cấp chứng chỉ năng lực.</p> <p>Bước 4. Theo phiếu hẹn, tổ chức nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (<i>theo mẫu</i>). - Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu chứng chỉ năng lực đã được cấp, trường hợp bị mất chứng chỉ năng lực thì phải có cam kết của tổ chức đề nghị cấp lại. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết:	Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện:	Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Sở Xây dựng tỉnh Kon Tum.
Kết quả thực hiện:	Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III
Phí, Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng: 500.000 đồng/chứng chỉ (Năm trăm nghìn đồng/chứng chỉ). * <i>Lưu ý:</i> Tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ có nghĩa vụ nộp lệ phí cấp chứng chỉ năng lực khi nộp hồ sơ.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Đơn đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (<i>Phụ lục số V Nghị định số 100/2018/NĐ-CP, ngày 16/7/2018</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ. - Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ. - Thông tư số 08/2018/TT-BXD ngày 05/10/2018 của Bộ Xây dựng. - Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính.

Phụ lục số V

(Kèm theo Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ)

TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Tên tổ chức:
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Số điện thoại:Số fax:
4. EmailWebsite:
5. Người đại diện theo pháp luật:
- Họ và tên:Chức vụ:
6. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập số:Nơi cấp:..... Ngày cấp:
7. Ngành nghề kinh doanh chính:
8. Mã số chứng chỉ năng lực (nếu có):
- Số Chứng chỉ:ngày cấpnơi cấp:
- Lĩnh vực hoạt động xây dựng:

9. Danh sách cá nhân chủ nhiệm, chủ trì, cá nhân có yêu cầu về chứng chỉ hành nghề và cá nhân tham gia, công nhân kỹ thuật (nếu có) có liên quan của tổ chức

a) Danh sách cá nhân chủ nhiệm, chủ trì, cá nhân có yêu cầu về chứng chỉ hành nghề:

STT	Họ và tên	Vị trí/Chức danh	Số chứng chỉ hành nghề ¹	Điện thoại liên hệ
1				
2				
3				
...				

b) Danh sách cá nhân tham gia, công nhân kỹ thuật liên quan đến lĩnh vực cấp chứng chỉ:

STT	Họ và tên	Vị trí/chức danh	Trình độ chuyên môn	Điện thoại liên hệ
1				
2				
3				
....				

10. Kinh nghiệm hoạt động xây dựng liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ:

STT	Nội dung hoạt động xây dựng (Ghi rõ lĩnh vực hoạt động và vai trò: nhà thầu chính, nhà thầu phụ, tổng thầu,...)	Thông tin công trình	Chủ đầu tư (Tên chủ đầu tư, số điện thoại liên hệ)	Ghi chú
1	Nội dung công việc thực hiện:	(Tên dự án/công trình; nhóm dự án;		

		loại, cấp công trình; vị trí xây dựng)		
2				
...				

11. Kê khai máy móc, thiết bị (đối với tổ chức thi công xây dựng, tổ chức khảo sát xây dựng)

STT	Loại máy móc, thiết bị phục vụ thi công	Số lượng	Công suất	Tính năng	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Sở hữu của tổ chức hay đi thuê	Chất lượng sử dụng hiện nay
1								
2								
...								

Đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng với nội dung như sau:

Lĩnh vực hoạt động:Hạng:

.....

Cấp lần đầu, điều chỉnh hạng

Cấp lại

Lý do đề nghị cấp lại chứng chỉ:

Điều chỉnh, bổ sung

(Tên tổ chức) chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung kê khai nêu trên và cam kết hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC**

(Ký, họ và tên, đóng dấu)

¹ Đối với chứng chỉ hành nghề được cấp theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014, số chứng chỉ hành nghề cần kê khai đầy đủ theo khoản 6 Điều 44 Nghị định này.

20. Thủ tục: Điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, III (về lĩnh vực hoạt động và hạng)

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1 Tổ chức đề nghị điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hạng II, hạng III gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Địa chỉ: Số 70 đường Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.</p> <p>Bước 2. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Xây dựng thông báo một lần bằng văn bản tới tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ.</p> <p>Bước 4. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng có trách nhiệm cấp chứng chỉ năng lực.</p> <p>Bước 5. Theo phiếu hẹn, tổ chức nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ năng lực (<i>theo mẫu</i>). - Quyết định thành lập tổ chức trong trường hợp có quyết định thành lập. - Chứng chỉ hành nghề hoặc kê khai mã số chứng chỉ hành nghề trong trường hợp đã được cấp chứng chỉ hành nghề được cấp theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014 của các chức danh yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề; các văn bằng được đào tạo của cá nhân tham gia thực hiện công việc. - Văn bằng hoặc chứng chỉ bồi dưỡng, đào tạo chuyên môn nghiệp vụ phù hợp của công nhân kỹ thuật (đối với tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực thi công xây dựng). - Hợp đồng và biên bản nghiệm thu hoàn thành các công việc tiêu biểu đã thực hiện theo nội dung kê khai. - Quyết định công nhận phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của tổ chức hoặc hợp đồng nguyên tắc về việc liên kết thực hiện công việc thí nghiệm phục vụ khảo sát xây dựng với phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng xây dựng được công nhận (đối với tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực khảo sát xây dựng). - Chứng chỉ năng lực đã được cơ quan có thẩm quyền cấp. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết:	Không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện:	Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Sở Xây dựng tỉnh Kon Tum.
Kết quả thực hiện:	Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III
Phí, Lệ phí:	<p>- Lệ phí cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng: 500.000 đồng/chứng chỉ (Năm trăm nghìn đồng/chứng chỉ).</p> <p>* <i>Lưu ý:</i> Tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ có nghĩa vụ nộp lệ phí cấp chứng chỉ năng lực khi nộp hồ sơ.</p>
Tên mẫu đơn, tờ khai:	- Đơn đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (<i>Phụ lục số V Nghị định số 100/2018/NĐ-CP, ngày 16/7/2018</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<p>- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014.</p> <p>- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ.</p>

- | |
|--|
| <ul style="list-style-type: none">- Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ.- Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ.- Thông tư số 08/2018/TT-BXD ngày 05/10/2018 của Bộ Xây dựng.- Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính. |
|--|

Phụ lục số V

(Kèm theo Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ)

TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Tên tổ chức:
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Số điện thoại:Số fax:
4. EmailWebsite:
5. Người đại diện theo pháp luật:
- Họ và tên:Chức vụ:
6. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập số:Nơi cấp:..... Ngày cấp:
7. Ngành nghề kinh doanh chính:
8. Mã số chứng chỉ năng lực (nếu có):
- Số Chứng chỉ:ngày cấpnơi cấp:
- Lĩnh vực hoạt động xây dựng:

9. Danh sách cá nhân chủ nhiệm, chủ trì, cá nhân có yêu cầu về chứng chỉ hành nghề và cá nhân tham gia, công nhân kỹ thuật (nếu có) có liên quan của tổ chức

a) Danh sách cá nhân chủ nhiệm, chủ trì, cá nhân có yêu cầu về chứng chỉ hành nghề:

STT	Họ và tên	Vị trí/Chức danh	Số chứng chỉ hành nghề ¹	Điện thoại liên hệ
1				
2				
3				
...				

b) Danh sách cá nhân tham gia, công nhân kỹ thuật liên quan đến lĩnh vực cấp chứng chỉ:

STT	Họ và tên	Vị trí/chức danh	Trình độ chuyên môn	Điện thoại liên hệ
1				
2				
3				
....				

10. Kinh nghiệm hoạt động xây dựng liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ:

STT	Nội dung hoạt động xây dựng (Ghi rõ lĩnh vực hoạt động và vai trò: nhà thầu chính, nhà thầu phụ, tổng thầu,...)	Thông tin công trình	Chủ đầu tư (Tên chủ đầu tư, số điện thoại liên hệ)	Ghi chú
1	Nội dung công việc thực hiện:	(Tên dự án/công trình; nhóm dự án;		

		loại, cấp công trình; vị trí xây dựng)		
2				
...				

11. Kê khai máy móc, thiết bị (đối với tổ chức thi công xây dựng, tổ chức khảo sát xây dựng)

STT	Loại máy móc, thiết bị phục vụ thi công	Số lượng	Công suất	Tính năng	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Sở hữu của tổ chức hay đi thuê	Chất lượng sử dụng hiện nay
1								
2								
...								

Đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng với nội dung như sau:

Lĩnh vực hoạt động:Hạng:

.....

Cấp lần đầu, điều chỉnh hạng

Cấp lại

Lý do đề nghị cấp lại chứng chỉ:

Điều chỉnh, bổ sung

(Tên tổ chức) chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung kê khai nêu trên và cam kết hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC**

(Ký, họ và tên, đóng dấu)

¹ Đối với chứng chỉ hành nghề được cấp theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014, số chứng chỉ hành nghề cần kê khai đầy đủ theo khoản 6 Điều 44 Nghị định này.

21. Thủ tục: Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1. Nhà thầu nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Địa chỉ: Số 70 đường Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.</p> <p>Bước 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Xây dựng có trách nhiệm xem xét hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không đúng, không đủ theo quy định phải thông báo và hướng dẫn một lần bằng văn bản cho nhà thầu biết để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.</p> <p>Bước 3. Trong thời gian 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Xây dựng xem xét và cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu. Trường hợp hồ sơ không đủ Điều kiện theo quy định để được cấp giấy phép hoạt động xây dựng thì cơ quan cấp phép phải thông báo bằng văn bản cho nhà thầu biết.</p> <p>Bước 4. Giấy phép hoạt động xây dựng cấp cho nhà thầu là tổ chức được quy định theo mẫu tại Phụ lục số 5 và cho nhà thầu là cá nhân theo mẫu tại Phụ lục số 6 của Thông tư số 14/2016/TT-BXD.</p> <p>Bước 5. Nhà thầu có trách nhiệm nộp lệ phí khi nhận giấy phép hoạt động xây dựng theo quy định của Bộ Tài chính.</p> <p>Bước 6. Theo phiếu hẹn, nhà thầu nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.</p>
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng (<i>theo mẫu</i>). - Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp màu văn bản gốc có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (*.pdf) văn bản về kết quả đấu thầu hoặc quyết định chọn thầu hoặc hợp đồng giao nhận thầu hợp pháp. - Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp màu văn bản gốc có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (*.pdf) giấy phép thành lập (hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức) và chứng chỉ hành nghề (nếu có) của nước, nơi mà nhà thầu nước ngoài mang quốc tịch cấp hoặc nơi mà nhà thầu đang thực hiện dự án cấp. - Tệp tin chứa bản chụp màu văn bản gốc có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (*.pdf) biểu báo cáo kinh nghiệm hoạt động xây dựng liên quan đến công việc nhận thầu (<i>theo mẫu</i>) và báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán trong 3 năm gần nhất (đối với trường hợp nhà thầu nhận thực hiện gói thầu thuộc đối tượng không bắt buộc phải áp dụng theo quy định của pháp luật về đấu thầu của Việt Nam). - Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp màu văn bản gốc có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (*.pdf) hợp đồng liên danh với nhà thầu Việt Nam hoặc hợp đồng với nhà thầu phụ Việt Nam (có trong hồ sơ dự thầu hoặc hồ sơ chào thầu), trong đó xác định rõ phần việc mà nhà thầu Việt Nam thực hiện. Trường hợp khi dự thầu hoặc chọn thầu chưa xác định được thầu phụ, khi đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng phải có hợp đồng với thầu phụ Việt Nam kèm theo văn bản chấp thuận của chủ đầu tư và bản sao Giấy đăng ký kinh doanh của nhà thầu phụ Việt Nam. - Giấy ủy quyền hợp pháp đối với người không phải là người đại diện

	<p>theo pháp luật của nhà thầu (<i>theo mẫu</i>)</p> <p>- Tập tin chứa bản chụp màu văn bản gốc có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (*.pdf) quyết định đầu tư dự án hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư. Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng được làm bằng tiếng Việt. Giấy phép thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam và các nước có liên quan là thành viên có quy định về miễn trừ hợp pháp hóa lãnh sự. Các giấy tờ, tài liệu nếu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt và bản dịch phải được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam. Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng phát sinh trong cùng một năm thì hồ sơ không cần thiết phải bao gồm các tài liệu nêu tại Khoản 3, Khoản 4.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết:	Không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ,
Đối tượng thực hiện:	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Doanh nghiệp, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Sở Xây dựng.
Kết quả thực hiện:	Giấy phép hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân là nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam.
Phí, Lệ phí:	Lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài. Mức thu: 2.000.000 đồng/giấy phép.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng (<i>Phụ lục số 1 Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016</i>). - Báo cáo kinh nghiệm hoạt động xây dựng liên quan đến công việc nhận thầu (<i>Phụ lục số 2 Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016</i>) - Giấy ủy quyền (<i>Phụ lục số 3 Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016</i>)
Yêu cầu, điều kiện:	<p>a) Yêu cầu hoặc điều kiện 1: Phải công bố thông tin trên Trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng và Sở Xây dựng theo phân cấp</p> <p>b) Yêu cầu hoặc điều kiện 2: Trường hợp các gói thầu thuộc đối tượng bắt buộc áp dụng theo quy định của pháp luật về đấu thầu của Việt Nam, nhà thầu nước ngoài phải đảm bảo điều kiện đã có quyết định trúng thầu hoặc được chọn thầu</p> <p>c) Yêu cầu hoặc điều kiện 3: Trường hợp đối với gói thầu thuộc đối tượng không bắt buộc áp dụng theo quy định pháp luật về đấu thầu của Việt Nam, nhà thầu nước ngoài phải đảm bảo các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đã có quyết định trúng thầu hoặc được chọn thầu của chủ đầu tư; - Có đủ điều kiện năng lực phù hợp với công việc nhận thầu theo quy định của pháp luật về xây dựng. <p>d) Yêu cầu hoặc điều kiện 4: Nhà thầu nước ngoài phải liên danh với nhà thầu Việt Nam hoặc sử dụng nhà thầu phụ Việt Nam, trừ trường hợp nhà thầu trong nước không đủ năng lực tham gia vào bất kỳ công việc nào của gói thầu. Khi liên danh hoặc sử dụng nhà thầu Việt Nam phải phân định rõ nội dung, khối lượng và giá trị phần công việc do nhà thầu Việt Nam trong liên danh; nhà thầu phụ Việt Nam thực hiện.</p> <p>e) Yêu cầu hoặc điều kiện 5: Nhà thầu nước ngoài phải cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan đến hoạt động nhận thầu tại Việt Nam.</p>
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ. - Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng. - Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 08/2018/TT-BXD ngày 05/10/2018 của Bộ Xây dựng.

Phụ lục số 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG (Đối với nhà thầu là tổ chức)

Văn bản số:....., ngày..... tháng..... năm.....

Kính gửi: Cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng
(Hoặc ông Giám đốc Sở Xây dựng.....)

Tôi: (Họ tên)

Chức vụ:

Được ủy quyền của ông (bà): theo giấy ủy quyền: (kèm theo đơn này)

Đại diện cho:

Địa chỉ đăng ký tại chính quốc:

Số điện thoại:

Fax:

E.mail:

Địa chỉ văn phòng đại diện tại Việt Nam (nếu có):

Số điện thoại:

Fax:

E.mail:

Công ty (hoặc Liên danh) chúng tôi đã được chủ đầu tư (hoặc thầu chính, trường hợp là thầu phụ làm đơn) là:..... thông báo thắng thầu (hoặc được chọn thầu) để làm thầu chính (hoặc thầu phụ) thực hiện công việc..... thuộc Dự án..... tại....., trong thời gian từ..... đến.....

Chúng tôi đề nghị Cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (hoặc Sở Xây dựng....) xét cấp Giấy phép hoạt động xây dựng cho Công ty chúng tôi để thực hiện việc thầu nêu trên.

Hồ sơ gửi kèm theo gồm:

Các tài liệu được quy định tại Điều 4 của Thông tư này.

Nếu hồ sơ của chúng tôi cần phải bổ sung hoặc làm rõ thêm nội dung gì, xin báo cho ông (bà)..... có địa chỉ tại Việt Nam..... số điện thoại..... Fax..... E.mail.....

Khi được cấp Giấy phép hoạt động xây dựng, chúng tôi xin cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định trong Giấy phép và các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan.

**Thay mặt (hoặc thừa ủy quyền).....
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu Công ty)**

Phụ lục số 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

Công ty

**BÁO CÁO
CÁC CÔNG VIỆC/DỰ ÁN ĐÃ THỰC HIỆN TRONG 3 NĂM GẦN NHẤT**

Chủ đầu tư hoặc Bên thuê	Tên Dự án, địa Điểm, quốc gia	Nội dung hợp đồng nhận thầu	Giá trị hợp đồng và ngày ký hợp đồng (USD)	Tỷ lệ % giá trị công việc phải giao thầu phụ	Thời gian thực hiện hợp đồng (từ đến ...)
1	2	3	4	5	6

..., ngày.... tháng.... năm....

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu Công ty)

Phụ lục số 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

Tên đơn vị, tổ chức:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày.... tháng.... năm....

GIẤY ỦY QUYỀN

Căn cứ Thông báo trúng thầu (hoặc hợp đồng) số ... ngày... tháng ... năm giữa Chủ đầu tư (hoặc nhà thầu chính) là..... với Công ty.....:

Tôi tên là:

Chức vụ:

Ủy quyền cho ông/bà

Chức vụ:

Số hộ chiếu: Quốc tịch nước:

Ông..... được ký các giấy tờ, thủ tục xin cấp giấy phép hoạt động xây dựng gói thầu

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư (hoặc nhà thầu chính);
- Cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng/Sở Xây dựng;
- Lưu: VT, Đơn vị ...

22. Thủ tục: Điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, nhóm C.

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1. Nhà thầu nộp hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Địa chỉ: Số 70 đường Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.</p> <p>Bước 2. Sau khi được cấp giấy phép hoạt động xây dựng, nếu có những thay đổi về tên, địa chỉ của nhà thầu, thay đổi các đối tác trong liên danh hoặc nhà thầu phụ hoặc các nội dung khác đã ghi trong giấy phép hoạt động xây dựng được cấp, nhà thầu nước ngoài phải nộp hồ sơ đến Sở Xây dựng để được xem xét điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng đã cấp.</p> <p>Bước 3. Theo phiếu hẹn, nhà thầu nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng (<i>theo mẫu</i>). - Các tài liệu chứng minh cho những nội dung đề nghị điều chỉnh. Các tài liệu phải được dịch ra tiếng Việt và được chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết:	Không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ,
Đối tượng thực hiện:	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Doanh nghiệp, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Sở Xây dựng.
Kết quả thực hiện:	Giấy phép hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài được điều chỉnh
Phí, Lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	- Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng (<i>Phụ lục số 8 Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Nhà thầu đã được cấp Giấy phép hoạt động xây dựng tại Việt Nam có những thay đổi về tên, địa chỉ của nhà thầu, thay đổi các đối tác trong liên danh hoặc nhà thầu phụ hoặc các nội dung khác đã ghi trong giấy phép hoạt động xây dựng được cấp
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ. - Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng. - Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 08/2018/TT-BXD ngày 05/10/2018 của Bộ Xây dựng.

Phụ lục số 8

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Văn bản số:....., ngày.... tháng.... năm....

Kính gửi: Cơ quan chuyên môn về xây dựng (Bộ Xây dựng)
(Hoặc ông Giám đốc Sở Xây dựng.....)

Tôi: (Họ tên) Chức vụ:.....
Được ủy quyền của ông (bà): theo giấy ủy quyền: (kèm theo đơn này)
Đại diện cho:.....
Địa chỉ đăng ký tại chính quốc:
Số điện thoại: Fax:.....E.mail:.....
Địa chỉ văn phòng đại diện tại Việt Nam:
Số điện thoại: Fax: E.mail:
Công ty (hoặc Liên danh) chúng tôi đã được cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng (Sở Xây dựng) cấp giấy phép hoạt động xây dựng số....., ngày..... để thực hiện gói thầu..... thuộc dự án..... Đề nghị Điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng đã cấp với nội dung:
Lý do đề nghị Điều chỉnh:

Chúng tôi đề nghị Cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng (hoặc Sở Xây dựng) xét Điều chỉnh Giấy phép hoạt động xây dựng đã cấp cho Công ty chúng tôi với nội dung nêu trên.
Hồ sơ gửi kèm theo gồm:
1- Bản sao Giấy phép hoạt động xây dựng đã được cấp
2- Bản sao các văn bản chứng minh cho nội dung Điều chỉnh
3- Văn bản chấp thuận của chủ đầu tư (thầu chính trường hợp nhà thầu đề nghị Điều chỉnh là thầu phụ)
Nếu hồ sơ của chúng tôi cần phải bổ sung hoặc làm rõ thêm nội dung gì, xin báo cho ông (bà)..... có địa chỉ tại Việt Nam..... số điện thoại..... Fax..... E.mail

Khi được cấp Giấy phép hoạt động xây dựng Điều chỉnh, chúng tôi xin cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định trong Giấy phép và các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan.

Thay mặt (hoặc thừa ủy quyền).....
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu Công ty)

IV. Lĩnh vực kinh doanh bất động sản

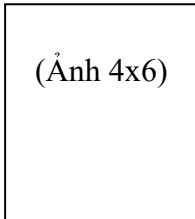
1. Thủ tục: *Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản*

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1. Cá nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Địa chỉ: Số 70 đường Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.</p> <p>Bước 2. Sở Xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn để cá nhân hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp không đáp ứng theo quy định.</p> <p>Bước 3. Cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua dịch vụ bưu chính.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none">- Đơn đăng ký dự thi (<i>theo mẫu</i>) có dán ảnh màu cỡ 4x6cm chụp trong thời gian 06 tháng tính đến ngày đăng ký dự thi;- Bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân đối với người Việt Nam hoặc hộ chiếu đối với người nước ngoài (hoặc bản sao có bản chính để đối chiếu);- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa học về đào tạo bồi dưỡng kiến thức hành nghề môi giới bất động sản (nếu có);- Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp từ Trung học phổ thông (hoặc tương đương) trở lên;- 02 ảnh màu cỡ 4x6cm chụp trong thời gian 06 tháng tính đến ngày đăng ký dự thi, 02 phong bì có dán tem ghi rõ họ tên, số điện thoại, địa chỉ người nhận;- Bản sao và bản dịch có chứng thực chứng chỉ do nước ngoài cấp (đối với người nước ngoài và người Việt Nam có chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do nước ngoài cấp đang còn giá trị);- Kết quả bài thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản với phần kiến thức cơ sở đạt từ 70 điểm trở lên (thang điểm 100); phần kiến thức chuyên môn đạt từ 70 điểm trở lên (thang điểm 100). <p>b) Số lượng hồ sơ: 02 (bộ), trong đó 01 bộ lưu tại đơn vị tổ chức kì thi, 01 bộ gửi về Sở Xây dựng để cấp chứng chỉ.</p>
Thời hạn giải quyết:	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân.
Cơ quan thực hiện:	Sở Xây dựng tỉnh Kon Tum.
Kết quả:	Quyết định cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản và Chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản.
Phí, Lệ phí:	Lệ phí cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản. Mức thu: 200.000 đồng/01 chứng chỉ (Hai trăm nghìn đồng chẵn)
Tên mẫu đơn, tờ khai:	- Đơn đăng ký dự thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (<i>phụ lục 1 Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	<ul style="list-style-type: none">- Yêu cầu điều kiện 1:+ Người xin cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;- Yêu cầu điều kiện 2:

	<ul style="list-style-type: none"> + Người xin cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản phải có trình độ từ Trung học phổ thông trở lên. - Yêu cầu điều kiện 3: + Đã nộp hồ sơ đăng ký dự thi và kinh phí dự thi cho đơn vị tổ chức kỳ thi. - Yêu cầu điều kiện 4: + Người xin cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản phải có bài thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản với phần kiến thức cơ sở đạt từ 70 điểm trở lên (thang điểm 100); phần kiến thức chuyên môn đạt từ 70 điểm trở lên (thang điểm 100);
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014. - Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng.

**MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ DỰ THI SÁT HẠCH CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ
MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN**

(Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30 /12/2015 của Bộ Xây dựng)



**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Ngày.....tháng.....năm.....

**ĐƠN ĐĂNG KÝ DỰ THI SÁT HẠCH CẤP CHỨNG CHỈ
HÀNH NGHỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN**

Kính gửi:

1. Họ và tên:
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Nơi sinh:
4. Quốc tịch:
5. Số chứng minh thư (hoặc hộ chiếu):
6. Địa chỉ thường trú:
7. Điện thoại liên hệ:
8. Trình độ chuyên môn:
- Văn bằng, chứng chỉ đã được cấp: (tốt nghiệp Trung học phổ thông trở lên)

.....
Tôi xin đăng ký dự thi sát hạch để được cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản.

Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

2. Thủ tục: *Cấp lại (cấp đổi) chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng hoặc cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do hết hạn (hoặc gần hết hạn).*

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1. Cá nhân xin cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng khác hoặc cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do hết hạn (hoặc gần hết hạn) nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Địa chỉ: Số 70 đường Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.</p> <p>Bước 2. Tiếp nhận và kiểm tra: Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ. Nếu trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ. Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để tổ chức hoàn chỉnh hồ sơ.</p> <p>Bước 3.</p> <p>- <i>Trường hợp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng:</i> Chuyển đơn vị có thẩm quyền xử lý. Đơn vị có thẩm quyền xử lý, hoàn thành và trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. Trường hợp không giải quyết thì có văn bản trả lời theo quy định.</p> <p>- <i>Trường hợp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do hết hạn (hoặc gần hết hạn):</i> Chuyển đơn vị có thẩm quyền xử lý. Cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm tổ chức sát hạch cho cá nhân đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề theo quy định sau:</p> <p>+ Trường hợp đăng ký dự thi lại tại địa phương đã cấp chứng chỉ thì chỉ phải thi phần kiến thức cơ sở theo quy định tại Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng để được cấp lại chứng chỉ, số chứng chỉ theo số cũ, chứng chỉ ghi rõ trên trang 01 là cấp lần thứ nhất, lần thứ hai, lần thứ ba;</p> <p>+ Trường hợp đăng ký dự thi ở địa phương khác thì phải thực hiện thủ tục thi sát hạch như cấp chứng chỉ mới nhưng chỉ phải thi phần kiến thức cơ sở.</p> <p>Sở Xây dựng tổ chức thi sát hạch phần kiến thức cơ sở theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng.</p> <p>Bước 4. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.</p>
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ:</p> <p>* <i>Trường hợp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng:</i></p> <p>- Đơn xin cấp lại chứng chỉ có dán ảnh (<i>theo mẫu</i>);</p> <p>- 02 ảnh cỡ 4x6cm chụp trong thời gian 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ;</p> <p>- Chứng chỉ cũ (nếu có).</p> <p>* <i>Trường hợp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do hết hạn (hoặc gần hết hạn):</i></p> <p>- Đơn đăng ký dự thi (<i>theo mẫu</i>) có dán ảnh màu cỡ 4x6cm chụp trong thời gian 06 tháng tính đến ngày đăng ký dự thi;</p> <p>- Bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân đối với người Việt</p>

	<p>Nam hoặc hộ chiếu đối với người nước ngoài (hoặc bản sao có bản chính để đối chiếu);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa học về đào tạo bồi dưỡng kiến thức hành nghề môi giới bất động sản (nếu có); - Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp từ Trung học phổ thông (hoặc tương đương) trở lên; - 02 ảnh màu cỡ 4x6cm chụp trong thời gian 06 tháng tính đến ngày đăng ký dự thi, 02 phong bì có dán tem ghi rõ họ tên, số điện thoại, địa chỉ người nhận; - Bản sao và bản dịch có chứng thực chứng chỉ do nước ngoài cấp (đối với người nước ngoài và người Việt Nam có chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do nước ngoài cấp đang còn giá trị); - Chứng chỉ cũ (bản gốc) đối với trường hợp đã hết hạn, hoặc bản sao có chứng thực đối với trường hợp chứng chỉ chưa hết hạn; - Kết quả bài thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản với phần kiến thức cơ sở đạt từ 70 điểm trở lên (thang điểm 100). <p>b) Số lượng hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng: 01 (bộ) - Trường hợp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do hết hạn (hoặc gần hết hạn): 02 (bộ), trong đó 01 bộ lưu tại đơn vị tổ chức kì thi, 01 bộ gửi về Sở Xây dựng để cấp chứng chỉ.
Thời hạn giải quyết:	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do hết hạn (hoặc gần hết hạn): Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (được tính từ ngày có kết quả sát hạch).
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân
Cơ quan thực hiện:	Sở Xây dựng tỉnh Kon Tum.
Kết quả:	Chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (Ghi rõ cấp lại hoặc cấp lại lần thứ nhất, lần thứ hai, lần thứ ba).
Phí, Lệ phí:	Lệ phí cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản. Mức thu: 200.000 đồng/01 chứng chỉ (Hai trăm nghìn đồng chẵn)
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng: + Đơn xin cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (<i>phụ lục 5 Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015</i>). - Trường hợp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do hết hạn (hoặc gần hết hạn): - Đơn đăng ký dự thi (<i>phụ lục 1 Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	<p>* Trường hợp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng: Đã được cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản nhưng bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng khác thì được cấp lại chứng chỉ.</p> <p>* Trường hợp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do hết hạn (hoặc gần hết hạn):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu điều kiện 1: + Người xin cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; - Yêu cầu điều kiện 2: + Người xin cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản phải có trình

	<p>độ từ Trung học phổ thông trở lên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu điều kiện 3: + Đã nộp hồ sơ đăng ký dự thi và kinh phí dự thi cho đơn vị tổ chức kỳ thi. - Yêu cầu điều kiện 4: + Người xin cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản phải có bài thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản với phần kiến thức cơ sở đạt từ 70 điểm trở lên (thang điểm 100).
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH 13 ngày 25/11/2014.</i> - <i>Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ.</i> - <i>Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng.</i>

MẪU ĐƠN XIN CẤP LẠI
CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN

Trường hợp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng

(Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng)

(Ảnh 4x6)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN CẤP LẠI CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ
MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN

Kính gửi:

1. Họ và tên:.....
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Số CMND hoặc Hộ chiếu: cấp ngày: Nơi cấp:
4. Đăng ký thường trú tại:
5. Nơi ở hiện nay:
6. Đơn vị công tác:
7. Điện thoại:
8. Lý do đề nghị cấp lại:

Tôi đã được cấp Chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản số.....ngàytháng.....năm.....

Người làm đơn nêu rõ nguyên nhân đề nghị cấp lại Chứng chỉ
.....

Tôi cam đoan mọi thông tin nêu trên là hoàn toàn đúng sự thật. Nếu sai, tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tôi làm đơn này kính đề nghị Sở Xây dựng cấp lại Chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản.

Tôi xin gửi kèm theo:

- 02 ảnh (4x6cm);
- Chứng chỉ cũ (nếu có).

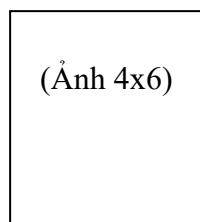
Tôi xin trân trọng cảm ơn!

....., ngày tháng.....năm ...

Người đề nghị
(Ký, ghi rõ họ tên)

**MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ DỰ THI SÁT HẠCH
CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN**

*Trường hợp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do hết hạn (hoặc gần hết hạn)
(Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30 /12/2015 của Bộ Xây
dựng)*



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngày.....tháng.....năm.....

**ĐƠN ĐĂNG KÝ DỰ THI SÁT HẠCH CẤP CHỨNG CHỈ
HÀNH NGHỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN**

Kính gửi:

1. Họ và tên:

2. Ngày, tháng, năm sinh:

3. Nơi sinh:

4. Quốc tịch:

5. Số chứng minh thư (hoặc hộ chiếu):

6. Địa chỉ thường trú:

7. Điện thoại liên hệ:

8. Trình độ chuyên môn:

- Văn bằng, chứng chỉ đã được cấp: (tốt nghiệp Trung học phổ thông trở lên)

.....

Tôi xin đăng ký dự thi sát hạch để được cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản.

Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

3. Thủ tục: Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản đối với dự án do UBND cấp tỉnh, cấp huyện quyết định việc đầu tư.

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1. Chủ đầu tư chuyển nhượng gửi hồ sơ đề nghị chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Địa chỉ: Số 70 đường Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.</p> <p>Bước 2. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum có trách nhiệm tiếp nhận; kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn để chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định.</p> <p>Bước 3. Chuyển đơn vị có thẩm quyền xử lý. Đơn vị có thẩm quyền xử lý, hoàn thành và trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. Trường hợp không giải quyết thì có văn bản trả lời theo quy định.</p> <p>Bước 4. Chủ đầu tư nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.</p>
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ:</p> <p>- Đơn đề nghị cho phép chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án của chủ đầu tư chuyển nhượng (<i>theo mẫu</i>);</p> <p>- Hồ sơ dự án, phần dự án đề nghị cho chuyển nhượng bao gồm:</p> <p>+ Văn bản cho phép đầu tư hoặc văn bản chấp thuận đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (bản sao có chứng thực);</p> <p>+ Quyết định phê duyệt dự án, quy hoạch chi tiết 1/500 hoặc quy hoạch tổng mặt bằng (bản sao có chứng thực);</p> <p>+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của toàn bộ hoặc phần dự án đề nghị chuyển nhượng (bản sao có chứng thực);</p> <p>- Báo cáo quá trình thực hiện dự án của chủ đầu tư chuyển nhượng đến thời điểm chuyển nhượng (<i>theo mẫu</i>).</p> <p>- Hồ sơ của chủ đầu tư nhận chuyển nhượng bao gồm:</p> <p>+ Đơn đề nghị được nhận chuyển nhượng dự án hoặc một phần dự án (<i>theo mẫu</i>);</p> <p>+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có ngành nghề kinh doanh bất động sản hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có vốn điều lệ đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 3 Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 (bản sao có chứng thực), trừ trường hợp nhà đầu tư nước ngoài chưa thành lập tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật về đầu tư.</p> <p>+ Văn bản chứng minh có vốn thuộc sở hữu của mình để thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư, về đất đai. Trường hợp chưa có văn bản chứng minh có vốn thuộc sở hữu của mình theo quy định của pháp luật về đầu tư, về đất đai thì phải có văn bản xác nhận của tổ chức kiểm toán độc lập hoặc báo cáo tài chính đã được kiểm toán về mức vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất (năm nhận chuyển nhượng hoặc năm trước liền kề năm nhận chuyển nhượng) đối với doanh nghiệp đang hoạt động; đối với doanh nghiệp mới thành lập thì nếu số vốn là tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ thì phải được ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp đó mở tài khoản xác nhận về số dư tiền gửi của doanh nghiệp, nếu số vốn là tài sản thì phải có chứng thư của tổ chức có chức năng định giá hoặc thẩm định giá đang hoạt động tại Việt Nam về kết quả định giá, thẩm</p>

	định giá tài sản của doanh nghiệp. b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).
Thời hạn giải quyết:	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện:	Chủ đầu tư dự án (Doanh nghiệp Kinh doanh bất động sản).
Cơ quan thực hiện:	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Xây dựng hoặc Sở quản lý chuyên ngành do UBND cấp tỉnh quyết định.
Kết quả:	Quyết định cho phép chuyển nhượng dự án hoặc một phần dự án bất động sản.
Phí, Lệ phí:	Không.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	- Đơn đề nghị cho phép chuyển nhượng toàn bộ dự án và đơn đề nghị cho phép chuyển nhượng một phần dự án (<i>Mẫu số 08a và 08b Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2016</i>). - Báo cáo quá trình thực hiện dự án (<i>Mẫu số 09a Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2016</i>). - Báo cáo quá trình thực hiện dự án và một phần dự án chuyển nhượng (<i>Mẫu số 09b Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2016</i>). - Đơn đề nghị được nhận chuyển nhượng toàn bộ dự án (<i>Mẫu số 10a Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2016</i>). - Đơn đề nghị được nhận chuyển nhượng một phần dự án (<i>Mẫu số 10b Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2016</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	- Chủ đầu tư chuyển nhượng đã có giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất đối với toàn bộ hoặc phần dự án chuyển nhượng. - Chủ đầu tư nhận chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản phải là doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, có đủ năng lực tài chính và cam kết tiếp tục việc triển khai đầu tư xây dựng, kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tiến độ, nội dung dự án.
Căn cứ pháp lý:	- <i>Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014.</i> - <i>Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ.</i>

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP CHUYỂN NHƯỢNG TOÀN BỘ DỰ ÁN
*(Mẫu số 08a quy định tại phụ lục Ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP
ngày 10/9/2015 của Chính phủ)*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP CHUYỂN NHƯỢNG TOÀN BỘ DỰ ÁN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....

- Tên Doanh nghiệp:
- Địa chỉ:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:
- Người đại diện theo pháp luật: Chức vụ:
- Số điện thoại liên hệ:

Hiện đang là chủ đầu tư dự án:

Thuộc địa bàn xã.....huyện.....tỉnh.....

Đề nghị được chuyển nhượng toàn bộ dự án..... với các nội dung chính như sau:

I. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ ÁN

- 1-Tên dự án:
- 2- Địa điểm:
- 3- Nội dung và quy mô dự án:
- 4- Diện tích sử dụng đất:
- 5- Diện tích đất xây dựng:
- 6- Tổng mức đầu tư:
- 7- Nguồn vốn đầu tư:
- 8- Tóm tắt tình hình triển khai dự án:

II. LÝ DO XIN CHUYỂN NHƯỢNG.....

III. ĐỀ XUẤT CHỦ ĐẦU TƯ NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG LÀ: (Tên chủ đầu tư mới; Địa chỉ; Người đại diện; Năng lực tài chính; Kinh nghiệm)

IV. PHƯƠNG ÁN GIẢI QUYẾT VỀ QUYỀN LỢI VÀ NGHĨA VỤ ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG VÀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN.....

V. CAM KẾT

(Có báo cáo tình hình thực hiện dự án gửi kèm theo)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu

....., ngày tháng.....năm

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP CHUYỂN NHƯỢNG MỘT PHẦN DỰ ÁN
(Mẫu số 08b quy định tại phụ lục Ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày
10/9/2015 của Chính phủ)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP CHUYỂN NHƯỢNG MỘT PHẦN DỰ ÁN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....

- Tên Doanh nghiệp:
- Địa chỉ:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:
- Người đại diện theo pháp luật: Chức vụ:
- Số điện thoại liên hệ:

Hiện đang là chủ đầu tư dự án:

Thuộc địa bàn xã.....huyện.....tỉnh.....

Đề nghị được chuyển nhượng một phần dự án với các nội dung chính như sau:

I. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Địa điểm:
3. Nội dung và quy mô dự án:
4. Diện tích sử dụng đất của dự án:
5. Diện tích đất xây dựng:
6. Tổng mức đầu tư:
7. Nguồn vốn đầu tư:
8. Tóm tắt tình hình tiến khai dự án:

II. XIN PHÉP CHUYỂN NHƯỢNG MỘT PHẦN DỰ ÁN

1. Diện tích đất:
2. Vị trí khu đất:
3. Quy mô công trình:
4. Hiện trạng đang thực hiện:

III. LÝ DO XIN CHUYỂN NHƯỢNG.....

IV. ĐỀ XUẤT CHỦ ĐẦU TƯ NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG LÀ: (Tên chủ đầu tư mới; Địa chỉ; Người đại diện; Năng lực tài chính; Kinh nghiệm)

V. PHƯƠNG ÁN GIẢI QUYẾT VỀ QUYỀN LỢI VÀ NGHĨA VỤ ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG VÀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN:

VI. CAM KẾT.....

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu

....., ngày tháng.....năm

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

BÁO CÁO QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

(Mẫu số 09a quy định tại phụ lục Ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ)

Tên chủ đầu tư.....

Số:/.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân

1. Tên chủ đầu tư:

- Địa chỉ:

- Người đại diện.....

- Số điện thoại.....

2. Thông tin chung về dự án

- Tên dự án.....

- Địa điểm dự án.....

- Quyết định phê duyệt dự án (Văn bản chấp thuận đầu tư, cho phép đầu tư...)...

- Mục tiêu của dự án:

- Tổng diện tích đất: Trong đó bao gồm:

+ Quy mô (diện tích đất, quy hoạch sử dụng đất, hệ số sử dụng đất...)

+ Các chỉ tiêu về xây dựng công trình (mật độ xây dựng, diện tích xây dựng, diện tích nhà ở, số lượng nhà ở.....)

+ Tổng mức đầu tư (Nêu rõ cơ cấu nguồn vốn).....

+ Tổng tiến độ và tiến độ chi tiết của dự án.....

+ Các thông tin khác.....

3. Các văn bản hồ sơ pháp lý của dự án gồm:

4. Quá trình thực hiện dự án:

- Tình hình giải phóng mặt bằng.....

- Tình hình nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.....

- Tình hình xây dựng hạ tầng kỹ thuật.....

- Tình hình xây dựng nhà, công trình xây dựng.....

- Tiến độ thực hiện dự án.....

- Tình hình huy động vốn.....

- Tình hình bán nhà ở (hoặc tình hình kinh doanh BĐS).....

- Tình hình chuyển nhượng đất cho các nhà đầu tư cấp 2.....

- Các vấn đề khác

5. Các nội dung đã cam kết với khách hàng.....

6. Các quyền và lợi ích của các tổ chức, cá nhân có liên quan

Nơi nhận:

- Như trên

- Lưu:

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

**BÁO CÁO QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN VÀ MỘT PHẦN
DỰ ÁN CHUYỂN NHƯỢNG**

*(Mẫu số 09b quy định tại phụ lục Ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày
10/9/2015 của Chính phủ)*

Tên chủ đầu tư.....
Số:/.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

**BÁO CÁO
QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN VÀ MỘT PHẦN DỰ ÁN CHUYỂN NHƯỢNG**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân

1. Tên chủ đầu tư:

- Địa chỉ.....
- Người đại diện.....
- Số điện thoại.....

2. Thông tin chung về dự án và phần dự án chuyển nhượng:

a) Thông tin về dự án

- Tên dự án.....
- Địa điểm dự án.....
- Quyết định phê duyệt dự án (Văn bản chấp thuận đầu tư, cho phép đầu tư..).....
- Mục tiêu của dự án:
- Tổng diện tích đất: Trong đó bao gồm:
- + Quy mô (diện tích đất, quy hoạch sử dụng đất, hệ số sử dụng đất,...)

+ Các chỉ tiêu về xây dựng công trình (mật độ xây dựng, diện tích xây dựng, diện tích nhà ở, số lượng nhà ở.....)

+ Tổng mức đầu tư (nêu rõ cơ cấu nguồn vốn).....

+ Tổng tiến độ và tiến độ chi tiết của dự án.....

+ Các thông tin khác.....

b) Thông tin về phần dự án chuyển nhượng

- Diện tích đất.....
- Quy mô công trình.....
- Tiến độ thực hiện, hiện trạng.....
- Hồ sơ pháp lý.....
- Các thông tin khác.....

3. Các văn bản hồ sơ pháp lý của dự án gồm:

4. Quá trình thực hiện dự án:

- Tình hình giải phóng mặt bằng.....
- Tình hình nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.....
- Tình hình xây dựng hạ tầng kỹ thuật.....
- Tình hình xây dựng nhà, công trình xây dựng.....
- Tiến độ thực hiện dự án
- Tình hình huy động vốn.....
- Tình hình bán nhà, bán đất (hoặc tình hình kinh doanh BĐS).....
- Tình hình chuyển nhượng đất cho các nhà đầu tư cấp 2.....
- Các vấn đề khác

5. Quá trình thực hiện của phần dự án chuyển nhượng:

- Tình hình giải phóng mặt bằng.....
 - Tình hình nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.....
 - Tình hình xây dựng hạ tầng kỹ thuật.....
 - Tình hình xây dựng công trình, nhà ở.....
 - Tiến độ thực hiện dự án.....
 - Tình hình huy động vốn.....
 - Tình hình kinh doanh bán nhà, (hoặc tình hình kinh doanh bất động sản).....
 - Các vấn đề khác.....
- 6. Các nội dung đã cam kết với khách hàng.....**
- 7. Các quyền và lợi ích của các tổ chức, cá nhân có liên quan**

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu:

CHỦ ĐẦU TƯ
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ
và đóng dấu)*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG TOÀN BỘ DỰ ÁN
(Mẫu số 10a quy định tại phụ lục Ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày
10/9/2015 của Chính phủ)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG TOÀN BỘ DỰ ÁN

Kính gửi:

- 1. Tên doanh nghiệp xin nhận chuyển nhượng dự án**
 - Địa chỉ:
 - Giấy đăng ký thành lập doanh nghiệp số:
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:
 - Người đại diện theo pháp luật.....
- 2. Năng lực về tài chính** (về vốn chủ sở hữu, khả năng huy động vốn....)
- 3. Năng lực kinh nghiệm** (các dự án tương tự đã và đang triển khai về quy mô, vốn đầu tư.....; số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư bất động sản...):.....
- 4. Đề nghị được nhận chuyển nhượng toàn bộ dự án sau:**
 - Tên dự án:
 - Chủ đầu tư là:
 - Địa điểm:
 - Nội dung và quy mô dự án:
 - Diện tích sử dụng đất của dự án:
 - Diện tích đất xây dựng:
 - Tổng mức đầu tư:
- 5. Cam kết:** Nếu được cấp có thẩm quyền cho phép được nhận chuyển nhượng và làm chủ đầu tư dự án, Công ty chúng tôi xin cam kết thực hiện như sau:
 - Về kế hoạch triển khai tiếp dự án.....
 - Về tiến độ.....
 - Tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của chủ đầu tư đối với khách hàng và các bên có liên quan.....

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu

....., ngày tháng.....năm

CHỦ ĐẦU TƯ MỚI

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG MỘT PHẦN DỰ ÁN
(Mẫu số 10b quy định tại phụ lục Ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày
10/9/2015 của Chính phủ)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG MỘT PHẦN DỰ ÁN

Kính gửi:

1. Tên doanh nghiệp xin nhận chuyển nhượng một phần dự án

- Địa chỉ.....
- Giấy đăng ký thành lập doanh nghiệp số:
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:
- Người đại diện theo pháp luật:

2. Năng lực về tài chính (về vốn chủ sở hữu, khả năng huy động vốn....)...

3. Năng lực kinh nghiệm (các dự án tương tự đã và đang triển khai về quy mô, vốn đầu tư...; số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư bất động sản...):

4. Đề nghị được nhận chuyển nhượng một phần dự án sau:

a) Thông tin chung về dự án:

- Tên dự án:
- Địa điểm:
- Nội dung và quy mô dự án:
- Diện tích sử dụng đất của dự án:
- Diện tích đất xây dựng:
- Tổng mức đầu tư:

b) Thông tin về phần dự án xin nhận chuyển nhượng:

- Vị trí khu đất:
- Quy mô công trình:
- Hiện trạng đang thực hiện:

5. Cam kết: Nếu được cấp có thẩm quyền cho phép được nhận chuyển nhượng một phần, Công ty chúng tôi xin cam kết thực hiện như sau:

- Về kế hoạch triển khai tiếp dự án.....
- Về tiến độ.....
- Tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của chủ đầu tư đối với khách hàng và các bên có liên quan.....

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu

....., ngày tháng.....năm

CHỦ ĐẦU TƯ MỚI

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

4. Thủ tục: Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do Thủ tướng Chính phủ quyết định

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1. Chủ đầu tư nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. - Địa chỉ: Số 70 đường Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút. Bước 2. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum có trách nhiệm tiếp nhận; kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn để chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định. Bước 3: Chuyển đơn vị có thẩm quyền xử lý. Đơn vị có thẩm quyền xử lý, hoàn thành và trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. Trường hợp không giải quyết thì có văn bản trả lời theo quy định. Bước 4. Theo phiếu hẹn, chủ đầu tư nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.</p>
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ: - Đơn đề nghị cho phép chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án của chủ đầu tư chuyển nhượng (<i>theo mẫu</i>); - Hồ sơ dự án, phần dự án đề nghị cho chuyển nhượng bao gồm: + Văn bản cho phép đầu tư hoặc văn bản chấp thuận đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (bản sao có chứng thực); + Quyết định phê duyệt dự án, quy hoạch chi tiết 1/500 hoặc quy hoạch tổng mặt bằng (bản sao có chứng thực); + Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của toàn bộ hoặc phần dự án đề nghị chuyển nhượng (bản sao có chứng thực); - Báo cáo quá trình thực hiện dự án của chủ đầu tư chuyển nhượng đến thời điểm chuyển nhượng (<i>theo mẫu</i>). - Hồ sơ của chủ đầu tư nhận chuyển nhượng bao gồm: + Đơn đề nghị được nhận chuyển nhượng dự án hoặc một phần dự án (<i>theo mẫu</i>); + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có ngành nghề kinh doanh bất động sản hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có vốn điều lệ đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 3 Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 (bản sao có chứng thực), trừ trường hợp nhà đầu tư nước ngoài chưa thành lập tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật về đầu tư. + Văn bản chứng minh có vốn thuộc sở hữu của mình để thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư, về đất đai. Trường hợp chưa có văn bản chứng minh có vốn thuộc sở hữu của mình theo quy định của pháp luật về đầu tư, về đất đai thì phải có văn bản xác nhận của tổ chức kiểm toán độc lập hoặc báo cáo tài chính đã được kiểm toán về mức vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất (năm nhận chuyển nhượng hoặc năm trước liền kề năm nhận chuyển nhượng) đối với doanh nghiệp đang hoạt động; đối với doanh nghiệp mới thành lập thì nếu số vốn là tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ thì phải được ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp đó mở tài khoản xác nhận về số dư tiền gửi của doanh nghiệp, nếu số vốn là tài sản thì phải có chứng thư của tổ chức có chức năng định giá hoặc thẩm định giá đang hoạt động tại Việt Nam về kết quả định giá, thẩm định giá tài sản của doanh nghiệp.</p>

	b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)
Thời hạn giải quyết:	Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện:	Chủ đầu tư dự án (Doanh nghiệp Kinh doanh bất động sản).
Cơ quan thực hiện:	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND cấp tỉnh.
Kết quả:	Quyết định cho phép chuyển nhượng dự án hoặc một phần dự án bất động sản.
Phí, Lệ phí:	Không.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	- Đơn đề nghị cho phép chuyển nhượng toàn bộ dự án và đơn đề nghị cho phép chuyển nhượng một phần dự án (<i>Mẫu số 08a và 08b Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2016</i>). - Báo cáo quá trình thực hiện dự án (<i>Mẫu số 09a Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2016</i>). - Báo cáo quá trình thực hiện dự án và một phần dự án chuyển nhượng (<i>Mẫu số 09b Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2016</i>). - Đơn đề nghị được nhận chuyển nhượng toàn bộ dự án (<i>Mẫu số 10a Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2016</i>). - Đơn đề nghị được nhận chuyển nhượng một phần dự án (<i>Mẫu số 10b Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2016</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	- Chủ đầu tư chuyển nhượng đã có giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất đối với toàn bộ hoặc phần dự án chuyển nhượng. - Chủ đầu tư nhận chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản phải là doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, có đủ năng lực tài chính và cam kết tiếp tục việc triển khai đầu tư xây dựng, kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tiến độ, nội dung dự án.
Căn cứ pháp lý:	- <i>Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH 13 ngày 25/11/2014.</i> - <i>Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ.</i>

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP CHUYỂN NHƯỢNG TOÀN BỘ DỰ ÁN
*(Mẫu số 08a quy định tại phụ lục Ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP
ngày 10/9/2015 của Chính phủ)*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP CHUYỂN NHƯỢNG TOÀN BỘ DỰ ÁN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....

- Tên Doanh nghiệp:
- Địa chỉ:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:
- Người đại diện theo pháp luật: Chức vụ:
- Số điện thoại liên hệ:

Hiện đang là chủ đầu tư dự án:

Thuộc địa bàn xã.....huyện.....tỉnh.....

Đề nghị được chuyển nhượng toàn bộ dự án..... với các nội dung chính như sau:

I. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ ÁN

- 1-Tên dự án:
- 2- Địa điểm:
- 3- Nội dung và quy mô dự án:
- 4- Diện tích sử dụng đất:
- 5- Diện tích đất xây dựng:
- 6- Tổng mức đầu tư:
- 7- Nguồn vốn đầu tư:
- 8- Tóm tắt tình hình triển khai dự án:

II. LÝ DO XIN CHUYỂN NHƯỢNG.....

III. ĐỀ XUẤT CHỦ ĐẦU TƯ NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG LÀ: (Tên chủ đầu tư mới; Địa chỉ; Người đại diện; Năng lực tài chính; Kinh nghiệm)

IV. PHƯƠNG ÁN GIẢI QUYẾT VỀ QUYỀN LỢI VÀ NGHĨA VỤ ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG VÀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN.....

V. CAM KẾT

(Có báo cáo tình hình thực hiện dự án gửi kèm theo)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu

....., ngày tháng.....năm

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP CHUYỂN NHƯỢNG MỘT PHẦN DỰ ÁN
(Mẫu số 08b quy định tại phụ lục Ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày
10/9/2015 của Chính phủ)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP CHUYỂN NHƯỢNG MỘT PHẦN DỰ ÁN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....

- Tên Doanh nghiệp:
- Địa chỉ:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:
- Người đại diện theo pháp luật: Chức vụ:
- Số điện thoại liên hệ:

Hiện đang là chủ đầu tư dự án:

Thuộc địa bàn xã.....huyện.....tỉnh.....

Đề nghị được chuyển nhượng một phần dự án với các nội dung chính như sau:

I. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Địa điểm:
3. Nội dung và quy mô dự án:
4. Diện tích sử dụng đất của dự án:
5. Diện tích đất xây dựng:
6. Tổng mức đầu tư:
7. Nguồn vốn đầu tư:
8. Tóm tắt tình hình tiến khai dự án:

II. XIN PHÉP CHUYỂN NHƯỢNG MỘT PHẦN DỰ ÁN

1. Diện tích đất:
2. Vị trí khu đất:
3. Quy mô công trình:
4. Hiện trạng đang thực hiện:

III. LÝ DO XIN CHUYỂN NHƯỢNG.....

IV. ĐỀ XUẤT CHỦ ĐẦU TƯ NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG LÀ: (Tên chủ đầu tư mới; Địa chỉ; Người đại diện; Năng lực tài chính; Kinh nghiệm)

V. PHƯƠNG ÁN GIẢI QUYẾT VỀ QUYỀN LỢI VÀ NGHĨA VỤ ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG VÀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN:

VI. CAM KẾT.....

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu

....., ngày tháng.....năm

CHỦ ĐẦU TƯ (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và
đóng dấu)

BÁO CÁO QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

(Mẫu số 09a quy định tại phụ lục Ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ)

Tên chủ đầu tư.....

Số:/.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân

1. Tên chủ đầu tư:

- Địa chỉ:
- Người đại diện.....
- Số điện thoại.....

2. Thông tin chung về dự án

- Tên dự án.....
- Địa điểm dự án.....
- Quyết định phê duyệt dự án (Văn bản chấp thuận đầu tư, cho phép đầu tư...)...
- Mục tiêu của dự án:
- Tổng diện tích đất: Trong đó bao gồm:
- + Quy mô (diện tích đất, quy hoạch sử dụng đất, hệ số sử dụng đất...)
- + Các chỉ tiêu về xây dựng công trình (mật độ xây dựng, diện tích xây dựng, diện tích nhà ở, số lượng nhà ở.....)
- + Tổng mức đầu tư (Nêu rõ cơ cấu nguồn vốn).....
- + Tổng tiến độ và tiến độ chi tiết của dự án.....
- + Các thông tin khác.....

3. Các văn bản hồ sơ pháp lý của dự án gồm:

4. Quá trình thực hiện dự án:

- Tình hình giải phóng mặt bằng.....
- Tình hình nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.....
- Tình hình xây dựng hạ tầng kỹ thuật.....
- Tình hình xây dựng nhà, công trình xây dựng.....
- Tiến độ thực hiện dự án.....
- Tình hình huy động vốn.....
- Tình hình bán nhà ở (hoặc tình hình kinh doanh BĐS).....
- Tình hình chuyển nhượng đất cho các nhà đầu tư cấp 2.....
- Các vấn đề khác

5. Các nội dung đã cam kết với khách hàng.....

6. Các quyền và lợi ích của các tổ chức, cá nhân có liên quan

Nơi nhận:

- Như trên

- Lưu:

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

**BÁO CÁO QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN VÀ MỘT PHẦN
DỰ ÁN CHUYỂN NHƯỢNG**

*(Mẫu số 09b quy định tại phụ lục Ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày
10/9/2015 của Chính phủ)*

Tên chủ đầu tư.....
Số: /.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

**BÁO CÁO
QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN VÀ MỘT PHẦN DỰ ÁN CHUYỂN NHƯỢNG**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân

1. Tên chủ đầu tư:

- Địa chỉ.....
- Người đại diện.....
- Số điện thoại.....

2. Thông tin chung về dự án và phần dự án chuyển nhượng:

a) Thông tin về dự án

- Tên dự án.....
- Địa điểm dự án.....
- Quyết định phê duyệt dự án (Văn bản chấp thuận đầu tư, cho phép đầu tư..).....
- Mục tiêu của dự án:
- Tổng diện tích đất: Trong đó bao gồm:
- + Quy mô (diện tích đất, quy hoạch sử dụng đất, hệ số sử dụng đất,..)

+ Các chỉ tiêu về xây dựng công trình (mật độ xây dựng, diện tích xây dựng, diện tích nhà ở, số lượng nhà ở.....)

+ Tổng mức đầu tư (nêu rõ cơ cấu nguồn vốn).....

+ Tổng tiến độ và tiến độ chi tiết của dự án.....

+ Các thông tin khác.....

b) Thông tin về phần dự án chuyển nhượng

- Diện tích đất.....
- Quy mô công trình.....
- Tiến độ thực hiện, hiện trạng.....
- Hồ sơ pháp lý.....
- Các thông tin khác.....

3. Các văn bản hồ sơ pháp lý của dự án gồm:

4. Quá trình thực hiện dự án:

- Tình hình giải phóng mặt bằng.....
- Tình hình nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.....
- Tình hình xây dựng hạ tầng kỹ thuật.....
- Tình hình xây dựng nhà, công trình xây dựng.....
- Tiến độ thực hiện dự án
- Tình hình huy động vốn.....
- Tình hình bán nhà, bán đất (hoặc tình hình kinh doanh BĐS).....
- Tình hình chuyển nhượng đất cho các nhà đầu tư cấp 2.....
- Các vấn đề khác

5. Quá trình thực hiện của phần dự án chuyển nhượng:

- Tình hình giải phóng mặt bằng.....
 - Tình hình nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.....
 - Tình hình xây dựng hạ tầng kỹ thuật.....
 - Tình hình xây dựng công trình, nhà ở.....
 - Tiến độ thực hiện dự án.....
 - Tình hình huy động vốn.....
 - Tình hình kinh doanh bán nhà, (hoặc tình hình kinh doanh bất động sản).....
 - Các vấn đề khác.....
- 6. Các nội dung đã cam kết với khách hàng.....**
- 7. Các quyền và lợi ích của các tổ chức, cá nhân có liên quan**

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu:

CHỦ ĐẦU TƯ
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ
và đóng dấu)*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG TOÀN BỘ DỰ ÁN
(Mẫu số 10a quy định tại phụ lục Ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày
10/9/2015 của Chính phủ)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG TOÀN BỘ DỰ ÁN

Kính gửi:

- 1. Tên doanh nghiệp xin nhận chuyển nhượng dự án**
 - Địa chỉ:
 - Giấy đăng ký thành lập doanh nghiệp số:
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:
 - Người đại diện theo pháp luật:
- 2. Năng lực về tài chính** (về vốn chủ sở hữu, khả năng huy động vốn....)
- 3. Năng lực kinh nghiệm** (các dự án tương tự đã và đang triển khai về quy mô, vốn đầu tư.....; số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư bất động sản...):.....
- 4. Đề nghị được nhận chuyển nhượng toàn bộ dự án sau:**
 - Tên dự án:
 - Chủ đầu tư là:
 - Địa điểm:
 - Nội dung và quy mô dự án:
 - Diện tích sử dụng đất của dự án:
 - Diện tích đất xây dựng:
 - Tổng mức đầu tư:
- 5. Cam kết:** Nếu được cấp có thẩm quyền cho phép được nhận chuyển nhượng và làm chủ đầu tư dự án, Công ty chúng tôi xin cam kết thực hiện như sau:
 - Về kế hoạch triển khai tiếp dự án.....
 - Về tiến độ.....
 - Tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của chủ đầu tư đối với khách hàng và các bên có liên quan.....

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu

....., ngày tháng.....năm

CHỦ ĐẦU TƯ MỚI

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG MỘT PHẦN DỰ ÁN
(Mẫu số 10b quy định tại phụ lục Ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày
10/9/2015 của Chính phủ)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG MỘT PHẦN DỰ ÁN

Kính gửi:

1. Tên doanh nghiệp xin nhận chuyển nhượng một phần dự án

- Địa chỉ.....
- Giấy đăng ký thành lập doanh nghiệp số:
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:
- Người đại diện theo pháp luật:

2. Năng lực về tài chính (về vốn chủ sở hữu, khả năng huy động vốn....)...

3. Năng lực kinh nghiệm (các dự án tương tự đã và đang triển khai về quy mô, vốn đầu tư...; số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư bất động sản...):

4. Đề nghị được nhận chuyển nhượng một phần dự án sau:

a) Thông tin chung về dự án:

- Tên dự án:
- Địa điểm:
- Nội dung và quy mô dự án:
- Diện tích sử dụng đất của dự án:
- Diện tích đất xây dựng:
- Tổng mức đầu tư:

b) Thông tin về phần dự án xin nhận chuyển nhượng:

- Vị trí khu đất:
- Quy mô công trình:
- Hiện trạng đang thực hiện:

5. Cam kết: Nếu được cấp có thẩm quyền cho phép được nhận chuyển nhượng một phần, Công ty chúng tôi xin cam kết thực hiện như sau:

- Về kế hoạch triển khai tiếp dự án.....
- Về tiến độ.....
- Tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của chủ đầu tư đối với khách hàng và các bên có liên quan.....

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu

....., ngày tháng.....năm

CHỦ ĐẦU TƯ MỚI

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

V. Lĩnh vực nhà ở và công sở

1. Thủ tục: *Gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài*

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1. Cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Địa chỉ: Số 70 đường Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.</p> <p>Bước 2. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum có trách nhiệm tiếp nhận; kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn đề chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định.</p> <p>Bước 3: Chuyển đơn vị có thẩm quyền xử lý. Đơn vị có thẩm quyền xử lý, hoàn thành và trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. Trường hợp không giải quyết thì có văn bản trả lời theo quy định.</p> <p>Bước 4. Theo phiếu hẹn, cá nhân, tổ chức nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum
Thành phần, số lượng hồ sơ:	a) Thành phần hồ sơ: * <i>Đối với cá nhân:</i> - Đơn đề nghị gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở; - Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đối với nhà ở. * <i>Đối với tổ chức:</i> - Đơn đề nghị gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở; - Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đối với nhà ở; - Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết:	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị của chủ sở hữu.
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, tổ chức nước ngoài đang sở hữu nhà ở tại Việt Nam
Cơ quan thực hiện:	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh - Cơ quan thực hiện: Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận
Kết quả:	Văn bản đồng ý gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở
Phí, Lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Không
Yêu cầu, điều kiện:	Phải có đơn gửi UBND cấp tỉnh trước khi hết hạn sở hữu nhà ở 03 tháng
Căn cứ pháp lý:	- <i>Luật Nhà ở năm 2014.</i> - <i>Nghị định số 99/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 20/10/2015 của Chính phủ.</i>

2. Thủ tục: Lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại đối với trường hợp chỉ định chủ đầu tư quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1. Nhà đầu tư nộp hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: Số 70 đường Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút. <p>Bước 2. Tiếp nhận và kiểm tra: Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ. Nếu trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ. Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để tổ chức hoàn chỉnh hồ sơ.</p> <p>Bước 3. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, Sở Xây dựng tổ chức họp Tổ chuyên gia (quy định tại khoản 4 Điều này) để xem xét, đánh giá năng lực của nhà đầu tư; nếu nhà đầu tư đủ điều kiện làm chủ đầu tư dự án thì Sở Xây dựng có văn bản kèm theo biên bản họp Tổ chuyên gia và hồ sơ pháp lý của nhà đầu tư gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để công nhận nhà đầu tư làm chủ đầu tư dự án theo mẫu hướng dẫn tham khảo tại phụ lục số 06 Thông tư số 19/2016/TT-BXD; nếu nhà đầu tư không đủ điều kiện làm chủ đầu tư dự án thì Sở Xây dựng có văn bản thông báo để nhà đầu tư biết rõ lý do.</p> <p>Bước 4. Nhà đầu tư nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đăng ký làm chủ đầu tư dự án của nhà đầu tư, bao gồm các nội dung: tên, địa chỉ nhà đầu tư, các đề xuất của nhà đầu tư, dự kiến tiến độ thực hiện dự án; - Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu nhận Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư kèm theo giấy tờ chứng minh có đủ số vốn được hoạt động kinh doanh bất động sản (vốn điều lệ) theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản; - Giấy tờ chứng minh năng lực tài chính của chủ đầu tư áp dụng như quy định tại điểm d khoản 2 Điều 12 của Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản. - Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất ở hợp pháp theo quy định của pháp luật về đất đai. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
Thời hạn giải quyết:	30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đăng ký làm chủ đầu tư.
Đối tượng thực hiện:	Nhà đầu tư xây dựng dự án nhà ở thương mại
Cơ quan thực hiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh - Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng
Kết quả:	Văn bản công nhận chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở
Phí, Lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Không
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.

3. Thủ tục: Cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1. Người có nhu cầu thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: Số 70 đường Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút. <p>Bước 2. Tiếp nhận và kiểm tra: Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ. Nếu trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ. Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để tổ chức hoàn chỉnh hồ sơ.</p> <p>Bước 3. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra và phân loại hồ sơ; nếu hồ sơ không có đủ các giấy tờ theo quy định thì phải trả lời ngay để người nộp đơn bổ sung giấy tờ. Trường hợp đơn vị quản lý vận hành nhà ở tiếp nhận hồ sơ thì sau khi kiểm tra và phân loại hồ sơ, đơn vị này phải có báo cáo danh sách người đủ điều kiện thuê, thuê mua nhà ở kèm theo hồ sơ hợp lệ gửi Sở Xây dựng xem xét, kiểm tra.</p> <p>Trên cơ sở danh sách người đủ điều kiện thuê, thuê mua nhà ở kèm theo hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng trực tiếp xét duyệt hoặc thành lập Hội đồng xét duyệt hồ sơ để thực hiện xét duyệt từng hồ sơ đăng ký, xác định đối tượng đủ điều kiện hoặc chấm điểm xét chọn đối tượng ưu tiên (nếu có).</p> <p>Trường hợp đủ điều kiện hoặc được ưu tiên xét duyệt thuê, thuê mua nhà ở thì Sở Xây dựng có tờ trình kèm theo danh sách và biên bản xét duyệt hoặc biên bản chấm điểm báo cáo UBND cấp tỉnh quyết định; trường hợp không đủ điều kiện hoặc chưa được xét duyệt thì Sở Xây dựng có văn bản thông báo cho đơn vị quản lý vận hành nhà ở để trả lời cho người nộp đơn biết.</p> <p>Trên cơ sở báo cáo của Sở Xây dựng, UBND cấp tỉnh xem xét, ban hành quyết định phê duyệt danh sách người được thuê, thuê mua nhà ở và gửi quyết định này cho Sở Xây dựng để ký hợp đồng thuê mua với người được thuê mua hoặc gửi cho đơn vị quản lý vận hành nhà ở để ký hợp đồng thuê nhà với người được thuê nhà ở.</p> <p>Bước 4. Người nộp hồ sơ nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đăng ký thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước (<i>theo mẫu</i>); - Giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng và có đủ điều kiện về nhà ở, cư trú, thu nhập (<i>theo mẫu</i>); - Giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền thuê nhà ở xã hội (nếu có) (<i>theo mẫu</i>). <p>b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ (01 bộ lưu tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ và 01 bộ chuyển cho Sở Xây dựng (nếu đơn vị quản lý vận hành là cơ quan tiếp nhận hồ sơ) hoặc 01 bộ chuyển cho đơn vị quản lý vận hành (nếu Sở Xây dựng là cơ quan tiếp nhận hồ sơ).</p>
Thời hạn giải quyết:	Không quá 30 ngày, kể từ ngày đơn vị quản lý vận hành nhà ở nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trường hợp phải xét duyệt, tổ chức chấm điểm thì thời hạn giải quyết là không quá 60 ngày.
Đối tượng thực hiện:	Người thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước.
Cơ quan thực hiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh - Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng, đơn vị quản lý vận hành nhà ở.

Kết quả:	Quyết định phê duyệt danh sách người được thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước.
Phí, Lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	- Mẫu đề nghị thuê, thuê mua nhà ở xã hội (<i>phụ lục số 09 Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016</i>); - Mẫu xác nhận đối tượng, thực trạng về nhà ở (<i>phụ lục số 13, 14, 15, 16 Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016</i>); - Mẫu kê khai về thu nhập (<i>phụ lục số 17, 18 Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Đối tượng được thuê, thuê mua nhà ở bao gồm: (1) Người có công với cách mạng theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng; (2) Người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị; (3) Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp; (4) Sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc công an nhân dân và quân đội nhân dân; (5) Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức; (6) Các đối tượng đã trả lại nhà ở công vụ; (7) Hộ gia đình, cá nhân thuộc diện bị thu hồi đất và phải giải tỏa, phá dỡ nhà ở theo quy định của pháp luật mà chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở đáp ứng các điều kiện sau: - Chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình, chưa được mua, thuê hoặc thuê mua nhà ở xã hội, chưa được hưởng chính sách hỗ trợ nhà ở, đất ở dưới mọi hình thức tại nơi sinh sống, trường hợp đã có nhà ở thuộc sở hữu của mình thì phải có diện tích bình quân trong hộ gia đình dưới 10m ² sàn/người; - Phải có đăng ký thường trú tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có nhà ở xã hội; trường hợp không có đăng ký thường trú thì phải có đăng ký tạm trú từ một năm trở lên tại tỉnh, thành phố này, - Đối với các đối tượng (2), (3), (4), (5) nêu trên thì phải thuộc diện không phải nộp thuế thu nhập thường xuyên theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân; trường hợp là hộ nghèo, cận nghèo thì phải thuộc diện nghèo, cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.
Căn cứ pháp lý:	- <i>Luật Nhà ở năm 2014.</i> - <i>Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ .</i> - <i>Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.</i>

Mẫu đơn đăng ký thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước
(Ban hành kèm theo Phụ lục số 09 Thông tư số 19/2016/TT-BXD
ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ THUÊ, THUÊ MUA NHÀ Ở XÃ HỘI
THUỘC SỞ HỮU NHÀ NƯỚC

Hình thức đăng ký¹ Thuê

Thuê mua

Kính gửi²:

Họ và tên người viết đơn:
CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân) số..... cấp
ngày...../...../..... tại

Nghề nghiệp³:

Nơi làm việc⁴:

Nơi ở hiện tại:

Hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú) số..... tại:

Thuộc đối tượng⁵:

Số thành viên trong hộ gia đình⁶.....người, bao gồm:

1. Họ và tên:CMND số.....là:.....

Nghề nghiệp.....Tên cơ quan (đơn vị).....

2. Họ và tên:CMND số.....là:.....

Nghề nghiệp.....Tên cơ quan (đơn vị).....

3. Họ và tên:CMND số.....là:.....

Nghề nghiệp.....Tên cơ quan (đơn vị).....

4.....

Tôi và những người trong hộ gia đình cam kết chưa được thụ hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở, đất ở dưới bất cứ hình thức nào (*không áp dụng đối với trường hợp tái định cư và trường hợp trả lại nhà ở công vụ*).

Tình trạng nhà ở của hộ gia đình hiện nay như sau⁷: (có Giấy xác nhận về thực trạng nhà ở của hộ gia đình, cá nhân kèm theo đơn này).

- Chưa có nhà ở thuộc sở hữu của hộ gia đình

- Có nhà ở nhưng chật chội diện tích bình quân dưới 10m² sàn/người

- Có nhà ở nhưng nhà ở bị hư hỏng, dột nát (hư hỏng khung – tường, mái)

- Đã có đất ở nhưng diện tích khuôn viên đất ở thấp hơn tiêu chuẩn diện tích tối thiểu thuộc diện được phép cải tạo, xây dựng theo quy định của UBND cấp tỉnh.

¹ Đánh dấu vào ô mà người viết đơn có nhu cầu mua, thuê, thuê mua nhà ở.

² Ghi tên cơ quan quản lý nhà ở xã hội hoặc đơn vị quản lý vận hành nhà ở xã hội.

³ Nếu đang làm việc tại cơ quan, tổ chức thì ghi rõ nghề nghiệp, nếu là lao động tự do thì ghi là lao động tự do, nếu đã nghỉ hưu thì ghi đã nghỉ hưu....

⁴ Nếu đang làm việc thì mới ghi vào mục này.

⁵ Ghi rõ người viết đơn thuộc đối tượng theo quy định được hỗ trợ nhà ở xã hội (ví dụ như là cán bộ công chức, viên chức ...).

⁶ Ghi rõ số lượng thành viên trong hộ gia đình và ghi họ tên, mối quan hệ của từng thành viên với người đứng tên viết đơn.

⁷ Người viết đơn đánh dấu vào ô phù hợp với hiện trạng thực tế nhà ở của hộ gia đình.

- Có nhà ở nhưng thuộc diện bị giải toả khi Nhà nước thu hồi đất
- Có đất ở gắn với nhà ở và phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở và không có chỗ ở nào khác.
- Tôi đã trả lại nhà ở công vụ, hiện nay chưa có nhà ở tại nơi sinh sống sau khi trả lại nhà ở công vụ
- Khó khăn về nhà ở khác⁸ (ghi rõ nội dung).....

Tôi làm đơn này đề nghị được giải quyết 01 căn hộ (căn nhà) theo hình thức..... tại dự án:.....

+ Mong muốn được giải quyết căn hộ (căn nhà) số.....

+ Diện tích sàn sử dụng căn hộ.....m² (đối với nhà chung cư);

+ Diện tích sàn xây dựng.....m² (đối với nhà liền kề);

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai. Khi được giải quyết⁹nhà ở xã hội. Tôi cam kết chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng nhà ở xã hội./.

....., ngày thángnăm

Người viết đơn

(ký và ghi rõ họ tên)

⁸ Những khó khăn về nhà ở không thuộc các nội dung khó khăn đã nêu

⁹ Ghi rõ nhu cầu mua, thuê, thuê mua

Mẫu giấy xác nhận về đối tượng và thực trạng nhà ở để đăng ký thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước đối với đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 49 Luật Nhà ở 2014

(Ban hành kèm theo Phụ lục số 13 Thông tư số 19/2016/TT-BXD
ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU GIẤY XÁC NHẬN VỀ ĐỐI TƯỢNG VÀ THỰC TRẠNG NHÀ Ở ĐỂ ĐĂNG KÝ THUÊ, THUÊ MUA NHÀ Ở XÃ HỘI THUỘC SỞ HỮU NHÀ NƯỚC

Kính gửi: Ủy ban nhân dân cấp xã ¹⁰:.....

Họ và tên người đề nghị xác nhận:

Số CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân)

số.....cấp ngày...../...../.....tại.....

Nơi ở hiện tại:

Hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú) số.....tại:.....

Là đối tượng có công với cách mạng (bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc do cơ quan có thẩm quyền cấp giấy tờ chứng minh về đối tượng kèm theo)

Thực trạng về nhà ở hiện nay như sau¹¹:

- Chưa có nhà ở thuộc sở hữu của hộ gia đình
- Có nhà ở nhưng chật chội diện tích bình quân dưới 10m² sàn/người
- Có nhà ở nhưng đã bị hư hỏng khung, tường, mái nhà và diện tích khuôn viên đất của nhà ở thấp hơn tiêu chuẩn diện tích tối thiểu thuộc diện được phép cải tạo, xây dựng theo quy định của UBND cấp tỉnh
- Có nhà ở nhưng nhà ở bị hư hỏng, dột nát (hư hỏng khung – tường, mái)
- Có nhà ở nhưng thuộc diện bị giải toả khi Nhà nước thu hồi đất
- Có đất ở gắn với nhà ở và phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở và không có chỗ ở nào khác
- Khó khăn về nhà ở khác¹² (ghi rõ nội dung).....

Tôi và những người trong hộ gia đình cam kết chưa được thụ hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở, đất ở dưới bất cứ hình thức nào.

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai.

..... Ngày..... tháng..... năm

Người đề nghị xác nhận

(Ký và ghi rõ họ tên)

¹⁰ Ghi tên UBND cấp xã nơi người đề nghị xác nhận đang cư trú theo hình thức đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú từ 01 năm trở lên.

¹¹ Căn cứ vào thực trạng nhà ở hiện tại của người đề nghị xác nhận để đánh dấu vào 1 trong 6 ô cho phù hợp.

¹² Những khó khăn về nhà ở không thuộc các nội dung khó khăn đã nêu.

Xác nhận của UBND cấp xã¹³về:

1. Ông/Bà là đối tượng có công với cách mạng

2. Về tình trạng nhà ở hiện tại của hộ gia đình:.....

3. Ông/Bà chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở, đất ở của Nhà nước

(ký tên, đóng dấu)

¹³ UBND cấp xã nơi người đề nghị xác nhận đang cư trú theo hình thức đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú từ 01 năm trở lên.

Mẫu giấy xác nhận đối tượng, thực trạng nhà ở và điều kiện về thu nhập đối với các đối tượng được quy định tại khoản 4, 5, 6, 7 Điều 49

Luật Nhà ở 2014

(Ban hành kèm theo Phụ lục số 14 Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU GIẤY XÁC NHẬN VỀ ĐỐI TƯỢNG, THỰC TRẠNG NHÀ Ở VÀ ĐIỀU KIỆN THU NHẬP ĐỂ ĐĂNG KÝ THUÊ, THUÊ MUA NHÀ Ở XÃ HỘI THUỘC SỞ HỮU NHÀ NƯỚC

Kính gửi¹⁴:

Họ và tên người đề nghị:.....

Số CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân) số.....cấp ngày...../...../.....tại.....

Nghề nghiệp.....

Nơi làm việc¹⁵:.....

Nơi ở hiện tại:.. ..

Đăng ký hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú) tại¹⁶:.....

Số sổ hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú).....nơi cấp.....

Số thành viên trong hộ gia đình.....người.

Thuộc đối tượng¹⁷:.....

Tình trạng nhà ở hiện nay của hộ gia đình tôi như sau¹⁸:

- Chưa có nhà ở thuộc sở hữu của hộ gia đình
- Có nhà ở nhưng chật chội diện tích bình quân dưới 10m² sàn/người
- Có nhà ở nhưng nhà ở bị hư hỏng, dột nát (hư hỏng khung – tường, mái)
- Có nhà ở nhưng bị hư hỏng khung, tường và mái nhà và diện tích khuôn viên đất của nhà ở thấp hơn tiêu chuẩn diện tích tối thiểu thuộc diện được phép cải tạo, xây dựng theo quy định của UBND cấp tỉnh.
- Có nhà ở nhưng thuộc diện bị giải toả khi Nhà nước thu hồi đất
- Có đất ở gắn với nhà ở và phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở và không có chỗ ở nào khác.
- Khó khăn về nhà ở khác¹⁹ (ghi rõ nội dung).....

Tôi và những người trong hộ gia đình cam kết chưa được thụ hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở, đất ở dưới bất cứ hình thức nào.

Tôi và hộ gia đình của tôi hiện không phải nộp thuế thu nhập thường xuyên.

¹⁴ Gửi Cơ quan, đơn vị của người đề nghị xác nhận (nếu hộ gia đình có 02 người trở lên là đối tượng thuộc 02 cơ quan, tổ chức thì phải gửi đề nghị đến các cơ quan, tổ chức đề được xác nhận). Trường hợp người đề nghị xác nhận đã nghỉ việc hoặc hành nghề tự do thì UBND cấp xã nơi người đề nghị xác nhận đang cư trú theo hình thức đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú từ 01 năm trở lên chỉ xác nhận về đối tượng và thực trạng nhà ở, không phải xác nhận về điều kiện thu nhập.

¹⁵ Nếu đang làm việc thì mới ghi vào mục này.

¹⁶ Ghi địa chỉ theo sổ hộ khẩu thường trú hoặc ghi địa chỉ nơi đăng ký tạm trú của người đề nghị.

¹⁷ Ghi rõ người đề nghị xác nhận thuộc đối tượng theo quy định (ví dụ như là cán bộ công chức, viên chức).

¹⁸ Căn cứ vào thực trạng nhà ở hiện tại của người đề nghị xác nhận để đánh dấu vào 1 trong 6 ô cho phù hợp.

¹⁹ Những khó khăn về nhà ở không thuộc các nội dung khó khăn đã nêu.

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

....., ngày thángnăm

Người viết đơn
(ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị hoặc lãnh đạo UBND cấp xã²⁰ của người đề nghị

- 1. Ông/Bà thuộc đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ nhà ở**
- 2. Về tình trạng nhà ở hiện tại của hộ gia đình²¹:.....**
- 3. Là đối tượng không phải nộp thuế thu nhập thường xuyên**

(ký tên, đóng dấu)

²⁰ Trường hợp người đề nghị xác nhận đã nghỉ việc hoặc hành nghề tự do thì UBND cấp xã nơi người đề nghị xác nhận đang cư trú theo hình thức đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú từ 01 năm trở lên chỉ xác nhận về đối tượng và thực trạng nhà ở, không phải xác nhận về điều kiện thu nhập.

²¹ Cơ quan phải xác nhận rõ thực trạng của nhà ở là thuộc 1 trong 7 nội dung khó khăn về nhà ở mà người đề nghị xác nhận đã khai.

Mẫu giấy xác nhận đối tượng và thực trạng về nhà ở đối với đối tượng được quy định tại khoản 8 Điều 49 Luật Nhà ở 2014
(Ban hành kèm theo Phụ lục số 15 Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU GIẤY XÁC NHẬN VỀ ĐỐI TƯỢNG VÀ THỰC TRẠNG NHÀ Ở ĐỂ ĐĂNG KÝ THUÊ, THUÊ MUA NHÀ Ở XÃ HỘI THUỘC SỞ HỮU NHÀ NƯỚC

Kính gửi²²:

Họ và tên người đề nghị xác nhận:

Số CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân) số..... cấp ngày...../...../..... tại.....

Nghề nghiệp:

Chức vụ:

Nơi làm việc²³:

Nơi ở hiện tại²⁴:

Đăng ký hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú) tại:

Số sổ hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú)..... nơi cấp.....

Số thành viên trong hộ gia đình.....người.

Tình trạng nhà ở hiện nay của hộ gia đình tôi như sau:

- Tôi đã trả lại nhà ở công vụ tại²⁵

- Hiện tại chưa có nhà ở tại nơi sinh sống sau khi trả lại nhà ở công vụ.

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

....., ngày thángnăm

Người đề nghị xác nhận
(ký và ghi rõ họ tên)

²² Gửi Cơ quan, đơn vị nơi người đề nghị xác nhận đang làm việc hoặc làm việc trước khi nghỉ hưu và cơ quan, đơn vị quản lý nhà ở công vụ của người đề nghị.

²³ Nếu đang làm việc thì mới ghi vào mục này.

²⁴ Nơi cư trú theo hình thức đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú từ 01 năm trở lên.

²⁵ Ghi rõ địa chỉ nhà ở công vụ đã trả.

**Mẫu giấy xác nhận của UBND cấp huyện nơi đối tượng có nhà, đất bị thu hồi quy định
tại Khoản 10 Điều 49 Luật Nhà ở 2014**
(Ban hành kèm theo Phụ lục số 16 Thông tư số 19/2016/TT-BXD
ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**MẪU GIẤY XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN VỀ VIỆC CHƯA
ĐƯỢC NHÀ NƯỚC BỒI THƯỜNG ĐỂ ĐĂNG KÝ THUÊ,
THUÊ MUA NHÀ Ở XÃ HỘI THUỘC SỞ HỮU NHÀ NƯỚC**

Kính gửi²⁶:

Họ và tên người đề nghị được xác nhận²⁷:

Số CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân)
số.....cấp ngày...../...../.....tại.....

Nơi ở hiện tại:

Hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú) số.....tại:.....

Tình trạng nhà ở hiện nay của hộ gia đình tôi như sau²⁸:

- Có nhà ở nhưng thuộc diện bị giải toả khi Nhà nước thu hồi đất
- Có đất ở gắn với nhà ở và phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở và không có chỗ ở nào khác.

Tôi (hoặc hộ gia đình) có nhà, đất bị thu hồi tại địa chỉ.....
chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở tái định cư.

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

....., ngày thángnăm

Người đề nghị xác nhận
(ký và ghi rõ họ tên)

**Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyệnvề việc người bị thu hồi nhà,
đất chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở hoặc đất ở tái định cư**

(ký tên, đóng dấu)

²⁶ Gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có nhà, đất bị thu hồi.

²⁷ Tên người đề nghị xác nhận đăng ký thuê, thuê mua nhà ở xã hội.

²⁸ Căn cứ vào thực trạng nhà ở hiện tại của người đề nghị xác nhận để đánh dấu vào 1 trong 2 ô cho phù hợp.

**Mẫu giấy xác nhận về điều kiện thu nhập đối với các đối tượng được quy định tại
Khoản 5, 6, 7 Điều 49 Luật Nhà ở 2014**
(Ban hành kèm theo Phụ lục số 17 Thông tư số 19/2016/TT-BXD
ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU GIẤY KÊ KHAI VỀ ĐIỀU KIỆN THU NHẬP²⁹

Họ và tên người kê khai:.....
Số CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân)
số.....cấp ngày...../...../.....tại.....
Nơi ở hiện tại³⁰:.....
Đăng ký hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú) tại³¹:.....
Số sổ hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú)..... nơi cấp.....
Số thành viên trong hộ gia đình³².....người, bao gồm:
1. Họ và tên:CMND số.....là:.....
Nghề nghiệp.....Tên cơ quan (đơn vị).....
2. Họ và tên:CMND số.....là:.....
Nghề nghiệp.....Tên cơ quan (đơn vị).....
3. Họ và tên:CMND số.....là:.....
Nghề nghiệp.....Tên cơ quan (đơn vị).....
4. Họ và tên:CMND số.....là:.....
Nghề nghiệp.....Tên cơ quan (đơn vị).....
5.....
Thuộc đối tượng³³:.....

Hộ gia đình của tôi có thu nhập thường xuyên không thuộc diện phải nộp thuế thu nhập hàng tháng.

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

....., ngày thángnăm

Người kê khai
(ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị nơi người đề nghị đang làm việc
Ông/Bà là đối tượng không phải nộp thuế thu nhập thường xuyên

(ký tên, đóng dấu)

²⁹Mẫu này chỉ áp dụng đối với trường hợp người kê khai đã được xác nhận về đối tượng và điều kiện để được hưởng chính sách hỗ trợ nhà ở xã hội trước ngày Thông tư 19/2016/TT-BXD có hiệu lực thi hành nhưng chưa có xác nhận về điều kiện thu nhập.

³⁰ Ghi địa chỉ nơi người kê khai đang cư trú theo hình thức đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú từ 01 năm trở lên.

³¹ Ghi địa chỉ theo sổ hộ khẩu thường trú hoặc ghi địa chỉ nơi đăng ký tạm trú của người kê khai.

³² Ghi rõ số lượng thành viên trong hộ gia đình và ghi họ tên, mối quan hệ của từng thành viên với người kê khai.

³³ Ghi rõ người kê khai thuộc đối tượng theo quy định được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội (ví dụ như là công chức, viên chức...).

Mẫu giấy tự kê khai về điều kiện thu nhập đối với các đối tượng được quy định tại khoản 4 và khoản 5, 6, 7 Điều 49 Luật Nhà ở 2014 (trường hợp đã được nghỉ việc, nghỉ chế độ)

(Ban hành kèm theo Phụ lục số 18 Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

MẪU GIẤY TỰ KHAI³⁴ VỀ ĐIỀU KIỆN THU NHẬP

Họ và tên người kê khai:.....

Số CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân)

số..... cấp ngày...../...../.....tại.....

Nơi ở hiện tại³⁵:.....

Đăng ký hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú) tại³⁶:.....

Số sổ hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú)..... nơi cấp.....

Số thành viên trong hộ gia đình³⁷.....người, bao gồm:

1. Họ và tên:CMND số.....là:.....

Nghề nghiệp.....Tên cơ quan (đơn vị).....

2. Họ và tên:CMND số.....là:.....

Nghề nghiệp.....Tên cơ quan (đơn vị).....

3. Họ và tên:CMND số.....là:.....

Nghề nghiệp.....Tên cơ quan (đơn vị).....

4.....

Thuộc đối tượng³⁸:.....

Hộ gia đình của tôi có thu nhập thường xuyên không thuộc diện phải nộp thuế thu nhập hàng tháng.

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

....., ngày thángnăm

Người kê khai

(ký, ghi rõ họ tên)

³⁴Trong trường hợp cần thiết Sở Xây dựng liên hệ với Cục thuế địa phương để xác minh.

³⁵Ghi địa chỉ nơi người kê khai đang cư trú theo hình thức đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú từ 01 năm trở lên.

³⁶Ghi địa chỉ theo sổ hộ khẩu thường trú của người kê khai hoặc ghi địa chỉ nơi đăng ký tạm trú.

³⁷Ghi rõ số lượng thành viên trong hộ gia đình và ghi họ tên, mối quan hệ của từng thành viên với người kê khai.

³⁸Ghi rõ người kê khai thuộc đối tượng theo quy định được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội (ví dụ như là công chức, viên chức...).

4. Thủ tục: Cho thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1. Người đề nghị thuê nhà ở nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none">- Địa chỉ: Số 70 đường Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút. <p>Bước 2. Tiếp nhận và kiểm tra: Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ. Nếu trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ. Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để tổ chức hoàn chỉnh hồ sơ.</p> <p>1) Đối với trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 57 Nghị định 99/2015/NĐ-CP được thực hiện như sau:</p> <ul style="list-style-type: none">- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra; trường hợp người nộp đơn không thuộc đối tượng được thuê nhà ở cũ thì phải có văn bản thông báo cho người nộp hồ sơ biết rõ lý do; nếu hồ sơ còn thiếu giấy tờ thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải hướng dẫn ngay để người nộp hồ sơ bổ sung giấy tờ.- Trên cơ sở hồ sơ đủ điều kiện tiếp nhận, cơ quan quản lý nhà ở có trách nhiệm kiểm tra, lập tờ trình kèm theo dự thảo quyết định phê duyệt đối tượng được thuê nhà ở cũ trình cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định;- Căn cứ vào đề nghị của cơ quan quản lý nhà ở, cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà ở xem xét, ban hành quyết định phê duyệt đối tượng được thuê nhà ở, sau đó gửi quyết định này cho cơ quan quản lý nhà ở để thông báo cho đơn vị quản lý vận hành nhà ở thực hiện ký kết hợp đồng thuê nhà ở. Trường hợp nhà ở cũ do Bộ Quốc phòng đang quản lý mà giao thẩm quyền quyết định đối tượng được thuê nhà ở cho cơ quan quản lý nhà ở thì cơ quan này ban hành quyết định phê duyệt đối tượng được thuê nhà ở.- Sau khi có quyết định phê duyệt đối tượng được thuê nhà ở cũ, đơn vị quản lý vận hành nhà ở thực hiện ký kết hợp đồng với người thuê nhà ở. <p>2) Đối với trường hợp quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 2 Điều 57 của Nghị định 99/2015/NĐ-CP được thực hiện như sau (Trường hợp người đang sử dụng nhà ở nhận chuyển quyền thuê nhà ở trước ngày 06 tháng 6 năm 2013, là ngày Nghị định số 34/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về quản lý sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước có hiệu lực thi hành (sau đây gọi chung là Nghị định số 34/2013/NĐ-CP):</p> <p>Sau khi tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra, nếu hồ sơ hợp lệ thì đăng tải 03 lần liên tục thông tin về nhà ở cho thuê trên báo của địa phương và trên Cổng thông tin điện tử của đơn vị mình; trường hợp Sở Xây dựng tiếp nhận hồ sơ thì chuyển cho đơn vị quản lý vận hành nhà ở để thực hiện việc đăng tin.</p> <p>Sau 30 ngày, kể từ ngày đăng tin lần cuối, nếu không có tranh chấp, khiếu kiện về nhà ở cho thuê thì đơn vị quản lý vận hành nhà ở ký hợp đồng với người thuê và báo cáo Sở Xây dựng biết để theo dõi, quản lý; nếu có tranh chấp, khiếu kiện về nhà ở này thì chỉ thực hiện ký hợp đồng thuê sau khi đã giải quyết xong tranh chấp, khiếu kiện.</p> <p>3) Trường hợp người đang sử dụng nhà ở là người nhận chuyển quyền thuê nhà ở từ ngày 06 tháng 6 năm 2013 thì người đề nghị thuê nhà ở nộp 02 bộ hồ sơ quy định tại đơn vị quản lý vận hành nhà ở hoặc tại cơ quan quản lý nhà ở (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định).</p> <ul style="list-style-type: none">- Cơ quan quản lý nhà ở có trách nhiệm kiểm tra, nếu nhà ở không có tranh chấp, khiếu kiện thì có văn bản đồng ý về việc chuyển nhượng
----------------------------	--

	<p>quyền thuê và gửi văn bản này kèm theo bản sao hồ sơ đề nghị thuê nhà cho đơn vị quản lý vận hành nhà ở để thực hiện ký hợp đồng với người thuê; trường hợp cơ quan quản lý nhà ở không đồng ý thì phải có văn bản trả lời rõ lý do cho người đề nghị thuê nhà ở biết.</p> <p>Bước 3. Người nộp hồ sơ nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị thuê nhà ở cũ (<i>theo mẫu</i>); - Giấy tờ chứng minh việc sử dụng nhà ở; - Bản sao Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu đang còn giá trị hoặc Thẻ quân nhân của người có đơn đề nghị thuê nhà ở; trường hợp là vợ chồng phải có thêm bản sao có chứng thực sổ hộ khẩu gia đình hoặc giấy đăng ký kết hôn; - Bản sao giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền thuê nhà ở (nếu có). <p>b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ</p>
Thời hạn giải quyết:	Không quá 30 ngày, kể từ ngày cơ quan tiếp nhận hồ sơ nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện:	Người thuê nhà ở cũ
Cơ quan thực hiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà ở - Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng, đơn vị quản lý vận hành nhà ở
Kết quả:	Quyết định đối tượng được thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước.
Phí, Lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Đơn đề nghị thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước (<i>phụ lục số 11 Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	<p>Đối tượng được thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước là người đang thực tế sử dụng nhà ở và có nhu cầu tiếp tục thuê nhà ở, không chiếm dụng nhà ở trái pháp luật, bao gồm các đối tượng được bố trí sử dụng nhà ở từ trước ngày 27/11/1992 và các đối tượng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người được phân phối thuê nhà ở đối với nhà ở được cơ quan có thẩm quyền cho phép đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước từ trước ngày 27/11/1992 nhưng từ ngày 27/11/1992 mới hoàn thành xây dựng và đưa vào sử dụng. - Người đang thuê nhà ở trước ngày 27/11/1992 nhưng thuộc diện phải điều chuyển công tác và Nhà nước yêu cầu phải trả lại nhà ở đang thuê, sau đó được cơ quan nhà nước bố trí cho thuê nhà ở khác sau ngày 27/11/1992. - Người được bố trí sử dụng nhà ở hoặc nhà không có nguồn gốc là nhà ở nhưng được bố trí sử dụng trong khoảng thời gian từ ngày 27/11/1992 đến trước ngày 05/7/1994. - Người được bố trí sử dụng nhà ở hoặc nhà không có nguồn gốc là nhà ở nhưng được bố trí sử dụng trong khoảng thời gian từ ngày 05/7/1994 đến trước ngày 19/01/2007.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Nhà ở năm 2014; - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.

Mẫu đơn đề nghị thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước
(Ban hành kèm theo Phụ lục số 11 Thông tư số 19/2016/TT-BXD
ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THUÊ NHÀ Ở CŨ THUỘC SỞ HỮU NHÀ NƯỚC

Kính gửi³⁹:

Họ và tên người đề nghị⁴⁰ là:.....

CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân) số..... cấp
ngày...../...../.....tại.

Nơi ở hiện tại:.....

Hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú) số.....tại:.....

Số thành viên trong hộ gia đình⁴¹.....người, bao gồm:

1. Họ và tên:CMND số.....là:.....

2. Họ và tên:CMND số.....là:.....

3. Họ và tên:CMND số.....là:.....

4. Họ và tên:CMND số.....là:.....

5.....

Tôi làm đơn này đề nghị được giải quyết cho thuê nhà ở tại địa chỉ
số⁴².....

Kèm theo đơn này là các giấy tờ liên quan đến nhà ở như sau⁴³:

1.....

2.....

3.....

Tôi xin chấp hành đầy đủ các quy định của nhà nước về quản lý, sử dụng nhà ở cũ thuộc sở
hữu nhà nước. Tôi cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu
trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai.

Tôi cam kết nhà ở đang sử dụng không có tranh chấp, khiếu kiện./.

Các thành viên trong hộ gia đình ký,
ghi rõ họ tên

....., ngày thángnăm

Người viết đơn
(ký và ghi rõ họ tên)

³⁹ Ghi tên đơn vị quản lý vận hành nhà ở hoặc cơ quan quản lý nhà ở.

⁴⁰ Ghi tên người đại diện các thành viên trong hộ gia đình đề nghị thuê nhà ở

⁴¹ Ghi rõ số lượng thành viên trong hộ gia đình và ghi họ tên, mối quan hệ của từng thành viên với người đứng tên viết đơn.

⁴² Ghi rõ địa chỉ nhà ở mà người đang sử dụng nhà đề nghị được ký hợp đồng thuê

⁴³ Ghi rõ Quyết định hoặc văn bản phân phối, bố trí nhà ở hoặc hợp đồng thuê nhà; giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng miễn, giảm tiền thuê nhà ở...(nếu có).

5. Thủ tục: Thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp tỉnh

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1. Cán bộ thuộc đối tượng được thuê nhà ở công vụ có đơn đề nghị thuê nhà công vụ gửi cơ quan, tổ chức nơi đang công tác. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị thuê nhà công vụ cơ quan, tổ chức nơi các đối tượng đang công tác kiểm tra và có văn bản đề nghị cho thuê nhà ở công vụ kèm theo đơn của người đề nghị thuê nhà nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc gửi qua dịch vụ Bưu chính.</p> <p>- Địa chỉ: Số 70 đường Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.</p> <p>Bước 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thuê nhà ở công vụ, cơ quan, tổ chức đang trực tiếp quản lý người có nhu cầu thuê nhà ở công vụ, Sở Xây dựng kiểm tra, căn cứ quỹ nhà ở công vụ hiện có và tiêu chuẩn nhà ở công vụ, gửi văn bản kèm 01 bản sao hồ sơ đề nghị thuê nhà ở công vụ gửi xin ý kiến UBND tỉnh.</p> <p>Bước 3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Xây dựng kèm theo bản phôi hồ sơ đề nghị thuê nhà ở công vụ, UBND tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, xem xét, có ý kiến về việc cho thuê nhà ở công vụ.</p> <p>Bước 4. Căn cứ ý kiến về việc cho thuê nhà ở công vụ của UBND tỉnh, trong thời gian 03 ngày, Sở Xây dựng ban hành Quyết định cho thuê nhà ở công vụ, gửi 01 bản cho cơ quan trực tiếp quản lý người có nhu cầu thuê nhà công vụ qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện (tùy hình thức gửi) và 01 bản Quyết định cho thuê nhà ở công vụ gửi đơn vị quản lý vận hành.</p> <p>Bước 5. Đơn vị quản lý vận hành trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định cho thuê nhà ở, ký kết hợp đồng thuê nhà ở công vụ với người thuê hoặc với cơ quan đang trực tiếp quản lý người thuê.</p> <p>Sau khi ký hợp đồng, đơn vị quản lý vận hành nhà ở công vụ có trách nhiệm gửi 01 bản phôi Hợp đồng thuê nhà công vụ cho Sở Xây dựng theo dõi, quản lý.</p> <p>- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc gửi qua dịch vụ Bưu chính.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đăng ký thuê nhà ở công vụ của cơ quan, tổ chức đang trực tiếp quản lý người có nhu cầu thuê nhà ở công vụ; - Đơn đề nghị thuê nhà ở công vụ (<i>theo mẫu</i>) đã có xác nhận của cơ quan đang trực tiếp quản lý cán bộ, công chức về thực trạng nhà ở - Bản sao quyết định bổ nhiệm, điều động, luân chuyển công tác có xác nhận của cơ quan ra quyết định hoặc cơ quan đang trực tiếp quản lý cán bộ, công chức. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
Thời hạn giải quyết:	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan, tổ chức đang trực tiếp quản lý người thuê nhà ở công vụ
Đối tượng thực hiện:	Cán bộ công chức thuộc diện được ở nhà công vụ của UBND cấp tỉnh.
Cơ quan thực hiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh; - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cơ quan quản lý nhà ở công vụ (Sở Xây dựng hoặc Phòng có chức năng quản lý nhà cấp huyện); đơn vị quản lý vận hành nhà ở công vụ;

	- Cơ quan phối hợp: cơ quan, tổ chức đang trực tiếp quản lý người có nhu cầu thuê nhà ở công vụ.
Kết quả:	Quyết định bố trí cho thuê nhà ở công vụ.
Phí, Lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Đơn đề nghị thuê nhà ở công vụ (<i>Phụ lục số 01 Thông tư số 09/2015/TT-BXD ngày 29/12/2015</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Cán bộ thuê nhà ở công vụ phải chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình và chưa được thuê, thuê mua hoặc mua nhà ở xã hội tại nơi đến công tác hoặc đã có nhà ở thuộc sở hữu của mình tại nơi đến công tác nhưng diện tích nhà ở bình quân trong hộ gia đình dưới 15m ² /người.
Căn cứ pháp lý:	- <i>Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ.</i> - <i>Thông tư số 09/2015/TT-BXD ngày 29/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.</i>

Mẫu Đơn đề nghị thuê nhà ở công vụ
(Ban hành kèm theo Phụ lục số 01 Thông tư số 09/2015/TT- BXD
ngày 29/12/2015 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THUÊ NHÀ Ở CÔNG VỤ

Kính gửi:

Tên tôi là:.....

Năm sinh.....Quê quán.....

CMND số.....cấp ngày...../...../.....tại

Chỗ ở hiện nay:.....

Đang ở thuê Đang ở nhà khách Đang ở nhờ

Hiện đang công tác tại:.....

Chức vụ:..... ; phụ cấp chức vụ :.....

Điện thoại:.....Email.....

Hiện nay tôi chưa có nhà ở (chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình, chưa được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội) tại nơi đến công tác.

Tôi làm đơn này đề nghị cơ quan xem xét cho tôi được thuê nhà ở công vụ và cam đoan chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước về thuê, sử dụng nhà ở công vụ (Số thành viên trong gia đình ở cùng là:.....người).

Kèm theo đơn này là bản sao Quyết định số..... ngày...../...../..... của về việc bổ nhiệm hoặc/và điều động, luân chuyển công tác.

Tôi cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và chịu trách nhiệm về những lời khai của mình trước pháp luật./.

**Xác nhận của cơ quan quản lý người đề
nghị thuê nhà ở công vụ**
(về thực trạng nhà ở tại địa phương
nơi đến công tác)

....., ngày thángnăm...
Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

6. Thủ tục: Đề nghị UBND cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở theo quy định tại Khoản 5 Điều 9 của Nghị định 99/2015/NĐ-CP

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1. Nhà đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 10 của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc gửi qua dịch vụ Bru chính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: Số 70 đường Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút. <p>Bước 2. Tiếp nhận và kiểm tra: Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ. Nếu trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ. Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để tổ chức hoàn chỉnh hồ sơ.</p> <p>Bước 3.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư, Sở Xây dựng có trách nhiệm gửi hồ sơ lấy ý kiến của các cơ quan nhà nước có liên quan về dự án. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan được lấy ý kiến phải có văn bản trả lời về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình liên quan đến dự án gửi Sở Xây dựng; - Trong thời hạn 25 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư, Sở Xây dựng có tờ trình gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xin ý kiến Hội đồng nhân dân cùng cấp; - Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến đồng ý của Hội đồng nhân dân cùng cấp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư dự án; trường hợp không chấp thuận chủ trương đầu tư thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho Sở Xây dựng và nhà đầu tư biết. <p>Bước 4. Nhà đầu tư nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc gửi qua dịch vụ Bru chính.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ pháp lý của đơn vị được giao làm chủ đầu tư, bao gồm giấy tờ chứng minh chức năng kinh doanh bất động sản, tư cách pháp lý, giấy tờ chứng minh năng lực tài chính, kinh nghiệm của chủ đầu tư theo quy định của pháp luật; trường hợp chưa lựa chọn chủ đầu tư thì có báo cáo về hình thức lựa chọn chủ đầu tư và dự kiến điều kiện lựa chọn chủ đầu tư; - Văn bản đề nghị chấp thuận chủ trương dự án xây dựng nhà ở (<i>theo mẫu</i>), trong đó nêu rõ cơ sở pháp lý đề nghị chấp thuận; các nội dung đề xuất chấp thuận quy định tại Khoản 2 Điều 11 Nghị định 99/2015/NĐ-CP; lý do đề nghị chấp thuận và chứng minh sự phù hợp của nội dung dự án với chương trình kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương đã được phê duyệt; - Quyết định phê duyệt quy hoạch kèm theo bản vẽ quy hoạch chi tiết khu vực có dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; - Nội dung chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương đã được phê duyệt có liên quan đến việc triển khai thực hiện dự án cần chấp thuận chủ trương đầu tư. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
Thời hạn giải quyết:	32 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư.

Đối tượng thực hiện:	Nhà đầu tư dự án xây dựng nhà ở
Cơ quan thực hiện:	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh - Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng
Kết quả:	Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở.
Phí, Lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	- Mẫu Tờ trình của Sở Xây dựng gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở (<i>phụ lục số 02 Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016</i>);
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	- Luật Nhà ở năm 2014. - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.

**Mẫu Tờ trình của Sở Xây dựng gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị
chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở**
(Ban hành kèm theo Phụ lục số 02 Thông tư số 19/2016/TT-BXD
ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

SỞ XÂY DỰNG

Số:.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm.....

TỜ TRÌNH

Đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở

Kính gửi: UBND tỉnh, thành phố

Sở Xây dựng đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập hồ sơ dự án nhà ở/đã thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án (tên dự án).....sốngày..... tháng..... năm.....của nhà đầu tư....(phần này áp dụng đối với trường hợp đã có nhà đầu tư).....

- Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

- Căn cứ Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

- Căn cứ pháp lý khác có liên quan.....

Trên cơ sở ý kiến góp ý của các cơ quan liên quan gồm...(tên các cơ quan có ý kiến và số văn bản góp ý)....., Sở Xây dựng đã tổ chức thẩm định và báo cáo kết quả như sau:

1. Tên dự án:
2. Tên nhà đầu tư (nếu có):
3. Hình thức đầu tư:
4. Mục tiêu đầu tư:
5. Địa điểm xây dựng:
6. Quy mô dự án, diện tích sử dụng đất của dự án:
7. Ranh giới sử dụng đất:
8. Tính pháp lý của hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư:
9. Tóm tắt những nội dung chính như: mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, quy mô dân số....
10. Tóm tắt ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu có):
11. Nhận xét, đánh giá:
 - a) Sự cần thiết và mục tiêu đầu tư:

b) Sự phù hợp với quy hoạch phân khu (hoặc quy hoạch chi tiết nếu đã có quy hoạch chi tiết) đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt:

c) Sự phù hợp với chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương và phù hợp với danh mục dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (nếu có):

d) Tổng số nhà ở, tỷ lệ và số lượng của từng loại nhà ở:

đ) Phương án tiêu thụ sản phẩm (bán, cho thuê, cho thuê mua):

e) Khu vực để xe công cộng và để xe cho hộ gia đình, cá nhân:

g) Các công trình hạ tầng kỹ thuật của khu vực có dự án:

h) Các công trình hạ tầng xã hội, trong đó nêu rõ các công trình do Nhà nước đầu tư và dự kiến thời hạn đầu tư các công trình này:

i) Diện tích đất dành để xây dựng nhà ở xã hội hoặc diện tích sàn xây dựng nhà ở phải dành để làm nhà ở xã hội (nếu có):

k) Dự kiến tổng mức đầu tư của dự án:

l) Thời gian, tiến độ thực hiện (phân theo giai đoạn nếu có):

12. Những đề xuất ưu đãi của chủ đầu tư:

13. Trách nhiệm của nhà đầu tư đối với dự án:

14. Trách nhiệm của chính quyền địa phương đối với dự án:

15. Những kiến nghị cụ thể:

Đề nghị UBND tỉnh, thành phố.....xem xét, chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở⁴⁴(tên dự án)...../.

Nơi nhận:

- Nhà đầu tư (nếu có) ;

-.....

Giám đốc Sở Xây dựng

(Ký tên, đóng dấu)

⁴⁴ Trường hợp dự án thuộc diện Thủ tướng chấp thuận chủ trương đầu tư thì ghi rõ đề nghị UBND cấp tỉnh xem xét, có văn bản đề nghị Bộ Xây dựng thẩm định để báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận.

7. Thủ tục: Cho thuê nhà ở sinh viên thuộc sở hữu nhà nước

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1. Sinh viên nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: Số 70 đường Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút. <p>Bước 2. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum có trách nhiệm tiếp nhận; kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định.</p> <p>Bước 3: Chuyên đơn vị có thẩm quyền xử lý (<i>Đơn vị có thẩm quyền xử lý là Đơn vị quản lý vận hành nhà ở sinh viên</i>). Đơn vị có thẩm quyền xử lý, hoàn thành và trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. Trường hợp không giải quyết thì có văn bản trả lời theo quy định.</p> <p>Bước 4. Theo phiếu hẹn, cá nhân nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum .
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị thuê nhà ở sinh viên (<i>theo mẫu</i>) - Giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng ưu tiên (nếu có); <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
Thời hạn giải quyết:	Không quá 30 ngày, kể từ ngày cơ quan tiếp nhận hồ sơ nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện:	Học sinh, sinh viên theo học tại các cơ sở giáo dục đào tạo.
Cơ quan thực hiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn vị trực tiếp thực hiện: Đơn vị quản lý vận hành nhà ở sinh viên. - Đơn vị phối hợp: Cơ sở giáo dục đào tạo sinh viên đang theo học.
Kết quả:	Hợp đồng thuê nhà ở sinh viên
Phí, Lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<p>Đơn đề nghị thuê nhà ở sinh viên (<i>phụ lục số 10 Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016</i>);</p> <p>- Hợp đồng thuê nhà ở sinh viên (<i>phụ lục số 20 Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016</i>).</p>
Yêu cầu, điều kiện:	Là học sinh, sinh viên đang theo học tại các cơ sở giáo dục đào tạo.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Nhà ở năm 2014. - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.

Mẫu đơn đề nghị thuê nhà ở sinh viên
(Ban hành kèm theo Phụ lục số 10 Thông tư số 19/2016/TT-BXD
ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ THUÊ NHÀ Ở SINH VIÊN

Kính gửi⁴⁵:

Họ và tên người đăng ký:.....

Số thẻ sinh viên hoặc CMND hoặc hộ chiếu hoặc thẻ căn cước công dân
số.....cấp ngày...../...../.....tại.....

Hiện Tôi đang học tập tại cơ sở đào tạo:.. ..

Địa chỉ của cơ sở đào tạo:.. ..

Niên khóa học:.....

Tôi làm đơn này đề nghị⁴⁶: xét duyệt cho Tôi được thuê nhà ở tại.....

trong thời gian

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

....., ngày thángnăm

Người viết đơn

(ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Thủ trưởng cơ sở đào tạo của người đề nghị

(ký tên, đóng dấu)

⁴⁵ Gửi Cơ sở đào tạo nơi người đăng ký thuê nhà ở sinh viên đang học tập.

⁴⁶ Ghi tên cơ sở đào tạo.

Mẫu Hợp đồng thuê nhà ở
(Ban hành kèm theo Phụ lục số 20 Thông tư số 19/2016/TT-BXD
ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....thángnăm.....

MẪU HỢP ĐỒNG THUÊ NHÀ Ở⁴⁷

Số/HD

Căn cứ Bộ Luật dân sự;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ đơn đề nghị thuê nhà ở của Ông (Bà)..... đề ngày..... tháng..... năm.....

Căn cứ⁴⁸.....,

Hai bên chúng tôi gồm:

BÊN CHO THUÊ NHÀ Ở (sau đây gọi tắt là Bên cho thuê):

- Tên đơn vị:.....
- Người đại diện theo pháp luật:
- Địa chỉ liên hệ:.....
- Hộ khẩu thường trú:.....
- Điện thoại:.....Fax (nếu có):.....
- Số tài khoản:.....tại Ngân hàng:.....
- Mã số thuế:.....

BÊN THUÊ NHÀ Ở (sau đây gọi tắt là Bên thuê):

- Ông (bà):.....là đại diện cho các thành viên cùng thuê nhà ở có tên trong phụ lục A đính kèm theo Hợp đồng này⁴⁹.

- Số CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân).....cấp ngày...../...../....., tại

- Hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú.....
- Địa chỉ liên hệ:
- Điện thoại:.....

Hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng thuê nhà ở với các nội dung sau đây:

Điều 1. Thông tin về nhà ở cho thuê

1. Loại nhà ở (căn hộ chung cư hoặc nhà ở riêng lẻ):.....

⁴⁷ Ghi rõ là nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước hoặc nhà ở phục vụ tái định cư hoặc nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước.

⁴⁸ Các căn cứ liên quan đến việc thuê nhà ở

⁴⁹ Các thành viên có tên trong Hợp đồng thuê nhà ở phải có văn bản thống nhất cử người đại diện ký Hợp đồng thuê nhà ở này.

2. Địa chỉ nhà ở:.....
3. Diện tích sử dụng.....m² (đối với căn hộ chung cư là diện tích thông thủy)
4. Các thông tin về phần sở hữu riêng, phần sở hữu chung, phần sử dụng riêng, phần sử dụng chung (nếu là căn hộ chung cư):
5. Các trang thiết bị chủ yếu gắn liền với nhà ở:.....
6. Đặc điểm về đất xây dựng:.....

(Trường hợp là nhà ở cũ thì ghi rõ diện tích chính, diện tích phụ, diện tích tự xây dựng thêm (nếu có); trường hợp nhà ở xã hội cho sinh viên thuê thì ghi thêm phần trang thiết bị gắn liền với căn hộ đó (như giường tầng, quạt máy, bình nước...), ghi rõ ràng diện tích sinh hoạt chung như nhà văn hoá, nhà thể thao mà sinh viên được sử dụng có thu phí hoặc không thu phí).

Điều 2. Giá thuê nhà ở, phương thức và thời hạn thanh toán

1. Giá thuê nhà ở là.....đồng/01 tháng (I)

(Bảng chữ:.....).

Căn cứ vào quy định pháp luật về nhà ở áp dụng đối với từng loại nhà ở (nhà ở xã hội, nhà ở tái định cư hoặc nhà ở cũ) để ghi rõ trong Hợp đồng giá thuê nhà ở có bao gồm hoặc không bao gồm các chi phí như chi phí bảo trì, chi phí thu hồi vốn đầu tư xây dựng, quản lý vận hành....

Giá thuê nhà ở sẽ được điều chỉnh khi Nhà nước có thay đổi về khung giá hoặc giá thuê (nếu có). Bên cho thuê có trách nhiệm thông báo giá thuê mới cho Bên thuê trước khi áp dụng ít nhất là 01 tháng.

2. Số tiền thuê nhà được miễn, giảm là.....đồng/tháng (II)

(Bảng chữ:.....đồng/tháng)

Bên cho thuê phải ghi rõ căn cứ pháp luật để miễn, giảm tiền thuê nhà ở⁵⁰.

3. Số tiền thuê Bên thuê phải trả hàng tháng là:

(I) – (II) =đồng/tháng

(Bảng chữ:.....đồng/tháng)

4. Phương thức thanh toán: Bên thuê có trách nhiệm trả bằng (ghi rõ là trả bằng tiền mặt Việt Nam đồng hoặc chuyển khoản)⁵¹:.....

5. Thời hạn thanh toán: Bên thuê trả tiền thuê nhà ở vào ngày hàng tháng.

6. Chi phí sử dụng điện, nước, điện thoại và các dịch vụ khác do Bên thuê thanh toán cho bên cung cấp dịch vụ. Các chi phí này không tính vào giá thuê nhà ở quy định tại khoản 1 Điều này và Bên thuê thanh toán theo thời hạn thỏa thuận với bên cung cấp dịch vụ.

Điều 3. Thời điểm giao nhận nhà ở và thời hạn cho thuê nhà ở

1. Thời điểm giao nhận nhà ở: ngày.....tháng..... năm

2. Thời hạn cho thuê nhà ở là tháng (năm), kể từ ngày.....tháng..... năm

Trước khi hết thời hạn Hợp đồng 03 tháng, nếu Bên thuê có nhu cầu tiếp tục thuê nhà ở thì có đơn đề nghị Bên cho thuê ký gia hạn Hợp đồng thuê nhà ở. Căn cứ vào đơn đề nghị, Bên cho thuê có trách nhiệm xem xét, đối chiếu quy định của pháp luật về đối tượng, điều kiện được thuê nhà ở để thông báo cho Bên thuê biết ký gia hạn Hợp đồng thuê theo phụ lục B đính kèm theo Hợp đồng thuê này; nếu Bên thuê không còn thuộc đối tượng, đủ điều kiện được thuê nhà ở tại địa chỉ quy định tại khoản 2 Điều 1 của Hợp đồng này hoặc không còn nhu cầu thuê tiếp thì hai bên chấm dứt Hợp đồng thuê và Bên thuê phải bàn giao lại nhà ở

⁵⁰ Trong trường hợp đối tượng được miễn, giảm tiền thuê thì ghi rõ số tiền và Điều, khoản áp dụng của Nghị định 99/2015/NĐ-CP và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Việc miễn, giảm tiền thuê chỉ áp dụng với nhà ở cũ, nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước.

⁵¹ Hai bên thỏa thuận rõ phương thức và địa chỉ nộp tiền thuê nhà ở

cho Bên cho thuê trong thời hạn quy định tại Hợp đồng này

3. Đối với nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước thì phải ghi rõ vào khoản này thời điểm nhà ở được bố trí sử dụng theo quy định của pháp luật nhà ở.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Bên cho thuê

1. Quyền của Bên cho thuê:

a) Yêu cầu Bên thuê sử dụng nhà ở đúng mục đích và thực hiện đúng các quy định về quản lý sử dụng nhà ở cho thuê;

b) Yêu cầu Bên thuê trả đủ tiền nhà theo đúng thời hạn đã cam kết và các chi phí khác cho bên cung cấp dịch vụ (nếu có);

c) Yêu cầu Bên thuê có trách nhiệm sửa chữa các hư hỏng và bồi thường thiệt hại do lỗi của Bên thuê gây ra;

d) Thu hồi nhà ở trong các trường hợp chấm dứt hợp đồng thuê nhà theo quy định tại Điều 6 của hợp đồng này hoặc khi nhà ở thuê thuộc diện bị thu hồi theo quy định của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP;

đ) Các quyền khác theo thỏa thuận.

2. Nghĩa vụ của Bên cho thuê:

a) Giao nhà cho Bên thuê đúng thời hạn quy định tại Khoản 1 Điều 3 của Hợp đồng này;

b) Phổ biến, hướng dẫn cho Bên thuê biết quy định về quản lý sử dụng nhà ở;

c) Bảo trì, quản lý vận hành nhà ở cho thuê theo quy định của pháp luật về quản lý sử dụng nhà ở;

d) Thông báo cho Bên thuê những thay đổi về giá thuê, phí dịch vụ quản lý vận hành trước khi áp dụng ít nhất là 01 tháng;

đ) Làm thủ tục ký gia hạn Hợp đồng thuê nếu Bên thuê vẫn đủ điều kiện được thuê nhà ở và có nhu cầu tiếp tục thuê nhà ở;

e) Chấp hành các quyết định của cơ quan có thẩm quyền trong việc quản lý, xử lý nhà ở cho thuê và giải quyết các tranh chấp liên quan đến hợp đồng này;

g) Thông báo cho Bên thuê biết rõ thời gian thực hiện thu hồi nhà ở trong trường hợp nhà ở thuê thuộc diện bị thu hồi;

h) Các nghĩa vụ khác theo thỏa thuận.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bên thuê

1. Quyền của Bên thuê:

a) Nhận nhà ở theo đúng thỏa thuận nêu tại khoản 1 Điều 3 của Hợp đồng này;

b) Yêu cầu Bên cho thuê sửa chữa kịp thời những hư hỏng của nhà ở mà không phải do lỗi của mình gây ra;

c) Được tiếp tục ký gia hạn hợp đồng thuê nếu hết hạn Hợp đồng mà vẫn thuộc đối tượng, đủ điều kiện được thuê nhà ở và có nhu cầu thuê tiếp;

d) Các quyền khác theo thỏa thuận.

2. Nghĩa vụ của Bên thuê:

a) Trả đủ tiền thuê nhà theo đúng thời hạn đã cam kết;

b) Thanh toán đầy đủ đúng hạn chi phí quản lý vận hành nhà ở và các chi phí khác cho bên cung cấp dịch vụ trong quá trình sử dụng nhà ở cho thuê;

c) Sử dụng nhà thuê đúng mục đích; giữ gìn nhà ở, có trách nhiệm sửa chữa những hư hỏng và bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra;

d) Không được tự ý sửa chữa, cải tạo, xây dựng lại nhà ở thuê; chấp hành đầy đủ các quy định về quản lý sử dụng nhà ở, các quyết định của cơ quan có thẩm quyền về quản lý,

xử lý nhà ở và giải quyết tranh chấp liên quan đến hợp đồng này;

đ) Không được chuyển nhượng Hợp đồng thuê nhà hoặc cho người khác sử dụng nhà thuê dưới bất kỳ hình thức nào;

e) Chấp hành các quy định về giữ gìn vệ sinh môi trường và an ninh trật tự trong khu vực cư trú;

g) Giao lại nhà cho Bên cho thuê trong các trường hợp chấm dứt Hợp đồng quy định tại Điều 6 của hợp đồng này hoặc trong trường hợp nhà ở thuê thuộc diện bị thu hồi trong thời hạn ngày, kể từ ngày Bên thuê nhận được thông báo của Bên cho thuê;

h) Các nghĩa vụ khác theo thỏa thuận.

Điều 6. Chấm dứt Hợp đồng thuê nhà ở

Việc chấm dứt Hợp đồng thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước được thực hiện trong các trường hợp sau:

1. Khi hai bên cùng nhất trí chấm dứt Hợp đồng thuê nhà ở;
2. Khi Bên thuê không còn thuộc đối tượng, điều kiện được tiếp tục thuê nhà ở hoặc không có nhu cầu thuê tiếp;
3. Khi Bên thuê nhà chết mà khi chết không có ai trong hộ gia đình đang cùng sinh sống;
4. Khi Bên thuê không trả tiền thuê nhà liên tục trong ba tháng mà không có lý do chính đáng;
5. Khi Bên thuê tự ý sửa chữa, đục phá kết cấu, cải tạo hoặc coi nói nhà ở thuê;
6. Khi Bên thuê tự ý chuyển quyền thuê cho người khác hoặc cho người khác sử dụng nhà ở thuê;
7. Khi nhà ở thuê bị hư hỏng nặng có nguy cơ sập đổ và Bên thuê phải di chuyển ra khỏi chỗ ở theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc nhà ở thuê nằm trong khu vực đã có quyết định thu hồi đất, giải phóng mặt bằng hoặc có quyết định phá dỡ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
8. Khi một trong các bên đơn phương chấm dứt hợp đồng theo thỏa thuận của Hợp đồng này (nếu có) hoặc theo quy định pháp luật.

Điều 7. Trách nhiệm của các bên do vi phạm Hợp đồng

Hai bên thỏa thuận cụ thể về các trường hợp vi phạm Hợp đồng và trách nhiệm của mỗi bên trong trường hợp vi phạm.

Điều 8. Cam kết của các bên và giải quyết tranh chấp

1. Hai bên cùng cam kết thực hiện đúng các nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh những vấn đề mới thì hai bên thỏa thuận lập phụ lục Hợp đồng, phụ lục Hợp đồng này có giá trị pháp lý như hợp đồng chính.

2. Trường hợp các bên có tranh chấp về các nội dung của Hợp đồng này thì hai bên cùng bàn bạc giải quyết thông qua thương lượng. Trong trường hợp các bên không thương lượng được thì có quyền yêu cầu Toà án nhân dân giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Các cam kết khác.

Điều 9. Các thỏa thuận khác

(Các thỏa thuận trong Hợp đồng này phải phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội).

1.....

2.....

Điều 10. Hiệu lực của Hợp đồng

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày.....

2. Hợp đồng này được lập thành 03 bản và có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ

01 bản và 01 bản gửi cơ quan quản lý nhà ở để theo dõi, quản lý./.

BÊN THUÊ NHÀ Ở
(Ký và ghi rõ họ tên)

BÊN CHO THUÊ NHÀ Ở
*(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên,
chức vụ của người ký)*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục B: Gia hạn Hợp đồng thuê nhà ở

Hôm nay, ngàytháng.....nămHai bên chúng tôi thống nhất ký kết phụ lục gia hạn Hợp đồng thuê nhà ở theo Hợp đồng thuê nhà sốký ngày/..../.....với các nội dung sau đây:

1. Họ và tên người tiếp tục được thuê nhà ở:

- Họ và tên⁵²:.....CMND số.....là:.....

- Họ và tên:..... CMND số.....là:.....

- Họ và tên:..... CMND số.....là:.....

- Họ và tên:..... CMND số.....là:.....

2. Giá thuê nhà ở:

Giá thuê nhà ở⁵³ là.....Việt Nam đồng/tháng

(*Bằng chữ:.....Việt Nam đồng/tháng*).

Giá thuê nhà ở này được tính từ ngàytháng.....năm....

3. Thời hạn thuê nhà ở:

Thời hạn thuê nhà ở là.....tháng (năm), kể từ ngày/..../.....

(Trường hợp thuê nhà ở phục vụ tái định cư, người thuê có nhu cầu thuê tiếp thì được gia hạn Hợp đồng trong thời hạn không quá 03 năm).

4. Cam kết các Bên

a) Các nội dung khác trong Hợp đồng thuê nhà ở số.....ký ngày..../..../..... vẫn có giá trị pháp lý đối với hai bên khi thực hiện thuê nhà ở theo thời hạn quy định tại phụ lục gia hạn Hợp đồng này.

b) Các thành viên có tên trong phụ lục gia hạn Hợp đồng thuê nhà ở này cùng với Bên cho thuê tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ đã quy định tại Hợp đồng thuê nhà ở số.....ký ngày..../..../.....

c) Phụ lục này là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng thuê nhà ở số.....và có hiệu lực pháp lý như Hợp đồng này;

d) Phụ lục gia hạn Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký kết và được lập thành 03 bản, mỗi bên giữ 01 bản và 01 bản gửi cho cơ quan quản lý nhà ở để theo dõi, quản lý./.

BÊN THUÊ NHÀ Ở

(Ký và ghi rõ họ tên)

BÊN CHO THUÊ NHÀ Ở

(Ký, ghi chức vụ của người ký và đóng dấu)

⁵² Ghi họ tên thành viên từ đủ 18 tuổi trở lên được tiếp tục thuê nhà ở và mối quan hệ với người đứng tên Hợp đồng thuê nhà ở hoặc người đại diện ký gia hạn Hợp đồng (nếu có thay đổi người đứng tên Hợp đồng)

⁵³ Đã bao gồm kinh phí bảo trì nhà ở.

8. Thủ tục: Thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, thuê mua

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1. Chủ đầu tư phải có văn bản (kèm theo giấy tờ chứng minh nhà ở có đủ điều kiện được bán, cho thuê mua theo quy định tại Khoản 1 Điều 55 của Luật Kinh doanh bất động sản; trường hợp có thể chấp dự án đầu tư xây dựng hoặc thế chấp nhà ở sẽ bán, cho thuê mua thì chủ đầu tư phải gửi kèm theo giấy tờ chứng minh đã giải chấp hoặc biên bản thống nhất của bên mua, bên thuê mua nhà ở và bên nhận thế chấp về việc không phải giải chấp và được mua bán, thuê mua nhà ở đó; trường hợp không có thể chấp dự án hoặc thế chấp nhà ở sẽ bán, cho thuê mua thì chủ đầu tư phải ghi rõ cam kết chịu trách nhiệm trong văn bản gửi Sở Xây dựng) tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc gửi qua đường Bru điện.</p> <p>- Địa chỉ: Số 70 đường Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.</p> <p>Bước 2. Tiếp nhận và kiểm tra: Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ. Nếu trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ. Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để tổ chức hoàn chỉnh hồ sơ.</p> <p>Bước 3. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị của chủ đầu tư, Sở Xây dựng phải kiểm tra hồ sơ; nếu hồ sơ có đủ giấy tờ theo quy định thì Sở Xây dựng phải có văn bản thông báo nhà ở đủ điều kiện được bán, cho thuê mua gửi chủ đầu tư; nếu hồ sơ chưa có đủ giấy tờ theo quy định thì phải có văn bản nêu rõ lý do. Trường hợp chủ đầu tư đã gửi hồ sơ nhưng quá thời hạn quy định mà Sở Xây dựng không có văn bản thông báo và nhà ở đó đã đủ điều kiện được bán, cho thuê mua thì chủ đầu tư được quyền ký hợp đồng mua bán, cho thuê mua nhà ở hình thành trong tương lai nhưng phải chịu trách nhiệm về việc bán, cho thuê mua nhà ở này; Sở Xây dựng phải chịu trách nhiệm về việc thông báo hoặc không có văn bản thông báo nhà ở đủ điều kiện được bán, cho thuê mua sau khi nhận được hồ sơ đề nghị của chủ đầu tư.</p> <p>Bước 4. Chủ đầu tư nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.</p>
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua dịch vụ Bru chính.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản gửi Sở Xây dựng đề nghị thông báo nhà ở đủ điều kiện bán, cho thuê mua; - Các giấy tờ chứng minh bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Giấy tờ về quyền sử dụng đất, hồ sơ dự án, thiết kế bản vẽ thi công đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Giấy phép xây dựng đối với trường hợp phải có Giấy phép xây dựng, giấy tờ về nghiệm thu việc hoàn thành xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật tương ứng theo tiến độ; trường hợp là nhà chung cư, tòa nhà hỗn hợp có mục đích để ở hình thành trong tương lai thì phải có biên bản nghiệm thu hoàn thành xong phần móng của tòa nhà đó; + Trường hợp có thể chấp dự án đầu tư xây dựng hoặc thế chấp nhà ở sẽ

	bán, cho thuê mua thì chủ đầu tư phải gửi kèm theo giấy tờ chứng minh đã giải chấp hoặc biên bản thống nhất của bên mua, bên thuê mua nhà ở và bên nhận thế chấp về việc không phải giải chấp và được mua bán, thuê mua nhà ở đó; b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ
Thời hạn giải quyết:	15 ngày, kể từ ngày Sở Xây dựng nhận đủ hồ sơ của chủ đầu tư.
Đối tượng thực hiện:	Chủ đầu tư
Cơ quan thực hiện:	Sở Xây dựng
Kết quả:	Văn bản thông báo nhà ở đủ điều kiện bán, cho thuê mua
Phí, Lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Không
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	- Luật Nhà ở năm 2014. - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ.

9. Thủ tục: Công nhận hạng/công nhận lại hạng nhà chung cư

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận hạng/công nhận lại hạng nhà chung cư nộp hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc gửi qua dịch vụ Bru chính công ích.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: Số 70 đường Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút. <p>Bước 2. Tiếp nhận và kiểm tra: Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ. Nếu trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ. Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để tổ chức hoàn chỉnh hồ sơ.</p> <p>Bước 3.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Xây dựng kiểm tra và phải có văn bản thông báo đề nghị bổ sung các giấy tờ nếu còn thiếu. - Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ, Sở Xây dựng tổ chức kiểm tra, thẩm định hồ sơ và kiểm tra thực tế nhà chung cư và: <ul style="list-style-type: none"> + Ban hành quyết định công nhận hạng nhà chung cư nếu nhà chung cư đáp ứng được các yêu cầu quy định tại Điều 3 và các tiêu chí quy định tại Điều 6 của Thông tư số 31/2016/TT-BXD. + Hoặc có văn bản trả lời tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận hạng/công nhận lại nếu nhà chung cư không đáp ứng được các yêu cầu và các tiêu chí theo quy định, trong đó nêu rõ lý do nhà chung cư không được công nhận/công nhận lại theo hạng đã đề nghị. - Trường hợp nhà chung cư đáp ứng được các yêu cầu quy định tại Điều 3 và các tiêu chí quy định tại Điều 6 của Thông tư số 31/2016/TT-BXD thì Sở Xây dựng ban hành quyết định công nhận hạng nhà chung cư; Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định công nhận hạng nhà chung cư, Sở Xây dựng có trách nhiệm đăng tải công khai thông tin, văn bản quyết định trên Cổng thông tin điện tử của Sở Xây dựng và gửi quyết định này cho tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận hạng nhà chung cư để công khai cho chủ sở hữu, người sử dụng nhà chung cư biết. <p>Bước 4. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua dịch vụ Bru chính.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị công nhận hạng/công nhận lại hạng nhà chung cư (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao có chứng thực Giấy phép xây dựng nhà chung cư (đối với nhà chung cư thuộc diện phải có Giấy phép xây dựng); - Bản sao có chứng thực quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 hoặc văn bản chấp thuận tổng mặt bằng khu vực có nhà chung cư (đối với trường hợp không phải lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500) kèm theo bản vẽ tổng mặt bằng nhà chung cư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; - Bản sao có chứng thực văn bản thẩm định của cơ quan có thẩm quyền kèm theo bản vẽ thiết kế cơ sở nhà chung cư theo quy định của pháp luật về xây dựng;

	<p>- Bản sao có chứng thực văn bản thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình nhà chung cư của cơ quan chuyên môn về xây dựng.</p> <p><i>Trường hợp nhà chung cư được nghiệm thu đưa vào sử dụng trước thời điểm Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 6/2/3013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng có hiệu lực thi hành, nếu không có Bản sao có chứng thực văn bản thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình nhà chung cư của cơ quan chuyên môn về xây dựng thì có thể nộp các giấy tờ khác thay thế như: Hồ sơ nghiệm thu chất lượng toàn bộ công trình, Biên bản nghiệm thu công trình xây dựng hoàn thành, Biên bản tổng nghiệm thu bàn giao công trình theo quy định của pháp luật tại thời điểm công trình được đưa vào sử dụng (quy định tại các Quyết định của Bộ Xây dựng ban hành trong từng thời điểm);</i></p> <p>- Bản tự kê khai, đánh giá phân hạng nhà chung cư của tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận hạng nhà chung cư (<i>theo mẫu</i>).</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
Thời hạn giải quyết:	15 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ.
Đối tượng thực hiện:	Chủ đầu tư xây dựng nhà chung cư; Ban quản trị nhà chung cư; chủ sở hữu nhà chung cư.
Cơ quan thực hiện:	Sở Xây dựng tỉnh Kon Tum.
Kết quả:	Quyết định công nhận hạng nhà chung cư.
Phí, Lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<p>- Đơn đề nghị công nhận hạng/công nhận lại hạng nhà chung cư (<i>Phụ lục số 03 Thông tư số 31/2016/TT-BXD ngày 30/12/2016</i>);</p> <p>- Bản tự kê khai, đánh giá phân hạng nhà chung cư của tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận hạng nhà chung cư (<i>phụ lục số 04 Thông tư số 31/2016/TT-BXD ngày 30/12/2016</i>).</p>
Yêu cầu, điều kiện:	<p>a) Việc công nhận hạng/công nhận lại hạng nhà chung cư phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đề nghị của tổ chức, cá nhân theo quy định; - Nhà chung cư được xây dựng phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; theo đúng Giấy phép xây dựng được cấp (đối với trường hợp yêu cầu phải có Giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng); - Nhà chung cư phải đảm bảo tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà chung cư và các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia khác có liên quan; - Nhà chung cư đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng theo đúng quy định của pháp luật về nhà ở, pháp luật về xây dựng và pháp luật có liên quan, đã được bàn giao đưa vào sử dụng và không vi phạm các quy định của pháp luật tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị công nhận hạng; - Nhà chung cư phải không thuộc diện bị phá dỡ, không thuộc khu vực đã có quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. <p>b) Nhà chung cư đáp ứng đầy đủ các yêu cầu được nêu tại điểm a mục này được phân thành 03 hạng nếu đạt các tiêu chí như sau, để làm cơ sở cho việc công nhận hạng/công nhận lại hạng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hạng A: đạt tối thiểu 18 trên tổng số 20 tiêu chí theo hướng dẫn tại phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 31/2016/TT-BXD. - Hạng B: đạt tối thiểu 18 trên tổng số 20 tiêu chí theo hướng dẫn tại phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 31/2016/TT-BXD. - Hạng C: không đạt đủ tiêu chí để công nhận hạng A và hạng B.
Căn cứ pháp lý:	<p>- Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25/11/2014;</p> <p>- Thông tư số 31/2016/TT-BXD ngày 30/12/2016 của Bộ Xây dựng.</p>

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN HẠNG (CÔNG NHẬN LẠI HẠNG,
CÔNG NHẬN ĐIỀU CHỈNH HẠNG) NHÀ CHUNG CƯ**
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 31/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 12 năm 2016
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN HẠNG NHÀ CHUNG CƯ

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh (thành phố)

Căn cứ Luật Nhà ở số 65/2014/QH13;

Căn cứ Thông tư số 31/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

(Tên tổ chức, cá nhân)..... đề nghị Sở Xây dựng xem xét, quyết định công nhận hạng nhà chung cư *(hoặc công nhận lại, điều chỉnh hạng nhà chung cư)* với các nội dung sau đây:

1. Tên tổ chức, cá nhân đề nghị:
2. Địa chỉ, số điện thoại, fax:
3. Tên nhà chung cư đề nghị công nhận hạng *(công nhận lại, công nhận điều chỉnh hạng)* :
.....
4. Địa chỉ nhà chung cư:.....
5. Hạng nhà chung cư đề nghị công nhận (A, B, C):
6. Kèm theo văn bản đề nghị này có các hồ sơ theo quy định tại Điều 7 của Thông tư số 31/2016/TT-BXD bao gồm:
 - a)
 - b)
 - c).....
 - d)

Chúng tôi cam đoan và chịu trách nhiệm về tính xác thực của các hồ sơ kèm theo, cam kết tuân thủ các quy định của Thông tư số 31/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Xây dựng và các quy định của pháp luật có liên quan sau khi được công nhận./.

....., ngày tháng năm

Đại diện tổ chức, cá nhân đề nghị
(Ký, ghi rõ họ tên; nếu là tổ chức thì phải ghi thêm chức danh và đóng dấu)

MẪU BẢN TỰ KÊ KHAI, ĐÁNH GIÁ PHÂN HẠNG NHÀ CHUNG CƯ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 31/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 12 năm 2016
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

A. THÔNG TIN CHUNG

Tên nhà chung cư:

Địa chỉ nhà chung cư:

Chủ đầu tư:

Địa chỉ:

Điện thoại.....

Fax:

Email:

B. BẢNG TỰ KÊ KHAI, ĐÁNH GIÁ

Hạng nhà chung cư tự đánh giá, đề xuất công nhận: Hạng

STT	Tiêu chí đánh giá (nêu đủ 20 tiêu chí đánh giá tương ứng với hạng nhà chung cư đề xuất công nhận - quy định tại phụ lục số 01 hoặc phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này)	Kết quả tự đánh giá	
		Đạt	Không đạt
1	Vị trí		
2	Dân số theo thiết kế		
3			
...			

Ghi chú: Người kê khai đánh giá nhà chung cư đạt hay không đạt các tiêu chí thì đánh dấu X vào phần tương ứng.

....., ngày, tháng, năm

Đại diện tổ chức, cá nhân kê khai, đánh giá
(Ký, ghi rõ họ tên; nếu là tổ chức thì phải ghi thêm chức danh và đóng dấu)

10. Thủ tục: *Bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước*

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1. Người mua nhà ở phải nộp hồ sơ đề nghị mua nhà tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc gửi qua dịch vụ Bru chính.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: Số 70 đường Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút. <p>Bước 2. Tiếp nhận và kiểm tra: Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ. Nếu trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ. Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để tổ chức hoàn chỉnh hồ sơ.</p> <p>Bước 3.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và lập danh sách người mua nhà ở. Trên cơ sở hồ sơ đề nghị mua nhà ở cũ, Sở Xây dựng tổ chức họp Hội đồng xác định giá bán nhà ở để xác định giá bán nhà ở, quyền sử dụng đất. Sau khi Hội đồng xác định giá bán nhà ở xác định giá bán nhà ở, quyền sử dụng đất, Sở Xây dựng lập danh sách đối tượng được mua nhà ở kèm theo văn bản xác định giá bán nhà ở của Hội đồng xác định giá bán nhà ở trình cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà ở xem xét, quyết định. Đối với nhà ở do Bộ Quốc phòng đang quản lý thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị Hội đồng xác định giá bán nhà ở họp để xác định giá; sau đó trình Bộ Quốc phòng ban hành quyết định bán nhà ở cũ; - Căn cứ vào báo cáo của cơ quan quản lý nhà ở, cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, ban hành quyết định bán nhà ở cũ, trong đó nêu rõ đối tượng được mua nhà ở, địa chỉ nhà ở được bán, giá bán nhà ở cũ và giá chuyển quyền sử dụng đất và gửi quyết định này cho cơ quan quản lý nhà ở, đơn vị quản lý vận hành nhà ở biết để phối hợp thực hiện ký kết hợp đồng mua bán nhà ở; - Sau khi nhận quyết định bán nhà ở cũ, đơn vị quản lý vận hành nhà ở thông báo cho người mua nhà biết thời gian cụ thể để ký kết hợp đồng mua bán nhà ở với cơ quan quản lý nhà ở. <p>Bước 4. Người nộp hồ sơ nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua dịch vụ Bru chính.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị mua nhà ở cũ (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu đang còn giá trị hoặc Thẻ quân nhân của người đề nghị mua nhà ở; trường hợp là vợ chồng thì phải có thêm bản sao có chứng thực hộ khẩu gia đình hoặc Giấy đăng ký kết hôn; - Hợp đồng thuê nhà ở được lập hợp pháp; giấy tờ chứng minh đã nộp đủ tiền thuê nhà ở và chi phí quản lý vận hành nhà ở đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị mua nhà ở. - Trường hợp người có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã xuất cảnh ra nước ngoài thì phải có văn bản ủy quyền (có xác nhận của cơ quan công chứng hoặc chứng thực theo quy định) cho các thành viên khác đứng tên mua nhà ở; nếu có thành viên có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã chết thì phải có giấy chứng tử kèm theo.

	<ul style="list-style-type: none"> - Trong trường hợp có thành viên thuê nhà ở khước từ quyền mua và đứng tên trong Giấy chứng nhận thì phải có văn bản khước từ quyền mua, không đứng tên trong Giấy chứng nhận và cam kết không có tranh chấp, khiếu kiện về việc mua bán nhà ở này; - Giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền mua nhà ở (nếu có).
Thời hạn giải quyết:	Không quá 45 ngày kể từ ngày đơn vị quản lý vận hành nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện:	Người đang thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước.
Cơ quan thực hiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà ở - Cơ quan thực hiện: Cơ quan quản lý nhà ở, đơn vị quản lý vận hành nhà ở
Kết quả:	Quyết định đối tượng được mua nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước.
Phí, Lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Mẫu đơn đề nghị mua bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước (<i>phụ lục số 12 Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	<ul style="list-style-type: none"> a) Yêu cầu, điều kiện 1: <ul style="list-style-type: none"> - Người đề nghị mua nhà ở cũ phải thuộc các đối tượng được bố trí nhà ở (như mục 8.10 Thủ tục thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước). b) Yêu cầu, điều kiện 2: <ul style="list-style-type: none"> - Người mua nhà ở cũ có hợp đồng thuê và có tên trong hợp đồng thuê nhà ở này, trường hợp có nhiều thành viên cùng đứng tên trong hợp đồng thì các thành viên này phải thỏa thuận cử người đại diện đứng tên để ký hợp đồng mua nhà ở với cơ quan quản lý nhà ở; - Đã đóng tiền thuê nhà đầy đủ theo quy định trong hợp đồng thuê nhà ở và đóng đầy đủ các chi phí quản lý vận hành nhà ở tính đến thời điểm ký hợp đồng mua bán nhà ở; - Phải có đơn đề nghị mua nhà ở cũ; - Nhà ở không thuộc phải không thuộc diện đang có tranh chấp, khiếu kiện.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Nhà ở năm 2014; - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.

Mẫu đơn đề nghị mua nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước
(Ban hành kèm theo Phụ lục số 12 Thông tư số 19/2016/TT-BXD
ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ MUA NHÀ Ở CŨ THUỘC SỞ HỮU NHÀ NƯỚC

Kính gửi⁵⁴:

Họ và tên người đề nghị ⁵⁵ là:.....

CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân) số..... cấp ngày...../...../.....tại.

Nơi ở hiện tại:.....

Hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú) số.....tại:.....

Và vợ (chồng) là⁵⁶:..... CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân) số..... cấp ngày...../...../.....tại.....

Hộ khẩu thường trú tại:.....

.....

Tôi làm đơn này đề nghị(ghi tên cơ quan quản lý nhà ở) giải quyết cho tôi mua nhà ở tại địa chỉ.....

- Hợp đồng thuê nhà ở số.....ký ngày...../...../..... với diện tích cụ thể sau:

- Tổng diện tích nhà ở đang sử dụng:.....m², trong đó:

+ Diện tích theo hợp đồng thuê nhà: DT nhà.....m²; DT đất.....m²

+ Diện tích nằm ngoài hợp đồng thuê nhà: DT nhà.....m²; DT đất.....m² (nếu có)

Diện tích nhà, đất ngoài hợp đồng này tôi đã sử dụng liên tục, ổn định và không có tranh chấp, khiếu kiện, hiện nay đã xây dựng, cải tạo sử dụng với hiện trạng.⁵⁷

.....

Kèm theo đơn này là các giấy tờ liên quan như sau⁵⁸:

1.....

2.....

3.....

Hộ gia đình tôi (bao gồm các thành viên có tên trong hợp đồng thuê nhà ở từ đủ 18 tuổi trở lên) thống nhất cử ông (bà)....., CMND (hộ chiếu hoặc

⁵⁴ Ghi tên cơ quan quản lý nhà ở.

⁵⁵ Ghi tên người đại diện thay mặt các thành viên thuê nhà ở đứng tên ký kết hợp đồng mua bán nhà ở.

⁵⁶ Ghi đầy đủ tên vợ, chồng (nếu có).

⁵⁷ Ghi rõ thực trạng sử dụng của phần diện tích ngoài hợp đồng (như đã cải tạo, xây dựng thành nhà hai tầng....) (nếu có).

⁵⁸ Ghi rõ bản sao giấy CMND hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân; bản sao có chứng thực hộ khẩu gia đình hoặc giấy đăng ký kết hôn; hợp đồng thuê nhà; giấy tờ chứng minh đã nộp đủ tiền thuê nhà; giấy tờ chứng minh đối tượng miễn, giảm tiền mua nhà....

thẻ quân nhân) số..... cấp ngày...../...../.....
tại..... là đại diện các thành viên trong hộ gia đình để ký hợp đồng mua bán
nhà ở. Sau khi hoàn thành thủ tục mua bán nhà ở, đề nghị cơ quan có thẩm quyền ghi tên
các thành viên sau vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản
khác gắn liền với đất, bao gồm:

Ông (bà).....số CMND.....là.....

Ông (bà).....số CMND.....là.....

Ông (bà).....số CMND.....là.....

.....

Tôi xin chấp hành đầy đủ các quy định của nhà nước về mua bán nhà ở và cam đoan
những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về
các nội dung đã kê khai./.

(Ghi rõ kèm theo đơn này là bản vẽ sơ đồ, vị trí nhà ở, đất ở đề nghị mua)

Các thành viên trong hộ gia đình có tên , ngày tháng năm

trong hợp đồng thuê nhà **Người viết đơn**

ký và ghi rõ họ tên⁵⁹ *(ký và ghi rõ họ tên)*

⁵⁹ Trường hợp các thành viên trong gia đình có tên trong hợp đồng thuê nhà đã có văn bản thỏa thuận riêng về việc cử người đại diện ký hợp đồng mua bán nhà ở và danh sách những người được ghi tên vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thì không nhất thiết tất cả các thành viên trong gia đình phải ký tên vào đơn này.

Bản vẽ sơ đồ nhà ở, đất ở kèm theo đơn đề nghị mua nhà ở cũ

Ví dụ 1: Trường hợp người mua nhà ở chỉ có diện tích theo hợp đồng thuê nhà ở

Diện tích nhà ở theo hợp đồng

Xác nhận của Bên cho thuê nhà ở
(ký tên, đóng dấu)

Ví dụ 2: Trường hợp người mua nhà ở có cả diện tích theo hợp đồng thuê và có diện tích nằm ngoài hợp đồng thuê

Sơ đồ	Sơ đồ
Diện tích nhà ở theo hợp đồng thuê	Diện tích nhà ở nằm ngoài hợp đồng thuê

Xác nhận của Bên cho thuê đối với diện tích theo hợp đồng thuê

Chữ ký của các hộ liền kề đối với diện tích nằm ngoài hợp đồng thuê nhà ở

Xác nhận của UBND cấp xã

.....
Diện tích nằm ngoài hợp đồng mà ông (bà).....

.....
đang sử dụng tại địa chỉ số.....

.....hiện nay là không có tranh chấp, khiếu kiện trong sử dụng nhà ở, đất ở, phù hợp với quy hoạch xây dựng nhà ở đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

TM. UBND

(ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Trong trường hợp người mua chỉ có diện tích nhà ở theo hợp đồng thuê nhà ở thì chỉ sử dụng bản vẽ sơ đồ nhà ở theo ví dụ 1 và chỉ cần có đóng dấu xác nhận của Bên cho thuê nhà ở.

- Trong trường hợp người mua có cả diện tích ngoài hợp đồng thuê nhà ở thì lập sơ đồ theo ví dụ 2, trong đó phải thể hiện rõ cả diện tích theo hợp đồng và diện tích ngoài hợp đồng. Bên cho thuê nhà ở đóng dấu xác nhận đối với diện tích theo hợp đồng; đối với diện tích ngoài hợp đồng thì có chữ ký xác nhận của các hộ liền kề và có xác nhận của UBND cấp xã nơi có nhà ở về diện tích nằm ngoài hợp đồng là không có tranh chấp, khiếu kiện.

11. Thủ tục: Công nhận điều chỉnh hạng nhà chung cư

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận điều chỉnh hạng nhà chung cư nộp hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 9 của Thông tư số 31/2016/TT-BXD tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc gửi qua dịch vụ Bru chính.</p> <p>- Địa chỉ: Số 70 đường Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.</p> <p>Bước 2. Tiếp nhận và kiểm tra: Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ. Nếu trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ. Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để tổ chức hoàn chỉnh hồ sơ.</p> <p>Bước 3.</p> <p>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Xây dựng kiểm tra và phải có văn bản thông báo đề nghị bổ sung các giấy tờ nếu còn thiếu.</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ, Sở Xây dựng tổ chức kiểm tra, thẩm định hồ sơ và kiểm tra thực tế nhà chung cư và:</p> <p>+ Ban hành quyết định công nhận hạng nhà chung cư (đã điều chỉnh) nếu nhà chung cư đáp ứng được các yêu cầu quy định tại Điều 3 và các tiêu chí quy định tại Điều 6 của Thông tư số 31/2016/TT-BXD.</p> <p>+ Hoặc có văn bản trả lời tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận điều chỉnh hạng nếu nhà chung cư không đáp ứng được các yêu cầu và các tiêu chí theo quy định, trong đó nêu rõ lý do nhà chung cư không được công nhận điều chỉnh theo hạng đã đề nghị.</p> <p>- Khi giao quyết định công nhận hạng nhà chung cư (đã điều chỉnh), Sở Xây dựng phải thu hồi bản gốc quyết định công nhận hạng đang còn thời hạn để lưu hồ sơ và đăng tải thông tin, văn bản quyết định trên Cổng thông tin điện tử của Sở Xây dựng.</p> <p>Bước 4. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc gửi qua dịch vụ Bru chính.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ:</p> <p>- Đơn đề nghị điều chỉnh hạng nhà chung cư (<i>theo mẫu</i>);</p> <p>- Bản tự kê khai, đánh giá phân hạng nhà chung cư của tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh hạng nhà chung cư (<i>theo mẫu</i>);</p> <p>- Bản sao có chứng thực quyết định công nhận hạng nhà chung cư đang còn thời hạn.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
Thời hạn giải quyết:	15 ngày kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ.
Đối tượng thực hiện:	Chủ đầu tư xây dựng nhà chung cư; Ban quản trị nhà chung cư; chủ sở hữu nhà chung cư.
Cơ quan thực hiện:	Sở Xây dựng tỉnh Kon Tum.
Kết quả:	Quyết định công nhận hạng nhà chung cư (đã điều chỉnh).
Phí, Lệ phí:	Không.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	- Đơn đề nghị công nhận điều chỉnh hạng nhà chung cư (<i>phụ lục số 03</i>)

	<p><i>Thông tư số 31/2016/TT-BXD ngày 30/12/2016).</i></p> <p>- Bản tự kê khai, đánh giá phân hạng nhà chung cư của tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận hạng nhà chung cư (<i>phụ lục số 04 Thông tư số 31/2016/TT-BXD ngày 30/12/2016</i>).</p>
Yêu cầu, điều kiện:	<p>a) Việc công nhận điều chỉnh hạng nhà chung cư phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đề nghị của tổ chức, cá nhân theo quy định; - Nhà chung cư được xây dựng phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; theo đúng Giấy phép xây dựng được cấp (đối với trường hợp yêu cầu phải có Giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng); - Nhà chung cư phải đảm bảo tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà chung cư và các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia khác có liên quan; - Nhà chung cư đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng theo đúng quy định của pháp luật về nhà ở, pháp luật về xây dựng và pháp luật có liên quan, đã được bàn giao đưa vào sử dụng và không vi phạm các quy định của pháp luật tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị công nhận hạng; - Nhà chung cư phải không thuộc diện bị phá dỡ, không thuộc khu vực đã có quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. <p>b) Nhà chung cư đáp ứng đầy đủ các yêu cầu được nêu tại điểm a mục này được phân thành 03 hạng nếu đạt các tiêu chí như sau để làm căn cứ công nhận điều chỉnh hạng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hạng A: đạt tối thiểu 18 trên tổng số 20 tiêu chí theo hướng dẫn tại phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 31/2016/TT-BXD. - Hạng B: đạt tối thiểu 18 trên tổng số 20 tiêu chí theo hướng dẫn tại phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 31/2016/TT-BXD. - Hạng C: không đạt đủ tiêu chí để công nhận hạng A và hạng B. <p>c) Quyết định công nhận hạng nhà chung cư chưa hết thời hạn theo quy định.</p>
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25/11/2014;</i> - <i>Thông tư số 31/2016/TT-BXD ngày 30/12/2016 của Bộ Xây dựng.</i>

PHỤ LỤC SỐ 03
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN HẠNG (CÔNG NHẬN LẠI HẠNG,
CÔNG NHẬN ĐIỀU CHỈNH HẠNG) NHÀ CHUNG CƯ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 31/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 12 năm 2016
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN HẠNG NHÀ CHUNG CƯ

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh (thành phố)

Căn cứ Luật Nhà ở số 65/2014/QH13;

Căn cứ Thông tư số 31/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

(Tên tổ chức, cá nhân)..... đề nghị Sở Xây dựng xem xét, quyết định công nhận hạng nhà chung cư *(hoặc công nhận lại, điều chỉnh hạng nhà chung cư)* với các nội dung sau đây:

1. Tên tổ chức, cá nhân đề nghị:
2. Địa chỉ, số điện thoại, fax:
3. Tên nhà chung cư đề nghị công nhận hạng *(công nhận lại, công nhận điều chỉnh hạng)* :
.....
4. Địa chỉ nhà chung cư:.....
5. Hạng nhà chung cư đề nghị công nhận (A, B, C):
6. Kèm theo văn bản đề nghị này có các hồ sơ theo quy định tại Điều 7 của Thông tư số 31/2016/TT-BXD bao gồm:
 - a)
 - b)
 - c).....
 - d)

Chúng tôi cam đoan và chịu trách nhiệm về tính xác thực của các hồ sơ kèm theo, cam kết tuân thủ các quy định của Thông tư số 31/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Xây dựng và các quy định của pháp luật có liên quan sau khi được công nhận./.

....., ngày tháng năm

Đại diện tổ chức, cá nhân đề nghị

(Ký, ghi rõ họ tên; nếu là tổ chức thì phải ghi thêm chức danh và đóng dấu)

PHỤ LỤC SỐ 04
MẪU BẢN TỰ KÊ KHAI, ĐÁNH GIÁ PHÂN HẠNG NHÀ CHUNG CƯ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 31/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

A. THÔNG TIN CHUNG

Tên nhà chung cư:

Địa chỉ nhà chung cư:

Chủ đầu tư:

Địa chỉ:

Điện thoại..... .

Fax:

Email:

B. BẢNG TỰ KÊ KHAI, ĐÁNH GIÁ

Hạng nhà chung cư tự đánh giá, đề xuất công nhận: Hạng

STT	Tiêu chí đánh giá (nêu đủ 20 tiêu chí đánh giá tương ứng với hạng nhà chung cư đề xuất công nhận - quy định tại phụ lục số 01 hoặc phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này)	Kết quả tự đánh giá	
		Đạt	Không đạt
1	Vị trí		
2	Dân số theo thiết kế		
3			
...			

Ghi chú: Người kê khai đánh giá nhà chung cư đạt hay không đạt các tiêu chí thì đánh dấu X vào phần tương ứng.

....., ngày, tháng, năm

Đại diện tổ chức, cá nhân kê khai, đánh giá
(Ký, ghi rõ họ tên; nếu là tổ chức thì phải ghi thêm chức danh và đóng dấu)

12. Thủ tục: Thẩm định giá bán, thuê mua, thuê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng theo dự án bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên phạm vi địa bàn tỉnh

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1. Chủ đầu tư gửi hồ sơ đề nghị thẩm định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: Số 70 đường Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút. <p>Bước 2. Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng có trách nhiệm tổ chức thẩm định và có văn bản thông báo kết quả thẩm định cho chủ đầu tư, trong đó nêu rõ các nội dung đồng ý và nội dung cần chỉnh sửa (nếu có). Trường hợp chủ đầu tư đã hoàn thành xong việc xây dựng nhà ở xã hội và đã được kiểm toán về chi phí của dự án theo quy định thì Sở Xây dựng căn cứ vào báo cáo kiểm toán để thẩm định giá bán, giá cho thuê, giá cho thuê mua nhà ở xã hội của dự án.</p> <p>Bước 3. Chủ đầu tư nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công văn đề nghị định giá, điều chỉnh giá; - Phương án giá; - Văn bản tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan liên quan, đính kèm bản sao ý kiến của các cơ quan theo quy định (nếu có); - Văn bản thẩm định phương án giá của các cơ quan có chức năng thẩm định theo quy định; - Các tài liệu khác có liên quan. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>
Thời hạn giải quyết:	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện:	Chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở xã hội.
Cơ quan thực hiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng.
Kết quả:	Văn bản thông báo kết quả thẩm định.
Phí, Lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Không
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 20/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng. - Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính

13. Thủ tục: Đề nghị UBND cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở theo quy định tại Khoản 6 Điều 9 của Nghị định 99/2015/NĐ-CP

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1. Nhà đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 10 của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc gửi qua dịch vụ Bưu chính.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: Số 70 đường Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút. <p>Bước 2. Tiếp nhận và kiểm tra: Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ. Nếu trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ. Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để tổ chức hoàn chỉnh hồ sơ.</p> <p>Bước 3.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư, Sở Xây dựng có trách nhiệm gửi hồ sơ lấy ý kiến của các cơ quan nhà nước có liên quan về dự án. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến phải có văn bản trả lời về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình liên quan đến dự án gửi Sở Xây dựng; - Trong thời hạn 25 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư, Sở Xây dựng có tờ trình kèm theo hồ sơ gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, chấp thuận chủ trương đầu tư dự án; - Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình kèm theo hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án của Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư dự án; trường hợp không chấp thuận chủ trương đầu tư thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho Sở Xây dựng và nhà đầu tư biết. <p>Bước 4. Nhà đầu tư nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc gửi qua dịch vụ Bưu chính .</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ pháp lý của đơn vị được giao làm chủ đầu tư, bao gồm giấy tờ chứng minh chức năng kinh doanh bất động sản, tư cách pháp lý, giấy tờ chứng minh năng lực tài chính, kinh nghiệm của chủ đầu tư theo quy định của pháp luật; trường hợp chưa lựa chọn chủ đầu tư thì có báo cáo về hình thức lựa chọn chủ đầu tư và dự kiến điều kiện lựa chọn chủ đầu tư; - Văn bản đề nghị chấp thuận chủ trương dự án xây dựng nhà ở (<i>theo mẫu</i>), trong đó nêu rõ cơ sở pháp lý đề nghị chấp thuận; các nội dung đề xuất chấp thuận quy định tại Khoản 2 Điều 11 Nghị định 99; lý do đề nghị chấp thuận và chứng minh sự phù hợp của nội dung dự án với chương trình kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương đã được phê duyệt; - Quyết định phê duyệt quy hoạch kèm theo bản vẽ quy hoạch chi tiết khu vực có dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; - Nội dung chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương đã được phê duyệt có liên quan đến việc triển khai thực hiện dự án cần chấp thuận chủ trương đầu tư. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>

Thời hạn giải quyết:	32 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư.
Đối tượng thực hiện:	Nhà đầu tư dự án xây dựng nhà ở
Cơ quan thực hiện:	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh - Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng
Kết quả:	Văn bản của UBND cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở.
Phí, Lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	- Mẫu Tờ trình của Sở Xây dựng gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở (<i>phụ lục số 02 Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016</i>);
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	- <i>Luật Nhà ở năm 2014.</i> - <i>Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ.</i> - <i>Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.</i>

- a) Sự cần thiết và mục tiêu đầu tư:
 - b) Sự phù hợp với quy hoạch phân khu (hoặc quy hoạch chi tiết nếu đã có quy hoạch chi tiết) đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt:
 - c) Sự phù hợp với chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương và phù hợp với danh mục dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (nếu có):
 - d) Tổng số nhà ở, tỷ lệ và số lượng của từng loại nhà ở:
 - đ) Phương án tiêu thụ sản phẩm (bán, cho thuê, cho thuê mua):
 - e) Khu vực để xe công cộng và để xe cho hộ gia đình, cá nhân:
 - g) Các công trình hạ tầng kỹ thuật của khu vực có dự án:
 - h) Các công trình hạ tầng xã hội, trong đó nêu rõ các công trình do Nhà nước đầu tư và dự kiến thời hạn đầu tư các công trình này:
 - i) Diện tích đất dành để xây dựng nhà ở xã hội hoặc diện tích sàn xây dựng nhà ở phải dành để làm nhà ở xã hội (nếu có):
 - k) Dự kiến tổng mức đầu tư của dự án:
 - l) Thời gian, tiến độ thực hiện (phân theo giai đoạn nếu có):
12. Những đề xuất ưu đãi của chủ đầu tư:
13. Trách nhiệm của nhà đầu tư đối với dự án:
14. Trách nhiệm của chính quyền địa phương đối với dự án:
15. Những kiến nghị cụ thể:
- Đề nghị UBND tỉnh, thành phố.....xem xét, chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở⁶⁰(*tên dự án*)...../.

Nơi nhận:

- Nhà đầu tư (nếu có) ;

-.....

GD Sở Xây dựng

(*Ký tên, đóng dấu*)

⁶⁰ Trường hợp dự án thuộc diện Thủ tướng chấp thuận chủ trương đầu tư thì ghi rõ đề nghị UBND cấp tỉnh xem xét, có văn bản đề nghị Bộ Xây dựng thẩm định để báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận.

VI. Lĩnh vực phát triển đô thị

1. Thủ tục: Chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị; dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1. Chủ đầu tư nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: Số 70 đường Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần, từ thứ Hai đến thứ Sáu. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút. <p>Bước 2. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum có trách nhiệm tiếp nhận; kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn để chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định.</p> <p>Bước 3: Chuyển đơn vị có thẩm quyền xử lý. Đơn vị có thẩm quyền xử lý, hoàn thành và trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. Trường hợp không giải quyết thì có văn bản trả lời theo quy định.</p> <p>Bước 4. Theo phiếu hẹn, chủ đầu tư nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần, từ thứ Hai đến thứ Sáu. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình đề nghị chấp thuận đầu tư thực hiện dự án. - Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư hoặc quyết định chỉ định chủ đầu tư, hoặc văn bản xác nhận quyền sử dụng đất đối với trường hợp chủ đầu tư là chủ sử dụng khu đất thực hiện dự án. - Hồ sơ dự án theo quy định gồm: thuyết minh dự án, hồ sơ thiết kế cơ sở của dự án, hồ sơ thiết kế đô thị (không bao gồm mô hình thu nhỏ khu vực thực hiện dự án), dự án thành phần phục vụ tái định cư, giải phóng mặt bằng (nếu có), các nội dung phối hợp giữa chủ đầu tư và chính quyền địa phương (nếu có). - Các văn bản pháp lý kèm theo: Quyết định phê duyệt khu vực phát triển đô thị và kế hoạch triển khai khu vực phát triển đô thị; hồ sơ quy hoạch chi tiết; hồ sơ chứng minh năng lực của chủ đầu tư về tài chính, kinh nghiệm về đầu tư và quản lý phù hợp để thực hiện dự án và các văn bản pháp lý có liên quan khác. <p>b) Số lượng hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lượng hồ sơ trình đối với các dự án không phải lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng: 10 bộ hồ sơ. - Số lượng hồ sơ trình đối với các dự án phải lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng: 16 bộ hồ sơ.
<p>Thời hạn giải quyết:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với các dự án không phải lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng theo quy định: Không quá 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Đối với các dự án phải lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng theo quy định: Không quá 67 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

	(không tính thời gian gửi hồ sơ qua đường văn thư), trong đó: Thời gian xem xét hồ sơ, chuẩn bị công văn gửi lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng tối đa là 7 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; Thời gian Bộ Xây dựng có trách nhiệm trả lời tối đa là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn xin ý kiến. Trong trường hợp Bộ Xây dựng phải lấy ý kiến góp ý của các Bộ ngành có liên quan đối với dự án thì thời gian xem xét trả lời tối đa là 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn xin ý kiến; Thời gian UBND cấp tỉnh xem xét, ban hành quyết định chấp thuận đầu tư dự án tối đa là 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản thống nhất ý kiến của Bộ Xây dựng.
Đối tượng thực hiện:	Chủ đầu tư.
Cơ quan thực hiện:	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh. - Cơ quan trực tiếp tiếp nhận thủ tục hành chính: UBND cấp tỉnh. - Cơ quan phối hợp: Bộ Xây dựng và các cơ quan khác có liên quan.
Kết quả:	Quyết định chấp thuận đầu tư dự án của UBND cấp tỉnh hoặc văn bản trả lời đối với trường hợp không chấp thuận đầu tư dự án.
Phí, Lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Không
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<i>Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ.</i>

2. Thủ tục: Điều chỉnh đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị; dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1. Chủ đầu tư nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: Số 70 đường Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần, từ thứ Hai đến thứ Sáu. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút. <p>Bước 2. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum có trách nhiệm tiếp nhận; kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn để chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định.</p> <p>Bước 3: Chuyển đơn vị có thẩm quyền xử lý. Đơn vị có thẩm quyền xử lý, hoàn thành và trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. Trường hợp không giải quyết thì có văn bản trả lời theo quy định.</p> <p>Bước 4. Theo phiếu hẹn, chủ đầu tư nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần, từ thứ Hai đến thứ Sáu. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình đề nghị điều chỉnh dự án. - Phần nội dung thay đổi, điều chỉnh của dự án. - Văn bản có liên quan. <p>b) Số lượng hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lượng hồ sơ trình UBND cấp tỉnh: 05 (bộ). - Số lượng hồ sơ trình Bộ Xây dựng (đối với các dự án phải lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng): 03 (bộ).
Thời hạn giải quyết:	<ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn UBND cấp tỉnh xem xét và quyết định chấp thuận điều chỉnh dự án không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án. - Đối với các dự án phải lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng: thời hạn Bộ Xây dựng xem xét hồ sơ và trả lời Chủ đầu tư không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản và hồ sơ dự án của Chủ đầu tư. <p>Trường hợp Bộ Xây dựng phải lấy ý kiến các Bộ ngành có liên quan thì tổng thời gian xem xét trả lời không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản và hồ sơ dự án của Chủ đầu tư.</p>
Đối tượng thực hiện:	Chủ đầu tư.
Cơ quan thực hiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh. - Cơ quan phối hợp: Bộ Xây dựng và các cơ quan khác có liên quan.
Kết quả:	Quyết định chấp thuận điều chỉnh dự án của UBND cấp tỉnh hoặc văn bản trả lời đối với trường hợp không chấp thuận.
Phí, Lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Không
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<i>Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ.</i>

3. Thủ tục: Chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình trong khu vực hạn chế phát triển hoặc nội đô lịch sử của đô thị đặc biệt.

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1. Chủ đầu tư nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: Số 70 đường Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần, từ thứ Hai đến thứ Sáu. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút. <p>Bước 2. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum có trách nhiệm tiếp nhận; kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn để chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định.</p> <p>Bước 3: Chuyên đơn vị có thẩm quyền xử lý. Đơn vị có thẩm quyền xử lý, hoàn thành và trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. Trường hợp không giải quyết thì có văn bản trả lời theo quy định.</p> <p>Bước 4. Theo phiếu hẹn, chủ đầu tư nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần, từ thứ Hai đến thứ Sáu. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị chấp thuận dự án. - Dự án bao gồm phần thuyết minh và thiết kế cơ sở. - Các văn bản pháp lý có liên quan. <p>b) Số lượng hồ sơ</p> <p>Số lượng hồ sơ trình thẩm định: 15 (bộ).</p>
Thời hạn giải quyết:	<p>Không quá 37 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (<i>không tính thời gian gửi hồ sơ qua đường văn thư</i>), trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian xem xét hồ sơ, chuẩn bị công văn gửi lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng là 7 ngày kể từ ngày nhận được công văn và 15 bộ hồ sơ dự án hợp lệ của Chủ đầu tư; - Thời gian Bộ Xây dựng có trách nhiệm trả lời tối đa là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn xin ý kiến; - Thời gian UBND cấp tỉnh xem xét, chấp thuận dự án tối đa là 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản thống nhất ý kiến của Bộ Xây dựng.
Đối tượng thực hiện:	Chủ đầu tư.
Cơ quan thực hiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh. - Cơ quan phối hợp: Bộ Xây dựng và các cơ quan khác có liên quan.
Kết quả:	Văn bản chấp thuận dự án hoặc không chấp thuận dự án của UBND cấp tỉnh.
Phí, Lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Không
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ - Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ.

4. Thủ tục: Lấy ý kiến của các sở: Quy hoạch kiến trúc, Xây dựng, Văn hóa Thể thao và Du lịch đối với các dự án bảo tồn tôn tạo các công trình di tích cấp tỉnh

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1. Chủ đầu tư gửi công văn xin ý kiến và 01 bộ hồ sơ dự án lấy ý kiến góp ý của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Địa chỉ: Số 70 đường Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần, từ thứ Hai đến thứ Sáu. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.</p> <p>Bước 2. Tiếp nhận và kiểm tra: Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ. Nếu trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ. Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để tổ chức hoàn chỉnh hồ sơ.</p> <p>Bước 3. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, Sở Xây dựng có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn tối đa là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn xin ý kiến và hồ sơ dự án.</p> <p>Bước 4. Chủ đầu tư nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần, từ thứ Hai đến thứ Sáu. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản xin ý kiến góp ý. - Hồ sơ dự án bao gồm phần thuyết minh, bộ ảnh và thiết kế cơ sở. - Các văn bản thỏa thuận chủ trương, thẩm định dự án và văn bản khác có liên quan. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>
Thời hạn giải quyết:	Tối đa là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn xin ý kiến và hồ sơ dự án.
Đối tượng thực hiện:	Chủ đầu tư
Cơ quan thực hiện:	Sở Xây dựng
Kết quả:	Văn bản cho ý kiến góp ý về hồ sơ dự án.
Phí, Lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Không
Yêu cầu, điều kiện:	<p>a) Yêu cầu hoặc điều kiện 1: Việc thực hiện dự án tuyệt đối không được làm thay đổi hoặc gây tổn hại các giá trị văn hóa, kiến trúc, lịch sử,... ban đầu của công trình.</p> <p>b) Yêu cầu hoặc điều kiện 2: Việc lập, thẩm định, phê duyệt, và triển khai thực hiện dự án bảo tồn tôn tạo trong khu vực phát triển đô thị được thực hiện theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa, pháp luật về xây dựng, Nghị định 11/2013/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.</p>
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ. - Nghị định số 70/2012/NĐ-CP ngày 18/9/2012 của Chính phủ.

VII. Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật

1. Thủ tục: *Cấp Giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh*

Trình tự thực hiện:	Bước 1. Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định và nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. - Địa chỉ: Số 70 đường Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng từ 07h30 đến 10h30; buổi chiều từ 13h30 đến 16h30. Bước 2. Tiếp nhận và kiểm tra: Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ. Nếu trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ. Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để tổ chức hoàn chỉnh hồ sơ. Bước 3. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng từ 07h30 đến 10h30; buổi chiều từ 13h30 đến 16h30.
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum
Thành phần, số lượng hồ sơ:	a) Thành phần hồ sơ: - Đơn đề nghị cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị (<i>theo mẫu</i>); nêu rõ vị trí chặt hạ, dịch chuyển, kích thước loại cây và lý do cần chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị; - Sơ đồ vị trí cây xanh đô thị cần chặt hạ, dịch chuyển; - Ảnh chụp hiện trạng cây xanh đô thị cần chặt hạ, dịch chuyển. b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ
Thời hạn giải quyết:	Không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, tổ chức.
Cơ quan thực hiện:	Sở Xây dựng tỉnh Kon Tum.
Kết quả:	Giấy phép
Phí, Lệ phí:	Không.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Đơn đề nghị cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị (<i>Phụ lục 1 Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010</i>)
Yêu cầu, điều kiện:	1. Cây xanh đã chết, đã đổ gãy hoặc có nguy cơ gãy đổ gây nguy hiểm; 2. Cây xanh chết do bị bệnh hoặc đến tuổi già cỗi không bảo đảm an toàn; 3. Cây xanh trong các khu vực thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình.
Căn cứ pháp lý:	- <i>Luật Xây dựng số 50/2014/QH13.</i> - <i>Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009.</i> - <i>Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ.</i>

PHỤ LỤC I

(Ban hành kèm theo Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP CHẶT HẠ, DỊCH CHUYỂN CÂY XANH ĐÔ THỊ

Kính gửi: Cơ quan cấp giấy phép

Tên tổ chức/cá nhân:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Xin được chặt hạ dịch chuyển cây tại đường, xã
(phường):, huyện (thành phố, thị xã):

Loại cây:, chiều cao (m): đường kính (m):

Mô tả hiện trạng cây xanh:

.....

Lý do cần chặt hạ dịch chuyển, thay thế

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về quản lý cây xanh đô thị và các quy định khác có liên quan.

....., ngày ... tháng ... năm

Người làm đơn
(Ký, ghi rõ họ tên)

Tài liệu kèm theo:

- Ảnh chụp hiện trạng;
- Sơ đồ vị trí cây (nếu có).

VIII. Lĩnh vực quy hoạch xây dựng, kiến trúc

1. Thủ tục: *Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh.*

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1. Chủ đầu tư nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none">- Địa chỉ: Số 70, đường Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng từ 07h30 đến 10h30; buổi chiều từ 13h30 đến 16h30. <p>Bước 2. Công chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra và ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp không đáp ứng theo quy định.</p> <p>Bước 3. Kiểm tra hồ sơ, lấy ý kiến các cơ quan liên quan và tổ chức thẩm định.</p> <ul style="list-style-type: none">- Sở Xây dựng kiểm tra hồ sơ, nếu có tài liệu còn thiếu, tài liệu không đúng theo quy định thì thông báo một lần bằng văn bản cho chủ đầu tư để bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ trong thời gian không quá 05 ngày làm việc. Thời gian mà chủ đầu tư bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.- Sở Xây dựng lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan theo quy định của pháp luật. Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày Sở Xây dựng lấy ý kiến tham gia, các cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về những nội dung thuộc chức năng quản lý của mình (<i>thời gian ghi nhận văn bản tham gia của các cơ quan được tính tại thời điểm Sở Xây dựng nhận được văn bản qua hòm thư công vụ hoặc hệ thống iOffice hoặc văn bản đến thể hiện tại sổ công văn của cơ quan</i>). Sau thời hạn nêu trên, nếu không có ý kiến thì được xem là đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm về những nội dung thuộc chức năng quản lý của mình; Sở Xây dựng căn cứ quy định hiện hành để thẩm định nhiệm vụ quy hoạch theo quy định.- Sở Xây dựng tổng hợp ý kiến, thành lập Hội đồng thẩm định hoặc tổ chức họp cùng các cơ quan liên quan thay cho việc lấy ý kiến bằng văn bản để thẩm định nhiệm vụ quy hoạch theo quy định. <p>Bước 4. Tổ chức nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none">- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng từ 07h30 đến 10h30; buổi chiều từ 13h30 đến 16h30.
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none">- Tờ trình về việc đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án (<i>bản chính</i>).- Thuyết minh tổng hợp bao gồm các bản vẽ in màu thu nhỏ (<i>bản chính</i>).- Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng được duyệt;- Dự thảo quyết định phê duyệt đồ án;- Các bản vẽ in màu đúng tỷ lệ quy định (<i>bản chính</i>);- Các văn bản pháp lý có liên quan.- Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung đồ án quy hoạch (<i>bản chính</i>).- Hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng.

	- Đĩa CD sao lưu toàn bộ nội dung hồ sơ đồ án. b) Số lượng hồ sơ: 03 (ba) bộ.
Thời hạn giải quyết:	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện:	Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Sở Xây dựng tỉnh Kon Tum.
Kết quả:	Báo cáo kết quả thẩm định đồ án hoặc văn bản trả lời đối với trường hợp không đủ điều kiện để thẩm định.
Phí, Lệ phí:	Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch tính theo định mức tỷ lệ % so với chi phí lập đồ án quy hoạch tại Bảng số 11 Phụ lục 1 Thông tư số 05/2017/TT-BXD ngày 05/4/2017 của Bộ Xây dựng (đính kèm).
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Không.
Yêu cầu, điều kiện:	Không.
Căn cứ pháp lý:	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014. - Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018. - Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 05/2017/TT-BXD ngày 05/4/2017 của Bộ Xây dựng. - Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng.

Bảng số 11 – Phụ lục số 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BXD ngày 05/4/2017 của Bộ Xây dựng).

Định mức chi phí cho một số công việc xác định theo tỷ lệ phần trăm của chi phí lập đồ án quy hoạch :

TT	Chi phí lập đồ án (triệu đồng)	≤200	500	700	1.000	2.000	5.000	7.000	≥10.000
1	Lập nhiệm vụ (tỷ lệ%)	14,1	10,6	8,8	7,9	6,0	4,1	3,4	3,0
2	Thẩm định đồ án (tỷ lệ%)	12,3	9,7	8,4	7,5	5,5	3,9	3,2	2,8
3	Quản lý nghiệp vụ lập đồ án quy hoạch (tỷ lệ%)	10,6	8,8	7,9	7,1	5,1	3,7	3,0	2,6

Ghi chú: Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch theo định mức chi phí quy định tại Bảng số 11 chưa bao gồm chi phí cho công việc khảo sát thực địa phục vụ việc thẩm định đồ án quy hoạch (nếu có). Trường hợp phải đi khảo sát thực địa phục vụ công tác thẩm định đồ án quy hoạch thì cơ quan quản lý nghiệp vụ lập quy hoạch lập dự toán để bổ sung chi phí thẩm định đồ án quy hoạch.

2. Thủ tục: *Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh*

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1. Chủ đầu tư nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: Số 70, đường Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng từ 07h30 đến 10h30; buổi chiều từ 13h30 đến 16h30. <p>Bước 2. Công chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra và ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp không đáp ứng theo quy định.</p> <p>Bước 3. Kiểm tra hồ sơ, lấy ý kiến các cơ quan liên quan và tổ chức thẩm định.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sở Xây dựng kiểm tra hồ sơ, nếu có tài liệu còn thiếu, tài liệu không đúng theo quy định thì thông báo một lần bằng văn bản cho chủ đầu tư để bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ trong thời gian không quá 05 ngày làm việc. Thời gian mà chủ đầu tư bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ. - Sở Xây dựng lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan theo quy định của pháp luật. Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày Sở Xây dựng lấy ý kiến tham gia, các cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về những nội dung thuộc chức năng quản lý của mình (<i>thời gian ghi nhận văn bản tham gia của các cơ quan được tính tại thời điểm Sở Xây dựng nhận được văn bản qua hòm thư công vụ hoặc hệ thống iOffice hoặc văn bản đến thể hiện tại sổ công văn của cơ quan</i>). Sau thời hạn nêu trên, nếu không có ý kiến thì được xem là đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm về những nội dung thuộc chức năng quản lý của mình; Sở Xây dựng căn cứ quy định hiện hành để thẩm định nhiệm vụ quy hoạch theo quy định. - Sở Xây dựng tổng hợp ý kiến, thành lập Hội đồng thẩm định hoặc tổ chức họp cùng các cơ quan liên quan thay cho việc lấy ý kiến bằng văn bản để thẩm định nhiệm vụ quy hoạch theo quy định. <p>Bước 4. Tổ chức nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng từ 07h30 đến 10h30; buổi chiều từ 13h30 đến 16h30.
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình về việc đề nghị thẩm định (<i>bản chính</i>). - Thuyết minh nội dung nhiệm vụ bao gồm các bản vẽ in màu thu nhỏ (<i>bản chính</i>). - Dự thảo Quyết định phê duyệt nhiệm vụ. - Các văn bản pháp lý có liên quan. - Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung nhiệm vụ quy hoạch (<i>bản chính</i>). - Hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng (<i>bản chính</i>). <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết:	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện:	Tổ chức

Cơ quan thực hiện:	Sở Xây dựng tỉnh Kon Tum.
Kết quả:	Báo cáo kết quả thẩm định nhiệm vụ hoặc văn bản trả lời đối với trường hợp không đủ điều kiện để thẩm định.
Phí, Lệ phí:	Chi phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch được xác định bằng 20% so với chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch (<i>Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch tính theo định mức tỷ lệ % so với chi phí lập đồ án quy hoạch tương ứng - Bảng số 11 Phụ lục 1 Thông tư số 05/2017/TT-BXD ngày 05/4/2017 của Bộ Xây dựng – đính kèm</i>).
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Không.
Yêu cầu, điều kiện:	Không.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014. - Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018. - Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 05/2017/TT-BXD ngày 05/4/2017 của Bộ Xây dựng. - Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng.

Bảng số 11 – Phụ lục số 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BXD ngày 05/4/2017 của Bộ Xây dựng).

Định mức chi phí cho một số công việc xác định theo tỷ lệ phần trăm của chi phí lập đồ án quy hoạch :

TT	Chi phí lập đồ án (triệu đồng)	≤200	500	700	1.000	2.000	5.000	7.000	≥10.000
1	Lập nhiệm vụ (tỷ lệ%)	14,1	10,6	8,8	7,9	6,0	4,1	3,4	3,0
2	Thẩm định đồ án (tỷ lệ%)	12,3	9,7	8,4	7,5	5,5	3,9	3,2	2,8
3	Quản lý nghiệp vụ lập đồ án quy hoạch (tỷ lệ%)	10,6	8,8	7,9	7,1	5,1	3,7	3,0	2,6

Ghi chú: Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch theo định mức chi phí quy định tại Bảng số 11 chưa bao gồm chi phí cho công việc khảo sát thực địa phục vụ việc thẩm định đồ án quy hoạch (nếu có). Trường hợp phải đi khảo sát thực địa phục vụ công tác thẩm định đồ án quy hoạch thì cơ quan quản lý nghiệp vụ lập quy hoạch lập dự toán để bổ sung chi phí thẩm định đồ án quy hoạch.

IX. Lĩnh vực vật liệu xây dựng

1. Thủ tục: Công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu Công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng lập hồ sơ theo quy định và nộp trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum nơi tổ chức, cá nhân công bố hợp quy đăng ký kinh doanh.</p> <p>- Địa chỉ: Số 70, đường Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.</p> <p>Bước 2. Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ công bố hợp quy, Sở Xây dựng tổ chức kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ công bố hợp quy.</p> <p>Bước 3. Trường hợp hồ sơ công bố hợp quy hợp lệ, Sở Xây dựng ban hành Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy cho tổ chức, cá nhân công bố hợp quy theo quy định.</p> <p>Trường hợp hồ sơ công bố hợp quy không hợp lệ, Sở Xây dựng ban hành Thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân công bố hợp quy về lý do không tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>Bước 4. Theo phiếu hẹn tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần. Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút; buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none">- Bản công bố hợp quy (<i>theo mẫu</i>).- Bản sao y bản chính Giấy chứng nhận hợp quy kèm theo mẫu dấu hợp quy do tổ chức chứng nhận hợp quy cấp cho tổ chức, cá nhân. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).</p>
Thời hạn giải quyết:	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Công dân Việt Nam, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Sở Xây dựng tỉnh Kon Tum
Kết quả:	Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy
Phí, Lệ phí:	Lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn/công bố hợp quy. Mức thu: 150.000 đồng/giấy
Tên mẫu đơn, tờ khai:	- Bản công bố hợp chuẩn (<i>mẫu 2 Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	<p>a) Yêu cầu chung</p> <ul style="list-style-type: none">- Công bố hợp quy phải dựa trên kết quả đánh giá, chứng nhận của tổ chức chứng nhận hợp quy;- Trường hợp sử dụng kết quả đánh giá sự phù hợp của tổ chức đánh giá sự phù hợp nước ngoài để chứng nhận, công bố hợp quy thì tổ chức đánh giá sự phù hợp nước ngoài phải được thừa nhận theo quy định của pháp luật.- Trường hợp sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng được quản lý bởi nhiều quy chuẩn kỹ thuật khác nhau thì sản phẩm, hàng hóa đó phải được thực hiện đăng ký công bố hợp quy tại các cơ quan chuyên ngành tương ứng và dấu hợp quy chỉ được sử dụng khi sản phẩm, hàng hóa đó đã thực hiện đầy đủ các biện pháp quản lý theo quy định tại các quy

	<p>chuẩn kỹ thuật tương ứng.</p> <p>b) Điều kiện để thực hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ hợp lệ theo quy định; - Kê khai đúng chủng loại sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng phù hợp với danh mục sản phẩm quy định tại Bảng 1 Phần 2 QCVN 16:2017/BXD. Trong trường hợp chưa xác định rõ chủng loại sản phẩm, cần phối hợp với tổ chức chứng nhận hợp quy để thực hiện việc định danh sản phẩm.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.</i> - <i>Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - <i>Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - <i>Thông tư số 10/2017/TT-BXD ngày 29/9/2017 của Bộ Xây dựng.</i>

MẪU BẢN CÔNG BỐ HỢP CHUẨN/HỢP QUY
(Ban hành theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN
ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ HỢP CHUẨN/HỢP QUY

Số

Tên tổ chức, cá nhân:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Fax:.....

E-mail.....

CÔNG BỐ :

Sản phẩm, hàng hoá, quá trình, dịch vụ, môi trường (*tên gọi, kiểu, loại, nhãn hiệu, đặc trưng kỹ thuật, ...*)

.....
.....

Phù hợp với tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật (*số hiệu, ký hiệu, tên gọi*)

.....
.....

Thông tin bổ sung (*căn cứ công bố hợp chuẩn/hợp quy, phương thức đánh giá sự phù hợp...*):

.....
.....

(Tên, tổ chức, cá nhân...) cam kết và chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ, môi trường...) do mình sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, khai thác.

.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP HUYỆN

I. Lĩnh vực hoạt động xây dựng

1. Thủ tục: Cấp Giấy phép xây dựng (Giấy phép xây dựng mới, giấy phép sửa chữa, cải tạo, giấy phép di dời công trình) đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định và nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cấp huyện hoặc qua qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần</p> <p>Bước 2: Cán bộ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cấp huyện, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ cán bộ tiếp nhận và viết giấy hẹn.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung.</p> <p>Bước 3: Chuyên phòng chuyên môn phân công xử lý, hoàn thành và trả lại hồ sơ cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.</p> <p>Trường hợp không giải quyết thì có văn bản trả lời theo quy định.</p> <p>Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cấp huyện hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần</p>
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước hoặc qua dịch vụ Bưu chính.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ:</p> <p>(1) Trường hợp xây dựng mới:</p> <p>(1.1) Đối với công trình không theo tuyến; Công trình của cơ quan ngoại giao và tổ chức quốc tế, thành phần hồ sơ gồm:</p> <p>- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng (theo mẫu);</p> <p>- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai tại Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 (có danh mục kèm theo).</p> <p>Trường hợp đối với công trình xây dựng trạm, cột phát sóng tại khu vực không thuộc nhóm đất có mục đích sử dụng cho xây dựng, không chuyển đổi được mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản chấp thuận về địa điểm xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện;</p> <p>- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:</p> <p>+ Bản vẽ mặt bằng vị trí công trình trên lô đất tỷ lệ 1/100 - 1/500, kèm theo sơ đồ vị trí công trình;</p> <p>+ Bản vẽ các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình, tỷ lệ 1/50 - 1/200;</p> <p>+ Bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/100 - 1/200 và mặt cắt móng tỷ lệ 1/50, kèm theo sơ đồ đầu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật về giao thông; cấp nước; thoát nước mưa, nước bẩn; xử lý nước thải; cấp điện; thông tin liên lạc; các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác liên quan đến công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200.</p>

Riêng đối với công trình của các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế và cơ quan nước ngoài đầu tư tại Việt Nam còn tuân thủ các điều khoản quy định của Hiệp định hoặc thỏa thuận đã được ký kết với Chính phủ Việt Nam; Đối với công trình tôn giáo bổ sung bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản chấp thuận về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan tôn giáo theo phân cấp.

(1.2) Đối với công trình theo tuyến trong đô thị, thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng *(theo mẫu)* ;
- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về vị trí và phương án tuyến.
- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính Quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai;
- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:
 - + Sơ đồ vị trí tuyến công trình tỷ lệ 1/100 - 1/500;
 - + Bản vẽ mặt bằng tổng thể hoặc bản vẽ bình đồ công trình tỷ lệ 1/500 - 1/5000;
 - + Bản vẽ các mặt cắt ngang chủ yếu của tuyến công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200;
 - + Riêng đối với công trình ngầm phải bổ sung thêm: Bản vẽ các mặt cắt ngang, các mặt cắt dọc thể hiện chiều sâu công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200; Sơ đồ đầu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài công trình tỷ lệ 1/100 - 1/500.

(1.3) Đối với công trình quảng cáo, thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng *(theo mẫu)*;
- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Trường hợp đối với công trình xây dựng tại khu vực không thuộc nhóm đất có mục đích sử dụng cho xây dựng, không chuyển đổi được mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản chấp thuận về địa điểm xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Bản sao giấy phép hoặc văn bản chấp thuận về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa;
- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng thuê công trình đối với trường hợp thuê đất hoặc thuê công trình để xây dựng công trình quảng cáo;
- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:
 - Đối với trường hợp công trình xây dựng mới:
 - + Sơ đồ vị trí công trình tỷ lệ 1/50 - 1/500;
 - + Bản vẽ mặt bằng công trình tỷ lệ 1/50 - 1/500;
 - + Bản vẽ mặt cắt móng và mặt cắt công trình tỷ lệ 1/50;
 - + Bản vẽ các mặt đứng chính công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200;
 - Đối với trường hợp biển quảng cáo được gắn vào công trình đã được xây dựng hợp pháp:
 - + Bản vẽ kết cấu của bộ phận công trình tại vị trí gắn biển quảng cáo tỷ lệ 1/50;
 - + Bản vẽ các mặt đứng công trình có gắn biển quảng cáo tỷ lệ 1/50 - 1/100.

(2) Trường hợp theo giai đoạn:

(2.1) Đối với công trình theo tuyến trong đô thị, thành phần hồ sơ gồm: Việc phân chia công trình theo giai đoạn thực hiện do chủ đầu tư xác định theo quyết định đầu tư

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng (theo mẫu);

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về vị trí và phương án tuyến;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính Quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền phân đất thực hiện theo giai đoạn hoặc cả dự án theo quy định của pháp luật về đất đai;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:

+ Sơ đồ vị trí tuyến công trình tỷ lệ 1/100 - 1/500;

+ Bản vẽ mặt bằng tổng thể hoặc bản vẽ bình đồ công trình tỷ lệ 1/500 - 1/5000;

+ Các bản vẽ theo từng giai đoạn: Bản vẽ các mặt cắt ngang chủ yếu của tuyến công trình theo giai đoạn tỷ lệ 1/50 - 1/200; Đối với công trình ngầm yêu cầu phải có bản vẽ các mặt cắt ngang, các mặt cắt dọc thể hiện chiều sâu công trình theo từng giai đoạn tỷ lệ 1/50 - 1/200; Sơ đồ đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo từng giai đoạn tỷ lệ 1/100 - 1/500.

(2.2) Đối với công trình không theo tuyến, thành phần hồ sơ gồm: nếu chủ đầu tư có nhu cầu thì có thể đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo hai giai đoạn.

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng (theo mẫu);

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Trường hợp đối với công trình xây dựng trạm, cột phát sóng tại khu vực không thuộc nhóm đất có mục đích sử dụng cho xây dựng, không chuyển đổi được mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản chấp thuận về địa điểm xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:

- Giai đoạn 1:

+ Bản vẽ mặt bằng công trình trên lô đất tỷ lệ 1/100 - 1/500, kèm theo sơ đồ vị trí công trình;

+ Bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/100 - 1/200 và mặt cắt móng tỷ lệ 1/50, bản vẽ mặt bằng, mặt cắt chính của phần công trình đã được phê duyệt trong giai đoạn 1 tỷ lệ 1/50 - 1/200 kèm theo sơ đồ đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật, gồm: Giao thông, thoát nước mưa, xử lý nước thải, cấp nước, cấp điện, thông tin liên lạc tỷ lệ 1/100 - 1/200.

- Giai đoạn 2:

+ Bản vẽ các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chính giai đoạn 2 của công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200;

(3) Đối với công trình theo dự án:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng (theo mẫu).

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công các công trình xây dựng đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:

- + Bản vẽ tổng mặt bằng của dự án hoặc tổng mặt bằng từng giai đoạn của dự án tỷ lệ 1/100 - 1/500;
- + Bản vẽ mặt bằng từng công trình trên lô đất tỷ lệ 1/100 - 1/500, kèm theo sơ đồ vị trí công trình;
- + Bản vẽ các mặt đứng và các mặt cắt chính của từng công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200;
- Bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/100 - 1/200 và mặt cắt móng tỷ lệ 1/50 của từng công trình kèm theo sơ đồ đấu nối với hệ thống thoát nước mưa, xử lý nước thải, cấp nước, cấp điện, thông tin liên lạc tỷ lệ 1/50 - 1/200.

Trường hợp thiết kế xây dựng của công trình đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định, các bản vẽ thiết kế quy định tại nội dung này là bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp các bản vẽ thiết kế xây dựng đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình.

(4) Đối với nhà ở riêng lẻ:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng (theo mẫu);
- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai tại Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 (có danh mục kèm theo).
- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:
- + Bản vẽ mặt bằng công trình trên lô đất tỷ lệ 1/50 - 1/500 kèm theo sơ đồ vị trí công trình;
- + Bản vẽ mặt bằng các tầng, các mặt đứng và mặt cắt chính của công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200;
- + Bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/50 - 1/200 và mặt cắt móng tỷ lệ 1/50 kèm theo sơ đồ đấu nối hệ thống thoát nước mưa, xử lý nước thải, cấp nước, cấp điện, thông tin tỷ lệ 1/50 - 1/200.

Trường hợp thiết kế xây dựng của công trình đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định, các bản vẽ thiết kế quy định như trên là bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp các bản vẽ thiết kế xây dựng đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định.

- Đối với công trình xây chen có tầng hầm, ngoài các tài liệu quy định nêu trên, hồ sơ còn phải bổ sung bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản chấp thuận biện pháp thi công móng của chủ đầu tư đảm bảo an toàn cho công trình và công trình lân cận.
- Đối với công trình xây dựng có công trình liền kề phải có bản cam kết của chủ đầu tư bảo đảm an toàn đối với công trình liền kề.
- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản cam kết của chủ đầu tư bảo đảm an toàn cho công trình và công trình lân cận (*đối với công trình xây chen, có tầng hầm*).

(5) Đối với công trình, nhà ở sửa chữa, cải tạo:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình, nhà ở (theo mẫu).
- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh về quyền sở hữu, quản lý, sử dụng công trình, nhà ở theo quy định của pháp luật hoặc bản sao giấy phép xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

	<ul style="list-style-type: none"> - Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ hiện trạng của bộ phận, hạng mục công trình sửa chữa, cải tạo đã được phê duyệt theo quy định có tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ các bản vẽ của hồ sơ đề nghị cấp phép sửa chữa, cải tạo và ảnh chụp (10 x 15 cm) hiện trạng công trình và công trình lân cận trước khi sửa chữa, cải tạo. - Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính báo cáo kết quả thẩm định thiết kế của cơ quan chuyên môn về xây dựng (<i>đối với công trình theo quy định phải được thẩm định thiết kế</i>). - Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản bản cam kết của chủ đầu tư bảo đảm an toàn cho công trình và công trình lân cận (<i>đối với công trình xây chen, có tầng hầm</i>). - Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc dự án đầu tư (<i>đối với công trình yêu cầu phải lập dự án đầu tư xây dựng</i>). <p>(6) Đối với di dời công trình, nhà ở riêng lẻ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp giấy phép di dời công trình (<i>theo mẫu</i>). - Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai nơi công trình sẽ di dời đến và giấy tờ hợp pháp về quyền sở hữu công trình theo quy định của pháp luật. - Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ tổng mặt bằng, nơi công trình, nhà ở riêng lẻ sẽ được di dời tới tỷ lệ 1/50 - 1/500. - Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/100 - 1/200, mặt cắt móng tỷ lệ 1/50 tại địa điểm công trình, nhà ở sẽ di dời tới. - Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình, nhà ở do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực thực hiện. - Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính phương án di dời gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Phần thuyết minh về hiện trạng công trình và khu vực công trình sẽ được di dời đến; giải pháp di dời, phương án bố trí sử dụng phương tiện, thiết bị, nhân lực; giải pháp bảo đảm an toàn cho công trình, người, máy móc, thiết bị và công trình lân cận; bảo đảm vệ sinh môi trường; tiến độ di dời; tổ chức, cá nhân thực hiện di dời công trình; + Phần bản vẽ biện pháp thi công di dời công trình, nhà ở riêng lẻ. - Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính báo cáo kết quả thẩm định thiết kế của cơ quan chuyên môn về xây dựng (<i>đối với công trình theo quy định phải được thẩm định thiết kế</i>). - Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản bản cam kết của chủ đầu tư bảo đảm an toàn cho công trình và công trình lân cận (<i>đối với công trình xây chen, có tầng hầm</i>). + Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thiết kế (<i>theo mẫu</i>), kèm theo bản sao chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, đối với công trình chưa được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế. + Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính quyết định đầu tư đối với công trình yêu cầu phải lập dự án đầu tư xây dựng. <p>Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
<p>Thời hạn giải quyết:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với công trình là nhà ở riêng lẻ: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Đối với các công trình còn lại: 30 làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

Đối tượng thực hiện:	Tổ chức, cá nhân.
Cơ quan thực hiện:	UBND cấp huyện
Kết quả:	Giấy phép xây dựng kèm theo hồ sơ thiết kế trình xin cấp giấy phép xây dựng có đóng dấu của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng tại nơi tiếp nhận hồ sơ.
Phí, Lệ phí:	Lệ phí cấp Giấy phép xây dựng: - Đối với công trình: 100.000 đồng/giấy phép. - Đối với nhà ở riêng lẻ: 50.000 đồng/giấy phép.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng (<i>Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016</i>) - Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thiết kế (<i>Phụ lục số 3 Thông tư số 15/2016/TT-BXD - áp dụng đối với Giấy phép di dời công trình; công trình xây dựng có thời hạn</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	I. Đối với công trình: 1. Phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Đối với công trình xây dựng ở khu vực, tuyến phố trong đô thị đã ổn định nhưng chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng thì phải phù hợp với quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị hoặc thiết kế đô thị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. 2. Phù hợp với mục đích sử dụng đất theo quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt. 3. Bảo đảm an toàn cho công trình, công trình lân cận và yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ; bảo đảm an toàn hạ tầng kỹ thuật, hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hoá, di tích lịch sử - văn hóa; bảo đảm khoảng cách an toàn đến công trình dễ cháy, nổ, độc hại và công trình quan trọng có liên quan đến quốc phòng, an ninh. 4. Thiết kế xây dựng công trình đã được thẩm định, phê duyệt theo quy định. 5. Phù hợp với vị trí và tổng mặt bằng của dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản (đối với trường hợp ngoài đô thị). II. Đối với nhà ở riêng lẻ: 1. Điều kiện chung: a) Phù hợp với mục đích sử dụng đất theo quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt; b) Bảo đảm an toàn cho công trình, công trình lân cận và yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ; bảo đảm an toàn hạ tầng kỹ thuật, hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hoá, di tích lịch sử - văn hóa; bảo đảm khoảng cách an toàn đến công trình dễ cháy, nổ, độc hại và công trình quan trọng có liên quan đến quốc phòng, an ninh; c) Thiết kế xây dựng nhà ở riêng lẻ được thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 79 của Luật Xây dựng năm 2014: Cụ thể: - Thiết kế xây dựng nhà ở riêng lẻ phải tuân thủ tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật, quy định của pháp luật về sử dụng, công nghệ áp dụng (nếu có); bảo đảm an toàn chịu lực, an toàn trong sử dụng, mỹ quan, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống cháy, nổ và điều kiện an toàn khác. - Hộ gia đình được tự thiết kế nhà ở riêng lẻ có tổng diện tích sàn nhỏ hơn 250m ² hoặc dưới 3 tầng hoặc có chiều cao dưới 12m, phù hợp với quy hoạch xây dựng được duyệt và chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất

	<p>lượng thiết kế, tác động của công trình xây dựng đến môi trường và an toàn của các công trình lân cận.</p> <p>2. Đối với nhà ở riêng lẻ tại đô thị phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 nêu trên và phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng; đối với nhà ở riêng lẻ thuộc khu vực, tuyến phố trong đô thị đã ổn định nhưng chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng thì phải phù hợp với quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị hoặc thiết kế đô thị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.</p> <p>3. Đối với nhà ở riêng lẻ tại nông thôn khi xây dựng phải phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn.</p>
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014. - Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 53/2017NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ. - Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ. - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP, ngày 14/02/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng. - Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh Kon Tum. - Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 11/01/2016 của UBND tỉnh Kon Tum.

PHỤ LỤC SỐ 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016
của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

(Sử dụng cho công trình: Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Quảng cáo/Nhà ở riêng lẻ/Sửa chữa, cải tạo/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án/Dì dờ công trình)

Kính gửi:

1. Thông tin về chủ đầu tư:

- Tên chủ đầu tư (tên chủ hộ):
- Người đại diện: Chức vụ (nếu có):
- Địa chỉ liên hệ:
- Số nhà: Đường/phố Phường/xã
- Quận/huyện Tỉnh/thành phố:
- Số điện thoại:

2. Thông tin công trình:

- Địa điểm xây dựng:
- Lô đất số: Diện tích m².
- Tại số nhà: Đường/phố
- Phường/xã Quận/huyện
- Tỉnh, thành phố:

3. Nội dung đề nghị cấp phép:

3.1. Đối với công trình không theo tuyến:

- Loại công trình: Cấp công trình:
- Diện tích xây dựng: m².
- Cốt xây dựng: m
- Tổng diện tích sàn:m²(ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).
- Chiều cao công trình:m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).
- Số tầng: (ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)

3.2. Đối với công trình theo tuyến trong đô thị:

- Loại công trình: Cấp công trình:
- Tổng chiều dài công trình: m (ghi rõ chiều dài qua từng khu vực đặc thù, qua từng địa giới hành chính xã, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố).
- Cốt của công trình:m (ghi rõ cốt qua từng khu vực)
- Chiều cao tính không của tuyến: m (ghi rõ chiều cao qua các khu vực).
- Độ sâu công trình:m (ghi rõ độ sâu qua từng khu vực)

3.3. Đối với công trình tượng đài, tranh hoành tráng:

- Loại công trình: Cấp công trình:
- Diện tích xây dựng:m².

- Cốt xây dựng:m

- Chiều cao công trình:m

3.4. Đối với công trình quảng cáo:

- Loại công trình: Cấp công trình:

- Diện tích xây dựng:m².

- Cốt xây dựng:m

- Chiều cao công trình:m

- Nội dung quảng cáo:

3.5. Đối với công trình nhà ở riêng lẻ:

- Cấp công trình:

- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt):m².

- Tổng diện tích sàn:m² (trong đó ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).

- Chiều cao công trình:m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).

- Số tầng: (trong đó ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)

3.6. Đối với trường hợp cải tạo, sửa chữa:

- Loại công trình: Cấp công trình:

- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt):m².

- Tổng diện tích sàn:m² (ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).

- Chiều cao công trình:m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).

- Số tầng: (ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)

3.7. Đối với trường hợp cấp theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến:

- Giai đoạn 1:

+ Loại công trình: Cấp công trình:

+ Diện tích xây dựng:m².

+ Cốt xây dựng:m

+ Chiều sâu công trình:m (tính từ cốt xây dựng)

- Giai đoạn 2:

+ Tổng diện tích sàn:m² (ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).

+ Chiều cao công trình:m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).

+ Số tầng: (ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)

3.8. Đối với trường hợp cấp theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị:

- Loại công trình: Cấp công trình:

- Tổng chiều dài công trình theo giai đoạn:m (ghi rõ chiều dài qua từng khu vực đặc thù, qua từng địa giới hành chính xã, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố).

- Cốt của công trình:m (qua các khu vực theo từng giai đoạn)

- Chiều cao tính không của tuyến:m (ghi rõ chiều cao qua các khu vực theo từng giai đoạn).

- Độ sâu công trình:m (ghi rõ độ sâu qua các khu vực theo từng giai đoạn)

3.9. Đối với trường hợp cấp cho Dự án:

- Tên dự án:

+ Đã được:phê duyệt, theo Quyết định số: ngày

- Gồm: (n) công trình

Trong đó:

+ Công trình số (1-n): (tên công trình)

* Loại công trình: Cấp công trình:

* Các thông tin chủ yếu của công trình:

3.10. Đối với trường hợp di dời công trình:

- Công trình cần di dời:

- Loại công trình: Cấp công trình:

- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt):m².

- Tổng diện tích sàn:m².

- Chiều cao công trình:m².

- Địa Điểm công trình di dời đến:

- Lô đất số: Diện tíchm².

- Tại: Đường:

- Phường (xã) Quận (huyện)

- Tỉnh, thành phố:

- Số tầng:

4. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế:

- Tên đơn vị thiết kế:

- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (nếu có): Số Cấp ngày

- Tên chủ nhiệm thiết kế:

- Chứng chỉ hành nghề cá nhân số:do Cấp ngày:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Giấy phép hành nghề số (nếu có): cấp ngày

5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình:..... tháng.

6. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

1 -

2 -

..... ngàytháng năm

Người làm đơn/Đại diện chủ đầu tư

Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)

PHỤ LỤC SỐ 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016
của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI KINH NGHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THIẾT KẾ

1. Tổ chức thiết kế:
- 1.1. Tên:
- 1.2. Địa chỉ:
- 1.3. Số điện thoại:
- 1.4. Nội dung đăng ký kinh doanh:
2. Kinh nghiệm thiết kế:
- 2.1. Kê khai ít nhất 03 công trình đã thiết kế tương tự như công trình đề nghị cấp phép:
 - a)
 - b)
- 2.2. Tổ chức trực tiếp thiết kế:
 - a) Số lượng:
 - Trong đó:
 - Kiến trúc sư:
 - Kỹ sư các loại:
 - b) Chủ nhiệm thiết kế:
 - Họ và tên:
 - Số chứng chỉ (kèm photocopy chứng chỉ):
 - Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ):
 - c) Chủ trì thiết kế các bộ môn (kê khai đối với tất cả các bộ môn):
 - Họ và tên:
 - Số chứng chỉ (kèm photocopy chứng chỉ):
 - Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ):

....., Ngày tháng.... năm

Đại diện tổ chức, cá nhân thiết kế

(Ký ghi rõ họ tên)

DANH MỤC

Các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng quy định tại Điều 3 Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017

TT	Loại giấy tờ
01	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp theo quy định của Luật đất đai năm 1987, Luật đất đai năm 1993, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai năm 2001, Luật đất đai năm 2003.
02	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được cấp theo quy định của Luật đất đai năm 2013, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12.
03	Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở được cấp theo quy định tại Nghị định số 60/CP ngày 05 tháng 7 năm 1994 của Chính phủ về quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại đô thị, Nghị định số 61/CP ngày 05 tháng 7 năm 1994 của Chính phủ về mua bán và kinh doanh nhà ở.
04	Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở; giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng đã được cấp theo quy định tại Pháp lệnh nhà ở năm 1991; Luật nhà ở năm 2005; Nghị định số 81/2001/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2001 của Chính phủ về việc người Việt Nam định cư ở nước ngoài mua nhà ở tại Việt Nam; Nghị định số 95/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu công trình xây dựng; Nghị định số 90/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật nhà ở; Nghị định số 51/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số 19/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008 của Quốc hội về việc thí điểm cho tổ chức, cá nhân nước ngoài mua và sở hữu nhà ở tại Việt Nam; Điều 31, Điều 32 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; các giấy chứng nhận khác về quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu công trình xây dựng đã được cấp theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về nhà ở, pháp luật về xây dựng qua các thời kỳ.
05	Các loại giấy tờ đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận gồm: Các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật đất đai năm 2013; Điều 18 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013 và quy định tại khoản 16 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai hoặc giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã và được cơ quan đăng ký đất đai xác nhận đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.
06	Giấy tờ về đất đai đối với trường hợp được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất từ sau ngày 01 tháng 7 năm 2004 nhưng không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai, gồm: Quyết định giao đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc Quyết định cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và hợp đồng thuê đất kèm theo (nếu có) hoặc giấy tờ về trúng đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất hoặc Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

07	Báo cáo rà soát, kê khai hiện trạng sử dụng đất đối với trường hợp tổ chức, cơ sở tôn giáo đang sử dụng mà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có đất kiểm tra và quyết định xử lý theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.
08	Giấy tờ về việc xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đối với trường hợp cấp giấy phép xây dựng để thực hiện xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo hoặc di dời các công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013.
09	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc văn bản chấp thuận về địa điểm xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với công trình xây dựng biển quảng cáo, trạm viễn thông, cột ăng-ten tại khu vực không thuộc nhóm đất có mục đích sử dụng để xây dựng và không được chuyển đổi mục đích sử dụng đất.
10	Hợp đồng thuê đất được giao kết giữa chủ đầu tư xây dựng công trình và người quản lý, sử dụng công trình giao thông hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về giao thông đối với công trình được phép xây dựng trong phạm vi đất dành cho giao thông theo quy định của pháp luật.
11	Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp người sử dụng đất đã có giấy tờ hợp pháp về đất đai theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này nhưng đề nghị được cấp giấy phép xây dựng sử dụng vào mục đích khác với mục đích sử dụng đất đã được ghi trên giấy tờ đó.
12	Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo đề nghị của cơ quan cấp giấy phép xây dựng để xác định diện tích các loại đất đối với trường hợp người sử dụng đất có một trong các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này nhưng trên các giấy tờ đó không ghi rõ diện tích các loại đất để làm cơ sở cấp giấy phép xây dựng.

2. Thủ tục: Cấp giấy phép xây dựng có thời hạn đối với công trình, nhà ở riêng lẻ.

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định và nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cấp huyện hoặc qua qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần</p> <p>Bước 2: Cán bộ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cấp huyện, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ cán bộ tiếp nhận và viết giấy hẹn.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung.</p> <p>Bước 3: Chuyển phòng chuyên môn phân công xử lý, hoàn thành và trả lại hồ sơ cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.</p> <p>Trường hợp không giải quyết thì có văn bản trả lời theo quy định.</p> <p>Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cấp huyện hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước hoặc qua dịch vụ Bưu chính.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm: Thành phần hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng có thời hạn như quy định đối với từng loại công trình, nhà ở riêng lẻ tương ứng (<i>TTHC số 1-Lĩnh vực hoạt động xây dựng-cấp huyện</i>), ngoài ra còn bao gồm những thành phần sau:</p> <p>- Tiêu đề của Đơn được sửa đổi là: <i>Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng có thời hạn.</i></p> <p>- Bản cam kết của chủ đầu tư về việc tự phá dỡ công trình, nhà ở riêng lẻ khi hết thời hạn tồn tại được ghi trong giấy phép xây dựng có thời hạn, nếu không tự phá dỡ thì bị cưỡng chế và chịu mọi chi phí cho việc cưỡng chế phá dỡ.</p> <p>- Trường hợp công trình theo giấy phép xây dựng có thời hạn hết thời gian tồn tại, nhưng Nhà nước vẫn chưa thực hiện quy hoạch xây dựng, nếu chủ đầu tư có nhu cầu sử dụng tiếp thì đề nghị với cơ quan cấp phép xem xét cho phép kéo dài thời hạn tồn tại</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết:	<p>- Đối với công trình là nhà ở riêng lẻ: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Đối với các công trình còn lại: 30 làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>
Đối tượng thực hiện:	Tổ chức, cá nhân.
Cơ quan thực hiện:	UBND cấp huyện
Kết quả:	Giấy phép xây dựng có thời hạn kèm theo hồ sơ thiết kế trình xin cấp giấy phép xây dựng có đóng dấu của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng tại nơi tiếp nhận hồ sơ.
Phí, Lệ phí:	<p>Lệ phí cấp Giấy phép xây dựng:</p> <p>- Đối với công trình: 100.000 đồng/giấy phép.</p> <p>- Đối với nhà ở riêng lẻ: 50.000 đồng/giấy phép.</p>
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<p>- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng (<i>Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016</i>)</p> <p>- Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thiết kế (<i>Phụ lục số 3 Thông tư số 15/2016/TT-BXD - áp dụng đối với Giấy phép di dời công trình; công trình xây dựng có thời hạn</i>).</p>
Yêu cầu, điều kiện:	1. Điều kiện chung:

	<p>a) Thuộc khu vực có quy hoạch phân khu xây dựng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, công bố nhưng chưa thực hiện và chưa có quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;</p> <p>b) Phù hợp với quy mô công trình do UBND cấp tỉnh quy định cho từng khu vực và thời hạn tồn tại của công trình theo kế hoạch thực hiện quy hoạch phân khu xây dựng đã được phê duyệt;</p> <p>c) Chủ đầu tư cam kết tự phá dỡ công trình khi hết thời hạn tồn tại được ghi trong giấy phép xây dựng có thời hạn, nếu không tự phá dỡ thì bị cưỡng chế và chịu mọi chi phí cho việc cưỡng chế phá dỡ.</p> <p>2. Phù hợp với mục đích sử dụng đất theo quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt.</p> <p>3. Bảo đảm an toàn cho công trình, công trình lân cận và yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ; bảo đảm an toàn hạ tầng kỹ thuật, hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hoá, di tích lịch sử - văn hóa; bảo đảm khoảng cách an toàn đến công trình dễ cháy, nổ, độc hại và công trình quan trọng có liên quan đến quốc phòng, an ninh.</p> <p>4. Thiết kế xây dựng công trình đã được thẩm định, phê duyệt theo quy định.</p>
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014. - Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ. - Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ. - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP, ngày 14/02/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng. - Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh Kon Tum. - Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 11/01/2016 của UBND tỉnh Kon Tum.

PHỤ LỤC SỐ 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016
của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

(Sử dụng cho công trình: Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Quảng cáo/Nhà ở riêng lẻ/Sửa chữa, cải tạo/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án/Dì dờ công trình)

Kính gửi:

1. Thông tin về chủ đầu tư:

- Tên chủ đầu tư (tên chủ hộ):
- Người đại diện: Chức vụ (nếu có):
- Địa chỉ liên hệ:
- Số nhà: Đường/phố Phường/xã
- Quận/huyện Tỉnh/thành phố:
- Số điện thoại:

2. Thông tin công trình:

- Địa điểm xây dựng:
- Lô đất số: Diện tích m².
- Tại số nhà: Đường/phố
- Phường/xã Quận/huyện
- Tỉnh, thành phố:

3. Nội dung đề nghị cấp phép:

3.1. Đối với công trình không theo tuyến:

- Loại công trình: Cấp công trình:
- Diện tích xây dựng: m².
- Cốt xây dựng: m
- Tổng diện tích sàn:m²(ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).
- Chiều cao công trình:m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).
- Số tầng: (ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)

3.2. Đối với công trình theo tuyến trong đô thị:

- Loại công trình: Cấp công trình:
- Tổng chiều dài công trình: m (ghi rõ chiều dài qua từng khu vực đặc thù, qua từng địa giới hành chính xã, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố).
- Cốt của công trình:m (ghi rõ cốt qua từng khu vực)
- Chiều cao tính không của tuyến: m (ghi rõ chiều cao qua các khu vực).
- Độ sâu công trình:m (ghi rõ độ sâu qua từng khu vực)

3.3. Đối với công trình tượng đài, tranh hoành tráng:

- Loại công trình: Cấp công trình:
- Diện tích xây dựng:m².

- Cốt xây dựng:m

- Chiều cao công trình:m

3.4. Đối với công trình quảng cáo:

- Loại công trình: Cấp công trình:

- Diện tích xây dựng:m².

- Cốt xây dựng:m

- Chiều cao công trình:m

- Nội dung quảng cáo:

3.5. Đối với công trình nhà ở riêng lẻ:

- Cấp công trình:

- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt):m².

- Tổng diện tích sàn:m² (trong đó ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).

- Chiều cao công trình:m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).

- Số tầng: (trong đó ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)

3.6. Đối với trường hợp cải tạo, sửa chữa:

- Loại công trình: Cấp công trình:

- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt):m².

- Tổng diện tích sàn:m² (ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).

- Chiều cao công trình:m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).

- Số tầng: (ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)

3.7. Đối với trường hợp cấp theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến:

- Giai đoạn 1:

+ Loại công trình: Cấp công trình:

+ Diện tích xây dựng:m².

+ Cốt xây dựng:m

+ Chiều sâu công trình:m (tính từ cốt xây dựng)

- Giai đoạn 2:

+ Tổng diện tích sàn:m² (ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).

+ Chiều cao công trình:m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).

+ Số tầng: (ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)

3.8. Đối với trường hợp cấp theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị:

- Loại công trình: Cấp công trình:

- Tổng chiều dài công trình theo giai đoạn:m (ghi rõ chiều dài qua từng khu vực đặc thù, qua từng địa giới hành chính xã, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố).

- Cốt của công trình:m (qua các khu vực theo từng giai đoạn)

- Chiều cao tính không của tuyến:m (ghi rõ chiều cao qua các khu vực theo từng giai đoạn).

- Độ sâu công trình:m (ghi rõ độ sâu qua các khu vực theo từng giai đoạn)

3.9. Đối với trường hợp cấp cho Dự án:

- Tên dự án:

+ Đã được:phê duyệt, theo Quyết định số: ngày

- Gồm: (n) công trình

Trong đó:

+ Công trình số (1-n): (tên công trình)

* Loại công trình: Cấp công trình:

* Các thông tin chủ yếu của công trình:

3.10. Đối với trường hợp di dời công trình:

- Công trình cần di dời:

- Loại công trình: Cấp công trình:

- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt):m².

- Tổng diện tích sàn:m².

- Chiều cao công trình:m².

- Địa Điểm công trình di dời đến:

- Lô đất số: Diện tíchm².

- Tại: Đường:

- Phường (xã) Quận (huyện)

- Tỉnh, thành phố:

- Số tầng:

4. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế:

- Tên đơn vị thiết kế:

- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (nếu có): Số Cấp ngày

- Tên chủ nhiệm thiết kế:

- Chứng chỉ hành nghề cá nhân số:do Cấp ngày:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Giấy phép hành nghề số (nếu có): cấp ngày

5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình:..... tháng.

6. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

1 -

2 -

..... ngàytháng năm

Người làm đơn/Đại diện chủ đầu tư

Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)

PHỤ LỤC SỐ 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016
của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI KINH NGHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THIẾT KẾ

1. Tổ chức thiết kế:
- 1.1. Tên:
- 1.2. Địa chỉ:
- 1.3. Số điện thoại:
- 1.4. Nội dung đăng ký kinh doanh:
2. Kinh nghiệm thiết kế:
- 2.1. Kê khai ít nhất 03 công trình đã thiết kế tương tự như công trình đề nghị cấp phép:
 - a)
 - b)
- 2.2. Tổ chức trực tiếp thiết kế:
 - a) Số lượng:Trong đó:
 - Kiến trúc sư:
 - Kỹ sư các loại:
- b) Chủ nhiệm thiết kế:
 - Họ và tên:
 - Số chứng chỉ (kèm photocopy chứng chỉ):
 - Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ):
- c) Chủ trì thiết kế các bộ môn (kê khai đối với tất cả các bộ môn):
 - Họ và tên:
 - Số chứng chỉ (kèm photocopy chứng chỉ):
 - Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ):

....., Ngày tháng.... năm

Đại diện tổ chức, cá nhân thiết kế

(Ký ghi rõ họ tên)

DANH MỤC

Các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng quy định tại Điều 3 Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017

TT	Loại giấy tờ
01	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp theo quy định của Luật đất đai năm 1987, Luật đất đai năm 1993, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai năm 2001, Luật đất đai năm 2003.
02	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được cấp theo quy định của Luật đất đai năm 2013, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12.
03	Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở được cấp theo quy định tại Nghị định số 60/CP ngày 05 tháng 7 năm 1994 của Chính phủ về quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại đô thị, Nghị định số 61/CP ngày 05 tháng 7 năm 1994 của Chính phủ về mua bán và kinh doanh nhà ở.
04	Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở; giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng đã được cấp theo quy định tại Pháp lệnh nhà ở năm 1991; Luật nhà ở năm 2005; Nghị định số 81/2001/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2001 của Chính phủ về việc người Việt Nam định cư ở nước ngoài mua nhà ở tại Việt Nam; Nghị định số 95/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu công trình xây dựng; Nghị định số 90/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật nhà ở; Nghị định số 51/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số 19/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008 của Quốc hội về việc thí điểm cho tổ chức, cá nhân nước ngoài mua và sở hữu nhà ở tại Việt Nam; Điều 31, Điều 32 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; các giấy chứng nhận khác về quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu công trình xây dựng đã được cấp theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về nhà ở, pháp luật về xây dựng qua các thời kỳ.
05	Các loại giấy tờ đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận gồm: Các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật đất đai năm 2013; Điều 18 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013 và quy định tại khoản 16 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai hoặc giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã và được cơ quan đăng ký đất đai xác nhận đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.
06	Giấy tờ về đất đai đối với trường hợp được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất từ sau ngày 01 tháng 7 năm 2004 nhưng không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai, gồm: Quyết định giao đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc Quyết định cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và hợp đồng thuê đất kèm theo (nếu có) hoặc giấy tờ về trúng đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất hoặc Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

07	Báo cáo rà soát, kê khai hiện trạng sử dụng đất đối với trường hợp tổ chức, cơ sở tôn giáo đang sử dụng mà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có đất kiểm tra và quyết định xử lý theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.
08	Giấy tờ về việc xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đối với trường hợp cấp giấy phép xây dựng để thực hiện xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo hoặc di dời các công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013.
09	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc văn bản chấp thuận về địa điểm xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với công trình xây dựng biển quảng cáo, trạm viễn thông, cột ăng-ten tại khu vực không thuộc nhóm đất có mục đích sử dụng để xây dựng và không được chuyển đổi mục đích sử dụng đất.
10	Hợp đồng thuê đất được giao kết giữa chủ đầu tư xây dựng công trình và người quản lý, sử dụng công trình giao thông hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về giao thông đối với công trình được phép xây dựng trong phạm vi đất dành cho giao thông theo quy định của pháp luật.
11	Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp người sử dụng đất đã có giấy tờ hợp pháp về đất đai theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này nhưng đề nghị được cấp giấy phép xây dựng sử dụng vào mục đích khác với mục đích sử dụng đất đã được ghi trên giấy tờ đó.
12	Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo đề nghị của cơ quan cấp giấy phép xây dựng để xác định diện tích các loại đất đối với trường hợp người sử dụng đất có một trong các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này nhưng trên các giấy tờ đó không ghi rõ diện tích các loại đất để làm cơ sở cấp giấy phép xây dựng.

3. Thủ tục: Điều chỉnh, gia hạn, cấp lại Giấy phép xây dựng đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định và nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cấp huyện hoặc qua qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần</p> <p>Bước 2: Cán bộ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cấp huyện, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ cán bộ tiếp nhận và viết giấy hẹn.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung.</p> <p>Bước 3: Chuyên phòng chuyên môn phân công xử lý, hoàn thành và trả lại hồ sơ cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.</p> <p>Trường hợp không giải quyết thì có văn bản trả lời theo quy định.</p> <p>Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cấp huyện hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần</p>
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước hoặc qua dịch vụ Bưu chính.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ:</p> <p>(1) Trường hợp điều chỉnh giấy phép xây dựng:</p> <p>- Đối với công trình:</p> <p>+ Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng (theo mẫu).</p> <p>+ Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp;</p> <p>+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ thiết kế mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt bộ phận, hạng mục công trình đề nghị điều chỉnh tỷ lệ 1/50 - 1/200;</p> <p>+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản phê duyệt điều chỉnh thiết kế của người có thẩm quyền theo quy định kèm theo Bản kê khai điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân thiết kế (theo mẫu) đối với trường hợp thiết kế không do cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định hoặc Báo cáo kết quả thẩm định thiết kế điều chỉnh của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.</p> <p>- Đối với nhà ở riêng lẻ:</p> <p>+ Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng (theo mẫu);</p> <p>+ Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp;</p> <p>+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ thiết kế mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt bộ phận, hạng mục công trình đề nghị điều chỉnh tỷ lệ 1/50 - 1/200. Đối với trường hợp yêu cầu phải được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thì phải nộp kèm theo báo cáo kết quả thẩm định thiết kế;</p> <p>+ Trường hợp thiết kế xây dựng của công trình đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định, các bản vẽ thiết kế quy định tại Điểm này là bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp các bản vẽ thiết kế xây dựng đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định.</p> <p>(2) Trường hợp gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng:</p> <p>- Đơn đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng (theo mẫu).</p> <p>- Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp.</p> <p>(3) Trường hợp cấp lại giấy phép xây dựng, thành phần hồ sơ gồm:</p> <p>- Đơn đề nghị cấp lại giấy phép xây dựng, trong đó giải trình rõ lý do đề nghị cấp lại (theo mẫu).</p>

	- Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp (đối với trường hợp bị rách, nát). b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết:	- Đối với điều chỉnh giấy phép xây dựng: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (riêng giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ). - Đối với gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng: 05 làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện:	Tổ chức, cá nhân.
Cơ quan thực hiện:	UBND cấp huyện
Kết quả:	Giấy phép xây dựng được điều chỉnh/gia hạn/cấp lại.
Phí, Lệ phí:	Lệ phí cấp Giấy phép xây dựng: - Điều chỉnh Giấy phép xây dựng: Không thu lệ phí. - Gia hạn giấy phép xây dựng: 10.000 đồng/giấy phép. - Cấp lại giấy phép xây dựng: 50.000 đồng/ giấy phép (đối với nhà ở riêng lẻ); 100.000 đồng (đối với các công trình còn lại).
Tên mẫu đơn, tờ khai:	- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng (<i>Phụ lục số 2 Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016</i>)
Yêu cầu, điều kiện:	Không.
Căn cứ pháp lý:	- <i>Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014.</i> - <i>Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.</i> - <i>Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh Kon Tum.</i> - <i>Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 11/01/2016 của UBND tỉnh Kon Tum.</i>

PHỤ LỤC SỐ 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016
của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN/CẤP LẠI GIẤY PHÉP XÂY DỰNG (Sử dụng cho: Công trình/Nhà ở riêng lẻ)

Kính gửi:

1. Tên chủ đầu tư (Chủ hộ):
 - Người đại diện: Chức vụ:
 - Địa chỉ liên hệ:
 - Số nhà: Đường (phố) Phường (xã)
 - Quận (huyện) Tỉnh, thành phố:
 - Số điện thoại:
 2. Địa điểm xây dựng:
 - Lô đất số: Diện tíchm².
 - Tại: Đường:
 - Phường (xã) Quận (huyện)
 - Tỉnh, thành phố:
 3. Giấy phép xây dựng đã được cấp: (số, ngày, cơ quan cấp)
 - Nội dung Giấy phép:
-
 4. Nội dung đề nghị điều chỉnh so với Giấy phép đã được cấp (hoặc lý do đề nghị gia hạn/cấp lại):
-
 5. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế:
 - Tên đơn vị thiết kế:
 - Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (nếu có): Số Cấp ngày
 - Tên chủ nhiệm thiết kế:
 - Chứng chỉ hành nghề cá nhân số:do Cấp ngày:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:
 - Giấy phép hành nghề số (nếu có): cấp ngày
 6. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình theo thiết kế điều chỉnh/gia hạn: tháng.
 7. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép điều chỉnh được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.
- Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:
- 1 -
 - 2 -

..... ngày.....tháng năm

Người làm đơn/Đại diện chủ đầu tư
Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)

PHỤ LỤC SỐ 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016
của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI KINH NGHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THIẾT KẾ

1. Tổ chức thiết kế:
- 1.1. Tên:
- 1.2. Địa chỉ:
- 1.3. Số điện thoại:
- 1.4. Nội dung đăng ký kinh doanh:
2. Kinh nghiệm thiết kế:
- 2.1. Kê khai ít nhất 03 công trình đã thiết kế tương tự như công trình đề nghị cấp phép:
 - a)
 - b)
- 2.2. Tổ chức trực tiếp thiết kế:
 - a) Số lượng:Trong đó:
 - Kiến trúc sư:
 - Kỹ sư các loại:
- b) Chủ nhiệm thiết kế:
 - Họ và tên:
 - Số chứng chỉ (kèm photocopy chứng chỉ):
 - Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ):
- c) Chủ trì thiết kế các bộ môn (kê khai đối với tất cả các bộ môn):
 - Họ và tên:
 - Số chứng chỉ (kèm photocopy chứng chỉ):
 - Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ):

....., Ngày tháng.... năm

Đại diện tổ chức, cá nhân thiết kế

(Ký ghi rõ họ tên)

4. Thủ tục: Thẩm định Báo cáo kinh tế-kỹ thuật/Báo cáo kinh tế kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh của Báo cáo kinh tế-kỹ thuật

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1: Chủ đầu tư chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định và nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cấp huyện hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần</p> <p>Bước 2: Cán bộ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cấp huyện, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ cán bộ tiếp nhận và viết giấy hẹn.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung.</p> <p>Bước 3: Chuyển phòng chuyên môn phân công xử lý, hoàn thành và trả lại hồ sơ cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.</p> <p>Trường hợp không giải quyết thì có văn bản trả lời theo quy định.</p> <p>Bước 4: Chủ đầu tư nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cấp huyện hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước hoặc qua dịch vụ Bưu chính.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ</p> <p>- Tờ trình thẩm định (<i>theo mẫu</i>).</p> <p>- Hồ sơ trình thẩm định theo danh mục tại Mẫu số 04 Phụ lục II của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP.</p> <p>- Nhiệm vụ thiết kế đã được phê duyệt.</p> <p>- Thuyết minh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.</p> <p>- Báo cáo kết quả thẩm tra (nếu có).</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết:	Không quá 20 làm việc tính từ ngày cơ quan thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện:	Chủ đầu tư
Cơ quan thực hiện:	UBND cấp huyện
Kết quả:	Văn bản thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.
Phí, Lệ phí:	Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính (<i>có Biểu mức thu phí ban hành kèm theo</i>).
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Tờ trình thẩm định (<i>mẫu số 04, phụ lục II Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Không.
Căn cứ pháp lý:	<p>- Luật Xây dựng năm 2014.</p> <p>- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng.</p> <p>- Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính</p> <p>- Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.</p>

Mẫu số 04

(Ban hành kèm theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ)

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng

Kính gửi: (Cơ quan thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.

(Tên chủ đầu tư) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế (thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công) và dự toán xây dựng công trình

I. THÔNG TIN CHUNG CÔNG TRÌNH

1. Tên công trình:
2. Loại, cấp, quy mô công trình:
3. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ,...):
4. Địa điểm xây dựng:
5. Giá trị dự toán xây dựng công trình:
6. Nguồn vốn đầu tư:
7. Nhà thầu lập thiết kế và dự toán xây dựng:
8. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
9. Các thông tin khác có liên quan:

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BAO GỒM

1. Văn bản pháp lý:

- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công);
- Văn bản phê duyệt danh mục tiêu chuẩn nước ngoài (nếu có);
- Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);
- Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư;
- Và các văn bản khác có liên quan.

2. Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế, dự toán:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng;
- Hồ sơ thiết kế thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh và bản vẽ;

- Dự toán xây dựng công trình đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình;

- Giấy phép nhà thầu nước ngoài (nếu có);

- Chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế (bản sao có chứng thực);

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình.... với các nội dung nêu trên./.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

Tên người đại diện

BIỂU MỨC THU PHÍ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính)

1. Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng

Tổng mức đầu tư dự án (tỷ đồng)	≤ 15	25	50	100	200	500	1.000	2.000	5.000	≥10.000
Tỷ lệ %	0,0190	0,0170	0,0150	0,0125	0,0100	0,0075	0,0047	0,0025	0,0020	0,0010

2. Phí thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh của Báo cáo kinh tế-kỹ thuật: Mức phí thẩm định thiết kế bằng 50% mức phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng tại điểm 1 Biểu mức thu.

5. Thủ tục: Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh (quy định tại Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP)

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1: Chủ đầu tư chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định và nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần <p>Bước 2: Cán bộ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cấp huyện, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ cán bộ tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3: Chuyên phòng chuyên môn phân công xử lý, hoàn thành và trả lại hồ sơ cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.</p> <p>Trường hợp không giải quyết thì có văn bản trả lời theo quy định.</p> <p>Bước 4: Chủ đầu tư nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cấp huyện hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước hoặc qua dịch vụ Bưu chính.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình đề nghị thẩm định thiết kế cơ sở (<i>theo mẫu</i>). - Báo cáo nghiên cứu đầu tư xây dựng trong trường hợp thẩm định dự án/dự án điều chỉnh; hồ sơ thiết kế cơ sở (thuyết minh và bản vẽ) trong trường hợp thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh. - Hồ sơ trình thẩm định theo danh mục tại mẫu số 01 Phụ lục II Nghị định số 59/2015/NĐ-CP. - Các tài liệu, văn bản pháp lý liên quan. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).</p>
Thời hạn giải quyết:	<p>Thời gian thẩm định được tính từ ngày cơ quan, tổ chức thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ, như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Đối với thẩm định dự án/dự án điều chỉnh:</i> <ul style="list-style-type: none"> + Không quá 30 ngày đối với dự án nhóm B; + Không quá 20 ngày đối với dự án nhóm C. - <i>Đối với thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh:</i> <ul style="list-style-type: none"> + Không quá 20 ngày đối với dự án nhóm B; + Không quá 15 ngày đối với dự án nhóm C.
Đối tượng thực hiện:	Chủ đầu tư.
Cơ quan thực hiện:	UBND cấp huyện.
Kết quả:	Văn bản thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở.
Lệ phí, phí:	Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính (<i>có Biểu mức thu phí kèm theo</i>).
Tên mẫu đơn, tờ khai:	- Tờ trình thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh (<i>mẫu số 01, phụ lục II Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Không.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014. - Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ. - Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng. - Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính - Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.

Mẫu số 01

Tờ trình thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh ban hành kèm theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

Thẩm định dự án đầu tư xây dựng hoặc thiết kế cơ sở

Kính gửi: (Cơ quan chủ trì thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.....

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định) thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN (CÔNG TRÌNH)

1. Tên dự án:
2. Nhóm dự án:
3. Loại và cấp công trình:
4. Người quyết định đầu tư:
5. Tên chủ đầu tư (nếu có) và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):
6. Địa điểm xây dựng:
7. Giá trị tổng mức đầu tư:
8. Nguồn vốn đầu tư:
9. Thời gian thực hiện:
10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
11. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi:
12. Các thông tin khác (nếu có):

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BÁO CÁO

1. Văn bản pháp lý:

- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công) hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với dự án sử dụng vốn khác);

- Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển hoặc tuyển chọn theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có);

- Quyết định lựa chọn nhà thầu lập dự án;

- Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 (quy hoạch 1/2000 đối với khu công nghiệp quy mô trên 20 ha) được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc giấy phép quy hoạch của dự án;

- Văn bản thẩm duyệt hoặc ý kiến về giải pháp phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);

- Văn bản thỏa thuận độ cao tĩnh không (nếu có);

- Các văn bản thông tin, số liệu về hạ tầng kỹ thuật đô thị;

- Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có).

2. Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư (dự toán):

- Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án;

- Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi (bao gồm tổng mức đầu tư hoặc dự toán);

- Thiết kế cơ sở bao gồm bản vẽ và thuyết minh.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập dự án, thiết kế cơ sở;

- Chứng chỉ hành nghề và thông tin năng lực của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế.

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định) thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Tên người đại diện

**BIỂU MỨC THU PHÍ THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, PHÍ THẨM
ĐỊNH THIẾT KẾ CƠ SỞ**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính)

1. Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng

Tổng mức đầu tư dự án (tỷ đồng)	≤ 15	25	50	100	200	500	1.000	2.000	5.000	≥10.000
Tỷ lệ %	0,0190	0,0170	0,0150	0,0125	0,0100	0,0075	0,0047	0,0025	0,0020	0,0010

2. Phí thẩm định thiết kế cơ sở (đối với các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách, dự án PPP và dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn khác): Mức phí thẩm định thiết kế cơ sở bằng 50% mức phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng tại điểm 1 Biểu mức thu.

II. Lĩnh vực quy hoạch xây dựng kiến trúc

1. Thủ tục: *Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện*

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1: Chủ đầu tư chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định và nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cấp huyện hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần</p> <p>Bước 2: Cán bộ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cấp huyện, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ cán bộ tiếp nhận và viết giấy hẹn.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung.</p> <p>Bước 3: Chuyển phòng chuyên môn phân công xử lý, kiểm tra hồ sơ, lấy ý kiến các cơ quan liên quan và tổ chức thẩm định. Hoàn thành và trả kết quả, hồ sơ cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.</p> <p>Trường hợp không giải quyết thì có văn bản trả lời theo quy định.</p> <p>Bước 4: Chủ đầu tư nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cấp huyện hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước hoặc qua dịch vụ bưu chính.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình về việc đề nghị thẩm định (<i>bản chính</i>). - Thuyết minh nội dung nhiệm vụ bao gồm các bản vẽ in màu thu nhỏ (<i>bản chính</i>). - Dự thảo Quyết định phê duyệt nhiệm vụ. - Các văn bản pháp lý có liên quan. - Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung nhiệm vụ quy hoạch (<i>bản chính</i>). - Hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng (<i>bản chính</i>). <p>b) Số lượng hồ sơ: 03 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết:	Không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện:	Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	UBND cấp huyện.
Kết quả:	Báo cáo thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch.
Phí, Lệ phí:	Chi phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch được xác định bằng 20% so với chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch (<i>Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch tính theo định mức tỷ lệ % so với chi phí lập đồ án quy hoạch tương ứng - Bảng số 11 Phụ lục 1 Thông tư số 05/2017/TT-BXD ngày 05/4/2017 của Bộ Xây dựng-đính kèm</i>).
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Không.
Yêu cầu, điều kiện:	Không.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014. - Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018. - Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 05/2017/TT-BXD ngày 05/4/2017 của Bộ Xây dựng. - Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng.

Bảng số 11 – Phụ lục số 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BXD ngày 05/4/2017 của Bộ Xây dựng).

Định mức chi phí cho một số công việc xác định theo tỷ lệ phần trăm của chi phí lập đồ án quy hoạch :

TT	Chi phí lập đồ án (triệu đồng)	≤200	500	700	1.000	2.000	5.000	7.000	≥10.000
1	Lập nhiệm vụ (tỷ lệ%)	14,1	10,6	8,8	7,9	6,0	4,1	3,4	3,0
2	Thẩm định đồ án (tỷ lệ%)	12,3	9,7	8,4	7,5	5,5	3,9	3,2	2,8
3	Quản lý nghiệp vụ lập đồ án quy hoạch (tỷ lệ%)	10,6	8,8	7,9	7,1	5,1	3,7	3,0	2,6

Ghi chú: Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch theo định mức chi phí quy định tại Bảng số 11 chưa bao gồm chi phí cho công việc khảo sát thực địa phục vụ việc thẩm định đồ án quy hoạch (nếu có). Trường hợp phải đi khảo sát thực địa phục vụ công tác thẩm định đồ án quy hoạch thì cơ quan quản lý nghiệp vụ lập quy hoạch lập dự toán để bổ sung chi phí thẩm định đồ án quy hoạch.

2. Thủ tục: Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1: Chủ đầu tư chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định và nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cấp huyện hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần</p> <p>Bước 2: Cán bộ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cấp huyện, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ cán bộ tiếp nhận và viết giấy hẹn.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung.</p> <p>Bước 3: Chuyển phòng chuyên môn phân công xử lý, kiểm tra hồ sơ, lấy ý kiến các cơ quan liên quan và tổ chức thẩm định. Hoàn thành và trả kết quả, hồ sơ cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.</p> <p>Trường hợp không giải quyết thì có văn bản trả lời theo quy định.</p> <p>Bước 4: Chủ đầu tư nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cấp huyện hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước hoặc qua dịch vụ bưu chính.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình đề nghị thẩm định (<i>bản chính</i>). - Thuyết minh nội dung đồ án bao gồm các bản vẽ in màu thu nhỏ (<i>bản chính</i>). - Dự thảo quy định quản lý theo đồ án quy hoạch. - Dự thảo quyết định phê duyệt đồ án. - Các phụ lục tính toán kèm theo; - Các bản vẽ in màu đúng tỷ lệ theo quy định. - Các văn bản pháp lý có liên quan. - Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung đồ án quy hoạch (<i>bản chính</i>). - Hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng (<i>bản chính</i>); đĩa CD sao lưu toàn bộ nội dung hồ sơ đồ án. <p>b) Số lượng hồ sơ: 03 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết:	Không quá 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện:	Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	UBND cấp huyện.
Kết quả:	Báo cáo thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết.
Phí, Lệ phí:	Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch tính theo định mức tỷ lệ % so với chi phí lập đồ án quy hoạch tương ứng tại Bảng số 11- Phụ lục số 1 Thông tư số 05/2017/TT-BXD ngày 05/4/2017 của Bộ Xây dựng - đính kèm.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Không.
Yêu cầu, điều kiện:	Không.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014. - Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018. - Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 05/2017/TT-BXD ngày 05/4/2017 của Bộ Xây dựng. - Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng.

Bảng số 11 – Phụ lục số 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BXD ngày 05/4/2017 của Bộ Xây dựng).

Định mức chi phí cho một số công việc xác định theo tỷ lệ phần trăm của chi phí lập đồ án quy hoạch :

TT	Chi phí lập đồ án (triệu đồng)	≤200	500	700	1.000	2.000	5.000	7.000	≥10.000
1	Lập nhiệm vụ (tỷ lệ%)	14,1	10,6	8,8	7,9	6,0	4,1	3,4	3,0
2	Thẩm định đồ án (tỷ lệ%)	12,3	9,7	8,4	7,5	5,5	3,9	3,2	2,8
3	Quản lý nghiệp vụ lập đồ án quy hoạch (tỷ lệ%)	10,6	8,8	7,9	7,1	5,1	3,7	3,0	2,6

Ghi chú: Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch theo định mức chi phí quy định tại Bảng số 11 chưa bao gồm chi phí cho công việc khảo sát thực địa phục vụ việc thẩm định đồ án quy hoạch (nếu có). Trường hợp phải đi khảo sát thực địa phục vụ công tác thẩm định đồ án quy hoạch thì cơ quan quản lý nghiệp vụ lập quy hoạch lập dự toán để bổ sung chi phí thẩm định đồ án quy hoạch.